

**Viện Toán học**  
**35 năm**

Institute of Mathematics  
35 years overview

Hà Nội 2005

## Mục lục

Lời nói đầu .....	5
Giới thiệu chung .....	7
Một số hình ảnh hoạt động .....	11
Danh sách công trình (List of publications) .....	31

Phan Thành An	33	Hà Huy Khoái	80
Trần Thị Lan Anh	33	Vũ Thế Khôi	82
Phạm Trà Ân	33	Nguyễn Hương Lâm	82
Hà Huy Bảng	34	Trần Gia Lịch	83
Trần Quốc Bình	38	Lê Kim Luật	85
Nguyễn Văn Châu	38	Đình Thế Lục	86
Lê Văn Chóng	39	Lê Trọng Lục	90
Nguyễn Ngọc Chu	39	Ngô Văn Lược	91
Nguyễn Minh Chương	39	Đình Quang Lưu	93
Phan Văn Chương	43	Đỗ Văn Lưu	97
Lê Ngọc Chuyên	44	Nguyễn Sĩ Minh	99
Nguyễn Đình Công	45	Lê Dũng Mưu	100
Bùi Công Cường	47	Nguyễn Quỳnh Nga	102
Đoàn Trung Cường	50	Hà Tiến Ngoan	103
Nguyễn Tự Cường	50	Nguyễn Văn Ngọc	104
Nguyễn Tiến Đại	52	Dương Trọng Nhân	104
Bùi Khởi Đàm	52	Nguyễn Tố Như	105
Lê Hữu Diện	53	Nguyễn Ngọc Phan	107
Nguyễn Hữu Điển	53	Vũ Ngọc Phát	107
Phạm Huy Điển	54	Vũ Quốc Phóng	111
Đỗ Ngọc Diệp	56	Hoàng Xuân Phú	112
Hoàng Đình Dung	58	Hồ Đăng Phúc	116
Nguyễn Việt Dũng (Đại số)	60	Nguyễn Thị Hoài Phương	116
Nguyễn Việt Dũng (Tôpô)	62	Tạ Duy Phương	116
Phạm Cảnh Dương	63	Phạm Hồng Quang	117
Nguyễn Văn Gia	63	Tạ Hồng Quảng	118
Đặng Vũ Giang	63	Phạm Hữu Sách	119
Trương Xuân Đức Hà	65	Nguyễn Khoa Sơn	122
Phùng Hồ Hải	66	Hà Huy Tài	125
Đình Nho Hào	67	Bùi Thế Tâm	125
Phạm Minh Hiền	71	Đỗ Hồng Tân	126
Lê Tuấn Hoa	71	Ngô Đắc Tân	129
Lê Hội	73	Nguyễn Duy Tân	130
Đình Văn Huỳnh	74	Nguyễn Xuân Tấn	131
Phan Huy Khải	78	Phan Thiên Thạch	133
Đỗ Bá Khang	79	Nguyễn Quốc Thắng	135

Lê Công Thành	137	Nguyễn Đức Tuấn	156
Lê Văn Thành	137	Trần Mạnh Tuấn	156
Trần Hùng Thao	138	Vũ Kim Tuấn	157
Lê Văn Thiêm	139	Hoàng Tụy	161
Trần Vũ Thiệu	140	Đào Quang Tuyền	170
Nguyễn Văn Thoại	143	Đỗ Long Vân	171
Nguyễn Văn Thu	144	Trần Đức Vân	173
Nguyễn Minh Trí	146	Nguyễn Huy Việt	178
Nguyễn Hữu Trọng	148	Nguyễn Khắc Việt	179
Ngô Việt Trung	148	Hà Huy Vui	180
Hoàng Dương Tuấn	153	Nguyễn Đông Yên	182

## LỜI NÓI ĐẦU

Đã 35 năm trôi qua kể từ ngày Viện Toán học được thành lập. Trong 35 năm qua, từ một tập thể nhỏ với hơn 20 cán bộ, Viện toán học đã có những bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những viện nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam. Cách đây 5 năm, trong dịp kỷ niệm 30 năm thành lập, chúng tôi đã biên soạn cuốn sách “*Viện Toán học 30 năm*”, với những bài viết về lịch sử phát triển của Viện, các thành tựu của Viện trong khoảng thời gian từ 1970 đến 2000. Vì thế, trong cuốn sách này chỉ có một bài giới thiệu rất tóm tắt về Viện Toán học, phần còn lại được giành để liệt kê danh mục công trình chính của tất cả các cán bộ trong Viện. Danh mục đó là sự thể hiện rõ nhất những thành tựu của Viện Toán học, một viện mà nghiên cứu cơ bản là một trong những nhiệm vụ hàng đầu.

Nhân dịp này, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Ban lãnh đạo, các cơ quan chức năng, các viện nghiên cứu của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong cả nước, các bạn bè quốc tế đã giúp đỡ tận tình, cộng tác chặt chẽ, góp phần làm cho Viện Toán học lớn mạnh như ngày hôm nay.

Hà Huy Khoái  
Viện trưởng Viện Toán học



## 35 NĂM VIỆN TOÁN HỌC 1970-2005

### 1. Những sự kiện chính

- 1962: Thành lập Nhóm nghiên cứu Toán, tiền thân của Viện Toán học
- 1964: Số đầu tiên của tạp chí *Acta Scientiarum Vietnamicarum (Sectio Sientarum: Mathematicarum et Physicarum)* được xuất bản. Về sau trở thành Tạp chí *Acta Mathematica Vietnamica*.
- Ngày 5/2/1969: Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ký quyết định số 25-CP thành lập Viện Toán học trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
- 1970: Giáo sư Lê Văn Thiêm được cử giữ chức Viện phó, Phụ trách Viện Toán học. *Viện Toán học chính thức đi vào hoạt động*.
- 1972: Sơ tán lên Huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.
- 1973: Xuất bản số đầu tiên của *Tạp chí Toán học* (trước đây là một phần của *Tập san Toán-Lý*).
- 1975: GS Lê Văn Thiêm được Thủ tướng bổ nhiệm Viện trưởng.
- 1975: Thành lập 7 phòng nghiên cứu và văn phòng Viện.
- 1980: Đợt phong chức danh khoa học đầu tiên: 1 giáo sư, 3 Phó giáo sư.
- 1980: Giáo sư Hoàng Tuy được bổ nhiệm Viện trưởng.
- 1980: Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ.
- 1980: Thủ tướng quyết định xây cho Viện cơ sở làm việc (tại địa điểm hiện nay của Viện).
- 1981: Chuyển từ khu nhà tranh tại 208 Đ Đội Cấn về trụ sở hiện nay.
- 1984: 1 cán bộ được phong Giáo sư, 11 Phó giáo sư
- 1990: Viện Toán học được tặng Huân chương Lao động hạng nhất.
- 1990: Giáo sư Phạm Hữu Sách được bổ nhiệm Viện trưởng.
- 1991: 5 cán bộ được phong Giáo sư, 10 Phó giáo sư
- 1992: 4 cán bộ được phong Giáo sư, 4 Phó giáo sư
- 1993: Xây dựng nhà khách Viện Toán học
- 1994: Được Viện hàn lâm khoa học Thế giới thứ ba công nhận là *Trung tâm xuất sắc*.
- 1995: Giáo sư Trần Đức Vân được bổ nhiệm Viện trưởng.

- 1996: Được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ. Thành lập Trung tâm đào tạo sau đại học
- 1996: Giáo sư Lê Văn Thiêm và Giáo sư Hoàng Tuy được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ.
- 1996: 4 cán bộ được phong giáo sư, 4 phó giáo sư
- 1997: Quyết định trao Giải thưởng khoa học (2 năm một lần) cho các nhà toán học trong và ngoài Viện.
- 1998: Sắp xếp lại tổ chức (8 phòng chuyên môn, Phòng Quản lý tổng hợp, Trung tâm đào tạo sau đại học, Trung tâm ứng dụng toán học và Tin học).
- 1999: Cải tạo nhà A5 từ 2 tầng thành 3 tầng.
- 2000: Viện Toán học được tặng Huân chương Độc lập hạng ba.
- 2001: Giáo sư Hà Huy Khoái được bổ nhiệm Viện trưởng.
- 2002-2004: 6 cán bộ được phong giáo sư, 8 phó giáo sư.
- 2004: Bắt đầu triển khai Quy chế tự chủ tài chính
- 2004: Thực hiện việc tuyển chọn cán bộ theo quy chế mới.
- 2005: Thành lập Trung tâm tính toán hiệu năng cao và phòng Lý thuyết số.

## 2. Một số thành tựu (qua số liệu thống kê)

- Tiềm lực khoa học: 98 cán bộ, trong đó có 83 cán bộ nghiên cứu (bao gồm 28 Tiến sĩ khoa học, 39 Tiến sĩ, 19 Giáo sư, 22 Phó giáo sư).
- Công bố hơn 1200 công trình trên các tạp chí quốc tế, hơn 600 công trình trên 2 tạp chí *Acta Mathematica Vietnamica* và *Vietnam Journal of Mathematics*.
- Đã có 7 luận án Tiến sĩ khoa học, 121 luận án Tiến sĩ bảo vệ tại Viện. Đào tạo hơn 200 Thạc sĩ.
- Đang chủ trì 30 đề tài nhánh thuộc Chương trình Nghiên cứu cơ bản (cấp Nhà nước), 2 đề tài cấp Trung tâm, 1 đề tài độc lập cấp Nhà nước, 1 đề tài theo Nghị định thư (4 đề tài này đều thuộc các hướng ứng dụng).

## Overview

The Institute of Mathematics is a research institute and graduate school within the Vietnamese Academy of Science and Technology.

The Institute of Mathematics was founded in 1970 by the Vietnamese Government. It was one of the first two research institutes established in Vietnam (the other is the Institute of Physics). In 1975, the Institute became an institutional member of the newly established Institute of Science of Vietnam, presently the Vietnamese Academy of Sciences and Technology, the foremost agency to promote and support research of sciences and technology in Vietnam.

Due to the founding decree of the Vietnamese Government, the missions of the Institute are:

- to carry out basic mathematical research,
- to educate graduates in mathematics,
- to coordinate the applications of mathematics in economical management and technology.

Starting out as a small group of a dozen researchers, the Institute has since grown up to a national center of mathematical research and education with a research staff of 80 highly competent researchers, among them 19 full professors and 22 associate professors named by the Vietnamese Government. The research staff is divided into the following departments:

- Department of Algebra
- Department of Mathematical Physics Equations
- Department of Geometry and Topology
- Department of Mathematical Analysis
- Department of Mathematical Foundation of Computer Science
- Department of Numerical Analysis and Scientific Computing
- Department of Number Theory
- Department of Optimization and Control Theory
- Department of Probability and Mathematical Statistics
- Department of Software Research and Development
- Graduate Center
- High Performance Computing Center

The Institute is renowned for its research excellence, as well as its role in the training of young scientists and the dissemination of mathematical knowledge.



Members of the Institute have published more than 1200 papers in international mathematical journals and many books on mathematics. The seminars of its research groups have attracted researchers and students from all over Vietnam. Some research groups (optimization, differential equations, singularity theory, commutative algebra) have gained international reputations for their results. Several members have been invited to give lectures at various conferences and universities abroad. The Institute often holds international conferences and workshops to introduce Vietnamese mathematicians to recent developments in mathematics and to promote their collaboration with international colleagues.

The Institute offers graduate and post-graduate programs in Mathematics and is well-known for the quality of its degrees. About 200 students have obtained the Master degree and more than 100 Ph. D. students have defended their thesis successfully at the Institute. Many former students have become leading scientists at universities all over Vietnam. Mathematical clubs and schools have been regularly organized at the Institute in order to propagate mathematical ideas and to raise mathematical interests among students. Young mathematicians from other institutions may apply to work at the Institute for a short period in order to improve their research abilities.

Since 1975 the Institute has published the journal "Acta Mathematica Vietnamica" which has become the leading research publication in Vietnam with a wide international distribution. To enhance mathematical education the Institute has issued two mathematical books series "Graduate Lectures" and "Higher Mathematics Series" which provides mathematical texts in Vietnamese to students at all levels.

The Vietnamese Government has conferred the Medal of Independence of Third rank to the Institute to recognize the contributions of the Institute to national research and education. The Academy of Science for Developing Countries has placed the Institute among the dozen of Institutes of Excellence in the developing countries.

## **Một số hình ảnh hoạt động**



### Phòng Toán UBKHKTTN năm 1969

(Từ trái - Hàng ngồi: Trần Cao Nguyên, Hoàng Tụy, Lê Văn Thành, Lê Khắc (phó chủ nhiệm UBKHKTTN), Phạm Trà Ân, Đỗ Hồng Tân; Hàng đứng: Lê Xuân Lam, Đặng Hấn, Phan Huy Khải, Phan Văn Chương, Hà Huy Khoái, Vương Ngọc Châu, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Văn Sinh, Bùi Công Cường, Lê Quang Thiệp)



GS Lê Văn Thiêm, Viện trưởng 1970-1980  
Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996





GS Hoàng Tụy, Viện trưởng 1980-1990  
Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996



GS Phạm Hữu SÁCH, Viện trưởng 1990-1995



GS Trần Đức Vân, Viện trưởng 1995-2000



GS Hà Huy Khoái, Viện trưởng,  
cùng với GS S. Smale (Giải thưởng Fields 1966)



Tòa nhà Viện Toán học 1981-1999



Tòa nhà làm việc hiện nay của Viện Toán học





GS Hoàng Tụy tại Viện Toán học Trung Quốc, Bắc Kinh 1964, cùng với GS Hoa La Canh (bên trái) và GS Wu Xinmou



Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại Hội nghị Toán học toàn Miền Bắc 1971



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đại biểu  
dự Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ 2, Hà Nội, 1977



GS F. Phạm trong chuyến làm việc tại Viện Toán học 1979-1980, 208Đ Đội Cấn  
(Hàng đầu từ trái: Đ. N. Diệp, N. T. Cường, GS L. V. Thiêm, GS F. Phạm, H. H. Vui;  
Hàng sau: N. V. Trung, L. V. Thành, N. H. Đức, N. T. Đại, V. N. Châu, N. S. Minh và H. H. Việt)



GS Lê Văn Thiêm, GS Hoàng Tụy và GS Cooperman  
trong chuyến đi công tác tại Mỹ, 1981



Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nguyên Bộ trưởng Tạ Quang Bửu  
thăm Viện Toán học, 1982





Trường hè Tam Đảo, 1983



Hội nghị quốc tế IFIP - Hội nghị quốc tế đầu tiên do Viện Toán học tổ chức, 1983



### Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ 3, Hà Nội 1985

(Hàng đầu từ trái: các GS Nguyễn Văn Đạo, Nguyễn Thị Tâm Bắc, Hoàng Tụy, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Thúc Hòa, Lê Văn Thiêm, Hoàng Xuân Sính và Văn Như Cương)



GS Trần Đại Nghĩa, Chủ tịch Liên hiệp các hội KHKT Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, phát biểu tại lễ kỷ niệm 20 năm Viện Toán học, 1990





Cán bộ Viện Toán học và khách mời  
tại lễ kỷ niệm 20 năm Viện Toán học, 1990



Các thành viên Hội đồng Khoa học  
chụp ảnh kỷ niệm ở Lăng Ngô Quyền, Hà Tây, 1992  
(Từ trái: N. V. Trung, D. V. Lưu, N. X. Tấn, Đ. L. Văn, T. V. Thiệu, T. Đ. Văn, H. Đ. Dung,  
L. V. Thành, P. T. Ân và N. M. Chương)



GS Trần Mạnh Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm KHTN&CNQG, phát biểu tại lễ kỷ niệm 25 năm Viện Toán học, 1995



Đại biểu dự Hội nghị Quốc tế về Đại số giao hoán và Hình học đại số, 1996  
(Từ phải: E. Esnault, I. Aberbach, D. Eisenbud, M. Brodman, H. Bresinsky, N.V. Trung, H. Foxby)





GS Nguyễn Văn Hiệu, nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam,  
tại lễ trao huy hiệu 50 năm tuổi Đảng cho GS Hoàng Tụy  
của chi bộ Viện Toán học, 2000

(Hàng đầu, từ phải: N. V. Hiệu, T. Đ. Văn, N. Đ. Công, Đ. L. Văn, V. N. Châu,  
P. V. Quý (hiện là Phó Chủ tịch Viện KHCNVN), H. T. Ngoạn, H. Tụy)



Cán bộ Viện Toán học và khách mời  
tại lễ kỷ niệm 30 năm Viện Toán học, 2000



GS Đặng Vũ Minh tại lễ trao bằng Tiến sĩ danh dự cho GS H. G. Bock, 2000



Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ 6, Huế 2002  
(Từ trái: các GS Nguyễn Khoa Sơn, Hoàng Tụy, Đào Trọng Thi,  
Nguyễn Văn Đạo, Hà Huy Khoái và Lê Tuấn Hoa)





Hội nghị Quốc tế Giải tích trừu tượng và ứng dụng ICAAA 2002  
(Hàng đầu từ trái: các GS Yu Egorov, Nguyễn Minh Chương, L. Nirenberg, N. U. Ahmed,  
T. Hida và báo cáo viên D. Donoho)



Phiên họp toàn thể Hội thảo quốc tế “Generalized Convexity/Monotonicity”  
tại Hội trường Viện Toán học

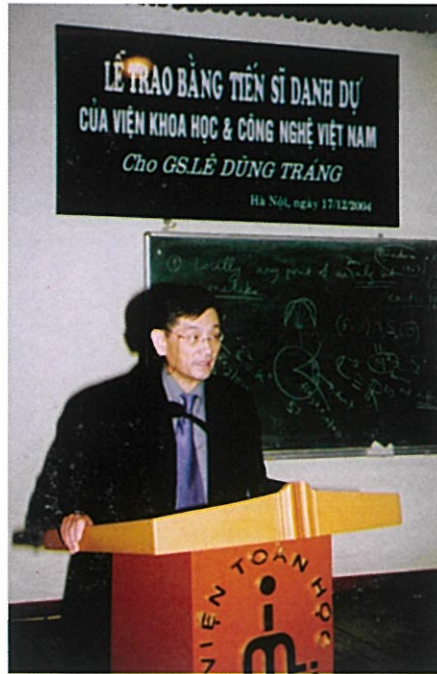


Hội thảo quốc tế “Generalized Convexity/Monotonicity”, Hà Nội, 2002  
 (Các GS Việt Nam (từ phải): Trần Văn Nhung (Thứ trưởng Bộ GD&ĐT), Hoàng Tụy, Phạm Hữu Sách, Đinh Thế Lục, Nguyễn Xuân Tấn, Nguyễn Đình Công, Nguyễn Khoa Sơn, Phạm Huy Điển, Hoàng Xuân Phú)



Đại biểu dự Hội nghị Quốc tế High Performance scientific computing, 2003  
 (Từ trái: Các GS J. Schloeder, J. Warnatz, G. Meyer, K.-H. Hoffmann, R. Jeltsch, H. G. Bock và H. X. Phú)





GS Lê Dũng Tráng đọc báo cáo nhân dịp nhận bằng Tiến sĩ danh dự của Viện KHCNVN năm 2004



GS Nguyễn Khoa Sơn, Phó Chủ tịch Viện KHCNVN, cùng với GS J. Nash (Giải thưởng Nobel) tại lễ kỷ niệm 40 năm ICTP, 2004



GS R. Bulirsch và phu nhân thăm Viện Toán học nhân dịp được tặng bằng Tiến sĩ danh dự năm 2004



Một phiên bảo vệ cao học, 2004



Văn phòng Viện Toán học trong một chuyến dã ngoại, 2004



Các GS Neal và Ann Koblitz thăm Viện Toán học, 2005

## **LIST OF PUBLICATIONS**



## Danh sách công trình đã công bố của cán bộ Viện Toán học

### Phan Thanh An

1. (with H. X. Phu) Stable generalization of convex functions. *Optimization* **38**(1996), N<sup>o</sup>4, 309-318.
2. (with H. X. Phu) Stability of generalized convex functions with respect to linear disturbances. *Optimization* **46**(1999), N<sup>o</sup>4, 381-389.
3. (with H. X. Phu) Outer  $\gamma$ -convexity in normed linear spaces. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>4, 323-334.
4. (with H. X. Phu and N. N. Hai) Piecewise constant roughly convex functions. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>2, 415-438.
5. (with N. N. Hai)  $\gamma$ -convexity in normed linear spaces. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **25**(2004), N<sup>o</sup>5-6, 407-422.

### Tran Thi Lan Anh

1. On common fixed point theorems for two commuting mappings. In: *Proc. of the 5th Conference of the VMS, Sept. 17-20, 1997*, p. 67-72 (1999)
2. On common fixed point theorems for three commuting mappings. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 183-185.
3. Some common fixed point theorems for mappings in metric and Menger spaces. *Vietnam J. Math.* **28: 2**(2000), 133-142.
4. Common fixed points for condensing and compact mappings. *Vietnam J. Math.* **29**(2001), N<sup>o</sup>1, 47-51.
5. Generalizations on common fixed points for three commuting mappings in metric and Menger spaces. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>3, 267-279.

### Pham Tra An

1. On a problem of the theory of queues. *Tap san Toan ly* **4**(1965), N<sup>o</sup>3, 20-23 (in Vietnamese).
2. The Markov chain and a problem of the ping-pong. *Tap san Toan ly* **6**(1967), N<sup>o</sup>1, 5-10 (in Vietnamese).
3. (with D. H. Dao) Some results of the probabilistic automata. *Tap san Toan ly* **10**(1971), N<sup>o</sup>1-2, 10-17 (in Vietnamese).
4. (with P. D. Dieu) Probabilistic automata with a time-variant structure. *Elektron. Informationsverarb. Kybernet.* **12**(1976), 3-27.

## Danh sách công trình đã công bố của cán bộ Viện Toán học

### Phan Thanh An

1. (with H. X. Phu) Stable generalization of convex functions. *Optimization* **38**(1996), N<sup>o</sup>4, 309-318.
2. (with H. X. Phu) Stability of generalized convex functions with respect to linear disturbances. *Optimization* **46**(1999), N<sup>o</sup>4, 381-389.
3. (with H. X. Phu) Outer  $\gamma$ -convexity in normed linear spaces. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>4, 323-334.
4. (with H. X. Phu and N. N. Hai) Piecewise constant roughly convex functions. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>2, 415-438.
5. (with N. N. Hai)  $\gamma$ -convexity in normed linear spaces. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **25**(2004), N<sup>o</sup>5-6, 407-422.

### Tran Thi Lan Anh

1. On common fixed point theorems for two commuting mappings. In: *Proc. of the 5th Conference of the VMS, Sept. 17-20, 1997*, p. 67-72 (1999)
2. On common fixed point theorems for three commuting mappings. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 183-185.
3. Some common fixed point theorems for mappings in metric and Menger spaces. *Vietnam J. Math.* **28: 2**(2000), 133-142.
4. Common fixed points for condensing and compact mappings. *Vietnam J. Math.* **29**(2001), N<sup>o</sup>1, 47-51.
5. Generalizations on common fixed points for three commuting mappings in metric and Menger spaces. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>3, 267-279.

### Pham Tra An

1. On a problem of the theory of queues. *Tap san Toan ly* **4**(1965), N<sup>o</sup>3, 20-23 (in Vietnamese).
2. The Markov chain and a problem of the ping-pong. *Tap san Toan ly* **6**(1967), N<sup>o</sup>1, 5-10 (in Vietnamese).
3. (with D. H. Dao) Some results of the probabilistic automata. *Tap san Toan ly* **10**(1971), N<sup>o</sup>1-2, 10-17 (in Vietnamese).
4. (with P .D. Dieu) Probabilistic automata with a time-variant structure. *Elektron. Informationsverarb. Kybernet.* **12**(1976), 3-27.

5. *On Probabilistic Automata with a Time-Variant-Structure*. Ph.D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1979 (in Vietnamese).
6. Some necessary conditions for the class of languages accepted by the probabilistic automata with a time-variant-structure. *Elektron. Informationsverarb. Kybernet.* **17**(1981), 623-632.
7. On the necessary conditions for stochastic languages. *Tap chi Toan hoc* **10**(1982), N<sup>o</sup>4, 20-25 (in Vietnamese).
8. On the stability of probabilistic automata. *Veroianost. Methodi i Kibernetika* **19**(1983), 133-141 (in Russian).
9. On a necessary condition for free-labeled Petri net languages. In: *Proceedings of the Fifth Vietnamese Mathematical Conference*, Science and Technics Publishing House, Hanoi, 1999, 73-80.
10. A complexity characteristic of Petri net languages. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>o</sup>2, 157-167.
11. (with P. V. Thao) On capacity of labeled Petri net languages. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>3, 231-240.
12. On growth function of Petri net. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), no. 3, 347-357.
13. (with P. V. Thao) On an infinite hierarchy of Petri net languages. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), no. 3, 209-216.
14. Automata with a time-variant structure and supply-demand theorems. *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), no. 1, 41-52.
15. Supply-demand theorems for finite probabilistic automata. *Acta Math. Vietnam.* **28** (2003), no. 2, 135-145.
16. The representative theorems of languages in computer-Science. In: *Proceeding of the First National Symposium "Fundamental and applied Information Technology research"*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hanoi, 2004, 23-31 (in Vietnamese).

### **Ha Huy Bang**

1. Applicability of infinite-order composite differential operators with constant coefficients. *Izvestija Severo - Kavkaz Nauchn Tsentra Vysshei Shkoly*, Ser. Mat. **2**(1982), 20-23 (in Russian).
2. (with Ju. F. Korobeinik) The applicability of composite differential operators of infinite order to certain classes of exponential functions. *Izvestija Vuzov, Ser. Mat.* **7**(1982), 83-85 (in Russian).
3. On nontriviality of the weighted Sobolev-Orlicz classes and spaces of infinite order on the line. In: *Proceedings of 3th VMC*, Hanoi, **2**(1985), 315-319 (in Vietnamese).

4. Absolutely convergent sums of polynomials of exponents. *Acta Math. Vietnam.* **11**(1986), N<sup>o</sup>2, 253-267 (in Russian).
5. On nontriviality of Sobolev-Orlicz classes and spaces of infinite order on the line. *Mat. Zametki* **39**(1986), N<sup>o</sup>3, 453-459 (in Russian).
6. On the applicability for differential operators of infinite order, *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), N<sup>o</sup>1, 67-73 (in Russian).
7. (with Ju. F. Korobeinik) On a generalization of the Polya theorem. *Mat. Anal. i Prilozen*, 19, Izdat. Rostov-on-Don, 1987, 37-46 (in Russian).
8. Some imbedding theorems for the spaces of infinite order of periodic functions. *Mat. Zametki* **43**(4)(1988), 509-517. *English transl.: Math. Notes* **43** (1988), N<sup>o</sup>3-4, 293-298.
9. *Some problems of the theory of functional spaces of infinite order*. Ph. D. Thesis, Hanoi Inst. Math., 1987, 115 p. (in Vietnamese).
10. On imbedding theorems for Sobolev spaces of infinite order. *Mat. sbornik* **178**(1988), N<sup>o</sup>1, 115-127. *English transl.: Math. USSR Sbornik* **64**(1989), N<sup>o</sup>1, 115-127.
11. (with T. D. Van) On the solvability of nonlinear differential equations of infinite order in unbounded domains. *Dokl. Akad. Nauk USSR* **305**(1989), N<sup>o</sup>1, 48-51. *English transl.: Soviet Math. Dokl.* **39**(1989), N<sup>o</sup>2, 268-271.
12. Imbedding theorems for Sobolev spaces of infinite order. *Acta Math. Vietnam.* **14**(1989), N<sup>o</sup>1, 17-29.
13. A property of infinitely differentiable functions. *Proc. Amer. Math. Soc.* **108**(1990), N<sup>o</sup>1, 73-76.
14. Nontriviality of Sobolev spaces of infinite order for a full Euclidean space. *Sibirskii Mat. J.* **31**(1990), N<sup>o</sup>1, 208-213. *English transl.: Siberian Math. J.* **31**(1990), N<sup>o</sup>1, 176-180 (in Russian).
15. (with M. Morimoto) On the Bernstein - Nikolsky inequality. *Tokyo J. Math.* **14**(1991), N<sup>o</sup>1, 231-238.
16. (with T. D. Van and R. Gorenflo) On Sobolev - Orlicz spaces of infinite order for a full Euclidean space. *Analysis* **11**(1991), 67-81.
17. Remarks on a property of infinitely differentiable functions. *Bull. Polish Akad. Sci.* **40**(1993), N<sup>o</sup>3, 197-206.
18. (with M. Morimoto) The sequence of Luxemburg norms of derivatives. *Tokyo J. Math.* **17**(1994), N<sup>o</sup>1, 141-147.
19. A remark on the Bernstein - Nikolsky inequality. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), N<sup>o</sup>2, 71-78.
20. *Inequalities of the Bernstein - Nikolsky type and their applications*. Dr. Sc. Thesis, Steklov Inst. Math., Moscow, 1994, 269 p. (in Russian).
21. Functions with bounded spectrum. *Trans. Amer. Math. Soc.* **347**(1995), N<sup>o</sup>3, 1067-1080.



22. On the Bernstein - Nikolsky inequality II. *Tokyo J. Math.* **18**(1995), N<sup>o</sup>1, 123-131.
23. A property of entire functions of exponential type. *Analysis* **15**(1995), N<sup>o</sup>1, 17-23.
24. An algebra of pseudodifferential operators. *Mat. Sbornik* **186**(1995), N<sup>o</sup>7, 3-14, *English transl.: Sbornik: Mathematics* **186**(1995), N<sup>o</sup>7, 929-940.
25. Asymptotic behavior of the sequence of norms of derivatives. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **2**(1995), N<sup>o</sup>3, 611-620.
26. Change of variables in Sobolev-Orlicz spaces of infinite order. *Mat. Zametki* **57**(1995), N<sup>o</sup>3, 331-337. *English transl.: Math. Notes* **57**(1995), N<sup>o</sup>3, 235-239.
27. A remark on differential operators of infinite order. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), N<sup>o</sup>2, 289-294.
28. Theorems of the Paley-Wiener-Schwartz type. *Trudy Mat. Inst. Steklov* **214**(1996), 298-319. *English transl.: Proc. Steklov Inst. Math.* **214**(1996), 291-311.
29. A remark on the Kolmogorov-Stein inequality. *J. Math. Analysis Appl.* **203**(1996), 861-867.
30. The existence of a point spectral radius of pseudodifferential operators. *Russian Doklady Akad. Nauk* **348**(1996), N<sup>o</sup>6, 740-742. *English transl.: Doklady Mathematics* **53**(1996), N<sup>o</sup>3, 420-422.
31. Nonconvex cases of the Paley-Wiener-Schwartz theorems. *Russian Doklady Akad. Nauk* **354**(1997), N<sup>o</sup>2, 165-168. *English transl.: Doklady Mathematics* **55**(1997), N<sup>o</sup>3, 353-355.
32. Embedding theorems for the Sobolev-Orlicz spaces of infinite order. *Russian Doklady Akad. Nauk* **354**(1997), N<sup>o</sup>3, 316-319. *English transl.: Doklady Mathematics* **55**(1997), N<sup>o</sup>3, 377-380.
33. A study of the properties of functions depending on the geometry of their spectrum. *Russian Doklady Akad. Nauk* **355**(1997), N<sup>o</sup>6, 740-743. *English transl.: Doklady Mathematics* **56**(1997), N<sup>o</sup>1, 610-613.
34. Properties of functions in Orlicz spaces in the connection with geometry of their spectrum. *Russian Izvestija Akad. Nauk*, **61**(1997), N<sup>o</sup>2, 133-168. *English transl.: Izvestiya: Mathematics* **61**(1997), N<sup>o</sup>2, 399-434.
35. Separability of Sobolev-Orlicz spaces of infinite order. *Mat. Zametki* **61**(1997), N<sup>o</sup>1, 141-143. *English transl.: Math. Notes* **61**(1997), N<sup>o</sup>1, 118-120.
36. Spectrum of functions in Orlicz spaces. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **4**(1997), N<sup>o</sup>3, 341-349.
37. The Paley-Wiener-Schwartz theorems for nonconvex domains. In: *Proceedings of the Conference "Functional Analysis and Global Analysis"*, Springer, 1997, 14-30.

38. (with H. M. Le) Note on the Kolmogorov-Stein inequality. *Vietnam. J. Math.* **26**(1998), N<sup>o</sup>4, 1-4.
39. (with H. M. Le) On the Kolmogorov-Stein inequality. *J. Inequal. Appl.* **3**(1999), N<sup>o</sup>2, 153-160.
40. Nonconvex cases of the Paley-Wiener-Schwartz theorem. In: *Proceedings of the 5th Conference for Vietnamese Mathematicians*, Science and Technics Publishers, Hanoi 1999, 15-30.
41. (with H. M. Le) An inequality of Kolmogorov and Stein. *Bull. Austral. Math. Soc.* **61**(2000), 153-159.
42. On an inequality of Bohr and Favard. *East J. Approximations.* **6**(2000), 385-395.
43. (with T. V. Thuong) Density of a collection of functions in  $N_\phi$ -spaces. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **7**(2000), 311-324.
44. Absolutely representing systems of exponents in a class of analytic functions. *Recent Problems in Mathematical Analysis*, Gingo, Rostov-on-Don, 2000, 146-155.
45. Investigation of the properties of functions in the space  $N_\phi$ -depending on the geometry of their spectrum. (Russian) *Dokl. Akad. Nauk* **374**(2000), N<sup>o</sup>5, 590-593.
46. The Riesz theorem for the spaces  $N_\phi$  and its applications. *Dokl. Akad. Nauk* **377**(2001), N<sup>o</sup>6, 746-748 (in Russian).
47. An inequality of Bohr and Favard for Orlicz spaces. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **49**(2001), N<sup>o</sup>4, 381-387.
48. On inequalities of Bohr and Bernstein. *J. Inequal. Appl.* **7**(2002), N<sup>o</sup>3, 349-366.
49. (with H. M. Giao) On the Kolmogorov inequality for  $M_\phi$ -norm. *Appl. Anal.* **81**(2002), N<sup>o</sup>1, 1-11.
50. (with M. T. Thu) A Landau-Kolmogorov inequality for Orlicz spaces. *J. Inequal. Appl.* **7**(2002), N<sup>o</sup>5, 663-672.
51. (with M. T. Thu) A Landau-Kolmogorov inequality for Lorentz spaces. *Tokyo J. Math.* **27**(2004), N<sup>o</sup>1, 13-19.
52. (with M. T. Thu) A property of entire functions of exponential type for Lorentz spaces. *Vietnam. J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>2, 219-225.
53. (with M. T. Thu) A Gagliardo-Nirenberg inequality for Orlicz spaces. *East J. Approx.* **10**(2004), N<sup>o</sup>3, 371-377.
54. (with N. M. Cong) Generalizations of the Riesz convergence theorem for Lorentz spaces. *Acta Math. Hungar.* **106**(2005), 331-341.
55. (with N. M. Cong) Bernstein-Nikolskii type inequality in Lorentz spaces and related topics. *Vladikavkazskii Mat. J.* **7**(2005), 17-27.
56. *Theory of Orlicz spaces (in Vietnamese) - Lý thuyết không gian Orlicz*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, 385 trang.

**Tran Quoc Binh\***

1. (with N. M. Chuong) On a fixed point theorem. *Funct. Analysis and its appl.* **30**(1996), 220-221
2. On a fixed point theorem for unexpansive nonlinear operator. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), 1-8.

**Nguyen Van Chau**

1. *On Controllability of linear systems and Pursuit Problem without discrimination of object in linear games.* Ph. D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, Vietnam, 1988 (in Vietnamese).
2. (with P. H. Khai) On controllabilities of linear discrete systems with restrained controls and the pursuit process in linear discrete games. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N<sup>o</sup>1, 36-58.
3. (with P. H. Khai) Pursuit problem with state information. *Acta Math. Vietnam.* **25**(1989), N<sup>o</sup>2, 34-46.
4. (with P. H. Khai) Pursuit problem without discrimination of object in linear differential games. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 178-191.
5. A sufficient condition for bijectivity of polynomial maps on the real plane. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 396-399.
6. Global attractor of a differential autonomous system on the plane. *Ann. Polon. Math.* **LXIL.** **2**(1995), 143-154.
7. A remark on Vitushkin's covering. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>o</sup>1, 109-115.
8. Non-zero constant Jacobian polynomial map of  $\mathbb{C}^2$ . *Ann. Polon. Math.* **LXXI** (1999), N<sup>o</sup>3, 287-310.
9. (with D. P. Nga) On triangularizable polynomial automorphisms. *J. Pure Appl. Algebra* **155**(2001), N<sup>o</sup>2-3, 305-308.
10. Polynomial maps of the complex plane with the branched value sets isomorphic to the complex line. *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>2, 197-202.
11. A simple proof of Jung's theorem on polynomial automorphisms of  $\mathbb{C}^2$ . *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>2, 209-214.
12. (with C. Gutierrez) Properness and the Jacobian conjecture in  $\mathbb{R}^2$ . *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>4, 421-427.
13. Two remarks on non-zero constant Jacobian polynomial maps of  $\mathbb{C}^2$ . *Ann. Polon. Math.* **82** (2003), N<sup>o</sup>1, 39-44.
14. Note on the Jacobian condition and the non-proper value set, *Ann. Polon. Math.* **48**(2004), N<sup>o</sup>3, 203-210.



### Le Van Chong

1. *Zur Feldtheorie Mehrfacher Integrale*. Ph.D. Thesis, Leipzig, 1977, 96p.
2. On the existence of solutions for a general form of variational and quasi-variational inequalities. *Z. Anal. Anwendungen* **3**(1984), N°6, 541-548.
3. On the stability property for a general form of variational inequalities. *Z. Anal. Anwendungen* **5**(1986), N°5, 437-444.

### Nguyen Ngoc Chu

1. (with N. V. Chernicova) Non-negative integer solutions of linear equations systems and some problems of integer linear programming. *Oper. Res. Automat. Control Systems* **12**(1978), 70-77.
2. On one method for finding a common formula of integer solutions for a system of linear inequalities. *Kibernetika*, Kiev, 1980, N°4, 86-90 (in Russian).
3. Integer solutions for a system of rank  $r$  from  $r+1$  linear inequalities. *Oper. Res. Automat. Control Systems* **15**(1980), 119-129.
4. On solvability in integers of a system of linear inequalities for every right-hand-side vector. *Ukrain. Mat. Zh.* **32**(1980), 557-561 (in Russian).
5. *The Methods for Solving and Analysing Some Classes of Discrete Problems*. Ph.D. Thesis, Kiev University, Kiev, 1980 (in Russian).
6. (with N. V. Chernicova) A new algorithm for solving discrete programming problems. *Zh. Vyschisl. Mat. i Mat. Fiz.* **21**(1981), 329-338 (in Russian).
7. Integer solutions for some classes of systems of linear inequalities. *Dokl. Acad. Nauk Ukrain. SSR, Ser. A*, 1981, N°3, 13-15 (in Russian).
8. An algorithm for maximization of a linear function on a set of integer points of convex polyhedron. *Kibernetika*, 1986, N°5, 71-74 (in Russian).
9. (with T. X. Sinh) Integer programming with reverse convex constraints. *AMSE Review* **12**(1989), 1-10.
10. (with N. V. Tien) Global minimization of concave function over a discrete set. *AMSE Review* **13**(1990), 43-54.
11. (with N. V. Tien) A maximal volume cone algorithm for linear programming problem. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), N°1, 45-51.

### Nguyen Minh Chuong

1. (with L. D. Phi and N. C. Qui), *Elementary geometry* (in Vietnamese) - *Hình học sơ cấp*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1963, 280 trang.

2. On Menelaus and Ceva theorems in  $n$ -dimensional hyperbolic spaces. *Tạp san Toán Lý* (1963), N°3, 55-56 (in Vietnamese).
3. *On oblique derivative problem for parabolic differential equations of second order*. Ph. D. Dissertation, Moscow Univ. (1968).
4. (with Yu. V. Egorov), The problem with an oblique derivative for a second order parabolic equation. *Uspehi Mat. Nauk* **24**(1969), N°4(148), 197-198.
5. Generalized Sobolev spaces and their applications in partial differential equations. *Tap san Toan Ly* **9**(1971), N° 3-4.
6. (with D. Ngoc), On non-elliptic boundary value problem. *Tap chi Toan hoc* **5**(1977), N° 2, 24-27 (in Vietnamese).
7. On a class of pseudodifferential operators with parameters. *Tap chi Toan hoc* **7**(1979), N°2, 6-10 (in Vietnamese).
8. Functional spaces with norms depending on parameters. *Tap chi Toan hoc* **7**(1979), N°1, 1-6 (in Vietnamese).
9. On a class of pseudodifferential operators of variable order. *Tap chi Toan hoc* **9**(1981) N°3, 1-6 (in Vietnamese). *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **258**(1981), N°6, 1308-1312 (in Russian).
10. Parabolic pseudodifferential operators of variable order in S. L. Sobolev spaces with weighted norms. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **262**(1982), N°4, 804-807 (in Russian).
11. Parabolic systems of pseudodifferential equations of variable order. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **264**(1982), N°2, 299-302 (in Russian).
12. A boundary value problem with a discontinuous boundary condition. *Uspehi Mat. Nauk* **37**(1982), N°5(227), 191-192 (in Russian).
13. Sobolev spaces of variable order. *Uspehi Mat. Nauk* **37**(1982), N°4(226), 117 (in Russian).
14. Degenerate parabolic pseudodifferential operators of variable order. *Dokl. Akad. Nauk* **268**(1983), N° 5, 1055-1058 (in Russian).
15. Isomorphism of S. L. Sobolev of variable order. *Mat. Sb.(NS)* **121**(1983), N°1, 3-17 (in Russian).
16. *Parabolic pseudodifferential operators of variable order*. Dr. Sci. Dissertation, Moscow Univ. (1983).
17. Parabolic pseudodifferential operators of variable order. *Mat. Zametki* **35**(1984), N°2, 21-229 (in Russian).
18. (with Yu. V. Egorov), A problem with a directional derivative in S. L. Sobolev spaces of variable order. *Differentialnye Uravneniya* **20**(1984), N°12, 2163-2164 (in Russian).
19. On the theory of parabolic pseudodifferential operators of variable order. *Differentialnye Uravneniya* **21**(1985), N°4, 686-694 (in Russian).

20. (with L. Q. Trung), Degenerate elliptic nonlinear differential equations of infinite order in weighted Sobolev - Orlicz spaces. *Differ. Urav.* **24**(1988), N°3, 535-537 (in Russian).
21. (with L. Q. Trung), Limit equations for degenerate nonlinear elliptic equations in weighted Sobolev-Orlicz spaces. *Uspehi Mat. Nauk* **43**(1988), N°2, 181-182 (in Russian).
22. (with L. Q. Trung), On a nonelliptic problem for pseudodifferential operators of variable order. *Tap chi Toan hoc* **16**(1988), N°4, 1-5 (in Vietnamese).
23. On the parabolic pseudodifferential operators of variable order in Sobolev spaces with weighted norms. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), N°1, 5-14.
24. (with L. Q. Trung and K. V. Ninh) A boundary value problem for nonlinear parabolic equations of infinite order in Sobolev-Orlicz spaces. *Mat. Zametki* **48**(1990), N°1, 78-85 (in Russian).
25. (with K. V. Ninh) On approximative normal values of multivalued operators in vector topological spaces. *J. Isv. Vuzov SSSR* (1991), N°9, 89, VINITI 29-04-91, N°1774-B-91 (in Russian).
26. (with N.V. Kinh) Regularization of variational inequalities with perturbed non-monotone and discontinuous operators. *Differ. Urav.* **27**(1991), N°12, 2171-2172 (in Russian).
27. Some approximative problems for nonlinear inequalities. *Uspehi Mat. Nauk* **46**(1991) N°6 (in Russian).
28. (with N. V. Khai) On multistep Newton-Seidel methods for quasilinear operator equations. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N°2, 103-114.
29. (with Ya. D. Mamedov and K.V. Ninh) *Approximate solutions of operator equations*. Sci. and Techn. Publ. House, Hanoi 1992, 244 p..
30. (with N. M. Tri and L. Q. Trung) *Theory of partial differential equations* (in Vietnamese) – *Lý thuyết các phương trình đạo hàm riêng*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1995, 288 trang.
31. (with N. V. Tuan) Spline collocation methods for Fredholm integro-differential equations of second order. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), N°1, 85-98.
32. (with T. Q. Binh) On a fixed point theorem. *Funct. Anal. Appl.*(transl.) **30**(1996), N°3, 220-221.
33. (with N. V. Tuan) Spline collocation methods for a system of nonlinear Fredholm-Volterra integral equations. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), N°1, 155-169.
34. (with N. V. Tuan), Spline collocation methods for Fredholm-Volterra integro-differential equations of high order. *Vietnam J. Math.* **29**(1997), N°1, 15-24.



35. (with Yu. V. Egorov) Some semilinear boundary value problems for singular integro-differential equations, *Uspehi Mat. Nauk*, **53**(1998), N<sup>o</sup>6, 249-250.
36. (with T. Q. Binh) On a fixed point theorem for nonexpansive nonlinear operator. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>o</sup>1, 1-8.
37. (with N. V. Co) Multidimensional  $p$ -adic Green function. *Proc. Amer. Math. Soc.* **127**(1999), N<sup>o</sup>2, 685-694.
38. (with H. T. Ngoan, N. M. Tri and L. Q. Trung) *Partial differential equations (in Vietnamese) – Phương trình đạo hàm riêng*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, 331 trang.
39. (with T. N. Tri) The integral wavelet transform in  $L^p(\mathbf{R}^n)$ ,  $1 < p < \infty$ . *Fract. Calc. Appl. Anal.*, **3** 2000), N<sup>o</sup>2, 133-140.
40. (with N. V. Co) An iteration scheme for non-expansive mappings in metric spaces of hyperbolic type. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>3, 257-262.
41. (with B. K. Cuong) Galerkin-wavelet approximation for a class of partial integro-differential equations. *Fract. Calc. Appl. Anal.* **4**(2001), N<sup>o</sup>4, 143-152.
42. (with N. Q. Nga) On a multivalued nonlinear variational inequality. (Russian) *Differ. Uravn.* **37**(2001), N<sup>o</sup>1, 128-129, 143; English transl.: *Differ. Equ.* **37**(2001), N<sup>o</sup>1, 144-145
43. (with N. X. Thuan) Random fixed point theorems for multivalued nonlinear mappings. *Random Oper. Stochastic Equations* **9**(2001), N<sup>o</sup>3, 235-244.
44. (with N. V. Khai, K.V. Ninh, N. V. Tuan and N. Tuong) *Numerical analysis (Vietnamese) - Giải tích số*. NXB Giáo dục, Hanoi, 2001, 460 trang
45. (with T. Q. Binh) Approximation of nonlinear operator equations. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **22**(2001), N<sup>o</sup>7-8, 831-844.
46. (with N. X. Thuan) Nonlinear variational inequalities for random weakly semimonotone operators. *Random Oper. Stochastic Equations* **9**(2001), N<sup>o</sup>4, 319-328.
47. (with N. X. Thuan) The surjectivity of semiregular maximal monotone random mappings. *Random Oper. Stochastic Equations* **10**(2002), N<sup>o</sup>1, 47-58.
48. (with T. N. Tri) The integral wavelet transform in weighted Sobolev spaces. *Abstr. Appl. Anal.* **7**(2002), N<sup>o</sup>3, 135-142.
49. (with N. X. Thuan) Random equations for weakly semimonotone operators of type (S) and semi-J-monotone operators of type (J-S). *Random Oper. Stochastic Equations* **10**(2002), N<sup>o</sup>2, 123-132.

50. (with B. K. Cuong) The convergence estimates for Galerkin-wavelet solution of periodic pseudodifferential initial value problems. *Int. J. Math. Math. Sci.* 2003, N<sup>o</sup>14, 857-867.
51. (with N. Q. Nga) Some fixed point theorems for noncompact and weakly asymptotically regular set-valued mappings. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **24** (2003), N<sup>o</sup>7-8, 895-905.
52. (with Yu. V. Egorov and D. A. Tuan) A semilinear non-classical pseudo-differential boundary value problem in the Sobolev spaces. *C. R. Math. Acad. Sci. Paris* **337**(2003), N<sup>o</sup>7, 451-456.
53. (with T. D. Ke) Existence of solutions for a nonlinear degenerate elliptic system. *Electron. J. Differential Equations* 2004, N<sup>o</sup>93, 15p. (electronic).
54. (with B. K. Cuong) Convergence estimates of Galerkin-wavelet solutions to a Cauchy problem for a class of periodic pseudodifferential equations. *Proc. Amer. Math. Soc.* **132**(2004), N<sup>o</sup>12, 3589-3597.
55. (with Yu. V. Egorov and D. A. Tuan and T. T. Kiet) Non-classical pseudo-differential boundary value problems in Sobolev spaces  $H_{l, p}$ ,  $1 < p < \infty$ . *Abstract and applied analysis*, 95-124, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2004.

#### Phan Van Chuong\*

1. On a condition for finiteness of the eigenvalue set of nonselfadjoint differential operators of high order. *Vestnik Moskov. Univ.* **3**(1966), 3-13 (in Russian).
2. Sur les valeurs propres des transformations différentielles ordinaires non autojointes. *Acta Scient. Vietnam.* **3**(1966), 9-22.
3. On the uniqueness of integral representations for positively defined kernels. *Acta Scient. Vietnam.* **6**(1969), 150-164.
4. On an approximation theorem for set-valued mappings. *Acta Math. Vietnam.* **1**(1976), N<sup>o</sup>2, 97-104.
5. On a theorem of smooth selection and its application to multivalued integral equations. *Mat. Sb. (N.S.)* **105**(1978), 623-637 (in Russian).
6. On two variational problems on a two-dimensional torus. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>1, 80-88 (in Russian).
7. On the uniqueness of integral representations for positively defined kernels. *Mat. Sb. (N.S.)* **108**(1979), N<sup>o</sup>2, 290-299 (in Russian).
8. Version paramétrique du théorème de Krein-Milman et théorème de densité pour les applications multivoques. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>2, 99-112.
9. Solutions continues à droite d'une équation intégrale multivoque. *Sém. Anal. Convexe* **3**(1979).

10. Densité des selections extrémales d'une multiapplication mesurable. *Sém. Anal. Convexe* 5(1979).
11. Sur l'existence des sections séparément mesurables et séparément absolument continues d'une multiapplication et applications aux équations intégrales multivoques. *Acta Math. Vietnam.* 4(1979), N°2.
12. Versions aléatoires du théorème de point fixe de Kakutani-Ky Fan. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série*, 291(1980), N°2, 144-147.
13. Random version of the Kakutani-Ky Fan fixed point theorem. *J. Math. Anal. Appl.*, 82(1980), N°2, 473-490.
14. Quelques théorèmes de point fixe aléatoire. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série A* 291(1980), N°4, 259-262.
15. Quelques théorèmes de point fixe pour les multifonctions aléatoires de type contraction. *Sém. Anal. Convexe* 7(1980).
16. Théorème de point fixe pour les multiapplications de type contraction sans hypothèse de continuité. *Acta Math. Vietnam.* 5(1980), N°2, 24-41.
17. Version vectorielle d'un théorème de densité et ses applications aux problèmes de contrôle. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série A* 293(1981), 665-668.
18. Sur l'existence des solutions pour les équations intégrales multivoques à paramètre aléatoire. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série A*, 297(1983), 283-286.
19. Vector version of a density theorem with an application in control theory. *J. Math. Analysis Appl.* 95(1983), N°2, 379-393.
20. Existence of solutions for random multivalued Volterra integral equations. Part I: Local existence. *J. Integral Equations* 7(1984), N°2, 143-173.
21. Existence of solutions for random multivalued Volterra integral equations. Part II: Global existence. *J. Integral Equations* 7(1984), N°2, 175-185.
22. A density result with application in relaxation of nonconvex differential equations. *J. Math. Analysis Appl* 124(1987), N°1, 1-14.
23. Some results on density of extremal selections for measurable multifunctions. *Math. Nachr.* 126(1986), 311-326.

### Le Ngoc Chuyen\*

1. Involutive sets of functions on orbits of representation of finite-dimensional Lie algebras. *Uspekhi Math. Nauk* 38(1983), N°1, 179-180 (in Russian).
2. Involutive sets of functions on orbits of representations of Lie algebras. In: *Functional Analysis and Its Applications in Mechanics and Probability Theory*, Moscow Univ., 1984, 139-140 (in Russian).



3. Frobenius algebras and involutive functions on extensions of Lie algebras. *Proceedings of the Seminar on Vector and Tensor Analysis* **22**(1985), 69-106 (in Russian).
4. *Complete Involutive Sets of Polynomial Functions on Finite-Dimensional Lie Algebras*. Ph. D. Thesis, Moscow State University, 1985, 112p. (in Russian).
5. Frobenius algebras and extensions of polynomial functions on Lie algebras. In: *Geometry, Differential Equations and Mechanics*, Moscow Univ., 1986, 97-101.

### Nguyen Dinh Cong

1. On the Lyapunov exponents of solutions of linear differential systems with a random inhomogeneity. *Differ. Uravn.* **20**(1984), N°5, 887-889 (in Russian).
2. Lyapunov characteristic exponents of a regular system with a nonlinear perturbation and a random inhomogeneity. *Differ. Uravn.* **21**(1985), N°6, 962-974; English transl. In *Differential Equations* **21**(1985), N°1, 644-654.
3. Stochastic stability of the Lyapunov exponents of systems with integral separateness. *Mat. Zametki* **40**(1986), No3, 393-400; English transl. in *Math. Notes* **40**(1986), N°3, 731-735.
4. On the stochastic stability of the Lyapunov exponents of equations of arbitrary order. *Mat. Sb.* **132**(174)(1987), N°2, 225-243; English transl. in *Math. USSR Sb.* **60**(1988), N°1, 217-235.
5. Stochastic stability test for the highest Lyapunov exponent. *Mat. Zametki* **43**(1988), N°1, 82-97; English transl. in *Math. Notes* **43**(1988), N°1, 49-57.
6. On central exponents of linear systems with coefficients perturbed by a white noise. *Differ. Uravn.* **26**(1990), N°3, 420-427; English transl. in *Differential Equations* **26**(1990), N°3, 307-313.
7. On Lyapunov exponents and central exponents of linear systems of differential equations with almost periodic coefficients under random perturbations. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°1, 69-73.
8. Lyapunov exponents and central exponents of systems with weakly varying coefficients under small random perturbations. *Differ. Uravn.* **27**(1991), N°10, 1712-1720; English transl. in *Differential Equations* **27**(1991), N°10, 1208-1213.
9. A property of systems of differential equations perturbed by white noises and its applications to the stochastic continuity of Lyapunov exponents. *Stochastic Anal. Appl.* **11**(1993), N°4, 423-439.

10. (with L. Arnold). Generic properties of Lyapunov exponents. *Random Comput. Dynam.* **2**(1994), 335-345.
11. Structural stability of linear random dynamical systems. *Ergodic Theory Dynam. Systems* **16**(1996), 1207-1220.
12. Topological classification of linear hyperbolic cocycles. *J. Dynam. Differential Equations* **8**(1996), 427-467.
13. *Topological Dynamics of Random Dynamical Systems*. Oxford Mathematical Monographs. Clarendon Press, Oxford, 1997.
14. Structural stability and topological classification of continuous-time linear hyperbolic cocycles. *Random Comput. Dynam.* **5**(1997), 19-63.
15. (with V. I. Oseledets). Topological invariants of linear cocycles of an ergodic map. In: *Proceedings of the Steklov Institute of Mathematics* **216**(1997), 243-256.
16. (with L. Arnold). On the simplicity of the Lyapunov spectrum of product of random matrices. *Ergodic Theory Dynam. Systems* **17**(1997), 1005-1025.
17. Estimation for the Lyapunov exponents of linear systems of differential equations under small random perturbation. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), 253-267.
18. (with L. Arnold and V. I. Oseledets). Jordan normal form for linear cocycles. *Random Oper. Stochastic Equations* **7**(1999), 303-358.
19. (with L. Arnold). Linear cocycles with simple Lyapunov spectrum are dense in  $L^\infty$ . *Ergodic Theory Dynam. Systems* **19**(1999), 1389-1404.
20. (with L. Arnold and V. I. Oseledets) The essential range of a nonabelian cocycle is not a cohomology invariant. *Israel J. Math.* **116**(2000), 71-76.
21. A remark on non-uniform property of linear cocycles. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>1, 81-85.
22. Lyapunov spectrum of nonautonomous linear stochastic differential equations. *Stoch. Dyn.* **1**(2001), N<sup>o</sup>1, 127-157.
23. (with S. Siegmund) Dichotomy spectrum of nonautonomous linear stochastic differential equations. *Stoch. Dyn.* **2**(2002), N<sup>o</sup>2, 175-201.
24. *Theory of dynamical systems (in Vietnamese) – Lý thuyết hệ động lực*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, 229 trang.
25. (with H. Nam) Lyapunov's inequality for linear differential algebraic equation. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>1, 73-88.
26. (with H. Nam) Lyapunov regularity of linear differential algebraic equations of index 1. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>1, 1-21.
27. Almost all nonautonomous linear stochastic differential equations are regular. *Stoch. Dyn.* **4**(2004), N<sup>o</sup>3, 351-371.

## Bui Cong Cuong

1. On a discrete problem. *Tap san Toan Li* **3:2**(1964), 60-61 (in Vietnamese).
2. Reduced dismembered strategies in games in extensive form. *Vestnik Leningrad Univ., Math. Mech. Astr.* **1**(1969), 49-59 (in Russian).
3. On a class of games in extensive form. *Tap san Toan Li* **3-4:8**(1969), 62-69 (in Vietnamese).
4. Markovian reduced strategies in games in extensive form. *Vestnik Leningrad Univ., Math. Mech. Astr.* **4:9**(1970), 7-12 (in Russian).
5. Some problems of game theory. *Tap san Toan Li* **9**(1971), 24-30 (in Vietnamese).
6. Markovian reduced strategies in infinite position structures. *Vestnik Leningrad Univ., Math. Mech. Astr.* **1:1**(1971), 9-14 (in Russian).
7. Markovian reduced strategies. In the book "Game Theory", *Armen. Acad. Pub., Erevan* 1971, 80-83 (in Russian).
8. (with H. Tuy) Convex analysis and related question. *Tap chi Toan hoc* **1:4**(1973), 1-21 (in Vietnamese).
9. Extremal problems of multivalued mappings. *Tap chi Toan hoc* **3:1**(1975), 34-40 (in Vietnamese).
10. Some remarks on minimax theorems. *Acta Math. Vietnam.* **1:2**(1976), 67-74.
11. New scientific methods in economic management and finance. *Tap chi Kinh te* **12**(1974), 8-9, **2**(1975), 15-17, **3**(1975), 24-26 (in Vietnamese).
12. Remarks on Walras equilibrium existence theorem. *Bul. Acad. Pol. Des Sci., Ser. Math. Phys. Astr.* **26:5**(1976), 349-351.
13. The minimax theorem and existence of equilibrium, *Tap chi Toan hoc* **1**(1976), 30-33 (in Vietnamese).
14. The minimax theorem and existence of equilibrium, *Tap chi Toan hoc* **2**(1976), 36-45 (in Vietnamese).
15. Cooperative Games with Multipayoffs. *Acta Math. Vietnam.* **4:2**(1979), 36-45.
16. Some classes of games with multipayoffs, *Sci. Proceedings of NCSR, Hanoi*, **2**(1980), 1-7.
17. (with N. Q. Thai and T. V. Thieu) Some nonlinear programming problems and applications. *Sci. Proceedings of NCSR, Hanoi* **2**(1981), 2-7.
18. Some fixed point theorems for multifunctions in topological vector spaces (announcement of results). *Bul. Acad. Pol. Des Sci.* **32:3**(1984), N<sup>o</sup>4, 215-221.
19. *Some fixed point theorems for multifunctions with applications in game theory*. Dissertationes Mathematicae, CCXLV, Warsaw 1985, 40.

20. (with H. Tuy) minimax theorem and weakly connected multifunctions in topological vector spaces. In: *Actes Trois Conf. Math. Vietnam, Hanoi 1986*, 84-87.
21. Systems Sciences and Decision Support Systems Design. In: *Sci. and Tech. Information NCRS*, 1990, 1-10.
22. (with B. M. Tri) *Lectures on Probability Theory and Applied Statistics (in Vietnamese) – Bài giảng về Lý thuyết xác suất và Thống kê ứng dụng*. NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 1998, 340 trang.
23. (with N. H. Phuong) *Fuzzy Systems and Applications (in Vietnamese) – Hệ mờ và ứng dụng*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1998, 414 trang.
24. (with N. T. Huong and P. V. H. Van) Some algorithms in group decision making using consensus measures. In: *Proc. Vietnam-Japan Bileteral Smposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam*, 1998, 506-512.
25. A multiple criteria group decision making model under linguistic assessments. In: *Proc. Int. Sump. on Medical Informatics and Fuzzy Technology, MIF'99, CNRS, Hanoi*, 1999, 291- 297.
26. (with P. V. H. Van) A choice process for multicriteria group decision making under linguistic assessments. In: *Proc. Int. Sump. on Medical Informatics and Fuzzy Technology, MIF'99, CNRS, Hanoi*, 1999, 403-408.
27. On Group Decision Making under Linguistic Assessments. *Int. J. Uncertainty, Fuzzyness and Knowledge-Based Systems* 7:4(1999), 301-308.
28. (with N. D. Phuoc (Ed.)) *Fuzzy Systems, Neural Networks and Applications*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2001 (in Vietnamese).
29. (with L. B. Long, P. V. Loi and D. T. Hieu) Some properties of t-norms with threshold. In: *Proceedings of the Second Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications, VJFUZZY'01, CNRS*, 2001, 28-33.
30. (with N. V. Diep, D. T. Long and B. D. Hai) A new method for fuzzy parameter programming, using expert's opinions and LOWA operator. In: *Proceedings of the Second Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications, VJFUZZY'01, CNRS*, 2001, 81-87.
31. (with N. H. Phuong and P. H. Anh) Fuzzy relation with threshold and some inference methods. In: *Proceedings of the Second Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications, VJFUZZY'01, CNRS*, 2001, 345-352.
32. (with N. H. Phuong, P. H. Anh and K. Yamada) Fuzzy Relation with Threshold and Application. *Inter. J. Advanced Intelligent Technology* 6(2002), N<sup>o</sup>1,1-6.
33. Fuzzy Collective Solutions and its Applications. *J. Computer Science and Cybernetics* 18(2002), N<sup>o</sup>2, 167-174 (in Vietnamese).



34. Some Algebraic Properties of T-norm with Threshold. In: *Proceedings of the Third International Conference on Intelligent Technologies and Third Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications*, INTECH/VJFUZZY'2002, CNRS, 2002, 49-53
35. (with K. M. Tuan and T. V. Trung) Some Choice Processes in Multicriteria Group Decision Making using Linguistic Dominance Degrees. In: *Proceedings of the Third International Conference on Intelligent Technologies and Third Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications*, INTECH/VJFUZZY'2002, CNRS, 2002, 54-60.
36. (with N. H. Phuong, H. K. Le, B. T. Son and L. Q. Phuc) Adding Some New Fuzzy Inference Methods to "Fuzzy Logic Toolbox" of MATLAB. In: *Proceedings of the Third International Conference on Intelligent Technologies and Third Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications*, INTECH/VJFUZZY'2002, CNRS, 2002, 143-148.
37. (with N. H. Phuong, H. K. Le, B. T. Son and K. Yamada) Fuzzy Inference Methods Employing T-norm with Threshold and Their Implementation. *J. Advanced Computational Intelligence and Intel. Informatics* 7(2003), N<sup>o</sup>3, 362-369.
38. (with L. B. Long) Non-additive Measures , Choquet Intergral and Applications. *J Computer Science and Cybernetics* 20(2004), N<sup>o</sup>1, 42-48 (in Vietnamese).
39. (with P. A. Quan and L. Q. Phuc) A Learning Algorithm in Decision Based Neural Networks. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004, 168- 171.
40. (with L. C. Ngoc) Some Remarks on Fuzzy Operators with Thresholds. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004, 177- 182.
41. (with L. T. H. Nhung) Fuzzy Collective Solution in Multicriteria Analysis. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004, 183-186.
42. (with N. H. Phuong and L. Q. Phuc) An Improved Neuro-Fuzzy Models for the Classification of Data. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004,187-191.
43. (with T. V. Trung) An Applicatio of Fuzzy Theory to a Network Analysis Problem in Geographic Information Systems. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004, 192-197.
44. (with D. T. Long and L. Q. Phuc) Two Neural Networks Based Approaches in Data Mining. In: *Proceeding of he First National Symposium " Fundamental and Aplied Information Technology*

- Research*" , FAIR, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2004, 102-115 (in Vietnamese).
45. Fuzzy Aggregation and Application. In: *Proceedings of the Sixth International Conference on Fuzzy Systems*, AFSS'2004,VAST, 2004, 40-47.

### Doan Trung Cuong

1. (with N. T. Cuong) dd-sequences and partial Euler-Poincare characteristics of Koszul complex. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>3, 353-358.

### Nguyen Tu Cuong

1. (with N. H. Duc, N. S. Minh and H. H. Vui) Sur les germes de fonctions infiniment determines. *C. R. Acad. Sc. Paris* **285**(1977), 1045-1048.
2. (with P. Schenzel and N. V. Trung) Ueber verallgemeinerte Cohen-Macaulay Moduln. *Math. Nachr.* **85**(1978), 57-73.
3. (with N. H. Duc, N. S. Minh and H. H. Vui) On the infinite determined differentiable functions. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1978), 43-50.
4. (with N. V. Trung) Ueber schwache Sequenzen. *Period. Math. Hungar.* **11**(1981), 77-80.
5. Trivialite des deploiements de reseaux holomoes. *Bull. Math. France Memoire* **6**(1981), 78-85.
6. Freie Auflosung eines flachen holonomen Systems und ihre Entfaltungen. *Seminar-berichte Humboldt Univ.* **39**(1981), 1-41.
7. On the length of the powers of a system of parameters in local rings. *Nagoya Math. J.* **120**(1990), 77-88.
8. On the dimension of the non-Cohen-Macaulay locus of local rings admitting dualizing complexes. *Math. Proc. Cambridge Philos. Soc.* **109**(1991), N<sup>o</sup>2, 479-488.
9. (with N. D. Minh) Openness of locus of points having polynomial types bounded above by a constant. *Vietnam J. Math.* **20**(1992), N<sup>o</sup>1, 71-76.
10. On the least degree of polynomials bounding above the differences between lengths and multiplicities of certain systems of parameters in local rings. *Nagoya Math. J.* **125**(1992), 105-114.
11. P-standard systems of parameters and p-standard ideals in local rings. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), N<sup>o</sup>1, 146-161.
12. (with V. T. Khoi) On the partial Euler-Poincare characteristic of certain systems of parameters in local rings. *Math. Z.* **222**(1996), 383-390.

13. (with N. D. Minh) On the lengths of Koszul homology modules and generalized fractions. *Math. Proc. Cambridge Philos. Soc.* **120**(1996), 31-42.
14. (with V. T. Khoi) A lower bound for index of reducibility of parameter ideals in local rings. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), N<sup>o</sup>4, 341-347.
15. (with N. D. Minh) On the length of generalized fractions of modules having polynomial type  $< 2$ . *Vietnam J. Math.* **26**(1998), N<sup>o</sup>1, 87-90.
16. Remarks on the non-Cohen-Macaulay locus of Noetherian schemes. *Proc. Amer. Math. Soc.* **126**(1998), N<sup>o</sup>4, 1017-1022.
17. (with N. T. Hoa and N. H. Loan) On certain length functions associated to a system of parameters in local rings. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>3, 259-272.
18. (with V. T. Khoi) Modules whose local cohomology modules have Cohen-Macaulay Matlis duals, In: *Proceedings of Hanoi Conf. on Commutative Algebra Algebra Geometry and Computational Methods*, Edited by D. Eisenbud, Springer-Verlag, (1999), 223-232.
19. (with N. D. Minh) Length of generalized fractions of modules having small polynomial type. *Math. Proc. Cambridge Philos. Soc.* **128**(1999), 169-182.
20. (with L. T. Nhan) Dimension, multiplicity and Hilbert function of Artin modules. *East-West J. Math.* **2**(1999), N<sup>o</sup>2, 179-196.
21. (with T. T. Nam) Local homology modules for linearly compact modules. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>1, 87-91.
22. (with L. T. Nhan) On representable linearly compact modules. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>3, 291-294.
23. (with T. T. Nam) The I-adic completion and local homology for Artinian modules. *Math. Proc. Cambridge Philos. Soc.* **131**(2001), N<sup>o</sup>1, 61-72.
24. (with N. T. Hoa and L. T. Nhan) On modules whose local cohomology modules have generalized Cohen-Macaulay Matlis duals. *East-West J. Math.* **3**(2001), N<sup>o</sup>2, 109-123.
25. (with T. T. Nam) On the co-localization, co-support and co-associated primes of local homology modules. *Vietnam J. Math.* **29**(2001), N<sup>o</sup>4, 359-368.
26. (with L. T. Nhan) On representable linearly compact modules. *Proc. Amer. Math. Soc.* **130**(2002), N<sup>o</sup>7; 1927-1936 (electronic).
27. (with N. T. H. Loan) On pseudo-Buchsbaum modules. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>3, 299-303.
28. (with L. T. Nhan) On the Noetherian dimension of Artinian modules. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>2, 121-130.
29. (with N. T. Hoa) Parametrical characterizations for pseudo and sequentially Cohen-Macaulay modules. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>4, 417-420.

30. (with M. Morales and L. T. Nhan) On the length of generalized fractions. *J. Algebra* **265**(2003), N<sup>o</sup>1, 100-113.
31. (with L. T. Nhan) Pseudo Cohen-Macaulay and pseudo generalized Cohen-Macaulay modules. *J. Algebra* **267**(2003), N<sup>o</sup>1, 156-177.
32. (with D. T. Cuong) dd-sequences and partial Euler-Poincaré characteristics of Koszul complex. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>3, 353-358.
33. *Lectures on modern algebra (in Vietnamese) - Giáo trình đại số hiện đại.* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2003, 183 trang.
34. (with M. Morales and L. T. Nhan) The finiteness of certain sets of attached prime ideals and the length of generalized fractions. *J. Pure Appl. Algebra* **189**(2004), N<sup>o</sup>1-3, 109-121.
35. (with N. T. H. Loan) A characterization for pseudo Buchsbaum modules. *Japan. J. Math. (N.S.)*, **30**(2004), N<sup>o</sup>1, 165-181.

### Nguyen Tien Dai

1. (with N.H. Duc) Stabilité de l'interaction géométrique entre deux composantes holonomes simples. *C.R. Acad. Sci. Paris Série I*, **291**(1980), 113-116.
2. (with F. Pham and N.H. Duc) Singularités non dégénérées des systèmes de Gauss-Manin réticulés. *Bull. Math. Soc. France, Mémoire*, **6**(1981), 1-77.
3. Classification des déploiements de germes de systèmes microdifférentielles holonomes de multiplicité 2. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N<sup>o</sup>2, 263-281.
4. Théorème de division et stabilité de systèmes holonomes. *Publ. Res. Inst. Math. Sci, Kyoto Univ.* **29**(1993), 681-707.
5. The singularities of type  $A_k$  of holonomic systems. *Publ. Res. Inst. Math. Sci, Kyoto Univ.* **30**(1994), 97-109.
6. (with N. H. Duc) Stability of a regular geometric interaction between holonomic components. *Univ. Iagellonicae Acta Math. Fasciculus XXVII*(1988), 325-336.

### Bui Khoi Dam\*

1. (with D. Q. Luu) On the Radon-Nikodym property in conjugate Banach spaces. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N<sup>o</sup>3, 24-26 (in Vietnamese).
2. (with N. D. Tien) On the multivalued asymptotic martigales. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), N<sup>o</sup>1, 77-87.



3. On the convergence of armats in Orlicz spaces. *Ann. Univ. Sci. Budapest. Eötvös, Sect. Math.* **30**(1987), 231-239.
4. The dual space of the martigale Hardy spaces with general Young function. *Anal. Math.* **14**(1988), N°4, 287-294.
5. BMO-sequences and armats. *Acta Math. Hungar.* **53**(1989), N°3-4, 271-279.
6. Connection between the BMO-spaces and the  $K\phi$ -spaces. *Ann. Univ. Sci. Budapest., Sect. Comput.* **32**(1989).
7. A strong law of large numbers for armats. *Ann. Univ. Sci. Budapest. Eötvös, Sect. Math.* **33**(1990).

### Le Huu Dien\*

1. Homotopic classification of the Dirichlet problem for Petrovski elliptic systems with complex coefficients on the plane. *Dokl. Akad. Nauk BSSR* **22**(1978), N°3, 214-216, (in Russian).
2. Topological classification of general boundary problems for Petrovski elliptic systems on the plane. *Dokl. Akad. Nauk BSSR* **22**(1978), N°10, 877-880, (in Russian).
3. (with V. I. Shevchenko) Homotopic classification of Petrovski elliptic systems on the plane. *Dokl. Akad. Nauk BSSR* **238**(1978), N°1, 26-28, (in Russian).
4. Homotopic classification of Duglis-Nirenberg elliptic systems, I. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N°1, 93-118.

### Nguyen Huu Dien

1. A continuity of fuzzy mappings. *C. R. Acad. Bulgar. Sci.* **39:11**(1986), 25-28.
2. On common fixed point of maps in uniform spaces, In: *Proceeding of the conference on 100 year Academic L. Trakalov; Sofia*, 1986.
3. *Fixed points and fuzzy mappings*. Ph. D. Thesis, *Sofia Institute of Mathematics, Bulgaria*, (1986) 120p. (in Bulgarian).
4. Some remarks on variational-like inequalities and and quasi-variational-like inequalities. *Bull. Austral. Math. Soc.* **46**(1992), 335-342.
5. Some remarks on common fixed points. *J. Math. Anal. Appl.* **1987:1**(1994), 76-90.
6. *Guide to Maple V* (in Vietnamese) – Hướng dẫn sử dụng Maple V. NXB Thống Kê, 1999, 200 trang.

7. (with Nguyen Minh Tuan), *LaTeX-Reference and Compose (in Vietnamese)* - . NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001, 308 trang.
8. *LaTeX with Packages and Tool Softwares (in Vietnamese)* - . NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004, 318 trang.
9. So sánh thời gian thực hiện tính toán trên Maple-Mathematica-Matlab. *Kỷ yếu hội nghị ứng dụng toán học toàn quốc lần thứ nhất*, Hà Nội, 23-25/12/1999, Tập III, 931-936.

### Pham Huy Dien

1. Some results on locally Lipschitzian mappings. *Acta Math. Vietnam.* 6(1981), N<sup>o</sup>2, 97-105.
2. Nonsmooth Implicit Function Theorems and their Applications. *Tap chi Toan hoc* 11(1983), N<sup>o</sup>4, 26-31.
3. Locally Lipschitz set-valued maps and generalized extremal problems with inclusion constraints. *Acta Math. Vietnam.* 8(1983), N<sup>o</sup>2, 109-122.
4. (with N. D. Yen) A remark on the Clarke tangent cone. *Acta Math. Vietnam.* 10(1985), N<sup>o</sup>1, 144-147.
5. On the regularity condition for the extremal problem under locally Lipschitz inclusion constraints. *Appl. Math. Optim.* 13(1985), 151-161.
6. (with P. H. Sach) Contingent cone to the solution set of an inclusion system and optimization problems involving set-valued maps, In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization*, Hanoi -1987, 43-59.
7. (with P. H. Sach) Second order optimality conditions for the extremal problem under inclusion constraints. *Appl. Math. Optim.* 20(1989), 71-80.
8. (with P. H. Sach) Further properties of regularity of inclusion systems. *Nonlinear Anal.* 13(1989), N<sup>o</sup>11, 1251-1267.
9. (with H. T. Phung) On the closedness of the set-valued mapping defined by the generalized gradient of the support function of a locally Lipschitz set-valued map. *Acta Math. Vietnam.* 14(1989), N<sup>o</sup>2, 31-36.
10. (with H. T. Phung) Algorithm for finding a solution to the inclusion  $0 \in F(x)$ . *J. Optim. Theory Appl.* 67(1990), N<sup>o</sup>3, 509-531.
11. (with N. D. Yen) On implicit function theorems for set-valued mappings and their applications to Mathematical Programming under inclusion constraints. *Appl. Math. Optim.* 24 (1991), 35-54.
12. (with H. T. Phung) Solving nonsmooth inclusions in the convex case. *Z. Oper.Res.* 35(1991), 401-424.
13. (with N. D. Yen) On differential estimations for marginal functions in Mathematical Programming under inclusion constraints, In: *Lecture*

- Notes in Control and Information Sciences*, 143, Springer-Verlag, Berlin 1990, 244-251.
14. (with H. T. Phung) A general scheme for solving inclusions using derivatives of set-valued maps, In: *Nonsmooth Optimization: Methods and Applications*, ed. F. Giannessi, Gordon & Breach Publisher, 1992, 92-106.
  15. (with Mastroeni. G, Pappalardo. M and Quang P. H) Regularity conditions for constrained extremum problems via image spaces: The linear case, In: *Proc. "IV-th International Workshop on Generalized Convexity"*, Pecs (Hungary), September 1992, 145-152.
  16. (with D. T. Luc) Finding a generalized gradient for a marginal function. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 309-326
  17. (with Mastroeni G., Pappalardo M. and Quang P. H) Regularity conditions for constrained extremum problems via image spaces: The nonlinear case. *J. Optim. Theor. Appl.* **80**(1994), N<sup>o</sup>1, 19-38.
  18. (with D. T. Luc) Differentiable Selection of Optimal Solutions in Parametric Linear Programming. *Proc. Amer. Math. Soc.* **125**(1997), N<sup>o</sup>3, 883-892.
  19. (with D. T. Luc and T. D. Phuong) *Thực hành Tính toán trên Chương trình Maple V*. NXB Giáo dục, Hanoi, 1998 (in Vietnamese).
  20. (with D. T. Luc, T. D. Phuong and N. X. Tan) *Giải tích Toán học - Các Nguyên lý Cơ bản & Tính toán Thực hành*. NXB Giáo dục, Hanoi, 1998 (in Vietnamese).
  21. Ứng dụng các phần mềm toán học trong giảng dạy. *Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng Toán học toàn quốc lần thứ nhất*, Tập 1. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2001, 85-98 (in Vietnamese).
  22. (with D.T. Luc, T. D. Phuong) *Giải tích các hàm nhiều biến – những nguyên lý cơ bản và tính toán thực hành*. NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2003, 238 trang (in Vietnamese).
  23. (with H. H. Khoai) Mã hoá thông tin điện tử và vấn đề triển khai trong thực tiễn Việt Nam. *Tạp chí ứng dụng Toán học* **1**(2003), N<sup>o</sup>1, 5-22.
  24. (with D. X. Duong) Bài toán phân bổ tài nguyên và kỹ thuật Tabu. *Tạp chí ứng dụng Toán học* **1**(2003), N<sup>o</sup>2, 31-48.
  25. (with D. X. Duong) Tabu search approach to the solution of the general lectures scheduling problem. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>4, 437-447.
  26. (with H. H. Khoai) *Số học thuật toán*. NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2003, 238 trang (in Vietnamese).
  27. (with H. H. Khoai) *Mã hoá thông tin*. NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2004, 300 trang (in Vietnamese).
  28. Building a security service center for local area networks and possible applications in practice, In: *Proceedings of the 6<sup>th</sup> Vietnamese Mathematical conference*, 2005, 123-136.

## Do Ngoc Diep

1. The structure of the group  $C^*$ -algebra of the group of affine transformations of the straight line. *Funkt. Anal. i Priloz.* **9**(1975), N°1, 63-64.
2. *Applications of the homological K-functor Ext to studying the structure of the  $C^*$ -algebras of some solvable Lie groups.* Ph. D. Thesis, Moskov. Uni., 1977. The structure of  $C^*$ -algebras of type I, *Vestnik Moskov. Uni.*, 1978, N°2, 81-87.
3. Construction des représentations unitaires par les K-orbités et quantification. *C. R. Acad. Paris Série A*, **291**(1980), 295-298.
4. Multidimensional quantization. I The general construction. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N°2, 42-55.
5. Functor of projective limit in Banach categories. *Tap chi Toan hoc* **9**(1981), N°1, 16-20 (in Vietnamese).
6. Multidimensional quantization II. The covariant derivation. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N°1, 87-93.
7. Quantification des systèmes hamiltoniens à l'action plate d'un groupe de Lie. *C. R. Acad. Sci. Paris Série I*, **295**(1982), 345-348.
8. Idéaux de type compact associés aux représentations irréductibles induites par des représentations linéaires de sous-groupes invariants. *C. R. Acad. Sci. Paris Série I*, **294**(1982), 189-192.
9. (with H. H. Viet and V. M. Son) Sur la structure des  $C^*$ -algèbres d'une classe de groupes de Lie. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N°2, 90-125.
10. Quelques aspects topologiques en analyse harmonique. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N°2, 35-131.
11. Quantification multidimensionnelle III. Applications: Sur les représentations irréductibles de groupes de difféomorphismes. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N°1, 59-72.
12. Geometric quantization. *Tap chi Toan hoc* **11**(1983), N°3, 1-4 (in Vietnamese).
13.  $C^*$ -complexes de Fredholm I. *Acta Math. Vietnam.* **9**(1984), N°1, 121-130.
14.  $C^*$ -complexes de Fredholm II. *Acta Math. Vietnam.* **9**(1984), N°2, 193-199.
15. On the Langlands type discrete groups I. The Borel-Serre compactification. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), N°1, 41-54.
16. Multidimensional quantization IV. The generic representations. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), 67-72.
17. Multidimensional quantization V. The mechanical systems with supersymmetry. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°1, 11-40.



18. On the Langlands type discrete groups II. The theory of Eisenstein series. *Acta Math. Vietnam.* **16**(1991), N<sup>o</sup>1, 77-90.
19. Construction et reduction of the K-theory invariant Index  $C^*(G)$  of group  $C^*$ -algebras, Sonderforschungsbereich 343 "Diskrete Strukturen in der Mathematik". *Uni Bielefeld* **92-015**(1992), I.1-I.10.
20. Discrete series for loop groups I, Sonderforschungsbereich 343 "Diskrete Strukturen in der Mathematik". *Uni Bielefeld* **92-015**(1992), IV.1-IV.16.
21. On the Langlands type discrete groups III. The continuous cohomology, Sonderforschungsbereich 343 "Diskrete Strukturen in der Mathematik" **92-015**(1992), *Uni Bielefeld*, III.1-III.14.
22. Multidimensional quantization and Fourier integral operators, Forschungsgruppe "Nichtkommutative Geometrie und Topologie". *Math. Inst. Uni Heidelberg* **52**(1992), 1-17.
23. A survey of noncommutative geometry methods for group algebras. *J. Lie Theory* (then Seminar Sophus Lie) **3**(1993), 149-176.
24. Vanishing theorem for representations with regular lowest weight of loop groups, Forschungsgruppe "Nichtkommutative Geometrie und Topologie". *Uni. Heidelberg* **75**(1993), 1-21.
25. *Non-commutative geometry methods for group algebras*. Dr. Sc. Thesis, Institute of Math. *NCST of Vietnam*, Hanoi, 1995, 147 pp. (in Vietnamese).
26. Multidimensional quantization and degenerate principal series. *Vietnam J. of Math.* **23**(1995), 127-132.
27. (with N. V. Thu), Homotopy invariance of entire current periodic cyclic homology. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), N<sup>o</sup>2, 211-228.
28. (with A. O. Kuku and N. Q. Tho), Non-commutative Chern characters for compact Lie group  $C^*$ -algebras. *K-Theory* **17**(1999), N<sup>o</sup>2, 195-208.
29. Witten-Jeffrey-Kirwan localization formula for reduction at regular coadjoint orbits. *Matimyas Matematika*, Special Issue, August 1998, In: *Proceedings "International Conference on Inverse Problems and Applications"*, February 23-27, 1998, 93-108.
30. (with T. C. Trung) A geometric realization of degenerate principal series presentations of symplectic groups. *East-West J. Math.* **1**(1999), N<sup>o</sup>2, 117-130.
31. *Methods of noncommutative geometry for group  $C^*$ -algebras*. Chapman & Hall/CRC Research Notes in Mathematics, 416. Chapman & Hall/CRC, Boca Raton, FL, 2000. xii+351 pp.
32. (with A. O. Kuku and N. Q. Tho) Non-commutative Chern characters of compact quantum group. *J. Algebra* **226**(2000), N<sup>o</sup>1, 311-331.
33. (with N. V. Hai) Quantum half-planes via deformation quantization. *Beitr. Algebra Geom.* **42**(2001), N<sup>o</sup>2, 407-417.

34. (with N. V. Hai) Quantum co-adjoint orbits of the group of affine transformations of the complex line. *Beitr. Algebra Geom* **42**(2001), N<sup>o</sup>2, 419-430.
35. The noncommutative Chern-Connes character of the locally compact quantum normalizer of  $SU(1,1)$  in  $SL(2, \mathbb{C})$ . *Internat. J. Math.* **15**(2004), N<sup>o</sup>4, 361-367.
36. Riemann-Roch theorem and index theorem in non-commutative geometry. *Abstract and applied analysis*, 29-50, World Sci. Publishing, River Edge, NJ, 2004.
37. Quantum computers and related mathematical structures. *Tap chi Ung dung Toan hoc* **2**(2004), N<sup>o</sup>1, 77-92 (in Vietnamese).

### Hoang Dinh Dung

1. On the stability of the inverse boundary value problems for analytic functions. *Izv. Akad. Nauk. BSSR* **4**(1967), 22-26, (in Russian).
2. The stability of the inverse boundary problems for multischlicht functions. *Izv. Akad. Nauk. BSSR* **4**(1968), 26-30.
3. On the stability of mixed boundary problems. *Izv. Akad. Nauk. BSSR* **5**(1968), 122-126.
4. The stability of inverse boundary problems in the multiply-connected domains. *Izv. Akad. Nauk. BSSR* **2**(1969), 33-37.
5. On the instability of mixed boundary problems. *Izv. Akad. Nauk. BSSR* **4**(1969), 47-51.
6. *Stability of Inverse Boundary Problem for Analytic Functions*. Ph.D. Thesis, Beloruss. State Univ., Minsk 1969 (in Russian).
7. The Riemann problem with a shift for analytic surfaces, I. *Ann. Inst. Math. Hanoi* **3**(1971) (in Vietnamese).
8. Application of P-analytic functions to the theory of axial symmetry flow of viscous fluid. *Ann. Inst. Math. Hanoi* **4**(1972) (in Vietnamese).
9. The Riemann problem with a shift for analytic surfaces, II. *Tap chi Toan hoc* **1:1**(1973), 15-23 (in Vietnamese).
10. (with L. V. Thiem and N. V. Luoc) P-analytic functions and the axial symmetry flow of viscous fluid. *Acta Scient. Vietnam.* **9,10**(1974), 24-34.
11. Boundary value problems for viscous flow around a regular ellipsoid. *Acta Scient. Vietnam.* **9,10**(1974), 34-40 (in Russian).
12. Formula of summing representation for the equation  $\Delta\Delta\psi - 2k$  in the unbounded region. *J. of Methods of Math. Phys.* Hanoi, **1**(1976), 5-17 (in Vietnamese).
13. Determine of eigenvalues and eigenvectors for some diagonal matrices. *Tap chi Toan hoc* **4:4**(1976), 10-17 (in Vietnamese).

14. (with Le Van Thiem) The plane flow of viscous fluid by Oseen's scheme. *Acta Math. Vietnam.* **2:2**(1977), 23-33.
15. Application of method of summing representation to the solution of some boundary value problems for elliptic differential equations of the fourth order. *Tap chi Toan hoc* **3:5**(1977), 14-20 (in Vietnamese).
16. (với L. V. Thiêm và N. V. Lược) *Một số vấn đề toán học trong chuyển động nước thấm*. Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1978 (in Vietnamese).
17. The filtration of fluid around a dyke in the nonhomogeneous porous medium. *Tap chi Toan hoc* **2:7**(1979), 1-6 (in Vietnamese).
18. On a problem for the equation of nonstationary diffusion. *Tap chi Toan hoc* **3:7**(1979), 6-9 (in Vietnamese).
19. Some applications of P-analytic functions to the theory of fluid flow through nonhomogeneous porous medium. *Differen. Urav.* **15**(1979), 1088-1096 (in Russian).
20. Some integral representations of  $x^k y^l$ -analytic functions and their inverse formulas. *Diff. Urav.* **17**(1981), 165-171.
21. Integral representations of P-analytic functions with logarithmically harmonic character P. *Diff. Urav.* **17**(1981), 1668-1673.
22. Integral representation of  $e^x y^k$ -analytic functions. *Diff. Urav.* **18**(1982), 166-170.
23. Integral representations of  $y^k$ -analytic functions and their application to filtration theory. *Diff. Urav.* **18**(1982), 505-514.
24. Solution of the problems for Oseen viscous flow around an obstacle. *Vuch. Math. and Math. Phys.* Moscow, **5**(1983), 1254-1257 (in Russian).
25. Oseen plane flow of viscous fluid around the obstacles. *Acta Math. Vietnam.* **1:12**(1987), 73-78.
26. On the inversion formulas for the integral representation of  $e^{\lambda x}$ -analytic functions and their application. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), 3-15.
27. Inverse formulas for the integral representation of some P-analytic functions and their application. *Diff. Urav.* **24**(1988), 324-335.
28. Integral representation of the solution of some hyperbolic systems with degenerate coefficients and their applications. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), 153-162.
29. Integral representations of some (p, q)-wave functions and their application. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), 3-10.
30. On convergence of some differential operators of distributions. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), 79-84.
31. (with Nguyen Cong Dieu) On the problem of air pollution. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), 27-38.

32. Exact solution for a problem of air pollution. *Vietnam J. Math.* **24**(1996), 209-214.
33. Difference schemes for generalized solutions of some elliptic differential equations, I: *Vietnam J. Comp. Sci. Cybern.* **15**(1999), N<sup>o</sup>1, 49-61.
34. A mixed problem of active aerosol pollution. *Vietnam J. Mech.* **22**(2000), 87-92.
35. Difference schemes for generalized solutions of some elliptic differential equations, II. *Vietnam J. Comp. Sci. Cyber.* **16**(2000), N<sup>o</sup>2, 9-14.
36. Difference schemes of generalized solution for a class of elliptic nonlinear differential equations. *Vietnam J. Comp. Sci. Cybern.* **17**(2001), N<sup>o</sup>1, 10-16.
37. Lược đồ sai phân của nghiệm suy rộng bài toán ô nhiễm khí hoặc nước thải. In: *Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng toán học toàn quốc lần thứ nhất*, Hà Nội, tập III, 2001, 731-741 (in Vietnamese).
38. Difference schemes of generalized solutions for a class of parabolic nonlinear differential equations. In: *Proceedings of Conference on PDE and their Application*, Hanoi, 2001, 119-129.
39. (with V. T. Ngọc) Difference schemes for weak solution of mixed problems for parabolic differential equations, I. *Vietnam J. Comp. Sci. Cybern.* **19**(2003), N<sup>o</sup>1, 91-100.
40. (with T. X. Bo) Difference schemes for weak solution of mixed problems for hyperbolic differential equations, I. *Vietnam J. Comp. Sci. Cybern.* **19**(2003), N<sup>o</sup>3, 217-226.

**Nguyen Viet Dung** (N. V. Dung, algebraist)

1. The relations between uniform dimensions of a topological group and its factor-group. *Studies in the theory of rings, algebras and modules. Mat. Issled.* **76**(1984), 99-106 (in Russian).
2. (with D. V. Huynh) A characterization of Artinian rings. *Glasgow Math. J.* **30**(1988), 67-73.
3. (with D. V. Huynh) On the cardinality of ideals in Artinian rings. *Arch. Math. (Basel)*, **51**(1988), 213-216.
4. On linearly compact rings. *Arch. Math. (Basel)* **51**(1988), 327-331.
5. (with D. V. Huynh and P. F. Smith) Rings characterized by their right ideals or cyclic modules. *Proc. Edinburgh Math. Soc.* **32**(1989), N<sup>o</sup>2, 355-362.
6. (with D. V. Huynh and R. Wisbauer) Quasi-injective modules with acc or dcc on essential submodules. *Arch. Math. (Basel)* **53**(1989), 252-255.
7. Some conditions for a self-injective ring to be quasi-Frobenius. *Studia Sci. Math. Hungar.* **24**(1989), 349-354.



8. (with D. V. Huynh) Rings with restrictive injective condition. *Arch. Math.* (Basel), **54**(1990), 539-548.
9. (with D. V. Huynh and P. F. Smith) A characterization of rings with Krull dimension. *J. Algebra* **132**(1990), 104-112.
10. (with D. V. Huynh and P. F. Smith) A characterization of Noetherian modules. *Quart. J. Math. Oxford* **41**(1990), N<sup>o</sup>2, 225-235.
11. A note on hereditary rings or nonsingular rings with chain condition. *Math. Scand.* **66**(1990), 301-306.
12. Modules whose closed submodules are finitely generated. *Proc. Edinburgh Math. Soc.* **34**(1991), N<sup>o</sup>2, 161-166.
13. (with D. V. Huynh and R. Wisbauer) On modules with finite uniform and Krull dimension. *Arch. Math.* (Basel) **57**(1991), 122-132.
14. Generalized injectivity and chain conditions. *Glasgow Math. J.* **34**(1992), 319-326.
15. (with P. F. Smith) On semi-Artinian V-modules. *J. Pure Appl. Algebra* **82**(1992), 27-37.
16. (with P. F. Smith) Hereditary CS-modules. *Math. Scand.* **71**(1992), 173-180.
17. (with J. L. Gómez Pardo and R. Wisbauer) Complete pure injectivity and endomorphism rings. *Proc. Amer. Math. Soc.* **118**(1993), 1029-1034.
18. (with D. V. Huynh, P. F. Smith and R. Wisbauer), Extending Modules. *Pitman Research Notes in Mathematics Series*, **313**. Longman Scientific & Technical, Harlow, UK, 1994.
19. (with J. L. García) Some decomposition properties of injective and pure-injective modules. *Osaka J. Math.* **31**(1994), 95-108.
20. (with P. F. Smith)  $\Sigma$ -CS modules. *Comm. Algebra* **22**(1994), 83-93.
21. (with P. F. Smith) Rings for which certain modules are CS. *J. Pure Appl. Algebra* **102**(1995), 273-287.
22. On indecomposable decompositions of CS-modules. *J. Austral. Math. Soc. Ser. A* **61**(1996), 30-41.
23. (with J. Clark) On the decomposition of nonsingular CS-modules. *Canad. Math. Bull.* **39**(1996), 257-265.
24. On indecomposable decompositions of CS-modules II. *J. Pure Appl. Algebra* **119**(1997), 139 - 153.
25. (with A. Facchini) Weak Krull-Schmidt for infinite direct sums of uniserial modules. *J. Algebra* **193**(1997), 102 - 121.
26. Modules with indecomposable decompositions that complement maximal direct summands. *J. Algebra* **197**(1997), 449 - 467.
27. (with A. Facchini) Direct summands of serial modules. *J. Pure Appl. Algebra* **133**(1998) 93 -106.

28. Indecomposable decompositions of pure-injective modules. *Comm. Algebra* **26**(1998), 3709 - 3725.
29. Preinjective modules and finite representation type of artinian rings. *Comm. Algebra* **27**(1999), 3921 - 3947.
30. (with J. L. García) Additive categories of locally finite representation type. *J. Algebra* **238**(2001), No. 1, 200--238.
31. Strong preinjective partitions and almost split morphisms. *J. Pure Appl. Algebra* **158**(2001), No. 2-3, 131--150.
32. (with J. L. García) Copure semisimple categories and almost split maps. *J. Pure Appl. Algebra* **188**(2004), No. 1-3, 73--94.
33. On the finite type of families of indecomposable modules. *J. Algebra Appl.* **3**(2004), No. 1, 111--119.

**Nguyen Viet Dung** (N. V. Dung, topologist)

1. The fundamental groups of the spaces of regular orbits of affine Weyl groups. *Topology* **22:4**(1983), 425-435.
2. The mod2 equivariant cohomology algebras of finite configuration spaces of type B. *Proc. of the 3<sup>rd</sup> Vietnamese Congress of Mathematicians* **2**(1985), 210-215.
3. The modulo 2 cohomology algebra of wreath products, In: Proceedings of Barcelona Algebraic Topology Conference. *Springer Lect. notes in Math.* **1509**(1990), 115-119.
4. Note on the structure of cocommutative coalgebras. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>o</sup>1, 3-9.
5. The fundamental group of complexified real arrangements. *Ann. Sci. Math. Québec* **18:2**(1994), 157-167.
6. On the fundamental group of the complement of arrangements. *Kodai Math. J.* **17:3**(1994), 428-431.
7. (with H. H. Vui) The fundamental group of complex arrangements. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), N<sup>o</sup>1, 31-41.
8. *The topology of configuration spaces of type B*. Ph.D. Dissertation, Hanoi Institute of Mathematics, 1997.
9. Braid monodromy of the complex line arrangements. *Kodai Math. J.* **22**(1999), 46-55.
10. Homotopy of configuration spaces. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>1, 97-102.
11. A model for homotopy type of the complement. Dedicated to the memory of Le Van Thiem (Hanoi, 1998). *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>3, 289-295.

### Pham Canh Duong

1. (with H. Tuy) Stability, surjectivity and local invertibility of nondifferentiable mappings. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>1, 89-105.

### Nguyen Van Gia\*

1. On a property of p-vectors of rank one. *Tạp chí Toán học* **2**(1974), N<sup>o</sup>1-2, p.47, (in Vietnamese).
2. Some properties of the density of p-vectors of rank one and applications. *Tạp chí Toán học* **4**(1974), N<sup>o</sup>2, p.10, (in Vietnamese).
3. On a property of contravariant p-vector of weight + 1 and its application. *Acta Math. Vietnam.* **1**(1976), N<sup>o</sup>2, (in Vietnamese).
4. Solution of diffusion equation for distribution of suspended sediment in long channels. *Archiwum Hydrotechniki*, Polska Akademi Nauk, **29**(1982), 77-90.
5. Two-dimensional boundary value problem of the diffusion. *Acta Math. Vietnam.* **9**(1984), N<sup>o</sup>1, 87-119.
6. Diffusion problem with the Dirichlet boundary condition. *Tạp chí Toán học* **13**(1985), N<sup>o</sup>2, p.1, (in Vietnamese).

### Dang Vu Giang

1. On the exactness of a theorem of F.A. Fomin. *Anal. Math.* **17**(1991), 133-140.
2. Approximation on real line by Fourier transform. *Acta Sci. Math. (Szeged)*, **58**(1993), 197-209.
3. (with I. Györi) Oscillation of a linear neutral delay differential equation with unbounded time lag. *Diff. Eq. Dynam. Systems* **1**(1993), 267-274.
4. (with F. Móricz) On the integrability of trigonometric series. *Anal. Math.* **18**(1992), 15-23.
5. (with F. Móricz) Lebesgue integrability of Double Fourier transforms. *Acta Sci. Math. (Szeged)* **58**(1993), 299-328.
6. (with F. Móricz) Multipliers of double Fourier transforms and series on  $L^1$ . *Acta Sci. Math. (Szeged)* **58**(1993), 329-348.
7. (with F. Móricz) On the uniform and absolute convergens of Dirichlet integrals of functions in Besov space. *Acta Sci. Math. (Szeged)* **59**(1994), 257-265.
8. (with F. Móricz) The Cesaro operator on the Banach algebra of  $L^1(\mathbb{R}^2)$  multipliers II (Even case). *Acta Sci. Math. (Szeged)* **59**(1994), 625-655.
9. (with F. Móricz) A new characterization of Besov spaces on real line. *J. Math. Anal. Appl.* **189**(1994), 533-551.

10. (with F. Móricz) Strong approximation by Dirichlet integrals in  $L^\lambda(\mathbb{R})$ -norm,  $1 < \lambda < \infty$ , *J. Approx. Theory* **79**(1994), 271-286.
11. (with F. Móricz) Multipliers of Fourier transforms and series on  $L^1$ . *Archiv Math. (Basel)* **62**(1994), 230-238.
12. (with F. Móricz) Cesaro means of Fourier transforms and multipliers on  $L^1(\mathbb{R})$ . *Proc. Amer. Math. Soc.* **122**(1994), 469-477.
13. (with F. Móricz) The Cesaro operator on the Banach algebra of  $L^1(\mathbb{R}^2)$  multipliers III (Even-Odd case). *Acta Math. Hungar.* **68**(1995), 71-98.
14. (with F. Móricz) Lebesgue integrability of Fourier transforms. *Acta Sci. Math. (Szeged)* **60**(1995), 329-343.
15. (with F. Móricz) The strong summability of Fourier transforms. *Acta Math. Hungar.* **65**(1994), 403-419.
16. (with F. Móricz) Strong approximation by Dirichlet integrals in  $L^\infty$ -norm. *J. Approx. Theory* **83**(1995), 157-174.
17. (with F. Móricz) The Cesaro operator is bounded on the Hardy space  $H^1$ . *Acta Sci. Math. (Szeged)* **61**(1995), 535-544.
18. (with F. Móricz) On the  $L^1$ -theory of Fourier transforms and Multipliers. *Acta Sci. Math. (Szeged)* **61**(1995), 293-304.
19. (with F. Móricz) Hardy spaces on the plane and double Fourier transforms. *J. Fourier Anal. Appl.* **2**(1996), 487-505.
20. (with F. Móricz) The Cesaro operator on the Banach algebra of  $L^1(\mathbb{R}^2)$  multipliers I (Odd case). *Acta Sci. Math. (Szeged)* **62**(1996), 433-456.
21. (with F. Móricz) On the  $L^1$ -convergence of Fourier transforms. *J. Austral Math. Soc. Ser. A* **60**(1996), 405-420.
22. (with F. Móricz) The two dimensional Cesaro operator on the multiparameter Hardy space  $H^1(\mathbb{R} \times \mathbb{R})$ . *Acta Sci. Math. (Szeged)* **63**(1997), 279-288.
23. (with F. Móricz) The Cesaro operator on the multiparameter Hardy space  $H^1(\mathbb{T} \times \mathbb{T})$ . *Analysis* **17**(1997), 155-174.
24. (with F. Móricz) On the order of magnitude of Fourier transforms. *Acta Math. Hungar.* **75**(1997), 227-243.
25. *Fourier Analysis*. Ph. D. Thesis, Hungarian Academy of Science (1994).
26. On the recursive sequence  $\mathbf{x}_{n+1} = (\mathbf{A}\mathbf{x}_n + \mathbf{B})/(\mathbf{x}_n + \mathbf{a}\mathbf{x}_{n-1} + \mathbf{b})$ . *Far East J. Dyn. Syst.* **3**(2001), N<sup>o</sup>2, 141-148.
27. Discrete signals and Hilbert filter. *East-West J. Math.* **3**(2001), N<sup>o</sup>2, 163-170.
28. Logarithmic integrals, Sobolev spaces and Radon transform in the plane. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>3, 297-307.
29. Sobolev spaces and approximation by Fourier transforms. *Southeast Asian Bull. Math.* **27**(2003), N<sup>o</sup>1, 35-54.

30. (with D. C. Huong) Nilpotent matrices and dynamical systems. *Adv. Stud. Contemp. Math. (Kyungshang)* **8**(2004), N<sup>0</sup>1, 65-72.
31. (with Lenbury, Y.) Nonlinear delay differential equations involving population growth. *Math. Comput. Modelling* **40**(2004), N<sup>0</sup>5-6, 583-590.
32. (with D. C. Huong) Nontrivial Perivdicity in discrete delay models of population growth. *J. Math. Anal. Appl.* **305**(2005), 291-295.

### Truong Xuan Duc Ha

1. (with I. A. Bakhtin) On the convergence of the successive method in the theory of nonlinear equations with concave operators. *Functional Analysis, Ulianovsk* **14**(1980), 47-55 (in Russian).
2. (with I. A. Bakhtin) On the existence of positive eigenvectors for a class of concave operators. *Funct. Anal. Ulianovsk* **15**(1981), 33-43 (in Russian).
3. Behavior of positive eigenvectors of concave not completely continuous operators at the boundary of positive spectrum. *Funct. Anal. Ulianovsk* **16**(1982), 113-119 (in Russian).
4. The Sard's theorem for a class of locally Lipschitz mappings. *Sem. Convex Anal. Montpellier* **9**(1987), 1-14.
5. Banach spaces of d.c. functions and quasidifferentiable functions. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1988), N<sup>0</sup>2, 55-70
6. (with J. Saint-Pierre) Integration of the Jacobian of a locally Lipschitz function. *Sem. Convex Anal. Montpellier* **2**(1989), 1-18.
7. Nonconvex perturbation of differential inclusions with memory. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>0</sup>1, 57-62.
8. (with C. Castaing and M. Valadier) Evolution equations governed by the sweeping process. *Set-Valued Analysis* **1**(1993), 109-139.
9. On the existence of efficient points in locally convex spaces. *J. Global Optim.* **4**(1994), 265-278.
10. Differential inclusions governed by convex and nonconvex perturbations of a sweeping process. *Bull. Italian Math. Soc.* **8**(1994), 327-354.
11. A note on a class of cones ensuring the existence of efficient points in bounded complete sets. *Optimization* **31**(1994), 141-152.
12. (with M. Marques) Nonconvex second order differential inclusions with memory. *Set-Valued Analysis* **3**(1995), N<sup>0</sup>1, 71-86
13. Existence of viable solutions of nonconvex-valued differential inclusions in Banach spaces. *Portugal. Math.* **52**(1995), N<sup>0</sup>2, 241-250.
14. (with D. Kuroiwa and T. Tanaka) On cone convexity of set-valued maps. *Nonlinear Analysis: Theory, Methods, Applications*, Proceeding of the



- Second World Congress of Nonlinear Analyst (Athens, 10-17 July 1996), **30**(1997), 1487-1496.
15. Cone admitting strictly positive functionals and scalarization of some vector optimization problems. *J. Optim. Theory Appl.* **93**(1997), N<sup>0</sup>2, 355-372.
  16. (with B. Truong-Van) Existence of viable solutions for a nonconvex stochastic differential inclusions. *Discussiones Math., Differential Inclusions* **17**(1997), 107-131.
  17. Existence of viable solutions of nonconvex differential inclusion. *Atti. Mat. Fis. Univ. Modena* **XLVII**, 2(1999), 457-471.
  18. (with Truong-Van, Benoit) Existence results for viability problem associated to nonconvex stochastic differentiable inclusions. *Stochastic Anal. Appl.* **17**(1999), N<sup>0</sup>4, 667-685.
  19. Existence and density results for proper efficiency in cone compact sets. *J. Optim. Theory Appl.* **111**(2001), N<sup>0</sup>1, 173-194.
  20. (with L. V. Cuong) Asset market equilibrium in  $L^p$  spaces with separable utilities. *J. Math. Econom.* **36**(2001), N<sup>0</sup>3, 241-254.
  21. Demicontinuity, generalized convexity and loose saddle points of set-valued maps. *Optimization* **51**(2002), N<sup>0</sup>2, 293-308.
  22. The Ekeland variational principle for set-valued maps involving coderivatives. *J. Math. Anal. Appl.* **286**(2003), N<sup>0</sup>2, 509-523.
  23. Some variants of the Ekeland variational principle for a set-valued map, *J. Optim. Theory Appl.* **124**(2005), N<sup>0</sup>1, 187-206.

### Phung Ho Hai

1. Poincaré series of quantum matrix bialgebras determined by pairs of quantum spaces. *Comm. Algebra* **23**(1995), 879-890.
2. Koszul property and Poincaré series of matrix bialgebra of type  $A_n$ . *J. Algebra* **192**(1997), N<sup>0</sup>2, 734-748.
3. Central bialgebras in braided categories and coquasitriangular structures. *J. Pure Appl. Algebra* **140**(1999), 229-250.
4. Poincaré series of quantum spaces associated to Hecke operators. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>0</sup>2, 235-246.
5. On structure of the quantum supergroups  $GL_q(m|n)$ . *J. Algebra* **211**(1999), 363-383.
6. Hecke symmetries. Commutative algebra, homological algebra and representation theory (Catania/Genoa/Rome, 1998). *J. Pure Appl. Algebra* **152**(2000), N<sup>0</sup>1-3, 109-121.
7. On matrix quantum groups of type  $A_n$ . *Internat. J. Math.* **11**(2000), 1115-1146.

8. Splitting comodules over Hopf algebras and application to representation theory of quantum groups of type  $A_{010}$ . *J. Algebra* **245**(2001), N<sup>o</sup>1, 20-41.
9. The integral on quantum supergroups of type  $A_{RIS}$ . *Asian J. Math.* **5**(2001), N<sup>o</sup>4, 751-769.
10. Realizations of quantum hom-spaces, invariant theory, and quantum determinantal ideals. *J. Algebra* **248**(2002), N<sup>o</sup>1, 50-84.
11. Characters of quantum groups of type  $A_n$ . *Comm. Algebra* **30**(2002), N<sup>o</sup>3, 1085-1117.
12. An embedding theorem for abelian monoidal categories. *Compositio Math.* **132**(2002), N<sup>o</sup>1, 27-48.
13. On a theorem of Deligne on characterization of Tannakian categories. In: *Arithmetic fundamental groups and noncommutative algebra (Berkeley, CA, 1999)*, 517-531, Proc. Sympos. Pure Math., 70, Amer. Math. Soc., Providence, RI, 2002.
14. (with N. T. P. Dung) On the Poincare series of quadratic algebras associated to Hecke symmetries. *Int. Math. Res. Not.* 2003, N<sup>o</sup>40, 2193-2203.
15. (with N. T. P. Dung) Irreducible representations of quantum linear groups of type  $A_{10}$ . *J. Algebra* **282**(2004), N<sup>o</sup>2, 809-830.

### Dinh Nho Hao

1. On a Control Problem for the Schrödinger Equation. In: *"Numerical Methods and Computers"*, M. M. Gasimov and A. D. Iskenderov (eds.), *Baku State Univ. Press*, 1982, 58-63 (in Russian).
2. Optimal Control of Quantum Processes. *Avtomatika i Telemekhanika* **2**(1986), 14-21. Eng. Transl. "Automat. Remote Control" **47**(1986), N<sup>o</sup>2, 162-168 (in Russian).
3. Approximating an Optimal Control Problem of Quantum Processes by the Finite Element Method. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), N<sup>o</sup>2, 135-146.
4. Finite Difference Method for an Optimal Control Problem of Quantum Processes. *Acta Math. Vietnam.* **14**(1989), N<sup>o</sup>2, 3-11.
5. Notes on a Nonlinear Dispersive Equation. *Z. angew. Math. Mech.* **70**(1990), 627-628.
6. Notes on the Benjamin-Bona-Mahony Equation. *Appl. Anal.* **35**(1990), 221-246.
7. (with T. D. Van and R. Gorenflo) Approximating the Solution to the Cauchy Problem and the Boundary Value Problem for the Laplace Equation. In: *Theory and Practice of Geophysical Data Inversion (eds.: A. Vogel et al.)*, Vieweg & Sohn, Braunschweig/Wiesbaden, 1990, 35-48.

8. (with T. D. Van, T. N. Minh and R. Gorenflo) On the Cauchy Problems for Systems of Partial Differential Equations with a Distinguished Variable. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **12**(1991), 213-236.
9. (with R. Gorenflo) An Ill-Posed Problem for the Heat Equation. *Z. Angew. Math. Mech.* **71**(1991), 759-762.
10. (with R. Gorenflo) A Noncharacteristic Cauchy Problem for the Heat Equation. *Acta Appl. Math.* **24**(1991), 1-27.
11. (with T. D. Van) Pseudodifferential Operators with Real Analytic Symbols and Approximation Methods for Pseudodifferential Equations. *Math. Methods Appl. Sci.* **15**(1992), 239-264.
12. (with T. D. Van and R. Gorenflo) Towards the Cauchy Problem for the Laplace Equation. *Banach Center Publ.* **27**(1992), 111-128.
13. Regularization of a Noncharacteristic Cauchy Problem for the Heat Equation. *Math. Methods Appl. Sci.* **15**(1992), 537-545.
14. (with T. D. Van) *Differential Operators of Infinite Order with Real Arguments and Their Applications*, World Scientific Publishing Co., Inc., River Edge, NJ, 240 pages, 1994.
15. *Introduction to Partial Differential Equations*. University of Siegen, Summer 1996, 106 pages.
16. *Methods for Inverse Heat Conduction Problems*. 249 pages. Peter Lang, Frankfurt am Main - Bern - New York - Paris, 1998.
17. A Noncharacteristic Cauchy Problem for Linear Parabolic Equations I: Solvability. *Math. Nachr.* **171**(1995), 177-206.
18. A Noncharacteristic Cauchy Problem for Linear Parabolic Equations II: A Variational Method. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **13**(1992), 541-564.
19. A Noncharacteristic Cauchy Problem for Linear Parabolic Equations III: A Variational Method and Its Approximation Schemes. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **13**(1992), 565-583.
20. A Noncharacteristic Cauchy Problem for Linear Parabolic Equations and Related Inverse Problems I: Solvability. *Inverse Problems* **10**(1994), 295-315.
21. A Noncharacteristic Cauchy Problem for Linear Parabolic Equations and Related Inverse Problems II: A Variational Method. *Pitman Res. Notes in Maths* **263**(1992), 43-56.
22. A Mollification Method for Ill-posed Problems. *Numer. Math.* **68**(1994), 469-506.
23. (with H.-J. Reinhardt and F. Seiffarth) Stable Fractional Numerical Differentiation by Mollification. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **15**(1994), 635-659.
24. (with H.-J. Reinhardt) Sequential Approximation to Nonlinear Inverse Heat Conduction Problems. *Math. Comput. Modelling* **20**(1994), N<sup>o</sup>10-11, 189-200.

25. (with H.-J. Reinhardt and F. Seiffarth) Approximate Solutions of Illposed Cauchy Problems for Parabolic Equations. In: *FOMAAS H. A. Eschenauer et al. (eds.) Fortschrittsbericht 1992-1994, University of Siegen- 1994*, 126-144.
26. (with H.-J. Reinhardt) Towards Linear Inverse Heat Conduction Problems. In: *Proceedings of the HERMIS 1994. Hellenic Math. Soc. Athens 1994*, 101-110.
27. Stability Results on a Non-Characteristic Cauchy Problem for a Parabolic Equation. In: *Proceedings of inverse Problems with Applications to Geophysics, Industry, Medicine and Technology. Ho Chi Minh City Math. Consortium 1995*, 71-82.
28. (with H.-J. Reinhardt) Efficient Numerical Solution to Inverse Heat Conduction Problems. In: *Proceedings of the 1995 Design Engineering Technical Conferences, Vol. 3 - Part C, ASME, New York, 1995*, 917-922.
29. On Some Linear Inverse Heat Conduction Problems. *SEA Bull. Math.* **19**(1995), N<sup>o</sup>2, 51-58.
30. Determination of a Coefficient in an Elliptic Partial Differential Equation. *J. Inverse and Ill-Posed Problems* **3**(1995), 11-20.
31. (with H.-J. Reinhardt and A. Schneider) Stable Approximation of Fractional Derivatives of Rough Functions. *BIT* **35**(1995), 488-503.
32. (with H.-J. Reinhardt and A. Schneider) Regularization of a Noncharacteristic Cauchy Problem for a Parabolic Equation. *Inverse Problems* **11**(1995), 1247-1263.
33. (with H.-J. Reinhardt) Stable Numerical Solution to Linear Inverse Heat Conduction Problems by the Conjugate Gradient Methods. *J. Inverse and Ill-Posed Problems* **3**(1995), 447-467.
34. (with H.-J. Reinhardt) A Sequential Conjugate Gradient Method for the Stable Numerical Solution to Inverse Heat Conduction Problems. *Inverse Problems in Engineering* **2**(1996), 263-272.
35. (with H.-J. Reinhardt) Recent Contributions to Linear Inverse Heat Conduction Problems. *J. Inverse and Ill-Posed Problems* **4**(1996), 23-32.
36. A Mollification Method for a Noncharacteristic Cauchy Problem for a Parabolic Equation. *J. Math. Anal. Appl.* **199**(1996), 873-909.
37. (with H.-J. Reinhardt) On a Sideways Parabolic Equation. *Inverse Problems* **13**(1997), 297-309.
38. (with H.-J. Reinhardt) On the Numerical Solution of Inverse Heat Conduction Problems by Gradient Methods. In: *Theory and Practice ASME, D. Delaunay, Y. Jarny, K. A. Woodbury (eds.), Inverse Problems in Engineering. New York, 1998*, 385-392.
39. (with H.-J. Reinhardt) Gradient Methods for Inverse Heat Conduction Problems. *Inverse Problems in Engineering* **6:3**(1998), 177-211.

40. (with H.-J. Reinhardt and Y. Jarny) A Variational Method for Multi-Dimensional Inverse Heat Conduction Problems. *Matimyas Matematika* August 1998, 48-56.
41. (with H.-J. Reinhardt and H.D. Han) Stability and Regularization of a Discrete Approximation to the Cauchy Problem for Laplace's Equation. *SIAM J. Numer. Anal.* **36**(1999), 890-905.
42. (with Lesnic, D.) The Cauchy problem for Laplace's equation via the conjugate gradient method. *IMA J. Appl. Math.* **65**(2000), N<sup>o</sup>2, 199-217.
43. (with M. T. Thu) Stability results for fractional differentiation. *Appl. Anal.* **76**(2000), N<sup>o</sup>3-4, 249-260.
44. (with Reinhardt, H.-J. and Schneider, A.) Numerical solution to a sideways parabolic equation. *Internat. J. Numer. Methods Engrg.* **50**(2001), N<sup>o</sup>5, 1253-1267.
45. (with Marin, L.) and Lesnic, D.) Conjugate gradient-boundary element method for the Cauchy problem in elasticity. *Quart. J. Mech. Appl. Math.* **55**(2002), N<sup>o</sup>2, 227-247.
46. (with L. T. H. An and P. D. Tao) Towards Tikhonov regularization of non-linear ill-posed problems: a dc programming approach. *C. R. Math. Acad. Sci. Paris* **335**(2002), N<sup>o</sup>12, 1073-1078.
47. (with L. T. H. An and P. D. Tao) Solving an inverse problem for an elliptic equation by d.c. programming. *J. Global Optim.* **25**(2003), N<sup>o</sup>4, 407-423.
48. (with P. M. Hien) Stability results for the Cauchy problem for the Laplace equation in a strip. *Inverse Problems* **19**(2003), N<sup>o</sup>4, 833-844.
49. (with L. T. H. An and P. D. Tao) On the ill-posedness of the trust region subproblem. *J. Inverse Ill-Posed Probl.* **11**(2003), N<sup>o</sup>6, 545-577.
50. A variational method for a domain identification problem for a parabolic equation. *Abstract and applied analysis*, 125-138, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2004.
51. (with Reinhardt, H.-J.) A generalization of Beck's method for inverse heat conduction problems. *Abstract and applied analysis*, 287-303, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2004.
52. (with L Van Kempen, G. Hislop, T. Tang and H. Sahli) A comparison of GPR reconstruction techniques. The tenth International Conference on Ground Penetrating Radar (GPR 2004), Vol **1**, 345-348, Delft, The Netherlands, 2004.
53. (with H. Sahli) On a class of severely ill-posed problems. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), 143-152.



## Pham Minh Hien

1. A stable marching difference scheme for an ill-posed Cauchy problem for the three-dimensional Laplace equation. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>1, 79-88.
2. (with D. N. Hao) Stability results for the Cauchy problem for the Laplace equation in a strip. *Inverse Problems* **19**(2003), N<sup>o</sup>4, 833-844.

## Le Tuan Hoa

1. (with N. V. Trung) Affine semigroups and Cohen-Macaulay rings generated by monomials. *Trans. Amer. Math. Soc.* **298**(1986), 145-167.
2. Classification of the triple projections of Veronese varieties. *Math. Nachr.* **128**(1986), 185-197.
3. (with P. D. Dieu and L. C. Thanh) Average polynomial time complexity of some NP-complete problems. *Theory Comput. Sci.* **46**(1986), 219-237.
4. On Segre products of affine semigroup rings. *Nagoya Math. J.* **110**(1988), 113-128.
5. Algorithmical aspects of the problem of classifying multi-projections of Veronese varieties. *Manuscripta Math.* **63**(1989), 317-331.
6. (with M. Fiorentini) On monomial k-Buchsbaum curves in  $P^n$ . *Ann. Univ. Ferrara, Sez. VII, Sc. Mat.* **36**(1990), 159-174.
7. The Gorenstein property depends upon characteristic for affine semigroup rings. *Arch. Math.* **56**(1991), 228-235.
8. (with W. Vogel) Towards a structure theory for projective varieties of degree = codimension + 2. *J. Pure Appl. Algebra* **71**(1991), 203-231.
9. A note on projective monomial surfaces. *Math. Nachr.* **154**(1991), 183-188.
10. On monomial k-Buchsbaum curves in  $P^3$ . *Manuscripta Math.* **73**(1991), 423-436.
11. (with R. Fröberg) Segre products and Rees algebras of face rings. *Comm. Algebra* **20**(1992), 3369-3380.
12. On minimal free resolutions of projective varieties of degree = codimension + 2. *J. Pure Appl. Algebra.* **87**(1993), 241-250.
13. Koszul homology and generalized Cohen-Macaulay modules. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 91-98.
14. On reduction numbers and Rees algebras of powers of an ideal. *Proc. Amer. Math. Soc.* **119**(1993), 415-422.
15. (with R. M. Miro-Roig and W. Vogel) On numerical invariants of locally Cohen-Macaulay schemes in  $P^n$ . *Hiroshima Math. J.* **24**(1994), 299-316.

16. (with W. Vogel) Castelnuovo-Mumford regularity and hyperplane sections. *J. Algebra* **163**(1994), 348-365.
17. (with M. Fiorentini) Some remarks on generalized Cohen-Macaulay rings. *Bull. Belg. Math. Soc.* **1**(1994), 507-519.
18. (with H. Bresinsky, F. Curtis and M. Fiorentini) On the structure of local cohomology modules for projective monomial curves in  $P^3$ . *Nagoya Math. J.* **136**(1994), 81-114.
19. (with S. Zarzuela) Reduction numbers and  $a$ -invariants of good filtrations. *Comm. Algebra.* **22**(1994), 5635-5656.
20. Bounds for the Betti numbers of a projective curve. In: Proceeding of the International Conference "Commutative Algebra", Vechta 1994 (eds: W. Bruns, J. Herzog, M. Hochster and U. Vetter), 85-88.
21. (with C. Miyazaki) Bounds on Castelnuovo-Mumford regularity for generalized Cohen-Macaulay graded rings. *Math. Ann.* **301**(1995), 587-598.
22. Bounds for the number of generators of generalized Cohen-Macaulay ideals. *J. Algebra* **178**(1995), 302-316.
23. (with R. M. Miro-Roig) Bounds for the Betti numbers of generalized Cohen-Macaulay ideals. *Proc. Amer. Math. Soc.* **123**(1995), 2397-2405.
24. A note on the Hilbert-Samuel function in a two-dimensional local ring. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), 335-347.
25. Reduction numbers of equimultiple ideals. *J. Pure Appl. Algebra* **109**(1996), 111-126.
26. Postulation number of good filtrations. *Comm. Algebra* **25**(1997), 1961-1974.
27. (with N. V. Trung) On the Castelnuovo-Mumford regularity and the arithmetic degree of monomial ideals. *Math. Z.* **229**(1998), 519-537.
28. Castelnuovo-Mumford regularity and defining equations of a locally Cohen-Macaulay algebra. In: *Commutative Algebra, Algebraic Geometry, and Computational Methods* (Ed.: D. Eisenbud) , Springer, 1999, 301-313.
29. (with H. Bresinsky) On the reduction number of some graded algebras. *Proc. Amer. Math. Soc.* **127**(1999), 1257-1263.
30. (with H. Bresinsky) Minimal generating sets for a family of monomial curves in  $A^4$ . In: *Commutative Algebra and Algebraic Geometry* (ed. F. Van Oystaeyen), *Lect. Notes in Pure Appl. Math.* **206**(1999), 5-14.
31. (with N. Allsops) On the quotient between length and multiplicity. *Comm. Algebra* **28**(2000), N<sup>o</sup>2, 815-828.
32. (with H. Breinsky) On some hereditary properties between  $I$  and  $in(I)$ . *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>2, 219-230.

33. (with J. Herzog and N. V. Trung) Asymptotic linear bounds for the Castelnuovo-Mumford regularity. *Trans. Amer. Math. Soc.* **354**(2002), N<sup>o</sup>5, 1793-1809 (electronic).
34. Asymptotic behavior of reduction numbers. *Proc. Amer. Math. Soc.* **130**(2002), N<sup>o</sup>11, 3151-3158 (electronic).
35. (with J. Stueckrad) Castelnuovo-Mumford regularity of simplicial toric rings. *J. Algebra* **259**(2003), N<sup>o</sup>1, 127-146.
36. (with E. Hyry) On local cohomology and Hilbert function of powers of ideals. *Manuscripta Math.* **112**(2003), N<sup>o</sup>1, 77-92.
37. (with N. V. Trung) Borel-fixed ideals and reduction number. *J. Algebra* **270**(2003), N<sup>o</sup>1, 335-346.
38. Computer Algebra: Groebner bases (in Vietnamese) - *Đại số máy tính: Cơ sở Groebner*. NXB ĐHQG 2003, 290 trang
39. (with H. Breinsky) The k-Buchsbaum property for some polynomial ideals. *J. Math. Kyoto Univ.* **43**(2004), N<sup>o</sup>4, 699-717.
40. (with E. Hyry) Castelnuovo-Mumford regularity of initial ideals, *J. Symb. Computation*, 38 (2004), 1327-1341.
41. Some computational problems in Commutative Algebra and Algebraic Geometry, In: "*Proceedings of VI-th Vietnamese Mathematical Conference* (Eds: H.H. Khoai, D.T. Thi and D.L. Van), VNU 2005, pp. 33-58.

### Le Hoi\*

1. On constructive arithmetic and rudimentary attributes. *Tạp san Toán lý* 1968, N<sup>o</sup>3-4, 90-92 (in Vietnamese).
2. On formal system. *Tạp san Vận trù và Máy tính* 2(1970) (in Vietnamese).
3. On machines in an environment. In: *Proc. International Conference on Discrete Mathematics*, Warsaw, 1977, 15-16.
4. *On Evolution of Machines in an Environment*. Ph.D. Thesis, Polish Academy of Sciences, Warsaw, 1977, 91 pages.
5. Interactions of abstract machines: on computing machines. In: *Proc. of FCT International Conference*, Poznan-Kórnik, 1977, 19-23.
6. On machines as living things. *Acta Cybernetica* 3(1978), 281-286.
7. On modular machines in a computational universal environment. In: *Proc. of the Conference on Automata and Formal Languages*, Hungary, 1977, 30-31.
8. A mathematics-informatics method dealing with non-state credit crisis. *Tạp chí Ngân hàng* 1991, N<sup>o</sup>2, 31-36 (in Vietnamese).

9. Economic information-mathematics methods to renovate management, controls and services in transport sector. *Tạp chí Giao thông Vận tải* 1994, N<sup>o</sup>8, 57-62.
10. Transport and economic-environmental system with approach of mathematics-informatics. *Tạp chí Giao thông Vận tải* 1996, N<sup>o</sup>2, 46-61 (in Vietnamese).
11. Process of formation of socio-economic environment policies. *Economic studies* 236(1998), N<sup>o</sup>1, 17-22.
12. Nature of market mechanism and central-planning mechanism. *Economic studies* 261(2000), N<sup>o</sup>2, 14-20.

### Dinh Van Huynh

1. Über Ringe mit Minimalbedingung für Hauptideale II. *Studia Sc. Math. Hungar.* 9(1974), 419-423.
2. Über eine Klasse von linear kompakten Ringen. *Publ. Math. Debrecen* 22(1975), 321-323.
3. Über die Frage der Spaltbarkeit von MHR-Ringen. *Bull. Acad. Pol. Sc.* 23(1975), 135-138.
4. Über Ringe mit Minimalbedingung für Hauptideale. *Acta Math. Acad. Sc. Hungar.* 26(1975), 245-250.
5. Über artinsche Ringe, die noethersch sind. *Publ. Math. Debrecen* 23(1976), 23-25.
6. (with A. Kertész) Über linksnoetherische Ringe, die linksartinsch sind. *Publ. Math. Debrecen* 23(1976), 335-337.
7. Über Ringe mit eingeschränkter Minimalbedingung höherer Stufe für Hauptideale I. *Math. Nachr.* 71(1976), 227-235.
8. Über einen Satz von A. Kertész. *Acta Math. Acad. Sc. Hungar.* 28(1976), 73-75.
9. (with A. Widiger) Über eingeschränkt reguläre Ringe. *Beitr. Alg. Geometr.* 5(1976), 7-13.
10. Die Spaltbarkeit von MHR-Ringen. *Bull. Acad. Polon. Sci.* 25(1977), 930-941.
11. Ein Analogon eines Satzes von F. Szász. *Ann. Univ. Sc. Budapest Eötvös Sect. Math.* 20(1977), 43-45.
12. Über Ringe mit eingeschränkter Minimalbedingung höherer Stufe für Hauptideale II. *Math. Nachr.* 86(1978), 291-307.
13. (with A. Widiger) Über Ringe mit eingeschränkter Minimalbedingung höherer Stufe für Hauptideale III. *Math. Nachr.* 86(1978), 309-331.
14. (with A. Widiger) Über Ringe mit eingeschränkter Minimalbedingung höherer Stufe für Unterringe. *Beitr. Alg. Geometr.* 7(1978), 7-12.

15. Some conditions for the existence of an identity in a ring. *Ann. Univ. Sc. Budapest Eötvös Sect. Math.* **22,23**(1979/80), 87-95.
16. Über artinsche Ringe. *Math. Nachr.* **91**(1979), 117-126.
17. Über linear kompakte Ringe. *Acta Math. Acad. Sc. Hungar.* **36**(1980), 1-5.
18. On the maximal regular ideal of a linearly compact ring. *Arch. Math.* **33**(1979), 232-234.
19. A note on artinian rings. *Arch. Math.* **33**(1979), 546-553.
20. On the fissility of semiprimary rings. *Acta Math. Acad. Sc. Hungar.* **43**(1983), 101-103.
21. Rings whose multiples are direct summands. *Math. J. Okayama Univ.* **25**(1983), 99-101.
22. On modified chain conditions. *Acta Math. Vietnam.* **9**(1984), 147-156.
23. Some results on linearly compact rings. *Arch. Math.* **44**(1985), 39-47.
24. On rings with modified chain conditions. *Studia Sc. Math. Hungar.* **20**(1985), 59-61.
25. Some characterizations of hereditarily artinian rings *Glasgow Math. J.* **28**(1986), 21-23.
26. Some results on rings with chain conditions. *Math. Z.* **191**(1986), 43-52.
27. (with N. V. Dung) On the cardinality of ideals in artinian rings. *Arch. Math.* **51**(1988), 213-216.
28. (with N. V. Dung) A characterization of artinian rings. *Glasgow Math. J.* **30**(1988), 67-73.
29. A note on rings with chain conditions. *Acta Math. Hungar.* **51**(1988), 65-70.
30. (with N. V. Dung) On rings with restricted minimum condition. *Arch. Math.* **51**(1988), 313-326.
31. (with P.F. Smith) Characterizing rings by their modules, Proc. 31st Semester "Classical Algebraic structure", (1988), Banach Center, Warsaw.
32. (with P. Dan) Rings characterized by cyclic modules. *Glasgow Math. J.* **31**(1989), 251-256.
33. (with N. V. Dung and R. Wisbauer) Quasi-injective modules with ACC or DCC on essential submodules. *Arch. Math.* **53**(1989), 252-255.
34. (with N. V. Dung and P. F. Smith) Rings characterized by their right ideals or cyclic modules. *Proc. Edinburgh Math. Soc.* **32**(1989), 356-362.
35. A generalization of PCI rings. *Comm. Algebra* **18**(1990), 607-614.
36. Rings with ACC on essential right ideals. *Math. Japonica* **35**(1990), 707-712.
37. (with N. V. Dung and P. F. Smith) A characterization of noetherian modules. *Quart. J. Math. Oxford* **41**(1990), 225-235.

38. (with N. V. Dung and P. F. Smith) A characterization of rings with Krull dimension. *J. Algebra* **132**(1990), 104-112.
39. (with P. F. Smith and R. Wisbauer) A note on GV-modules with Krull dimension *Glasgow Math. J.* **32**(1990), 389-390.
40. (with P. Dan) A result on artinian rings. *Math. Japonica* **35**(1990), 699-702.
41. (with N. V. Dung) Rings with restricted injective conditions. *Arch. Math.* **54**(1990), 539-548.
42. (with P. F. Smith) Some rings characterized by their modules. *Comm. Algebra* **18**(1990), 1971-1988.
43. (with R. Wisbauer) A characterization of locally artinian modules. *J. Algebra* **132**(1990), 287-293.
44. (with P. Dan) On serial noetherian rings. *Arch. Math.* **56**(1991), 552-558.
45. (with N. V. Dung and R. Wisbauer) On modules with finite uniform and Krull dimension. *Arch. Math.* **57**(1991), 122-132.
46. (with J. Clark) Cofaithful modules and generators. *Vietnam J. Math.* **19**(1991), 4-17.
47. (with R. Wisbauer) Self-projective modules with  $p$ -injective factor modules. *J. Algebra* **153**(1992), 13-21.
48. (with R. Wisbauer) A structure theorem on SI-modules *Glasgow Math. J.* **34**(1992), 83-89.
49. (with P. Dan) Some characterizations of right co-H-rings. *Math. J. Okayama Univ.* **34**(1992), 165-174.
50. (with J. Clark) When is a self-injective semiperfect ring quasi-Frobenius?. *J. Algebra* **165**(1994), 531-542.
51. (with J. Clark) A note on perfect self-injective rings. *Quart. J. Math. Oxford* **45**(1994), N<sup>o</sup>2, 13-17.
52. (with N.V. Dung, P.F. Smith, R. Wisbauer) Extending Modules , (Research Notes in Mathematics, Series 313), Pitman, London 1994.
53. (with H. K. Kim and J. K. Park) Some results on SI-rings. *J. Algebra* **174**(1995), 39-52.
54. (with Y. Hirano and J. K. Park) Rings characterized by semiprimitive modules. *Bull. Australian Math. Soc.* **52**(1995), 107-116.
55. (with N. V. Sanh) A right continuous right weakly SI-ring is semisimple. *Bull. Australian Math. Soc.* **51**(1995), 479-488.
56. A right countably sigma-CS ring with ACC or DCC on projective principal right ideals is left artinian and QF-3. *Trans. Amer. Math. Soc.* **347**(1995), 3131-3139.
57. (with M. F. Yousif) On artinian SC-rings. *Comm. Algebra* **23**(1995), N<sup>o</sup>12, 4693-4699.



58. A characterization of noetherian rings by cyclic modules. *Proc. Edinburgh Math. Soc.* **39**(1996), 253-262.
59. (with N. S. Tung) A note on quasi-Frobenius rings *Proc. Amer. Math. Soc.* **124**(1996), 371-375.
60. (with S. K. Jain and S. R. López-Permouth) On weakly injective continuous modules, In: *Proc. International Conference on Abelian Groups and Modules at Colorado Springs*, Marcel Dekker, Inc., New York 1996, 385-392.
61. (with S. T. Rizvi and M. F. Yousif) Rings whose finitely generated modules are extending. *J. Pure Appl. Algebra* **111**(1996), 325-328.
62. (with Y. Hirano and J. K. Park) On rings whose prime radical contains all nilpotent elements of index two. *Arch. Math.* **66**(1996), 360-365.
63. (with S. K. Jain and S. R. López-Permouth) When is a simple ring noetherian?. *J. Algebra* **184**(1996), 786-794.
64. (with S.K. Jain, S.R. López-Permouth) On a class of non-noetherian V-rings. *Comm. Algebra* **24**(1996), N<sup>o</sup>9, 2839-2850.
65. (with S.T. Rizvi) An approach to Boyle's Conjecture. *Proc. Edinburgh Math. Soc.* **40**(1997), 267-273.
66. (with B. J. Müller) Rings over which direct sums of CS modules are CS, *Advances in Ring Theory*, Birkhäuser-Verlag, Stuttgart-New York 1997, 151-159.
67. (with S. T. Rizvi) On some classes of artinian rings. *J. Algebra* **223**(2000), 133-153.
68. *Algebra and its Applications* (Dinh Van Huynh, S.K. Jain, S.R. López-Permouth, Eds.), American Mathematical Society Contemporary Mathematics Series, **259**(2000).
69. (with Jain, S. K. and S.R. López-Permouth) On the symmetry of the Goldie and CS conditions for prime rings. *Proc. Amer. Math. Soc.* **128**(2000), N<sup>o</sup>11, 3153-3157.
70. (with ; Jain, S. K. and S.R. López-Permouth) Rings characterized by direct sums of CS modules. *Comm. Algebra* **28**(2000), N<sup>o</sup>9, 4219-4222.
71. *Algebra and its applications*. Proceedings of the International Conference held at Ohio University, Athens, OH, March 25-28, 1999. (Edited by D. V. Huynh, S. K. Jain and S. R. Lopez-Permouth.) Contemporary Mathematics, 259. American Mathematical Society, Providence, RI, 2000. xii+569 pp.
72. (with C. Faith) When self-injective rings are QF: a report on a problem. *J. Algebra Appl.* **1**(2002), N<sup>o</sup>1, 75-105.
73. Some remarks on CS modules and SI rings. *Bull. Austral. Math. Soc.* **65**(2002), N<sup>o</sup>3, 461-466.

74. Structure of some Noetherian SI rings. *J. Algebra* **254**(2002), N<sup>o</sup>2, 362-374.
75. (with Jain, S. K. and S.R. López-Permouth) When cyclic singular modules over a simple ring are injective. *J. Algebra* **263**(2003), N<sup>o</sup>2, 188-192.
76. (with Jain, S. K. and S.R. López-Permouth) Prime Goldie rings of uniform dimension at least two and with all one-sided ideals CS are semihereditary. *Comm. Algebra* **31**(2003), N<sup>o</sup>11, 5355-5360.
77. (with D. Q. Hai) Some results on self-injective rings and  $\sigma$ -CS rings. *Comm. Algebra* **31**(2003), N<sup>o</sup>12, 6063-6077.
78. (with C. Faith) Erratum: "When self-injective rings are QF: a report on a problem" (*J. Algebra Appl.* **1**(2002), N<sup>o</sup>1, 75-105). *J. Algebra Appl.* **2**(2003), N<sup>o</sup>4, 501.
79. (with D. Q. Hai) A decomposition theorem for  $\mathfrak{p}^*$ -semisimple rings. *J. Pure Appl. Algebra* **186**(2004), N<sup>o</sup>2, 139-149.

### Phan Huy Khai

1. (with A. I. Azimov) On the linear discrete games with integral constraints on controls. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR* **37**(1981), N<sup>o</sup>3, 10-14 (in Russian).
2. On the linear discrete games with fixed times. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR* **37**(1981), N<sup>o</sup>11, 4-7 (in Russian).
3. On the method of pursuit in linear differential games with different types of constraints on controls. *Izv. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR, Ser. Fiz.-Tekhn. Mat. Nauk* 1981, N<sup>o</sup>2, 27-31 (in Russian).
4. (with P. H. Quang) On a method of pursuit in linear discrete games. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR* **38**(1982), N<sup>o</sup>11, 7-10 (in Russian).
5. The problem of pursuit in linear differential a discrete games with different types of constraints on controls. In: *EVM*, Baku, 1982, 120-131 (in Russian).
6. (with P. H. Quang) New effective methods of pursuit in linear differential games. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR* **39**(1983), N<sup>o</sup>7, 10-14 (in Russian).
7. (with P. H. Quang) Some effective methods of pursuit with incomplete information in differential games. *Izv. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR, Ser. Fiz.-Tekhn. Mat. Nauk* 1983, N<sup>o</sup>6, 104-109 (in Russian).
8. The problem of pursuit in linear discrete games with many players. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan. SSR* **39**(1983), N<sup>o</sup>11, 10-14 (in Russian).

9. The effective method in linear discrete games with different types of constraints on controls. In: *Optimization and ASU*, Baku 1983, pp.158-162, (in Russian).
10. On the pursuit process in linear differential games. *Acta Math. Vietnam.* 8(1983), N<sup>o</sup>1, 41-57.
11. The direct method in linear differential games with general information. *Acta Math. Vietnam.* 9(1984), N<sup>o</sup>1, 41-63.
12. The problem of pursuit in linear discrete games with general information. *Acta Math. Vietnam.* 9(1984), N<sup>o</sup>2, 69-103.
13. (with T. D. Phuong) The problem of pursuit in linear discrete games with delay. *Acta Math. Vietnam.* 10(1985), N<sup>o</sup>1, 15-34.
14. (with N. V. Chau) On controllability of linear discrete-time systems with restrained controls and the pursuit process in linear discrete game. *Acta Math. Vietnam.* 10(1985), N<sup>o</sup>1, 59-75.
15. On an effective method of pursuit in linear discrete games with different types of constraints controls. *Acta Math. Vietnam.* 10(1985), N<sup>o</sup>2, 118-131.
16. (with D. S. Dai) The problems of pursuit in linear discrete games with many players and integral constraints on controls. *Acta Math. Vietnam.* 12(1987), N<sup>o</sup>1, 17-40 (in Russian).
17. The method of pursuit in linear discrete games with many players, I. *Acta Math. Vietnam.* 12(1987), N<sup>o</sup>2, 73-92 (in Russian).
18. The method of pursuit in linear discrete games with many players, II. *Acta Math. Vietnam.* 13(1988), N<sup>o</sup>1, 105-116 (in Russian).
19. (with N. V. Chau) Problem of pursuit in linear discrete games with state information. *Acta Math. Vietnam.* 14(1989), N<sup>o</sup>1, 29-38.
20. (with T. D. Phuong) Linear pursuit games with mixed dynamics. *Acta Math. Vietnam.* 15(1990), N<sup>o</sup>2, 25-37.
21. (with T. D. Phuong) Linear discrete games with different constraints on controls. *Tạp chí Toán học* 18(1990), N<sup>o</sup>2, 2-7 (in Vietnamese).
22. (with N. V. Chau) Pursuit problem without discrimination of evasion object in linear differential games. *Acta Math. Vietnam.* 18(1993), N<sup>o</sup>2, 173-190.
23. (with D. V. Luu) *Convex Analysis (in Vietnamese) – Giải tích lồi*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 2000, 236 trang.

### Do Ba Khang\*

1. On the generalized complementarity problem in locally convex spaces. *Acta Math. Vietnam.* 7(1982), N<sup>o</sup>1, 101-106.

2. (with L. D. Muu) Asymptotical regularity and the strong convergence of the proximal point algorithm. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N<sup>o</sup>1, 3-11.
3. On the asymptotic regularity of nonexpansive mappings. *Acta Math. Hungar.* **48**(1986), 109-115.
4. (with O. Fujiwara) A new algorithm to find all vertices of a polytope. *Oper. Res. Letters* **8**(1989), N<sup>o</sup>5.

### Ha Huy Khoai

1. (with N. V. Khue). Holomorphic mappings on Banach analytic manifolds. *Acta Scientiarum Vietnam.* 1971, (in Russian).
2. Finiteness for complex analytic spaces. *Vietnam. Math. J.* **1**(1973), (in Vietnamese).
3. Finitely extension property of holomorphic functions on analytic sets. *Vietnam. Math. J.* **1**(1973) (in Vietnamese).
4. (with N. V. Khue). Holomorphic mappings on Banach analytic manifolds. *Func. Analyz i ego Priloz.* **4:4**(1973), (in Russian).
5. *p*-adic Interpolation and the Mellin-Mazur transform. Ph. D. Thesis, Steklov Math. Inst., Moscow, 1978 (in Russian).
6. Sur une conjecture de Mazur et Swinnerton-Dyer. *C. R. A. Sc. Paris* **289**(1979), no. 9, A483--A485.
7. On *p*-adic Interpolation. *Mat. Zametki*, **26:1**(1979). *AMS translation Math. Notes* **26**(1980), 541-549 (in Russian).
8. On *p*-adic L-functions associated to elliptic curves. *Mat. Zametki* **26:2**(1979), (in Russian). *AMS translation: Math. Notes* **26**(1980), 629-634.
9. *p*-adic Interpolation and the Mellin-Mazur transform. *Acta Math. Vietnam* **5**(1980), no. 1, 77--99.
10. On *p*-adic meromorphic functions. *Duke Math. J.* **50**(1983), no. 3, 695--711..
11. *p*-adic Interpolation and continuation of *p*-adic functions. *Lecture Notes in Math.* **1013**(1983), 252-265.
12. *p*-adic analysis and *p*-adic L-functions associated to modular forms. Dr. Sc. Thesis, Steklov Math. Inst., Moscow 1983 (in Russian).
13. (with H. Tuy, N. V. Khue and N. X. My). *Introduction to Algebra and Topology. two volumes* (in Vietnamese) – *Nhập môn Đại số và Tô pô.* NXB Bộ Đại học 1984.
14. *p*-adic analysis and arithmetic functions. *Proc. of the 3-rd Congress of Math.* Hanoi, 1985 (in Vietnamese).
15. (with My Vinh Quang), *p*-adic Nevanlinna Theory. *Lecture Notes in Math.* **1351**, 138-152.

16. Sur la théorie de Nevanlinna  $p$ -adique. *Univ. Paris 7, Groupe d'Etude d'Analyse Ultramétrique, 15-ème année, 1987-1988*, 35-39.
17. Sur le théorème de Morera  $p$ -adique. *Univ. Paris 7, Groupe d'Etude d'Analyse Ultramétrique, 15-ème année, 1987-1988*, 29-34.
18. La hauteur des fonctions holomorphes  $p$ -adiques de plusieurs variables. *C. R. A. Sc. Paris* **312**(1991), 751-754.
19. La hauteur d'une suite de points dans  $C_p^k$  et l'interpolation des fonctions holomorphes de plusieurs variables. *C. R. A. Sc. Paris* **312**(1991), 903-905.
20. Sur les séries  $L$  associées aux formes modulaires. *Bull. Soc. math. France* t.**120**, 1992, 1-13.
21. Heights for  $p$ -adic meromorphic functions and value distribution theory. *Vietnam. J. Math* **20:1**(1992), 14-29.
22. (with N. V. Khue) Finite codimensional subalgebras of Stein algebras and semiglobally Stein algebras. *Trans. AMS* 1992, 503-509.
23. Heights for  $p$ -adic holomorphic functions and applications. In: *Proceedings of the International Symposium on Holomorphic mappings, Diophantine Geometry and Related topics, RIMS Lecture Note* **819**(1993), 96-105.
24. (with M. V. Tu)  $p$ -adic Nevanlinna-Cartan Theorem. *Internat. J. Math* **6**(1995), 710-731.
25. Théorie de Nevanlinna et Problèmes Diophantiens. *Vietnam J. Math.* 1995, 25-52.
26. Recent work on hyperbolic spaces. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), no. 1, 1--13.
27. *Introduction to Algorithmic Arithmetic* (in Vietnamese) – *Nhập môn Số học Thuật Toán*. NXB Khoa học và Kỹ thuật 1997.
28. An algebraic characterization of complex hyperbolic spaces. *Vietnam J. Math.* **25** (1997), no. 2, 175--178.
29. Borel curves in projective hypersurfaces. *Publ. Center Funct. Complex Anal.* **1**(1997), 79-86.
30.  $p$ -adic Hyperbolic surfaces. *Acta Math. Vietnam.* **22**(1997), N<sup>o</sup>2, 99-112.
31. Hyperbolic surfaces in  $P^3(C)$ , *Proc. Amer. Math. Soc.* **125**(1997), 3527-3532.
32. (with T. T. H. An) On uniqueness polynomials and bi-URS for  $p$ -adic meromorphic functions. *J. Number Theory* **87**(2001), N<sup>o</sup>2, 211-221.
33. A survey on the  $p$ -adic Nevanlinna theory and recent articles. Dedicated to the memory of Le Van Thiem (Hanoi, 1998). *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>3, 321-332.
34. (with V. H. An) Value distribution for  $p$ -adic hypersurfaces. *Taiwanese J. Math.* **7**(2003), N<sup>o</sup>1, 51-67.

35. (with T. T. H. An) Uniqueness problem with truncated multiplicities for meromorphic functions on a non-Archimedean field. *Southeast Asian Bull. Math.* **27**(2003), N<sup>o</sup>3, 477-486.
36. (với P. H. Điển) *Số học thuật toán: cơ sở lý thuyết và tính toán thực hành* (in Vietnamese). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
37. (with L. T. H. Thu)  $p$ -adic interpolation and applications. *Finite or infinite dimensional complex analysis and applications*, 143-151. Adv. Complex Anal. Appl., 2, *Kluwer Acad. Publ., Dordrecht*, 2004.
38. (với Phạm Huy Điển) *Mã hoá thông tin: cơ sở toán học và ứng dụng* (in Vietnamese). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
39. (with C. C. Yang) On the functional equation  $P(f) = Q(g)$ . In: *Value distribution theory*. *Kluwer Acad. Publ. Dordrecht* 2004, 201-207.
40.  $p$ -adic Fatou-Bieberbach maps. *Inter. J. Math.* **16**(2005), N<sup>o</sup>3, 303-306.

### Vu The Khoi

1. (with N. T. Cuong) On the partial Euler-Poincare characteristic of certain systems of parameters in local rings. *Math. Z.* **222**(1996), 383-390.
2. (with N. T. Cuong) A lower bound for index of reducibility of parameter ideals in local rings. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), N<sup>o</sup>4, 341-347.
3. (with N. T. Cuong) Modules whose local cohomology modules have Cohen-Macaulay Matlis duals. In: *Proceedings of Hanoi Conf. on Commutative Algebra Algebra Geometry and Computational Methods*, Editor by D. Eisenbud, Springer Verlag, 1999, 223-232.
4. A cut-and-paste method for computing the Seifert volumes. *Math. Ann.* **326**(2003), N<sup>o</sup>4, 759-801.

### Nguyen Huong Lam

1. (with D. L. Van) On a class of infinitary codes. *Theor. Inform. Appl.* **24**(1990), 441-458.
2. (with D. L. Van) On strict codes. In: *Mathematical Foundations of Computer Science 1991, Lecture Notes in Comput. Sci.* **550**(1991), 308-317. Also: *Acta Cybernetica* **10**(1991), 25-34.
3. (with D. L. Van and P. T. Huy) On codes concerning bi-infinite words. *Acta Cybernet.* **11**(1993), N<sup>o</sup>1-2, 97-109.
4. (with D. L. Van) Measure of infinitary codes. *Acta Cybernet.* **11**(1994), 127-137.



5. On codes having no finite completion. *RAIRO Inform. Théor. Appl.* **29**(1995), No. 2, 145--155.
6. A note on codes having no finite completions. *Inform. Process. Lett.* **55**(1995), No. 4, 185--188.
7. A property of finite maximal codes. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), No. 2, 279--288.
8. On codes having no finite completion. *RAIRO Inform. Théor. Appl.* **30**(1996), No. 6, 483--493.
9. Hajós factorizations and completion of codes. *Theoret. Comput. Sci.* **182**(1997), no. 1-2, 245--256.
10. (with P. T. Huy) Unavoidable Sets: Extention and Reduction 24. *Theor. Inform. Appl.* **33**(1999), 213-225.
11. Finite maximal infix codes. *Semigroup Forum* **61**(2000), N<sup>o</sup>3, 346-356.
12. Finite maximal solid codes. *Theoret. Comput. Sci.* **262**(2001), N<sup>o</sup>1-2, 333-347.
13. Completing solid codes to maximal comma-free codes. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>1, 57-69.
14. Completing comma-free codes. *Theoret. Comput. Sci.* **301**(2003), N<sup>o</sup>1-3, 399-415.
15. Finite completion of comma-free codes. I. *Theor. Inform. Appl.* **38**(2004), N<sup>o</sup>2, 91-115.
16. Finite completion of comma-free codes. II. *Theor. Inform. Appl.* **38**(2004), N<sup>o</sup>2, 117-136.
17. (with Jürgensen, Helmut and Konstantinidis, Stavros) Asymptotically optimal low-cost solid codes. *J. Autom. Lang. Comb.* **9**(2004), N<sup>o</sup>1, 81-102.

### Tran Gia Lich

1. *Decomposition of Integer Function in Series of Mittag - Leffler Functions*. Ph.D. Thesis, Steklov Institute of Mathematics, Moscow, 1971 (in Russian).
2. Series expansions in Mittag - Leffler functions. *Dokl. Acat. Nauk SSSR* **200**(1971), 1344-1348 (in Russian).
3. (with B. T. Hoang and V. M. Duc) Calculation of the unsteady flows on river or open channel systems. *Tập san Toán học* (1976), 80-90 (in Vietnamese).
4. (with H. Q. On and N. V. Luoc), Calculation of dambreak wave in rivers. In: "*Proc. of the Third National Conference on Mechanics*". Hue, 1982, 215-224 (in Vietnamese).

5. (with H. Q. On and N. V. Luoc) Calculation of discontinuous waves by the method of characteristics with fixed grid points. *Zh.Vysch. Mat. i Mat. Fiz* **24**(1984), N° 3, 442-447 (in Russian).
6. (with N. V. Diep, N. T. Dac, N. V. Luoc) The use of Mathematical models for hydrological studies in Vietnam. *Adv. in Mech.* **9**(1986), N° 2, 83-93.
7. (with N. C. Dieu) Mathematical model of vertical two-dimensional density stratified flow. In: *Proc. of The 4<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*, Hanoi, **1**(1988), 34-38 (in Vietnamese).
8. Some mathematical aspects of the calculation of unsteady flow and water pollution on river or open channel system. In: *Proc. of the 4<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*, Hanoi, **1**(1988), 77-83 (in Vietnamese).
9. (with H. Q. On) Ecoulement en rivière après une rupture de barrage. Calcul par la méthode des différences finies associées avec des caractéristiques. *La Houille Blanche* **6**(1990), 433-439.
10. (with N. C. Dieu) A numerical method for solving the diffusion problem in a river or open channel system. In: *Environmental Hydraulics*, Lee cheung (eds) Bakema Rotterdam, 1991, 1257-1262.
11. (with L. K. Luat) Calculation of discontinuous waves by a difference method with variable grid points. *Adv. Water Resource* **14**(1991), N°1, 10-14.
12. (with L. K. Luat) Boundary conditions for the two-dimensional Saint-Venant equation system. *Appl. Math. Modelling* **16**(1992), September, 498-502.
13. (with N. T. V. Lien and D. N. Quynh) The tidal calculation in the Gulf of Tonkin using the water levels at rigid boundaries. In: *Proc. of the 5<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*. Hanoi, 1993, 125-132 (in Vietnamese).
14. (with L. K. Luat and H. Q. Trinh) Calculation of the pressure on the valves of a sluice. *Vietnam J. Mach.* **XIX**(1997), N°3, 25-34.
15. On method to determine the solution values at the boundary for the vertical two-dimensional equation system. *Vietnam J. Mech.* **XX**(1998), N°3, 24-36.
16. Calculation of the three-dimensional unsteady flows. *Scientific Proceedings of the Hanoi water Resources University Hanoi* **1**(1999), 87-97 (in Vietnamese).
17. (with P. T. Nam and P. N. Vinh) Finite difference method for solving the horizontal two-dimensional transport-diffusion problem and its adjoint problem. In: *Proceeding of the 2<sup>th</sup> scientific conference. Natural science Institute*, VNU, November 2000. Subject: Meteorology-Hydrology-Oceanography, Hanoi, 2001, 79-89 (in Vietnamese).

18. (with P. N. Vinh) Two-Dimensional optimization problem of plant location. *Vietnam J. Mech.* **23**(2001), N<sup>o</sup>3, 149-158.
19. Calculation of the matter propagation in the river or open channel system. *Vietnam J. Mech.* **23**(2001), N<sup>o</sup>3, 39-50.
20. (with N. V. Diep and N. H. Can et al.) Numerical simulation for evaluating the hydrolic characteristic of the dambreaking problem on the lakes system of the Da river. In: *Proceeding of the 7<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*, Hanoi, 2002, 88-104 (in Vietnamese).
21. (with P. T. Nam) Optimization emission problem of the plants for satisfying the given environmental criteria. In: *Proceeding of the 7<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*, Hanoi, 2002, 261-268 (in Vietnamese).
22. (with L. V. Thanh) Model calculating the meteorological elements (wind, pressure, temperature, humidity) on the sea. In: *Proceeding of the 7<sup>th</sup> National Conference on Mechanics*, Hanoi, 2002, 445-453 (In Vietnamese).
23. (with P. N. Vinh) A Numerical model of non hydrostatic vertical bi-Dimensional flow. *J. Comput. Sci. Cybernetics* **18**(2002), N<sup>o</sup>2, 109-118.
24. (with P. N. Vinh) A numerical method for simulation of non hydrostatic 3-dimensional flow. *Zh. Vychisl. Mat. Mat. Fiz.* **42**(2002), N<sup>o</sup>9, 1399-1404; *translation in Comput. Math. Math. Phys.* **42**(2002), N<sup>o</sup>9, 1346-1352.
25. (with N. M. Son and L. V. Cuong) Calculation of the horizontal two-dimensional unsteady flows by the method of characteristics. *Vietnam J. Mech.* **25**(2003), N<sup>o</sup>1, 49-64.
26. Determination of the plant location and optimal control of the pollution emission into the river or open channel. In: *Proceeding of the National conference on aero-hydro Mechanics*, Danang 2003, Hanoi 2004, 248-258 (in Vietnamese).

### Le Kim Luat\*

1. (with N. V. Luoc and T. H. Quang) Approximate solution to filtration problem of earth dams systems by the finite element method. *Tạp chí Khoa học và Tính toán Điều khiển* **1**(1985), N<sup>o</sup>1, 21-26, (in Vietnamese).
2. (with N. V. Luoc, T. H. Quang) Numerical method for solving the filtration problem of earth dams systems and its applications. In: *Actes de la troisième conférence de Mathématiques du Vietnam*, Hanoi, **2**(1985), 435-441, (in Vietnamese).

## Dinh The Luc

1. One remark on the realizability of singular cohomology groups. *Math. Nachr.* **82**(1978), 87-88.
2. (with N. X. Tan) Banach-Steinhaus theorem for multivalued mappings. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), 161-168.
3. On Nash equilibrium I. *Acta Math. Hungar.* **41**(1982), 267-272.
4. On Nash equilibrium II. *Acta Math. Hungar.* **41**(1983), 61-66.
5. Duality in programming under probabilistic constraints with random technology matrix. *Probl. Contr. Infor. Theory* **12**(1983), 429-437.
6. *Contributions to the Duality in Mathematical Programming*. Ph.D. Thesis, Budapest, 1983.
7. On the domination property in vector optimization. *J. Optim. Theory Appl.* **43**(1984), 327-330.
8. On duality in multiobjective programming. *J. Optim. Theory Appl.* **43**(1984), 557-582.
9. Theorem of the alternative and applications in multiobjective optimization. *Acta Math. Hungar.* **45**(1985), 311-320.
10. Structure of the efficient point sets. *Proc. Amer. Math. Soc.* **95**(1985), 433-440.
11. Selection of efficient points. *Optimization* **17**(1986), 227-236.
12. On scalarizing method in vector optimization. In: *Lecture Notes in Econ. Math. Systems*, Springer Verlag, **273**(1986), pp. 149-155.
13. Random version of the theorems of the alternative. *Math. Nachr.* **129**(1986), 149-155.
14. Duality in dynamic programming. *Közlemény, MTA SZTAKI* **35**(1986), 89-104.
15. About duality and alternative in multiobjective optimization. *J. Optim. Theory Appl.* **53**(1987), 303-307.
16. Scalarization of vector optimization problems. *J. Optim. Theory Appl.* **55**(1987), 346-354.
17. Connectedness of the efficient point sets in quasiconcave maximization. *J. Math. Anal. Appl.* **55**(1987), 85-102.
18. Convexity and closedness with respect to cones. *Optimization* **18**(1987), 785-789.
19. A closedness theorem for nonconvex sets. In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems*, Hanoi, 1987, pp. 29-35.
20. *Theory of Vector Optimization*. Lecture Notes in Econ. Math. Systems, Springer-Verlag, Berlin-Heidelberg-New York, **319**(1989).
21. *Introduction to Nonlinear Optimization*. Cinvestav IPN, Mexico D.F., 1989.

22. An existence theorem in vector optimization. *Math. Oper. Research* **14**(1989), 693-699.
23. Recession cones and the domination property in vector optimization. *Math. Programming* **49**(1990), 113-122.
24. Contractibility of efficient point sets. *J. Nonlinear Anal.: Theory Methods Appl.* **15**(1990), 527-535.
25. On three concepts of quasiconvexity in vector optimization. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), 3-9.
26. Continuity properties of cone-convex functions. *Acta Math. Hungar.* **55**(1990), 57-61.
27. *Some Foundations of the Theory of Vector Optimization*. Dr. Sc. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1990 (in Vietnamese).
28. Contingent derivatives of set-valued maps and applications to vector optimization. *Math. Programming* **50**(1991), 99-111.
29. (with C. Vargas) A saddlepoint theorem for set-valued maps. *J. Nonlinear Analysis: Theory, Methods and Appl.* **18**(1992), 1-7.
30. (with C. Malivert) Invex optimization problems. *Bull. Austral. Math. Soc.* **46**(1992), 47-66.
31. (with J. Jahn) Axiomatic approach to duality in optimization. *Numer. Funct. Anal. Optimiz.* **13**(1992), 305-326.
32. (with P. Q. Khanh) Problems of vector optimization. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), 91-110.
33. *Nonlinear Programming, Theory and Methods*. Cinvestav IPN, Mexico D.F., 1992.
34. (with S. Swaminathan) A characterization of convex functions. *J. Nonlinear Analysis: Theory, Methods and Appl.* **20**(1993), 697-701.
35. Recession maps and applications. *Optimization* **27**(1993), 1-15.
36. On the maximal monotonicity of subdifferentials. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 99-106.
37. Characterization of quasiconvex functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **48**(1993), 393-405.
38. (with P. H. Dien) On the calculation of generalized gradients for a marginal function. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 309-326.
39. On generalized convex nonsmooth functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **49**(1994), 139-149.
40. (with C. Malivert and R. Lucchetti) Convergence of the efficient sets. *Set-Valued Analysis* **2**(1994), 1-12.
41. (with M. Thera) Derivatives with support and applications. *Math. Oper. Research* **19**(1994), 659-675.
42. Taylor's formula for  $C^{k,l}$  functions. *SIAM J. on Optimization* **5**(1995), 396-407.

43. (with Jofre and Thera)  $\varepsilon$ -subdifferential calculus for nonconvex function and  $\varepsilon$ -monotonicity. *C. R. Acad. Sci Paris* **323**(1996), 735-740.
44. A strong mean value theorem and its application. *J. Nonlinear Analysis* **26**(1996), 915-923.
45. Smooth representation of a polyhedral convex set with application to sensitivity in optimization. *Proc. Amer. Math. Soc.* **125**(1997), 555-567.
46. (with P. H. Dien) Differentiable selection of optimal solutions in parametric linear programming. *Proc. Amer. Math. Soc.* **125**(1997), 883-892.
47. (with Schaible) On efficiency and generalized convexity. *J. Optim. Theory Appl.* **94**(1997), 147-153.
48. (with M. Volle) Level sets under infimal convolution and level addition. *J. Optim. Theory Appl.* **94**(1997), 695-714.
49. (with P. H. Dien and T. D. Phuong) *Thực hành Tính toán trên Chương trình Maple V*. NXB Giáo dục, Hanoi, 1998 (in Vietnamese).
50. (with D. T. Luc, T. D. Phuong and N. X. Tan) *Giải tích Toán học - Các Nguyên lý Cơ bản & Tính toán Thực hành*. NXB Giáo dục, Hanoi, 1998 (in Vietnamese).
51. (with N. X. Tan and P. N. Tinh) Convex vector functions and their subdifferentials. *Acta Math. Vietnam.* **23**(1998), 107-127.
52. (with N. X. Tan and P. N. Tinh) Subdifferential characterizations of quasiconvex and convex vector functions. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), 53-69.
53. (with A. Joffre and M. Thera)  $\varepsilon$ -subdifferential and  $\varepsilon$ -monotonicity. *J. Nonlinear Analysis: Theory, Methods and Appl.* **33**(1998), 71-90.
54. (with V. Jeyakumar and S. Schaible) Characterizations of generalized monotone nonsmooth continuous maps using approximate Jacobians. *J. Convex Analysis* **5**(1998), 119-132.
55. (with A. V. Jeyakumar) Approximate Jacobian matrices for nonsmooth continuous maps and  $C^1$ -optimization. *SIAM J. Control Optim.* **36**(1998), 1815-1832.
56. Generalized convexity and some applications to vector optimization. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), 95-110.
57. (with A. V. Jeyakumar) Nonsmooth calculus, Minimality and Monotonicity of Convexifications. *J. Optimiz. Theory Appl.* **101**(1999), 599-621.
58. (with Martinez-Lagaz and A. Seeger) Least deviation decomposition with respect to a pair convex sets. *J. Convex Anal.* **6**(1999), 115-140.
59. Corrigendum: "Contractibility of efficient point sets in normed spaces" *Nonlinear Anal.* **15**(1990), N<sup>o</sup>6, 527-535, *Nonlinear Anal.* **38**(1999), N<sup>o</sup>4, Sec. A: Theory Methods, 547.



60. (with H. V. Ngai and Thera, M.) On  $\varepsilon$ -monotonicity and  $\varepsilon$ -convexity. In: *Calculus of variations and differential equations (Haifa, 1998)*, 82-100, Chapman & Hall/CRC Res. Notes Math., 410, Chapman & Hall/CRC, Boca Raton, FL, 2000.
61. (with N. T. B. Kim) Normal cones to a polyhedral convex set and generating efficient faces in linear multiobjective programming. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>1, 101-124.
62. (with H. V. Ngai and Thera, M.) Approximate convex functions. *J. Nonlinear Convex Anal.* **1**(2000), N<sup>o</sup>2, 155-176.
63. (with L. V. Thuan) On sensitivity in linear multiobjective programming. *J. Optim. Theory Appl.* **107**(2000), N<sup>o</sup>3, 615-626.
64. Existence results for densely pseudomonotone variational inequalities. *J. Math. Anal. Appl.* **254**(2001), N<sup>o</sup>1, 291-308.
65. (with Guerraggio, A.) Optimality conditions for  $C^{1,1}$  vector optimization problems. *J. Optim. Theory Appl.* **109**(2001), N<sup>o</sup>3, 615-629.
66. (with Penot, Jean-Paul) Convergence of asymptotic directions. *Trans. Amer. Math. Soc.* **353**(2001), N<sup>o</sup>10, 4095-4121 (electronic).
67. (with Fischer, A. and Jeyakumar, V.) Solution point characterizations and convergence analysis of a descent algorithm for nonsmooth continuous complementarity problems. *J. Optim. Theory Appl.* **110**(2001), N<sup>o</sup>3, 493-513.
68. (with Guerraggio, A. and Minh, N. B.) Second-order optimality conditions for  $C^1$  multiobjective programming problems. Dedicated to Pham Huu Sach on the occasion of his sixtieth birthday. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>3, 257-268.
69. Recessively compact sets: properties and uses. *Set-Valued Anal.* **10**(2002), N<sup>o</sup>1, 15-35.
70. (with Jeyakumar, V. and Tinh, P. N.) Convex composite non-Lipschitz programming. *Math. Program.* **92**(2002), N<sup>o</sup>1, Ser. A, 177-195.
71. (with H. V. Ngai and Thera, M.) Extensions of Fréchet  $\varepsilon$ -subdifferential calculus and applications. *J. Math. Anal. Appl.* **268**(2002), N<sup>o</sup>1, 266-290.
72. The Fréchet approximate Jacobian and local uniqueness in variational inequalities. *J. Math. Anal. Appl.* **268**(2002), **2**, 629-646.
73. (with Jeyakumar, V.) An open mapping theorem using unbounded generalized Jacobians. *Nonlinear Anal.* **50**(2002), N<sup>o</sup>5, Ser.A: Theory Methods, 647-663.
74. A multiplier rule for multiobjective programming problems with continuous data. *SIAM J. Optim.* **13**(2002), N<sup>o</sup>1, 168-178 (electronic).
75. (with Jeyakumar, V.) Convex interior mapping theorems for continuous nonsmooth functions and optimization. *J. Nonlinear Convex Anal.* **3**(2002), N<sup>o</sup>2, 251-266.

76. Second order optimality conditions for problems with continuously differentiable data. *Optimization* **51**(2002), N<sup>o</sup>3, 497-510.
77. (with Guerraggio, Angelo) Vector optimization problems with  $C^{1,1}$  functions. *Optimization in economics, finance and industry (Verona, 2001)*, 1-13, *Datanova, Milan, 2002*.
78. (with Jeyakumar, V.) Sharp variational conditions for convex composite nonsmooth functions. *SIAM J. Optim.* **13**(2002), N<sup>o</sup>3, 904-920 (electronic) (2003).
79. (with N. T. B. Kim) Normal cone method in solving linear multiobjective problems. Generalized convexity, generalized monotonicity, optimality conditions and duality in scalar and vector optimization. *J. Stat. Manag. Syst.* **5**(2002), N<sup>o</sup>1-3, 341-358.
80. (with D.T. Luc, T. D. Phuong) *Giải tích các hàm nhiều biến – những nguyên lý cơ bản và tính toán thực hành*. NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2003, 238 trang (in Vietnamese).
81. (with Guerraggio, A.) Optimality conditions for  $C^{1,1}$  constrained multiobjective problems. *J. Optim. Theory Appl.* **116**(2003), N<sup>o</sup>1, 117-129.
82. (with A. Cambini and L. Martein) A method for calculating subdifferential of convex vector functions. *J. Stat. Manag. Syst.* **6**(2003), N<sup>o</sup>1, 155-170.
83. (with Noor, M. A.) Local uniqueness of solutions of general variational inequalities. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>1, 103-119.
84. (with A. Cambini and L. Martein) Order-preserving transformations and applications. *J. Optim. Theory Appl.* **118**(2003), N<sup>o</sup>2, 275-293.
85. Generalized convexity in vector optimization. *Handbook of generalized convexity and generalized monotonicity*, 195-236, Nonconvex Optim. Appl., 76, *Springer, New York, 2005*.
86. *Generalized convexity, generalized monotonicity and applications*. Proceedings of the 7th International Symposium on Generalized Convexity and Generalized Monotonicity held in Hanoi, August 27-31, 2002. (Edited by Andrew Eberhard, Nicolas Hadjisavvas and Dinh The Luc). Nonconvex Optimization and its Applications, 77. *Springer-Verlag, New York, 2005*. x+350 pp.

### Le Trong Luc

1. On the inverse source problem for the Newtonian potential. *Math. Nachr.* **152**(1991), 289-294.
2. On the inverse source problem for the wave operator. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>o</sup>2.

3. On the principle "A Lack of Information" in inverse source problems. In: *Inverse Problems with Applications to Geophysics, Industry, Medicine and Technology*" (D.D. Ang et al, eds.), Ho Chi Minh City, 1995, 17-19.
4. On the inverse source problem for the Helmholtz operators. *Vietnam J. Comput. Sci. Cybernetics* **12**(1996), N<sup>o</sup>3, 82-96.
5. On Balagage Principles by Inverse Source Problem. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), N<sup>o</sup>1, 69-76.
6. On the Inverse Problem for the Heat Conduction Operator. *Vietnam National University Journal of Sciences* **13**(1997), N<sup>o</sup>1, 8-13.

### Ngo Van Luoc\*

1. (with L. V. Thiem and L. V. Thanh) Filtration problem in salinity earth regions. *Tạp san Toán lý* **5**(1966), N<sup>o</sup>2, 22-32, (in Vietnamese).
2. On certain boundary value problems for systems of elliptic equations of n-order. *Bull. Acad. Sci. Georgian SSR* **56**(1969), 17-20 (in Russian).
3. The general type boundary value problems of linear conjugation with displacements of Q-holomorphic vectors. *Bull. Acad. Sci. Georgian SSR* **57**(1970), 519-522.
4. *Boundary Value Problems in Some Classes of Generalized Analytic Vectors*. Ph. D. Thesis, Tbilisi, 1970, 93p. (in Russian).
5. A differential boundary problem of linear conjugation. *Acta Scient. Vietnam.* **7**(1971), 78-85, (in Russian).
6. General type boundary value problems of linear conjugation with displacements of generalized analytic functions. *Tạp chí Toán học* **1**(1973), N<sup>o</sup>1, 48-53, (in Vietnamese).
7. On the filtration problem in nonhomogeneous porous medium. *Tạp chí Toán học* **1**(1973), N<sup>o</sup>3, 32-37, (in Vietnamese).
8. Filtration in nonhomogeneous infinite medium under concrete dam. *Tạp chí Toán học* **2**(1974), N<sup>o</sup>1-2, 41-46, (in Vietnamese).
9. (with L. V. Thiem and H. D. Dung) Les fonctions p-analytiques et le mouvement des liquides visqueux a symmetrie axiale. *Acta Scient. Vietnam.* **9-10**(1974), 24-33.
10. On boundary value problem of viscous liquid flowing around plane circle disk. *Tạp chí Toán học* **3**(1975), N<sup>o</sup>1, 22-26, (in Vietnamese).
11. On the filtration problem in nonhomogeneous porous medium with impervious sheetpile. *Acta Math. Vietnam* **1**(1976), N<sup>o</sup>1, 72-79, (in Russian).
12. Summary representation formulas of biharmonic functions. *Tạp chí Toán học* **4**(1976), N<sup>o</sup>2, 21-29, (in Vietnamese).

13. Summary representation formulas of partial differential equations of fourth order. *Tạp chí Toán học* 4(1976), N<sup>o</sup>4, 1-9, (in Vietnamese).
14. Numerico-analytic solution of dirichlet problem for elliptic equations with variable coefficients. *Tạp chí Toán học* 5(1977), N<sup>o</sup>3, 21-24, (in Vietnamese).
15. Boundary value problems in some classes of elliptic equations with variable coefficients. *Acta Math. Vietnam.* 2(1977), N<sup>o</sup>1, 17-29, (in Russian).
16. Some summary representation formulas of elliptic equations with piecewise continuous coefficients. *Acta Math. Vietnam.* 2(1977), N<sup>o</sup>1, 48-61, (in Russian).
17. Summary representation formulas of parabolic equations with variable coefficients and filtration problem of petroleum. *Tạp chí Toán học* 6(1978), N<sup>o</sup>2, 22-26, (in Vietnamese).
18. Summary representation formulas of elliptic equations with variable coefficients. *Vychisl. Prikl. Mat.*, Kiev 37(1979), 131-136, (in Russian).
19. Summary representation formulas for some classes of elliptic equations with variable coefficients. *Tạp chí Toán học* 7(1979), N<sup>o</sup>4, 11-15, (in Vietnamese).
20. Numerico-analytic solution of axial-symmetrical filtration problem in nonhomogeneous medium. *Tạp chí Toán học* 8(1980), N<sup>o</sup>1, 11-17, (in Vietnamese).
21. (with V. V. Dat) Approximate solution of filtration problem in porous medium of two layers by the method of straight lines. *Tạp chí Toán học* 10(1982), N<sup>o</sup>2, 24-32, (in Vietnamese).
22. On the space of filtration problem of homogeneous dam. *Acta Math. Vietnam.* 7(1982), N<sup>o</sup>1, 61-69.
23. (with V. V. Dat) An approximate solution to the free boundary value problem for fluid flow through a dam with vertical layers. *Acta Math. Vietnam.* 7(1982), N<sup>o</sup>1, 47-60.
24. (with T. G. Lich and H. Q. On) Calculation of dambreak wave in rivers. In: *Proc. Of the Third National Conference on Mechanics*, Hue, 1982, 215-224, (in Vietnamese).
25. (with V. V. Dat) Approximate solution to filtration problem in porous medium with many layers by the method of straight lines. *Tạp chí Toán học* 11(1983), N<sup>o</sup>4, 23-29, (in Vietnamese).
26. (with V. V. Dat and N. V. Ngoc) Approximate solution to axial-symmetrical filtration problem by the method of dual series equations. *Tạp chí Toán học* 12(1984), N<sup>o</sup>2, 20-27, (in Vietnamese).
27. (with H. Q. On and T. G. Lich) Calculation of propagation of discontinuous waves by the method of characteristics fixed with grid

- points. *Zh. Vyschisl. Mat. I. Mat. Fiz.* **24**(1984), N<sup>o</sup>3, 442-447, (in Russian).
28. (with T. H. Quang and L. K. Luat) Approximate solution to filtration problem of earth dams systems by the finite element method. *Tạp chí Khoa học và Tính toán Điều khiển* **1**(1985), N<sup>o</sup>1, 21-26, (in Vietnamese).
  29. (with T. H. Quang and L. K. Luat) Numerical method for solving the filtration problem of earth dams systems and its applications. In: *Actes de la troisième conférence de Mathématiques du Vietnam*, Hanoi, 1985, t.2, 435-441, (in Vietnamese).
  30. On the differential boundary value problem of linear conjugation of Q-holomorphic vectors. *Reports of Extended Seminar of I. Vekua Institute of Applied Mathematics* **2**(1986), N<sup>o</sup>1, 50-53, (in Russian).
  31. (with N. V. Diep, N. T. Dac and T. G. Lich) The use of mathematical models for hydrological studies in Vietnam. *Adv. In Mech.* **9**(1986), N<sup>o</sup>2, 83-93.
  32. (with G. F. Mandjavidze) The problem V of generalized analytic vectors. *Bull. Acad. Sci. Georgian SSR* **128**(1987), 265-268, (in Russian).
  33. *Differential boundary value problems for systems of elliptic equations of first order*. Dr. Sc. Thesis, Institute of Mathematics, Tbilisi, 1988, 230 p. (in Russian).
  34. (with L. N. Lang) On the existence and uniqueness of solutions for a class of evolution equations. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), N<sup>o</sup>1, 15-22.
  35. On a free boundary problem of earth dams with separated variable filtration coefficients. *Internat. Series of Numerical Mathematics* **99**(1991), 317-323.
  36. (with L. N. Lang) An evolution nonlinear mixed problem. *Tạp chí Toán học* **19**(1991), N<sup>o</sup>2, 16-32.
  37. (with D. Quang A and N. C. Dieu) Analytic and numerical solution of some problems of air pollution. *SEA Bull. Math.* Special Issue, 1993, 103-107.

### Dinh Quang Luu

1. *On the Radon-Nikodym Property of Banach Certesian and Banach Tensor Products*. Ph.D. Thesis, Wroclaw University, Poland, 1977.
2. On the Radon-Nikodym property in Banach spaces. *Bull. Acad. Polon. Sci. Sér. Sci. Math.* **28**(1980), 269-271.
3. (with B. K. Dam) On the Radon-Nikodym property in conjugate Banach spaces. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N<sup>o</sup>3, 24-26, (in Vietnamese).
4. On the nonempty intersection property in Banach spaces. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N<sup>o</sup>4, 14-16, (in Vietnamese).

5. A representation theorem for almost surely convergent sequences of multifunctions. *Acta Math. Vietnam.* 5(1980), N<sup>o</sup>2, 141-143.
6. On the class of all processes having a Riesz decomposition. *Acta Math. Vietnam.* 6(1981), N<sup>o</sup>1, 101-107.
7. Some examples and theorems related to the Radon-Nikodym property in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* 6(1981), N<sup>o</sup>1, 64-70.
8. (with H. L. Anh) Measurable relations with closed ball values in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* 6(1981), N<sup>o</sup>2, 6-12.
9. Representation and regularity of multivalued martingales. *Acta Math. Vietnam.* 6(1981), N<sup>o</sup>2, 29-40.
10. Best approximation in the space of closed convex valued integrably bounded multifunctions. *Seminaire d'Analyse Convexe* Montpellier 1982, Exp. 19, 1-23.
11. Multivalued quasi-martingales and uniform amarts. *Acta Math. Vietnam.* 7(1982), N<sup>o</sup>2, 3-25.
12. Convergence of amarts of finite order. *Math. Nachr.* 113(1983), 39-45.
13. Representation of multivalued (regular) uniform amarts. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1982, Exp. 9, 1-33.
14. Some typical examples in the theory of multivalued martingales. *Tap chí Toán học* 11(1983), N<sup>o</sup>1, 24-30, (in Vietnamese).
15. On convergence of multivalued asymptotic martingales. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1984, Exp. 5, 1-23.
16. Applications of the Radon-Nikodym theorems for set-valued measures to convergence of  $L^1$ -amarts. *Math. Scand.* 54(1984), 101-113.
17. Stability of asymptotic martingales in Fréchet spaces. *Tap chí Toán học* 12(1984), N<sup>o</sup>2, 13-19, (in Vietnamese).
18. Stability and convergence of multivalued amarts and dimension of Banach spaces. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1984, Exp. 11, 1-25.
19. Nuclearity and amarts of finite order in locally convex spaces. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1984, Exp. 15, 1-24.
20. Best approximations in the space of Bochner integrable functions. *Math. Nachr.* 121(1985), 287-293.
21. The Radon-Nikodym property and convergence of amarts in Fréchet spaces. *Ann. Sci. Univ. Clermont-Ferrand II, Sér. Probability and Appl.* 3(1985), 1-19.
22. Amarts of finite order and Pettis Cauchy sequences of Bochner integrable functions in locally convex spaces. *Ann. Sci. Univ. Clermont-Ferrand II, Sér. Probability and Appl.* 3(1985), 91-105.
23. Quelques résultats de convergence des amarts multivoques dans les espaces de Banach. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* 300(1985), 23-26.

24. Quelques résultats de représentation des amarts uniformes multivoques dans les espaces de Banach. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **300**(1985), 63-65.
25. Stability and convergence of amarts in Fréchet spaces. *Acta Math. Hungar.* **45**(1985), 99-106.
26. Some Pettis mean convergence theorems for multivalued amarts of finite order in Banach spaces. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1985, Exp. 3, 1-20.
27. Absolutely summing operators and measure amarts in Fréchet spaces. *Ann. Sci. Univ. Clermont-Ferrand II, Sér. Probability and Appl.* **2**(1986), 49-71.
28. The best approximation in  $L_E^1$ . *Tạp chí Toán học* **14**(1986), N<sup>o</sup>1, 29-33, (in Vietnamese).
29. Asymptotic martingales and their applications. In: *Proc. of the 3-rd National Congress of Math.*, Hanoi 1986, Vol. I, 47-52, (in Vietnamese).
30. Representation theorems for multivalued (regular)  $L^1$ -amarts. *Math. Scand.* **58**(1986), 5-22.
31. The Banach lattice property of  $L^1$ -amarts. *Tạp chí Toán học* **16**(1988), 30-33.
32. Summability and amarts of finite order in Fréchet spaces. *Acta Math. Hungar.* **51**(1988), 71-77.
33. Decomposition and limits for martingales-like sequences in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), 73-78.
34. A short proof for biting lemma. *Seminaire d'Analyse Convexe*, Montpellier 1989, Exp. 1, 1-13.
35. A remark on limits for games which become fairer with time. *Acta Math. Vietnam.* **14**(1989), N<sup>o</sup>2, 123-124.
36. (with N. V. Hung) Relations between laws of large numbers and asymptotic martingales in Banach spaces. *Ann. Sci. Univ. Clermont-Ferrand II, Sér. Probability and Appl.* **8**(1989), 105-118.
37. On some classes of asymptotic martingales in Banach spaces. Dr. Sc. Thesis, *Inst. Math. Pol. Acad. Sci.* Warsaw, 1990.
38. Nuclearity and amarts of finite order in local convex spaces. *Prob. Math. Statist.* **11**(1990), 121-132.
39. Convergence and lattice property of a class of martingale-like sequences. *Acta Math. Hungar.* **59**(1992), 273-281.
40. On further classes of martingale-like sequences. *Theory Prob. Appl.* **27**(1992), 428-434.
41. A short proof and another application of Brooks-Chacons biting lemma. *Studia Sci. Math. Hungar.* **27**(1992), 347-352.
42. (with N. H. Hai) On the essential convergence in law of two-parameter random processes. *Bull. Acad. Polon. Sci.* **40**(1992), 197-204.



43. (with N. H. Hai) Pointwise convergence of two-parameter random processes. *Bull. Acad. Polon. Sci.* **40**(1992), 205-215.
44. (with N. H. Hai) Decomposition and limits for two-parameter martingale-like sequences. *Roumaine Rev. Math. Pures Appl.* **38**(1993), 243-251.
45. Convergence of Banach space-valued martingale-like sequences of Pettis-integrable functions. *Bull. Pol. Acad. Sci., Ser. Math.* **45**(1997), N<sup>o</sup>3, 233-245.
46. Further decomposition and convergence theorems for Banach space-valued break martingale-like sequences. *Bull. Pol. Acad. Sci., Ser. Math.* **45**(1997), N<sup>o</sup>4, 419-428.
47. A classification of a class of martingale-like sequences. *Acta Math. Vietnam.* **34**(1999), N<sup>o</sup>2, 347-356.
48. On further classes of martingale-like sequences and some decomposition and convergence theorems. *Glasgow Math. J.* **41**(1999), 313-322.
49. On convergence in probability of martingale-like sequences. *Studia Sci. Math. Hungar.* **35**(1999), 331-338.
50. (with N. T. Binh) On martingales in the limit and convergence of their subsequences. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>2, 177-185.
51. (with T. Q. Vinh) On martingales in the limit and their classification. *Vietnam J. Math.* **29**(2001), N<sup>o</sup>2, 159-164.
52. On martingales and their recent generalizations. In: *Proceeding 2<sup>th</sup> Nat. Conf. Probab. Statistics*, 2001, 5-12.
53. (with N. T. Binh) Stochastic models of games which become fairer with stopping time. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>3, 259-269.
54. Martingales and related problems. *Thông báo khoa học của các trường đại học* 2002, 70-73 (in Vietnamese).
55. (with T. Q. Vinh) Some comparison results for sequential martingales in the limits. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>2, 217-228.
56. (with N. P. Vu) Ideal amarts. *J. Sci. Tech.* **103**(2003), 5-12 (in Vietnamese).
57. (with T. V. Long) Structures of stochastic bases and applications. In: *Proceeding Winter School on Probab. & Stat.*, Vinh Univ., 2004, 21-34 (in Vietnamese).
58. (with T. V. Long) On a characterization of pramarts and its application. In: *Proceeding Winter School on Probab. & Stat.*, Vinh Univ., 2004, 174-180 (in Vietnamese).
59. (with V. T. Hoai) On games fairer with stopping time and m-dependence. In: *Proceeding Winter School on Probab. & Stat.*, Vinh Univ., 2004, 50-58 (in Vietnamese).
60. (with T. Q. Vinh) Probability structures of stochastic bases and applications. In: *Proceeding Winter School on Probab. & Stat.*, Vinh Univ., 2004, 215-224 (in Vietnamese).

## Do Van Luu

1. On the uniqueness of solution of the Cauchy problem for a infinite system of second-order parabolic equation with increasing coefficients. *Tạp chí Toán học* **1**(1973), N°2, 42-48 (in Vietnamese).
2. On an extension of optimal control problems. *Tạp chí Toán học* **3**(1975), N°4, 22-30 (in Vietnamese).
3. Sufficient conditions for multiple constraint optimization problems and applications. *Tạp chí Toán học* **6**(1978), N°3, 7-18 (in Vietnamese).
4. Sufficient conditions for optimization problems under Lipschitz conditions. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N°4, 27-33 (in Vietnamese).
5. Sufficient conditions for optimality in Banach spaces. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N°1, 18-24 (in Vietnamese).
6. *Necessary and Sufficient Conditions for Optimization Problems*. Ph.D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1980, 94 p. (in Vietnamese).
7. Sufficient and necessary conditions for optimization problems with inequality-type constraints. *Tạp chí Toán học* **10**(1982), N°3, 8-15 (in Vietnamese).
8. Sufficient and necessary conditions for some general optimization problems. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N°2, 37-57.
9. Some applications of the locally M-surjective mapping theorem. *Tạp chí Toán học* **12**(1984), N°3, 27-33 (in Vietnamese).
10. On the first-order sufficient optimality conditions. *Tạp chí Toán học* **13**(1985), N°4, 13-18, (in Vietnamese).
11. On sufficient optimality conditions under constraints. *Tạp chí Toán học* **15**(1987), N°1, 3-8 (in Vietnamese).
12. An approach to sufficient optimality conditions in mathematical programming. In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems*, Hanoi, 1987, 60-72.
13. Optimality conditions for discrete minimax problems in infinite - dimensional spaces. *Tạp chí Toán học* **16**(1988), N°4, 15-22 (in Vietnamese).
14. Regularity and sufficient optimality conditions for some classes of mathematical programming problems. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), N°2, 87-95.
15. *General Topology (in Vietnamese) – Tô pô đại cương*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 1998, 160 trang.
16. *Functional Analysis (in Vietnamese) - Giải tích hàm*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 1999, 278 trang.
17. *Lipschitz Analysis (in Vietnamese) – Giải tích Lipschitz*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 1999, 162 trang.

18. *The theory of optimality conditions (in Vietnamese) – Lý thuyết các điều kiện tối ưu.* NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 1999, 186 trang
19. Sufficient optimality conditions for discrete minimax problems in the presence of constraints in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N<sup>o</sup>2, 11-23.
20. On necessary optimality conditions for discrete minimax problems. *Acta Math. Vietnam.* **16**(1991), N<sup>o</sup>2, 201-210.
21. Necessary optimality conditions for optimal control problems governed by hemivariational inequalities. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>o</sup>2, 135-148.
22. On the Rockafellar derivative of marginal functions and applications. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 225-237.
23. (with W. Oettli) Necessary optimality conditions for nonsmooth minimax problems. *Z. Anal. Anwendungen* **12**(1993), N<sup>o</sup>4, 709-721.
24. (with B. D. Craven) Constrained minimax for a vector-valued function. *Optimization* **31**(1994), 199-208.
25. (with W. Oettli) Higher-order optimality conditions for a minimax. *Bull. Austral. Math. Soc.* **54**(1996), 509-516.
26. (with B.D. Craven) A method for establishing optimality conditions for a nonsmooth vector-valued problem. *J. Optim. Theory Appl.* **95**(1997), N<sup>o</sup>2, 295-304.
27. (with B. D. Craven and B. M. Glover) Strengthened invex and perturbation. *Math. Meth. Oper. Res.* **43**(1996); 319-336.
28. (with B. D. Craven) Optimization with set-functions described by functions. *Optimization* **42**(1997), 39-50
29. (with B. D. Craven) Lagrangian conditions for a nonsmooth vector-valued minimax. *J. Austral. Math. Soc. (Series A)* **65**(1998), 163-175.
30. (with N. X. Ha) An invariant property of invex functions and applications, *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>2, 181-193.
31. (with P. T. Kien) Sufficient optimality conditions under invexity hypotheses, *Vietnam J. of Math.* **28:3**(2000), 227-236.
32. (with P. H. Khai) *Convex Analysis (in Vietnamese) – Giải tích lồi.* NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 2000, 236 trang.
33. (with D. N. Quynh) On the Lagrangian conditions for a nonsmooth minimax, *Nonl. Funct. Anal. and Appl.* **6**(2001). N<sup>o</sup>2, 157-169.
34. (with Craven, B. D.) Perturbing convex multiobjective programs. *Optimization* **48**(2000), N<sup>o</sup>4, 391-407.
35. (with N. X. Ha) Invexity of supremum and infimum functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **65**(2002), N<sup>o</sup>2, 289-306.
36. (with L. M. Tung) Nonsmooth B-preinvex functions. *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>1, 33-40.

37. (with D. Hoa) On the stability of local minima in nonsmooth mathematical programs. *East-West J. Math.* **4**(2002), N<sup>o</sup>1, 1-12.
38. (with P. T. Kien) Optimality conditions in terms of directional derivatives. *East-West J. Math.* **4**(2002), N<sup>o</sup>2, 119-136.
39. (with P. T. Kien) Higher-order optimality conditions for isolated local minima. *Nonlinear Funct. Anal. Appl.* **8**(2003), N<sup>o</sup>1, 35-48.
40. (with N. X. Ha) Sufficient conditions for invexity. *Bull. Austral. Math. Soc.* **68**(2003), N<sup>o</sup>1, 113-125.
41. (with L. M. Tung) B-preinvexity criteria and applications. *Indian J. Math.* **45**(2003), N<sup>o</sup>3, 279-300.
42. (with N. M. Hung) Invexity of constraint maps in mathematical programs. *Nonlinear Funct. Anal. Appl.* **9**(2004), N<sup>o</sup>2, 289-304.
43. (with D. Hoa) On the stability of local minima in mathematical programming involving cone-constraints, *Soochow J. of Math.* **31**(2005), N<sup>o</sup>2, 1-14.

### Nguyen Si Minh

1. (with N. T. Cuong, N. H. Duc and H. H. Vui) Sur les germes de fonctions infiniment déterminés. *C. R. Acad. Sci. Paris. Série I* **285**(1977), 1045-1048.
2. (with N. T. Cuong, N. H. Duc and H. H. Vui) On the germs of infinite determined differentiable functions. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978, N<sup>o</sup>1, 43-50, (in Russian).
3. Singularities of the Cauchy problem. *Dokl. Akad. Nauk BSSR* **31**(1987), 688-691, (in Russian).
4. Classification of Cauchy problems by their singularities. *Dokl. Akad. Nauk BSSR* **31**(1978), 781-784 (in Russian).
5. Singularity of Cauchy Problems. Ph. D. Thesis, *Belorussian State University, Minsk*, 1987, 92 p., (in Russian).
6. (with T. D. Van and N. S. A. Tuan) The space of exponential functions associated with a class of differential operators and application. In: *Proc. of Inter. Confernce on Applied Analysis and Mechanics of Continouns Media*, Hochiminh city, **12**(1995), 268-281.
7. (with B. Ziemian) A remark on the Nilsson type integrals. *Singularities and Differential equations, Warszawa, Banach center publications* **33**(1996), 277-285.

## Le Dung Muu

1. (with H. Tuy and N. V. Thoai) A modification of Scarf's algorithm allowing restarting. *Optimization* **9**(1978), 367-372.
2. (with Do B. Khang) Asymptotic regularity and the strong convergence of the proximal point algorithm. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), 3-18.
3. Stability property of a class of variational inequalities. *Optimization* **15**(1984), 347-351.
4. A convergent algorithm for solving linear programs with an additional reverse convex constraint. *Kybernetika* **91**(1986), 418-425 (in Russian).
5. An augmented penalty function method for solving a class of variational inequalities. *Soviet Computational Mathematics and Mathematical Physics* **12**(1986), 1788-1796.
6. (with W. Oettli) A Lagrangian penalty function method for monotone variational inequalities. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **10**(1989), 1003-1017.
7. (with W. Oettli) An algorithm for indefinite quadratic programming with convex constraints. *Operations Research Letters* **10**(1989), 323-327.
8. (with W. Oettli) A method for minimizing a convex-concave function over a convex set. *J. Optim. Theory Appl.* **70**(1990), 377-384.
9. On a Lagrangian penalty function method for convex programs. *Appl. Math. Optim.* **25**(1992), 1-9.
10. (with W. Oettli) Convergence of an adaptive penalty method for monotone variational inequalities and convex optimization. *Nonlinear Analysis: Theory, Methods and Applications* **18**(1992), 1-10.
11. (with B.T. Tam) Minimizing the sum of a convex function and the product of two affine fractional functions over a convex set. *Optimization* **24**(1992), 57-62.
12. An algorithm for solving convex programs with an additional convex-concave constraint. *Math. Programming* **61**(1993), 75-87.
13. (with W. Oettli) A combined branch-and-bound and cutting plane method for solving a certain class of nonconvex optimization problems. *J. Global Optim.* **3**(1993), 377-391.
14. Convex-concave programming as a decomposition approach to global optimization. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 61-77.
15. (with R. Horst and M. Nast) Branch-and-bound decomposition approach for solving quasiconvex-concave programs. *J. Optim. Theory Appl.* **82**(1994), 267-293.
16. (with B. T. Tam) Efficient methods for solving certain bilinear programming problems. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), 97-110.

17. (with B. T. Tam and Schaible) Efficient algorithms for solving certain nonconvex optimization problems dealing with the product of two affine fractional functions. *J. Global Optim.* **6**(1995), 179-191.
18. (with T. Q. Phong and P. D. Tao) Decomposition methods for solving a class of nonconvex programming problems dealing with bilinear and quadratic function. *Comput. Optim. Appl.* **4**(1995), 203-216.
19. Computational Aspects of Optimization over the Efficient Set. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), 85-106.
20. (with N. D. Dan) Parametric Simplex Method for Optimizing a Linear Function Over the Efficient Set of a Bicriteria Linear Problem. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), 59-67.
21. (with L. T. An and P. D. Tao) Numerical Solution for optimization over the Efficient Set by D. C. Optimization Algorithm. *Operations Research Letters* **19**(1996), 117-128.
22. (with Le Tu Luc) On Equivalence between Convex Maximization and Optimization over the Efficient Set. *Vietnam J. Math.* **24**(1996), 439-445.
23. (with N. A. Tuan and P. C. Duong) A algorithm for finding a global optimal solution of a water distribution network. *Acta Math. Vietnam.* **21**(1996), 309-333.
24. (with N. V. Tien) A relaxation algorithm for solving mixed integer programming problems. *Acta Math. Vietnam.* **22**(1997), 367-378.
25. (with Le T. Luc) Global optimization approach to optimization over the efficient set. In: *the Proceeding of 8th French-German Conference on Optimization* Springer Verlag, Berlin, 1997, 213-221.
26. (with L. T. H. An and P. D. Tao) A combined D.C. optimization-ellipsoidal branch-and-bound algorithm for solving nonconvex quadratic programming problems. *J. Comb. Optim.* **2**(1998), 9-28.
27. (with L. T. H. An and P. D. Tao) Exact penalty in DC programming. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 169-178.
28. (with W. Oettli) Optimization with equilibrium constraints. *Optimization* **48**(1999), 1-11.
29. A convex-concave programming method for optimizing over the efficient set. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>1, 67-85.
30. (with Fülöp, J.) Branch-and-bound variant of an outcome-based algorithm for optimizing over the efficient set of a bicriteria linear programming problem. *J. Optim. Theory Appl.* **105**(2000), N<sup>o</sup>1, 37-54.
31. On the construction of initial polyhedral convex set for optimization problems over the efficient set and bilevel linear programs. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>2, 177-182.
32. (with H. Q. Tuyen) Biconvex programming approach to optimization over the weakly efficient set of a multiple objective affine fractional problem. *Oper. Res. Lett.* **28**(2001), N<sup>o</sup>2, 81-92.

33. (with W. Oettli) Optimization over equilibrium sets. In celebration of Prof. Dr. Alfred Göpfert 65th birthday. *Optimization* **49**(2001), N<sup>o</sup>1-2, 179-189.
34. (with N. V. Quy) Methods for finding global optimal solutions to linear programs with equilibrium constraints. Dedicated to Pham Huu Sach on the occasion of his sixtieth birthday. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>3, 333-347.
35. (with N. V. Quy) On penalty function method for a class of nonconvex constrained optimization problems. *Vietnam J. Math.* **29**(2001), N<sup>o</sup>3, 235-256.
36. (with N. T. B. Kim) On the projection of the efficient set and potential applications. *Optimization* **51**(2002), N<sup>o</sup>2, 401-421.
37. (with N. V. Quy) Methods for finding global optimal solutions to linear programs with equilibrium constraints. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>2, 189-194.
38. (with H. Q. Tuyen) Bilinear programming approach to optimization over the efficient set of a vector affine fractional problem. *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>2, 119-139.
39. (with N. V. Quy) A global optimization method for solving convex quadratic bilevel programming problems. *J. Global Optim.* **26**(2003), N<sup>o</sup>2, 199-219.
40. (with L. T. H. An and P. D. Tao) Simplicially-constrained DC optimization over efficient and weakly efficient sets. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>3, 503-531.
41. (with P. N. Anh) Coupling the Banach contraction mapping principle and the proximal point algorithm for solving monotone variational inequalities. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>2, 119-133.
42. (with P. N. Anh, N. V. Hien and Strodiot, Jean-Jacques) On the contraction and nonexpansiveness properties of the marginal mappings in generalized variational inequalities involving co-coercive operators. *Generalized convexity, generalized monotonicity and applications*, 89-111, Nonconvex Optim. Appl., 77, Springer, New York, 2005.

### Nguyen Quynh Nga

1. (with N. M. Chuong) On a multivalued nonlinear variational inequality. (Russian) *Differ. Uravn.* **37**(2001), N<sup>o</sup>1, 128-129, 143; *translation in Differ. Equ.* **37**(2001), N<sup>o</sup>1, 144-145
2. Set-valued nonlinear variational inequalities for H-monotone mappings in nonreflexive Banach spaces. *Nonlinear Anal.* **52**(2003), N<sup>o</sup>2, 457-465.



3. (with N. M. Chuong) Some fixed point theorems for noncompact and weakly asymptotically regular set-valued mappings. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **24**(2003), N<sup>o</sup>7-8, 895-905.

### Ha Tien Ngoan

1. On the convergence of solutions of the boundary value problem for a sequence of elliptic equations. *Uspekhi Math. Nauk (USSR)*, **32**(1977), 183-184 (in Russian).
2. On the convergence of solutions of the boundary value problem for a sequence of elliptic systems. *Vestnik of Moscow University, Ser. Math. and Mechanics*, (1977), N<sup>o</sup>5, 83-92 (in Russian).
3. *On the averaging problem for linear elliptic equations and systems with coefficients depending on a parameter.* Ph. D. Thesis, Moscow State University, 1978, 117 pp. (in Russian).
4. (with V. V. Jikov, S. M. Kozlov, O. A. Oleinik) Averaging and G-convergence for differential operators. *Uspekhi Math. Nauk (USSR)*, **34**(1979), 65-133 (in Russian).
5. A necessary condition of hypoellipticity for the second order degenerate equations with the characteristic form of variable sign. *Ukrain. Math. J.* **35**(1983), 333-141 (in Russian).
6. (with C. Bardos, P. Dégou) Existence globale des solutions des equations de Vlasov-Poisson relativistes en dimension 3. *Comptes Rendus Acad. Sci. Paris, Série I* **301**(1985), 265-268.
7. Condition d'existence du produit de deux distributions, *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), 252-262.
8. A family of solutions for the problems of plane flow. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), 97-104.
9. (with M. Tsuji) Integration of hyperbolic Monge-Ampère equations. In: *Proceeding of Fifth Vietnamese Mathematical Conference*, Hanoi, September 17-20, 1997, 205-212.
10. Hopf's formula for Lipschitz solutions of Hamilton-Jacobi equations with concave-convex Hamiltonian. *Acta Math. Vietnam.* **23**(1998), 269-293.
11. (with D. Kong, M. Tsuji) Integration of Monge-Ampère equations and surfaces with negative Gaussian curvature. *Annali della Scuola Normale Superiore di Pisa, Scienze Fis. e Math.*, Serie 4, **27**(1998), 309-330.
12. (with N. T. Nga) On cauchy problem for hyperbolic Monge-Ampere equations. In: *Proceeding of the conference on partial differential Equations*, Hanoi, December 27-29, 1999, 77-91.

13. (với N. M. Chương, N. M. Trí và L. Q. Trung) *Partial differential equations (in Vietnamese) - Phương trình Đạo hàm riêng*. NXB Giáo dục, 2000, 332 trang.
14. (with N. T. Nga) On cauchy problem for hyperbolic Monge-Ampere equations. *Journal of Science, Hanoi University of Education, Series Natural Sciences*, 2002, N<sup>o</sup>4, 3-10.
15. (with N. T. Nga) On the Cauchy problem for multidimensional Monge-Ampere equation, *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>3, 281-298.

### Nguyen Van Ngoc

1. On a periodical contact problem for an infinite elastic strip. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật*, Hanoi, 1975, N<sup>o</sup>10, 23-29, (in Vietnamese).
2. On a periodical contact problem of elastic theory for complex media. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật*, Hanoi, 1975, N<sup>o</sup>6, 12-18, (in Vietnamese).
3. Resolution of one class of integral equations by the method of orthogonalization. *Tập san Toán lý 1977*, N<sup>o</sup>1, 48-66, (in Vietnamese).
4. Resolution of a periodical contact problem for elastic strip by the method of dual equations. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1979), N<sup>o</sup>1, 9-23.
5. On a contact problem for elastic strip. *Tạp chí Toán học* **8**(1980), N<sup>o</sup>2, 1-9.
6. On a dual series equation. *Tạp chí Toán học* **9**(1981), N<sup>o</sup>3, 15-21.
7. Some results on the series equations. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N<sup>o</sup>1, 107-116.
8. Some problems of the theory of paired series equations. *Ukrain. Math. J.* **35**(1983), N<sup>o</sup>5, 641-644, (in Russian).
9. (with N. V. Luoc and V. V. Dat) Approximate solution to axial-symmetrical filtration problem by the method of dual series equations. *Tạp chí Toán học*, **12**(1984), N<sup>o</sup>2, 20-27, (in Vietnamese).
10. (with G. J. Popov) On dual integral equations involving Fourier transform. *Ukrain. Math. J.* **38**(1986), N<sup>o</sup>2, 188-195, (in Russian).
11. On the solvability of dual integral equations involving fourier transform. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), N<sup>o</sup>2, 21-30.
12. The solution of a class of dual integral equations involving Hankel transform. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 251-263.

### Duong Trong Nhan\*

1. (with D. H. Tan) Common fixed points of two mappings of contractive type. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N<sup>o</sup>1, 150-160.

2. Pair of nonlinear contraction mappings, common fixed points. *Studia Univ. Babeş-Bolyai Math.* **16**(1981), N<sup>o</sup>1, 34-51.
3. Some metrical fixed point theorems. *Mathematica (Cluj)* **24**(1982), N<sup>o</sup>1-2, 85-98.
4. Fuzzy set-valued mappings and fixed point theorems. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N<sup>o</sup>1, 73-88.
5. *Some Problems on Fixed Point Theory and Applications*. Ph. D. Thesis, Institute of Math. Hanoi, 1984, 100 p., (in Vietnamese).
6. On coincidence theorems for set-valued mappings and variational inequalities. *Acta Math. Vietnam.* **16**(1991), N<sup>o</sup>1, 61-68.
7. Locally Lipschitz set-valued maps on topological vector spaces and surjectivity theorems. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N<sup>o</sup>2, 191-202.

### Nguyen To Nhu\*

1.  $P^\lambda$ -spaces and  $L^\lambda$ -spaces. *Colloq. Math.* **41**(1979), 67-71.
2. The gluing theorem for uniform neighbourhood retracts. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **27**(1979), 189-194.
3. On the extension of uniformly continuous mappings. *Colloq. Math.* **41**(1979), 241-251.
4. Shape of a metric space in the category of metric spaces and uniformly continuous maps. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **27**(1979), 929-934.
5. Fundamental deformation retracts and weak deformation retracts in the category of metric spaces and uniformly continuous maps. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **27**(1979), 935-940.
6. Extending metrics uniformly. *Colloq. Math.* **43**(1980), 91-97.
7. (with N. V. Khue) Extending locally Lipschitz maps with values in infinite dimensional Frechet spaces. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **29**(1981), 609-616.
8. (with N. V. Khue) Two extensors of metrics. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **29**(1981), 825-831.
9. (with N. V. Khue) Lipschitz extensions and Lipschitz retractions in metric spaces. *Colloq. Math.* **45**(1981), 245-250.
10. Remarks on characterization of dimension of separable metrizable spaces. *Fund. Math.* **124**(1984), 61-69.
11. Investigating the ARN-property of metric spaces. *Fund. Math.* **124**(1984), 243-254.
12. Orbit spaces of finite groups acting linearly on normed spaces. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math.* **32**(1984), 417-424.

13. (with D. Curtis) Hyperspaces of finite subsets which are homeomorphic to  $N_0$  dimensional linear metric spaces. *Topology Appl.* **19**(1985), 251-260.
14. Hyperspaces of compact sets in linear metric spaces. *Topology Appl.* **22**(1986), 109-122.
15. Remarks on measurable function spaces. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1984), 85-92.
16. Some applications of the construction of Menger curve to the geometric measure theory. In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems*, Hanoi, 1987, pp. 36-42.
17. (with T. K. Cu) Probability measure functors preserving the ANR-property of metric spaces. *Proc. Amer. Math. Soc.* **106**(1989), 439-501.
18. (with K. Sakai and R. Wong) Spaces of retractions which are homeomorphic to Hilbert space. *Fund. Math.* **136**(1990), 45-32.
19. The group of measure preserving transformations of the unit interval is an absolute retract. *Proc. Amer. Math. Soc.* **110**(1990), 515-522.
20. The topological classification of convex sets in linear metric spaces. *Publ. Dep. Anal. Mat.* **21**(1990-91), 41-49.
21. (with S. Spiez) Decomposition of a compactum into small geometric measure sets. *Topology Appl.* **46**(1992), 113-117.
22. The AR-problem in linear metric spaces. *Tạp chí Toán học* **20**(1992), 1-13.
23. (with V. F. Laguna, M. A. Moron and J. M. Sanjurjo) Movability and the limit of polyhedra. *Fund. Math.* **143**(1993), 191-201.
24. (with L. H. Tri) Every needle point space contains a compact convex AR-set with no extreme points. *Proc. Amer. Math. Soc.* **120**(1994), 1261-1265.
25. (with K. Sakai) The compact neighbourhood extension property and local equi-connectedness. *Proc. Amer. Math. Soc.* **121**(1994), 259-265.
26. (with L. H. Tri) Roberts space is a counter-example to Schauder's conjecture. *Topology* **33**(1994), 371-378.
27. Admissibility, the locally convex approximation property and the AR-property in linear metric spaces. *Proc. Amer. Math. Soc.* **123**(1995), 3233-3241.
28. (with N. Nhuy and T. V. An) Regular retractions onto finite dimensional convex sets and the AR-property for Roberts spaces. *Tsukuba J. Math.* **20**(1996), 281-289.
29. The fixed point property for weakly admissible compact convex sets: Searching for a solution to Schauder's conjecture. *Topology Appl.* **68**(1996), 1-12.
30. (with K. Sakai) Probability measure functors preserving infinite-dimensional space triples. *Colloq. Math.* **70**(1996), 291-304.

## Nguyen Ngoc Phan

1. (with L. X. Son) Probabilistic iterated function systems and probabilistic systems. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>2, 207-216.

## Vu Ngoc Phat

1. Controllability of pseudolinear dynamical systems. *Vietnam J. Math.* **2**(1980), 18-23 (in Vietnamese).
2. Controllability of nonlinear dynamical discrete-time systems. *Acta Math. Vietnam.* **2**(1980), 63-74.
3. Controllability problem of general nonlinear processes. *Vietnam J. Math.* **2**(1981), 27-31 (in Vietnamese).
4. Controllability of discrete-time systems with nonconvex restrained controls. *Optimization* **3**(1983), 371-375.
5. Controllability of nonlinear two-parametric discrete-time systems. *Probl. Optim. ASU, Baku, USSR* (1983), 171-179 (in Russian).
6. Pseudoconvex sets and controllability of discrete-time systems in Banach spaces. *Vestnik Kharcov University, USSR* **254**(1984), 57-61. (in Russian).
7. *Qualitative Properties of Nonlinear Dynamical Systems*. Ph. D. Thesis, Azerbaizan University, Baku, USSR 1984 (in Russian).
8. (with Faradzev R.G) On the controllability of nonlinear two parameter discrete-time systems with constrained controls. *Optimization* **6**(1985), 869-876.
9. Controllability in multivalued discrete-time processes. *Kibernetika, USSR* **5**(1986), 62-67. English translation : *Cybernetics* **22**(1986), 610-615.
10. (with Faradzev R.G. and Shapiro V.A.) Controllability theory of dynamical discrete-time systems. *Avtomatika i Telemekhanika, USSR* **1**(1986), English translation: *Automat Remote Control* **47**(1986), 1-23.
11. Approximate controllability of nonlinear discrete-time systems in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* **2**(1988), 81-88.
12. Controllability of nonlinear discrete-time systems without differentiability assumption. *Optimization* **1**(1988), 133-142.
13. Controllability of linear time-dependent systems with a phase constraint. *Avtomatika i Telemekhanika, USSR* **8**(1988), 51-59. English translation: *Automat Remote Control* **49**(1988), 998-1004.
14. Controllability of linear discrete-time systems with multiple delays on controls and states. *Int. J. Contr.* **5**(1989), 1645-1654.
15. New results on controllability of linear nonstationary systems with constrained controls and states. In: *Proc. of 14th Inter. Conference on*

- Math. Optimization and Applications*, Eisenach, FRG, December 11-16, 1989, 92-103.
16. An application of implicit function theorem in the solution of controllability problems. *Kibernetika*, USSR, 4(1990), 55-59. English translation : *Cybernetics*, 27(1990).
  17. (with Son N. K.) Linear nonstationary discrete-time systems : Null controllability with restrained controls in Banach spaces. *Optimization*. 2(1990), 271-279.
  18. Control problems of nonlinear dynamical systems with phase constraints. *Inter. Series of Numerical Analysis* 99(1991), 433-440.
  19. Controllability problems of dynamical systems: a set-valued approach. In: *Proc. of the 36th Int. Colloquium on Applied Mathematics*, Ilmenau, Germany, October 1991, 121-132.
  20. (with Dieu T. C.) Constrained controllability of linear discrete-time systems with constrained controls and states in Banach spaces. *SIAM J. Contr. and Optim.* 30(1992), 1311-1319.
  21. (with Dieu T. C.) Linear control discrete-time systems with disturbances: Constrained controllability to a subset. *Optimization* 24(1992), 319-327.
  22. (with Balachandran K.) On the controllability of linear descriptor systems in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* 1(1992), 67-76.
  23. (with Murugesan K.) A note on constrained controllability of linear descriptor systems. *Optimization* 25(1992), 77-82.
  24. (with Dieu T. C.) On the Krein-Rutman theorem and its applications in controllability. *Proceedings of AMS* 124(1994), 495-501.
  25. Some remarks on controllability and reachability of nonstationary discrete-time processes. *Optimization* 29(1994), 173-180.
  26. Constrained controllability and reachability of linear discrete-time descriptor systems. *Optimization* 31(1994), 165-177.
  27. Constrained controllability of linear control infinite-dimensional systems: A set-valued analysis approach. *IMA J. Math. Contr. Inform.* 11(1994), 185-199.
  28. Some aspects of constrained controllability of discrete-time dynamical systems. *Optimization* 33(1995), 57-79.
  29. *Constrained Controllability Theory of Dynamical Systems*. Dr. Sc. Thesis, *Institute of Mathematics*, Polish Academy of Sciences, Warszawa, Poland, 1995.
  30. *Constrained Control Problems of Discrete Processes*. World Scientific, Singapore-New Jersey-London, 1996, 228p.
  31. Weak asymptotic stabilizability of discrete-time inclusions given by set-valued operators. *J. Math. Anal. Appl.* 202(1996), 353-369.
  32. (with Park J. Y.) Further generalizations of Farkas' theorem and applications in optimal control. *J. Math. Anal. Appl.* 216(1997), 23-39.

33. (with Park J. Y.) Asymptotic stability of nonlinear perturbed discrete systems with multiple delays. In: *Proc. Inter. Conf. Math. Anal. Appl.* Chinju, Korea, **5**(1998), 123-137.
34. On the stability of time-varying differential equations. *Optimization* **45**(1999), 237-254.
35. On the stability and stabilizability of nonlinear dynamical systems. *Nonlinear Anal. Forum.* **4**(1999), 65-75.
36. (with N. S. Bay) Stability of nonlinear discrete time-varying retarded systems. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>4, 373-377.
37. Krein-Rutman theorem on existence of eigenvectors in Banach spaces : Recent extensions and applications. *Nonl. Funct. Anal. Appl.* **4**(1999), 25-40.
38. (with T. T. Kiet) On the stabilizability of nonlinear systems in finite-dimensional spaces. *Funct. Anal. Appl.* **4**(1999), 73-85.
39. Introduction to Mathematical Control Theory (in Vietnamese) – Nhập môn lý thuyết điều khiển tối ưu. NXB ĐHQG, Hanoi, 2000, 245 trang.
40. (with P. Niamsup) Asymptotic stability of nonlinear control systems described by differential equations with multiple delays. *Elect. J. Diff. Equations* **11**(2000), 1-17.
41. Constrained controllability theory: From linear to nonlinear discrete dynamical systems. *East-West J. of Math.* **1**(2000), 1-19.
42. (with with J. Y. Park and I. H. Jung) Constrained controllability of linear time-varying systems in Banach spaces. *Optimization* **48**(2000), 402-419.
43. (with with J. Y. Park and I. H. Jung) Stability and constrained controllability of linear control systems in Banach spaces. *J. Korean Math. Society* **37**(2000), 593-612.
44. (with with J. Y. Park and I. H. Jung) On asymptotic stability of nonlinear time-varying systems by the Lyapunov's direct method in Banach spaces. *Optimization* **49**(2000), 110-126.
45. (with T. T. Kiet) Lyapunov stability of nonlinear time-varying differential equations. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>2, 231-249.
46. (with J. Y. Park) On the Gronwall inequality and asymptotic stability of nonlinear discrete systems with multiple delays. *Dynam. Systems Appl.* **9**(2000), N<sup>o</sup>2, 309-321.
47. (with J. Y. Park) Asymptotic stability of nonlinear perturbed discrete systems with multiple delays. *Diff. equations and Applications* **1**(2000), 131-142
48. Constrained controllability theory: from linear to nonlinear dynamical discrete-time systems. *East-West J. Math.* **2**(2000), N<sup>o</sup>1, 1-19.
49. (with J. Y. Park and I. H. Jung) On stability of nonlinear nonautonomous systems by Lyapunov's direct method. *J. Korean Math. Soc.* **37**(2000), N<sup>o</sup>5, 805-821.

50. (with T. T. Kiet) Global controllability to a target set of a discrete-time system in Banach spaces. *Nonlinear Funct. Anal. Appl.* **5**(2000), N<sup>o</sup>2, 23-37.
51. (with N. M. Linh) Exponential stability of nonlinear time-varying differential equations and applications. *Elect. J. Diff. Equations* (2001), N<sup>o</sup>34, 1-12.
52. Stabilization of linear continuous time-varying systems with state delays in Hilbert spaces. *Elect. J. Diff. Equations* (2001), N<sup>o</sup>67, 1-12.
53. (with J. Y. Park and I. H. Jung) Constrained controllability of linear time-varying systems in Banach spaces. *Optimization* **50**(2001), N<sup>o</sup>3-4, 187-204.
54. (with T. T. Kiet) On the Lyapunov equation in Banach spaces and applications to control problems. *Int. J. Math. Math. Sci.* **29** (2002), N<sup>o</sup>3, 155-166.
55. (with N. S. Bay) Lyapunov stability and stabilizability of linear differential time-varying delay systems in Hilbert spaces. *Far East J. Math. Sci. (FJMS)* **5**(2002), N<sup>o</sup>1, 65-80.
56. (with N. S. Bay) Asymptotic stability of a class of nonlinear functional differential equations. *Nonlinear Funct. Anal. Appl.* **7**(2002), N<sup>o</sup>2, 299-311.
57. New stabilization criteria for linear time-varying systems with state delay and norm-bounded uncertainties. *IEEE Trans. Automat. Control* **47**(2002), N<sup>o</sup>12, 2095-2098.
58. (with A. V. Savkin) Robust state estimation for a class of uncertain time-delay systems. *Systems Control Letters.* **47**(2002), N<sup>o</sup>3, 237-245.
59. Complete stabilization of distributed parameter systems: A controllability analysis approach. In *Proc. 14<sup>th</sup> Int. IFAC'2002 Congress*, July, 2002, Barcelona, 1325-1330.
60. On the stability of a class of nonlinear time-delay differential control systems in Banach spaces. *Diff. Equations and Appl.* **3**(2003), 203-218
61. (with N. S. Bay and N. T. Hoan) On the asymptotic stability of time-varying differential equations with multiple delays and applications. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>1, 51-64.
62. (with N. S. Bay) Stability analysis of nonlinear retarded difference equations in Banach spaces. *Advances in difference equations, IV. Comput. Math. Appl.* **45**(2003), N<sup>o</sup>6-9, 951-960.
63. (with N. M. Linh) On the stabilization of nonlinear continuous-time systems in Hilbert spaces. *Southeast Asian Bull. Math.* **27**(2003), N<sup>o</sup>1, 135-142.
64. Nonlinear  $H_\infty$  control in Hilbert spaces via Riccati operator equation. *Nonlinear Funct. Anal. Appl.* **9**(2004), N<sup>o</sup>1, 79-92.



65. (with J. Jiang, A. V. Savkin and I. R. Petersen) Robust stabilization of linear uncertain discrete-time systems via a limited capacity communication channel. *Systems Control Letters*. **53**(2004), N<sup>o</sup>5, 347-360.
66. (with D. Q. Vinh) Controllability and H-infinity control of linear continuous time-varying uncertain systems. *Diff. Equations and Appl.* **4**(2004), 313-327.
67. Robust stability and stabilizability of uncertain linear hybrid systems with state delays. *IEEE Trans. on CAS II* **52**(2004), 894-898
68. (with J. Jiang) Feedback stabilization of nonlinear discrete-time systems via a digital communication channel. *Int. J. Math. Math. Sc.* **1**(2005), 43-56.

### Vu Quoc Phong\*

1. On continuous chains of linear operators knots and open systems. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **27**(1977), 16-19 (in Russian).
2. On inequalities for powers of linear operators and for quadratic forms. *Dokl. Akad. Nauk Ukrain. SSR* **11**(1977), 974-977 (in Russian).
3. Quasihyponormal operators and operators of the class K. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **31**(1979), 13-16 (in Russian).
4. On operators of the class K. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **32**(1979), 19-22 (in Russian).
5. Universality of the differentiation operators in  $L^2(0, \infty)$  and inequalities for powers of dissipative operators. *Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **13**(1979), N<sup>o</sup>4, 62-63 (in Russian).
6. Theorems of von Neumann type for operators of some classes. *Dokl. Akad. Nauk Ukrain. SSR* **8**(1980), 8-11 (in Russian).
7. (with V. I. Melesko and O. V. Serebniakova) On stability of pseudoinverse method using the Hauscholder transformation. *Dokl. Akad. Nauk Ukrain. SSR* **7**(1981), 68-70 (in Russian).
8. On the spectral theory of scalar operators on Banach spaces. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **254**(1980), N<sup>o</sup>5, 1038-1042 (in Russian).
9. On inequalities for powers of linear operators and for quadratic forms. *Proc. Roy. Soc. Edingburgh Set. A* **89**(1981) 25-50.
10. On convex sets of almost normal structure. *Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **18**(1984), N<sup>o</sup>2, 87-88 (in Russian).
11. On the theory of spectral operators of scalar type on Banach spaces. *Math. Nachr.* **121**(1985), 319-344.
12. Asymptotic almost periodicity and compactifying representations of semigroups. *Ukrain. Mat. Zh.* **38**(1986), N<sup>o</sup>6, 688-692 (in Russian).

13. Dissipative semigroup actions with precompact orbits. In: *Proc. of Conference on Ergodic Theory and Related Topics II*, Georghental, 1986, Tuebner-Texte zur Math., **94**(1987), pp. 201-206.
14. Representations compactifiantes de semigroupes. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **305**(1987), 273-274.
15. (with Ju. Y. Ljubich) A spectral criterion for almost periodicity of one-parameters semigroups. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **47**(1987), 36-41 (in Russian).
16. *Theory of Almost Periodic Actions of Topological Semigroups and Its Applications*. Dr. Sc. Thesis, Kiev, 1987, 257 p. (in Russian).
17. Dissipative almost periodic actions of semigroups. *Ukrain. Mat. Zh.* **40**(1988), N°1, 110-113 (in Russian).
18. The Perron-Frobenius theory for almost periodic representations in  $L^p$ . *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. i Prilozhen.* **49**(1988), 35-42 (in Russian).
19. Operateurs et representations de Markov presque-periodiques de semigroupes dans les espaces  $L^p$ . *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **307**(1988), 775-778.
20. (with Ju. Y. Ljubich) Asymptotic stability of linear differential equations on Banach spaces. *Studia Math.* **88**(1988), 37-42.

### Hoang Xuan Phu

1. *Methoden zur Lösung von Aufgaben der optimalen Steuerung mit engen Zustandsbereichen*. Dissertation, Universität Leipzig, 1983.
2. Zur Stetigkeit der Lösung der adjungierten Gleichung bei Aufgaben der optimalen Steuerung mit Zustandsbeschränkungen. *Zeitschrift für Analysis und ihre Anwendungen* **3**(1984), N°6, 527-539.
3. Lineare Steuerungsprobleme mit engen Zustandsbereichen. *Optimization* **16**(1985), N°2, 273-284.
4. Lösung einer eindimensionalen regulären Aufgaben der optimalen Steuerung mit engen Zustandsbereichen anhand der Methode der Bereichsanalyse. *Optimization* **16**(1985), N°3, 431-438.
5. Einige notwendige Optimalitätsbedingungen für einfache reguläre Aufgaben der optimalen Steuerung. *Z. Anal. Anwendungen* **5**(1986), N°5, 465-475.
6. Zur Lösung des Knickstab-Problems mit beschränkter Ausbiegung. *Z. Anal. Anwendungen* **6**(1987), N°4, 371-384.
7. Zur Lösung einer regulären Aufgabenklasse der optimalen Steuerung im Großen mittels Orientierungskurven. *Optimization* **18**(1987), N°1, 65-81.

8. Zur Lösung eines Zermeloschen Navigationsproblems. *Optimization* **18**(1987), N°2, 225-236.
9. Ein konstruktives Lösungsverfahren für das Problem des Inpolygons kleinsten Umfangs von J. Steiner. *Optimization* **18**(1987), N°3, 349-359.
10. Some Necessary Conditions for Optimality for a Class of Optimal Control Problems Which Are Linear in the Control Variable. *Systems Control Lett.* **8**(1987), N°3, 261-271.
11. A Method for Solving a Class of Optimal Control Problems Which Are Linear in the Control Variable. *Systems Control Lett.* **8**(1987), N°3, 273-280.
12. On Optimal Control of a Hydroelectric Power Plant. *Systems Control Lett.* **8**(1987), N°3, 281-288.
13. *Methode der Bereichsanalyse und Methode der Orientierungskurven zur Lösung von Aufgaben optimaler Steuerung mit Zustandsbeschränkungen.* Habilitationsschrift, Leipzig, 1987.
14. Solution of Some High-Dimensional Linear Optimal Control Problems by the Method of Region Analysis. *Int. J. Control* **47**(1988), N°2, 493-518.
15. On a Linear Optimal Control Problem of a System with Circuit-Free Graph Structure. *Int. J. Control* **48**(1988), N°5, 1867-1882.
16. Investigation of Some Inventory Problems with Linear Replenishment Cost by the Method of Region Analysis, In: *Optimal Control Theory and Economic Analysis 3*, Edited by G. Feichtinger, North-Holland, Amsterdam, Holland, 1988, 195-221.
17. Reguläre Aufgaben der optimalen Steuerung mit linearen Zustandsrestriktionen. *Z. Anal. Anwendungen* **7**(1988), N°5, 431-440.
18. Optimal Control of a Hydroelectric Power Plant with Unregulated Spilling Water. *Systems Control Lett.* **10**(1988), N°1, 131-139.
19. A Solution Method for Regular Optimal Control Problems with State Constraints. *J. Optim Theory Appl.* **62**(1989), N°3, 489-513.
20. The Method of Region Analysis and its Application for Optimal Control Problems of Hydroelectric Power Plants, In: *Proceedings of the Fourth European Consortium for Mathematics in Industry*, B.G. Teubner Stuttgart and Kluwer Academic Publishers, the Netherlands, 1991, 309-313.
21. Investigation of a Macroeconomic Model by the Method of Region Analysis, *J. Optim. Theory Appl.* **72**(1992), N°2, 319-332.
22. Method of Orienting Curves for Solving Optimal Control Problems with State Constraints. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **12**(1991), N°1&2, 173-211.
23. (with N. Dinh) Solving a Class of Regular Optimal Control Problems with State Constraints by the Method of Orienting Curves. *Optimization* **25**(1992), 231-247.

24. (with N. Dinh) Solving a Class of Optimal Control Problems Which Are Linear in the Control Variable by the Method of Orienting Curves. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N°2, 115-134.
25. (with N. Dinh) The Method of Orienting Curves and Its Application to an Optimal Control Problem of Hydroelectric Power Plants, *Vietnam J. Math.* (Tập chí Toán học), **20**(1992), N°2, 40-53.
26.  $\gamma$ -Subdifferential and  $\gamma$ -Convexity of Functions on the Real Line *Appl. Math. Optim.* **27**(1993), 145-160.
27. Representation of Bounded Convex Sets by Rational Convex Hull of Its  $\gamma$ -Extreme Points. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **15**(1994), N°7&8, 915-920.
28.  $\gamma$ -Subdifferential and  $\gamma$ -Convexity of Functions on a Normed Space. *J. Optim. Theory Appl.* **85**(1995), N°3, 649-676.
29. (with N. Dinh) Some Remarks on the Method of Orienting Curves. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **16**(1995), N°5&6, 755-763.
30. Some Properties of Globally  $\delta$ -Convex Functions. *Optimization* **35**(1995), 23-41.
31. (with H. G. Bock and J. Schlöder) Extremal Solutions of Some Constrained Control Problems. *Optimization* **35**(1995), N°4, 345-355.
32. (with N. N. Hai) Some Analytical Properties of  $\gamma$ -Convex Functions on the Real Line. *J. Optim. Theory Appl.* **91**(1996), N°3, 671-694.
33. (with A. Hoffmann) Essential Supremum and Supremum of Summable Functions. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **17**(1996), N°1&2, 167-180.
34. (with P. T. An) Stable Generalization of Convex Functions. *Optimization* **38**(1996), 309-318.
35. (with J. Hichert and A. Hoffmann) The Computation of the Essential Supremum by Using Integral Methods. in *Developments in Global Optimization*, Editors: I. M. Bomze, T. Csendes, R. Horst, and P. M. Pardalos, Kluwer Academic Publishers 1997, 153-170.
36. Six Kinds of Roughly Convex Functions. *J. Optim. Theory Appl.* **92**(1997), N°2, 357-375.
37. (with H. G. Bock and J. Schlöder) The Method of Orienting Curves and Its Application for Manipulator Trajectory Planning. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **18**(1997), N°1&2, 213-225.
38. Roughly Convex Functions. *Proceeding of the Korea - Vietnam Joint Seminar "Mathematical Optimization Theory and Applications"*, Editors: Do Sang Kim and Pham Huu Sach, Pusan 1998, 73-85.
39. (with N. N. Hai) Symmetrically  $\gamma$ -Convex Functions. *Optimization* **46**(1999), 1-23.
40. (with P. T. An) Stability of Generalized Convex Functions with Respect to Linear Disturbances. *Optimization* **46**(1999), 381-389.

41. (with P. T. An) Outer  $\gamma$ -Convexity in Normed Linear Spaces, *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 323-334.
42. (with H. G. Bock and S. Pickenhain) Rough stability of solutions to nonconvex optimization problems, In "*Optimization, Dynamics and Economic Analysis: Essays in Honor of Gustav Feichtinger*" Editors: E. J. Dockner, R. F. Hartl, M. Luptacik, G. Sorger Springer/Physica, 2000, 22-35.
43. (with T. V. Truong) Invariant Property of Roughly Contractive Mappings. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), 275-290.
44. (with J. Hichert, A. Hoffmann, and R. Reinhardt) A Primal-Dual Integral Method in Global Optimization. *Discussiones Mathematicae. Differential Inclusions, Control and Optimization* **20**(2000), N<sup>o</sup>2.
45. Roughly Convex Functions. *Proceeding of the Korea - Vietnam Joint Seminar "Mathematical Optimization Theory and Applications"*, Editors: Do Sang Kim and Pham Huu Sach, Pusan 1998, 73-85.
46. (with N. D. Yen) On the stability of solutions to quadratic programming problems. *Math. Program.* **89**(2001), N<sup>o</sup>3, Ser.A, 385-394.
47. Rough convergence in normed linear spaces. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **22**(2001), N<sup>o</sup>1-2, 199-222.
48. (with N. N. Hai) Boundedness of symmetrically  $\gamma$ -convex functions. Dedicated to Pham Huu Sach on the occasion of his sixtieth birthday. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>3, 269-277.
49. Rough continuity of linear operators. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **23**(2002), N<sup>o</sup>1-2, 139-146.
50. (with T. D. Long) Orienting method for obstacle problems. *Z. Anal. Anwendungen* **21**(2002), N<sup>o</sup>1, 233-248.
51. On circumradii of sets and roughly contractive mappings. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>1, 115--122.
52. (with N. N. Hai and P. T. An) Piecewise constant roughly convex functions. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>2, 415-438.
53. Strictly and roughly convexlike functions. *J. Optim. Theory Appl.* **117**(2003), N<sup>o</sup>1, 139-156.
54. Rough convergence in infinite-dimensional normed spaces. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **24**(2003), N<sup>o</sup>3-4, 285-301.
55. Some geometrical properties of outer  $\gamma$ -convex sets. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **24**(2003), N<sup>o</sup>3-4, 303-309.
56. Fixed-point properties of roughly contractive mappings. *Z. Anal. Anwendungen* **22**(2003), N<sup>o</sup>3, 517-528.
57. Approximate fixed-point theorems for discontinuous mappings. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **25**(2004), N<sup>o</sup>1-2, 119-136.

58. Is invexity weaker than convexity? *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>1, 87-94.
59. On some badly-solved problems with invexity. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>1, 89-106.
60. On a necessary optimality condition with invexity. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>2, 141-148.
61. Some basic ideas of rough analysis. In: *Proceedings of the sixth Vietnamese Mathematics Conference*, Hanoi National University Publishing House, 2005, 3-31.

### Ho Dang Phuc

1. (with N. V. Thu) On Doéblin theorem for random measures. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N<sup>o</sup>2, 74-77.
2. Universal distribution for infinitely divisible distributions on Fréchet space. *Ann. Inst. Poincaré Probab. Statist.* **17**(1981), N<sup>o</sup>2, 219-227.
3. On the density of universal probability distributions on a Fréchet space. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), N<sup>o</sup>2, 71-73.
4. On Doéblin theorem for random measures and point process. *Bull. Acad. Polish Sci., Sér. Math.* **30**(1982), N<sup>o</sup>3-4, 197-204.
5. *On Limit Laws of Sums of Independent Random Elements*. Ph. D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1986 (in Vietnamese).
6. Semi-attraction domains of semistable laws on topological vector spaces. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), 39-50.

### Nguyen Thi Hoai Phuong

1. (with H. Tuy) A monotonicity based approach to nonconvex quadratic minimization. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>4, 373-393.
2. (with H. Tuy) A unified monotonic approach to generalized linear fractional programming. *J. Global Optim.* **26**(2003), N<sup>o</sup>3, 229-259.

### Ta Duy Phuong

1. On the pursuit differential games with modified information. *Bulletin of National Center for Scientific Research of Vietnam.* **2**(1984), N<sup>o</sup>1, 3-10.
2. (with P. H. Khai) Pursuit problems in linear discrete games with delay. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N<sup>o</sup>1, 15-34.

3. (with P. H. Khai) Linear pursuit games with the mixed dynamics. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°2, 25-37.
4. Pursuit linear differential games with the measured information. *Vietnam J. Math.* **XVIII**(1990), N°1, 9-15.
5. (with P. H. Khai) Linear discrete games with different constraints on controls. *Vietnam J. Math.* **XVIII**(1990), N°2, 1-6.
6. Linear discrete games with the general information. *Vietnam J. Math.* **XVIII**(1990), N°3, 2-7.
7. (with B.D. Craven, P. H. Sach and N. D. Yen) A new class of invex multi-functions. In: " *Nonsmooth Optimization: Methods and Applications*" (F. Giannessi, ed.), Gordon and Breach Science Publishers, 1992, 52-69.
8. (with P. H. Sach and N. D. Yen) Strict lower semicontinuity of the level sets and invexity of a locally Lipschitz function. *J. Optim. Theory Appl.* **87**(1995), N°3, 579-594.
9. (with P. H. Sach) Invexity criteria for a class of vector-valued functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **51**(1995), 249-262.
10. (với P. H. Điển và D. T. Đình Thế Lục) *Hướng dẫn thực hành tính toán trên chương trình MAPLE V (in Vietnamese)*. NXB Giáo dục, 1998.
11. (với D. T. Lục, P. H. Điển và N. X. Tấn) *Giải tích toán học: Những nguyên lý cơ bản và Hướng dẫn thực hành (in Vietnamese)*. NXB Giáo dục, 1998.
12. (with N. D. Yen) Connectedness and stability of the solution set in linear fractional vector optimization problems. In: " *Vector Variational Inequalities and Vector Equilibria. Mathematical Theories*", F. Giannessi, Ed., Nonconvex Optim. Appl. 38, Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, 2000, 479-489.
13. (với D. T. Lục và P. H. Điển) *Giải tích các hàm nhiều biến: Những nguyên lý cơ bản và Tính toán thực hành (in Vietnamese)*. NXB Đại học Quốc gia 2002, 280 trang.
14. (với P. H. Điển, N. H. Dương và P. N. Hùng) *Tính toán, lập trình và giảng dạy toán học trên MAPLE 5*. NXB Khoa học Kỹ thuật 2002, 220 trang.
15. (with N. Q. Huy and N. D. Yen) On the contractibility of the efficient and weakly efficient sets in  $R^2$ . *Equilibrium problems and variational models (Erice, 2000)*, 265-279, Nonconvex Optim. Appl. 68, Kluwer Acad. Publ., Norwell, MA, 2003.

### Pham Hong Quang

1. (with P. H. Khai) On a method of pursuit in linear discrete games. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaidjan SSR* **38**(1982), N°11, 7-10, (in Russian).

2. (with P. H. Khai) New effective methods of pursuit in linear differential games. *Dokl. Akad. Nauk Azerbaijan SSR* 39(1983), N°7, 10-14, (in Russian).
3. (with P. H. Khai) Some effective methods of pursuit with incomplete information in differential games. *Izv. Akad. Nauk Azerbaijan SSR, Ser. Fiz.-Tekhn. Mat. Nauk* 1983, N°6, 104-109, (in Russian).
4. Sufficient conditions for capture in differential games of pursuit of an evader by several pursuers. *Kibernetika* 1986, N°6, 91-97; English transl. In *Cybernetics*, 22(1986), 795-803.
5. (with N. D. Yen) New proof for a theorem of F. Giannessi. *J. Optim. Theory Appl.* 68(1991), 385-387.
6. Lagrangian multiplier rules via image space analysis. In: *Nonsmooth Optimization: Methods and Applications* (F. Giannessi, ed.), Gordon and Breach Science Publishers, London, 1992, pp. 354-365.
7. (with P. H. Dien, G. Mastroeni and M. Pappalardo) Regularity conditions for constraint extremum problems via image space approach: The linear case. In: *Proc. of Inter. Conference. on Generalized Convexity*, Pecs, Hungary 1992, pp. 115-123.
8. Some notes on generalized subdifferentials. *Acta Math. Vietnam.* 18(1993), N°1, 79-90.
9. (with P. H. Dien, G. Mastroeni and M. Pappalardo) Regularity conditions for constraint extremum problems via image space approach: The nonlinear case. *J. Optim. Theory Appl.* 80(1994), 19-38.
10. (with J. - P. Penot) Generalized convexity and generalized monotonicity of Set - Valued maps. *J. Optim. Theory Appl.* 92(1997), 343-356.
11. (with P. H. Khai) A methods of superiority in differential games of pursuit of one evader by several pursuers. *Problems of Optimization and ACS* 1983, 150-157.

### Ta Hong Quang\*

1. (with N. V. Russak) Approximation of function by rational operators. *Vestnik Beloruss. Gos. Univ.*, Ser. I, 1984, N°1, 26-30 (in Russian).
2. (with N. V. Luoc and L. K. Luat) Approximate solution to filtration problem of earth dams systems by the finite element method. *Tap chí Khoa học Tính toán và Điều khiển* 1(1985), N°1, 21-26 (in Vietnamese).
3. (with N. V. Luoc and L.K. Luat) Numerical method for solving the filtration problem of earth dams systems and its applications. In: *Actes de la troisième conférence de Mathématiques du Vietnam*, Hanoi, 1985, V. 2, 435-441 (in Vietnamese).



4. (with N. V. Luoc) The stationary filtration problem for earth dams systems whose filtration coefficients can be separated. *Reposts of Seminar of I. Vekua Institute of Applied Mathematics* 1986, N<sup>o</sup>2, 65-68, (in Russian).
5. On inequalities for derivatives of multivariate functions. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N<sup>o</sup>1, 93-101.
6. (with N. V. Russak) The parabolic asymptotica of rational tables for analytic functions. *Dokl. Acad. Nauk BSSR* **34**(1990), N<sup>o</sup>10, 869-871 (in Russian).
7. *Pade Approximation and the Best Rational Approximations*. Ph. D. Thesis, *Belorussian State University Minsk*, 1991, 105p., (in Russian).
8. (with V. N. Russak) On the comparison of the best rational and polynomial approximation in the disc. *Vestnik Beloruss. Gos. Univ. Ser. I*, 1991, N<sup>o</sup>3, 69-71, (in Russian).

### Pham Huu Sach

1. On optimal control for discrete processes. *Avtomatika i Telemekhanika* 1968, N<sup>o</sup>8, 78-86 (in Russian).
2. On the optimal control theory for discrete processes. *Z. Vycisl. Mat. i Mat. Fiz.* **10**(1970), N<sup>o</sup>3, 607-620 (in Russian).
3. Singular controls for discrete systems. *Z. Vycisl. Mat. i Mat. Fiz.* **10**(1970), N<sup>o</sup>4, 857-867 (in Russian).
4. On optimal control for discrete systems with time lag. *Avtomatika i Telemekhanika* 1970, N<sup>o</sup>7, 40-49 (in Russian).
5. *Optimal control for discrete systems*. Ph. D. Thesis, *Moscow* 1970, 102 p. (in Russian).
6. On invariance in linear discrete process. *Avtomatika i Telemekhanika* 1973, N<sup>o</sup>6, 146-150 (in Russian).
7. Invariance for linear abstract processes. *Z. Vycisl. Mat. i Mat. Fiz.* **14**(1974), N<sup>o</sup>5, 1104-1117 (in Russian).
8. A support principle for discrete processes. *Differ. Uravn.* **11**(1975), N<sup>o</sup>8, 1485-1496 (in Russian).
9. Controllability in set-valued processes. *Differ. Uravn.* **12**(1976), N<sup>o</sup>3, 484-493 (in Russian).
10. On the control theory of processes given by set valued maps. *Kibernetika* 1976, N<sup>o</sup>2, 107-116 (in Russian).
11. Invariance and controllability in linear abstract processes. *Kibernetika* 1976, N<sup>o</sup>3, 103-109 (in Russian).
12. Invariance and controllability in some linear processes. *Avtomatika i Telemekhanika* 1976, N<sup>o</sup>7, 26-35 (in Russian).

13. Theory of set-valued abstract processes. *Acta Math. Vietnam.* **1**(1976), N<sup>o</sup>1, 80-103 (in Russian).
14. A support principle for a general extremum problem. *Z. Vycisl. Mat. i Mat. Fiz.* **18**(1978), N<sup>o</sup>2, 338-350 (in Russian).
15. Extremum conditions in linear abstract problems. *Revue roumaine Math. Pures Appl.* **23**(1978), N<sup>o</sup>6, 869-886 (in Russian).
16. Vector optimization theory of set-valued convex systems. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1979), N<sup>o</sup>1, 105-112 (in Russian).
17. A support principle for a discrete inclusion with vector-valued criterion function. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1979), N<sup>o</sup>2, 64-87.
18. *Inconsistency theory for inclusion systems and its applications to the control problems.* Habilitation thesis, Moscow, 1981, 243 p. (in Russian).
19. Optimization of discrete systems. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), N<sup>o</sup>1, 89-108.
20. Duality for discrete systems given by multi-valued convex maps. *Differ. Uravn.* **20**(1984), 1611-1620 (in Russian).
21. A surjectivity theorem for set-valued maps. *Bolletino U. M. I., Analisi Funzionale e Applicazioni* Serie VI, Vol. V-C(1986), 411-436.
22. Vector optimization for convex set-valued systems. *Izvestia Acad. Sci. USSR, Tehniceskaia Kibernetika* 1987, N<sup>o</sup>6, 45-56 (in Russian).
23. (with P. H. Dien) The contingent cone to the solution set of an inclusion and optimization problems involving set-valued maps. In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems*, Hanoi, 1987, 43-59.
24. Calmness, regularity and support principle. *Optimization* **19**(1988), 13-27.
25. Differentiability of set-valued maps in Banach spaces. *Math. Nachr.* **139**(1988), 215-235.
26. (with P. H. Dien) Second order optimality conditions for the extremal problem under inclusion constraints. *Appl. Math. Optim.* **20**(1989), 71-80.
27. (with P. H. Dien) Further properties of the regularity of inclusion systems. *Nonlinear Analysis. Theory Methods and Appl.* **13**(1989), 1251-1267.
28. Second order necessary optimality conditions for optimization problems involving set-valued maps. *Appl. Math. Optim.* **22**(1990), 189-209.
29. (with B. D. Craven) Invexity in multifunction optimization. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **12**(1991), 383-394.
30. (with B. D. Craven) Invexity multifunctions and duality. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **12**(1991), 575-591.
31. (with B. D. Craven, N. D. Yen and T. D. Phuong) A new class of invex multifunctions. In: *Nonsmooth Optimization: Methods and Applications*, (F. Giannessi, ed.), Gordon and Breach Science Publishers, 1992, 52-69.

32. (with N. D. Yen) On locally Lipschitz vector-valued invex function. *Bull. Austral. Math. Soc.* **47**(1993), 259-272.
33. (with N. Q. Lan) A mean value theorem for set-valued maps. *Revue Roumaine Math. Pures Appl.* **38**(1993), 359-368.
34. (with B. D. Craven and N. D. Yen) Generalized invexity and duality theories with multifunctions. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **15**(1994), 131-153.
35. (with T. D. Phuong) Invexity criteria for a class of vector-valued functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **51**(1995), 249-262.
36. (with W. Oettli) Prederivatives and second order conditions for infinite optimization problems. In the book: *Recent Advances in Nonsmooth Optimization*, (edited by D. Z. Du, L. Qi and R. S. Womersley), World Scientific Publishers, 1995, 243-259.
37. (with T. D. Phuong and N. D. Yen) Strict lower semicontinuity of the level sets and invexity of a locally Lipschitz function. *J. Optim. Theory Appl.* **87**(1995), 579-594.
38. Sufficient conditions for generalized convex set-valued maps. *Optimization* **37**(1996), 293-304.
39. (with N. D. Yen) Convexity criteria for set-valued maps. *Set-Valued Analysis* **5**(1997), 37-45.
40. (with J. P. Penot) Generalized monotonicity of subdifferentials and generalized convexity. *J. Optim. Theory Appl.* **94**(1997), 251-262.
41. (with J. P. Penot) Characterizations of generalized convexity via generalized directional derivative. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **19**(1998), 615-634.
42. Sufficient conditions for reachability and controllability of discrete systems with phase constraints. *Optimization* **43**(1998), 303-321.
43. (with J. E. Martinez-Legez) A new subdifferential in Quasiconvex Analysis. *J. of Convex Analysis* **6**(1999), 1-11.
44. Another Characterization of convexity for set-valued maps. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **20**(1999), N<sup>o</sup> 3-4, 341-351.
45. Characterization of scalar quasiconvexity and convexity of vector-valued locally Lipschitz maps. *Optimization* **46**(1999), N<sup>o</sup> 3, 283-310.
46. Reachability for discrete-time dynamical set-valued systems depending on a parameter. *Optimization* **48**(2000), N<sup>o</sup>1, 17-42.
47. Lower semicontinuity of kernels of closed convex processes and local reachability of discrete-time systems. *Optimization* **51**(2002), N<sup>o</sup>3, 451-470.
48. (with G. M. Lee and D. K. Sang) Infine functions, nonsmooth alternative theorems and vector optimization problems. *J. Global Optim.* **27**(2003), N<sup>o</sup>1, 51-81.

49. Nearly subconvexlike set-valued maps and vector optimization problems. *J. Optim. Theory Appl.* **119**(2003), N<sup>o</sup>2, 335-356.
50. (with D.S. Kim and G. M. Lee) Hartley proper efficiency in multifunction optimization. *J. Optim. Theory Appl.* **120**(2004), N<sup>o</sup>1, 129-145.
51. (with G. M. Lee and D. K. Sang) Efficiency and generalised convexity in vector optimisation problems. *ANZIAM J.* **45**(2004), N<sup>o</sup>4, 523-546.
52. (with L. A. Tuan) Existence of solutions of generalized quasivariational inequalities with set-valued maps. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), 309-316.
53. New generalized convexity notion for set-valued maps and application to vector optimization. *J. Optim. Theory Appl.* **125**(2005), 157-179.

### Nguyen Khoa Son

1. Controllability of nonlinear systems with damped perturbations. *Vestnik Kharkov Univ.* **43**(1978), 21-34 (in Russian).
2. (with V.I. Korobov) Controllability of linear systems in Banach space in the presence of constraints on controls, I. *Differ. Uravn.* **16**(1980), 806-817 (in Russian).
3. (with Korobov V. I.) Controllability of linear systems in Banach space in the presence of constraints on controls, II. *Differ. Uravn.* **16**(1980), 1010-1022 (in Russian).
4.  $\epsilon$ -controllability of linear autonomous systems with constraints on controls. *Differ. Uravn.* **16**(1980), 394-404 (in Russian).
5. *Controllability of dynamical systems in the presence of constraints on controls*. Ph. D. Thesis, Kharkov University, 1978, Kharkov (in Russian).
6. Local controllability of linear systems with restrained controls in Banach space. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N<sup>o</sup>2, 78-87.
7. Controllability of linear discrete-time systems with constrained controls in Banach spaces. *Control and Cybern.* **10**(1981), 5-16.
8. Linear systems with state constraints in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N<sup>o</sup>1, 71-85.
9. Global controllability of linear autonomous systems : a geometric consideration. *Systems Control Lett.* **6**(1985), 207-212.
10. (with L. Thanh) On the null-controllability of infinite dimensional discrete-time systems. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N<sup>o</sup>1, 3-14.
11. On the null-controllability of linear discrete-time systems with restrained controls. *J. Optim. Theory Appl.* **50**(1986), 313-329.
12. (with N.V. Su) Linear periodic systems : Controllability with restrained controls. *Appl. Math. Optim.* **14**(1986), 173-195.

13. Some remarks on the global controllability of linear discrete-time systems with bounded controls. *Bollet. Uni. Mat. Italiana, Anal. Funz. Appl.*, Serie VI, V(1986), 245-254.
14. (with D. Hinrichsen) Stability radii of discrete-time systems and symplectic pencils. In: *Proceedings of the 29th IEEE Conference on Control and Decision*, Tampa, USA, 1989, 2265-2270.
15. Approximate controllability of linear retarded systems in  $\mathbb{R}^n \times L_p$ : a discrete-time approach, In: *Lecture Notes in Control and Information Sciences*, Springer-Verlag, **143**(1990), 404-412.
16. (with V. N. Phat) Linear nonstationary control systems : null controllability with restrained controls in Banach spaces. *Optimization* **21**(1990), 271-280.
17. A unified approach to constrained approximate controllability for the heat equations and the retarded equations. *J. Math. Anal. Appl.* **159**(1990), 1-19.
18. *Constrained controllability of infinite dimensional systems with applications*. Dr. Sc. Thesis. *Institute of Mathematics*, PAN, Warsaw, 1990.
19. (with N. D. Huy) On the existence of solutions of functional differential inclusions in Banach spaces. *Acta Math. Vietnam.* **16**(1991), 46-60.
20. (with D. Hinrichsen) The complex stability radii of discrete-time systems and symplectic pencils. *Int. J. of Nonlinear and Robust Control* **1**(1991), 79-91.
21. (with N. D. Huy) On the qualitative properties of the solution set to functional differential inclusions in Banach spaces. *Vietnam J. Math.* **19**(1991), 43-58.
22. Dynamical systems with state and control constraints : controllability and related topics. *Vietnam J. Math.* **21**(1993), 1-35.
23. On the existence of positive eigenvalues of convex set-valued maps. *Vietnam J. Math.* **22**(1994), 109-113.
24. On the real stability radius of linear systems invariant with respect to a convex cone. *Vietnam J. Math* **23**(1995), 116-121.
25. On the real stability radius of positive linear discrete-time systems. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **16**(1995).
26. (with D. Hinrichsen) Robust stability of positive linear systems, In: *Proceedings of the 34th IEEE Conference on Control and Decision*, New Orleans, USA, 1995, 1423-1425.
27. (with D. Hinrichsen) Stability radii of positive dynamical systems, In: *Proceedings of Inter. Congress of Industrial and Applied Mathematics*, ICIAM'95, Hamburg, FRG, July 3-9, 1995, In *Zeitschrift für Angewandte Mathematik und Mechanik*, ZAMM, Vol.2 : Applied Analysis, 756-758.

28. (with N. D. Huy) Existence and relaxation of solutions of functional differential inclusions. *Vietnam J. Math.* **2**(1995), 279-291.
29. (with D. Hinrichsen) On structured singular values and stability radii of systems under affine perturbations. *Vietnam J. Math.* **1**(1996), 112-117.
30. (with D. Hinrichsen)  $\mu$ -values analysis and stability radii of positive systems under block-diagonal affine perturbations, In: *Proc. International Symposium on Automation and Robotics*, Szeszin, August 1-6, 1996, Poland, 256-266.
31. (with D. Hinrichsen) Robust stability positive continuous time systems. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **17**(1996), 649-659.
32. (with N. D. Huy) On the existence of solutions to functional differential inclusions with boundary values. *Vietnam J. Math.* **25**(1997), 331-340.
33. Approximate controllability with positive controls. *Acta Math. Vietnam.* **22**(1997), 589-620.
34. (with A. Fischer and D. Hinrichsen) Robust stability of Metzler operators. *Vietnam J. Math.* **26**(1998) 147-162.
35. (with D. Hinrichsen) Stability radii of positive discrete-time systems under parameter perturbations, *Int. J. for Nonlinear and Robust Control* , **8**(1998), 1169-1188.
36. (with P. H. A. Ngoc) Complex stability radius of linear retarded systems. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), 379-384.
37. (with D. Hinrichsen)  $\mu$ -analysis and robust stability of positive linear systems. *Appl. Math. Comput. Sci.* **8**(1998), 2, 253-268.
38. (with P. H. A. Ngoc) Stability radius of linear delay systems, In: *Proc. American Control Conference*, San Diego, California, USA, June 1999, 815-817.
39. (with P. H. A. Ngoc) Robust stability of infinite-dimensional systems under affine and fractional perturbations. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 132-146.
40. (with P. H. A. Ngoc) Robust stability of positive linear time-delay systems under affine perturbations. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), 353-371.
41. (with P. H. A. Ngoc) Robust stability of positive linear time-delay systems under affine parameter perturbations. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>o</sup>3, 353-372.
42. (with P. H. A. Ngoc) Robust stability of positive linear time-delay systems under affine parameter perturbations. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N<sup>o</sup>3, 353-372.
43. (with P. H. A. Ngoc) Stability of linear infinite-dimensional systems under affine and fractional perturbations. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), N<sup>o</sup>2, 153-167.

44. (with P. H. A. Ngoc) Robust stability of linear functional differential equations. *Adv. Stud. Contemp. Math. (Pusan)* 3(2001), N<sup>0</sup>2, 43-59.
45. (with P. H. A. Ngoc) Stability radii of linear functional differential equations. *Vietnam J. Math.* 29(2001), N<sup>0</sup>1, 85-89.
46. (with P. H. A. Ngoc) Stability radii of linear discrete-time systems with delays. *Vietnam J. Math.* 29(2001), N<sup>0</sup>4, 379-384.
47. (with P. H. A. Ngoc) Stability radii of positive linear difference equations under affine parameter perturbations. *Appl. Math. Comput.* 134(2003), N<sup>0</sup>2-3, 577-594.
48. (with D. Hinrichsen and P. H. A. Ngoc) Stability radii of higher order positive difference systems. *Systems Control Lett.* 49(2003), N<sup>0</sup>5, 377-388.
49. (with P. H. A. Ngoc) Stability radii of linear systems under multi-perturbations. *Numer. Funct. Anal. Optim.* 25(2004), N<sup>0</sup>3-4, 221-238.
50. (with N. D. Huy) Existence of solution for multi-valued integral equations. *Vietnam J. Math.* 32(2004), N<sup>0</sup>3, 323-329.

### Ha Huy Tai

1. (with E. Carlini and A. Van Tuyl) Computing the spreading and covering numbers. *Comm. Algebra* 29(2001), N<sup>0</sup>12, 5687-5699.
2. Box-shaped matrices and the defining ideal of certain blowup surfaces. *J. Pure Appl. Algebra* 167(2002), N<sup>0</sup>2-3, 203-224.
3. On the Rees algebra of certain codimension two perfect ideals. *Manuscripta Math.* 107(2002), N<sup>0</sup>4, 479-501.
4. (with A. Van Tuyl) The regularity of points in multi-projective spaces. *J. Pure Appl. Algebra* 187(2004), N<sup>0</sup>1-3, 153-167.
5. Projective embeddings of projective schemes blown up at subschemes. *Math. Z.* 246(2004), N<sup>0</sup>1-2, 111-124.
6. (with I. Aberbach and L. Ghezzi) The depth of the associated graded ring of ideals with any reduction number. *J. Algebra* 276(2004), N<sup>0</sup>1, 168-179.

### Bui The Tam

1. (with E. G. Golshtein) Method of convex programming based on modified Lagrangian functions. *Economics and Math. Methods* 13(1977), 1271-1278 (in Russian).
2. Modified Lagrangian functions and method of determination of roots of monotone mappings. *Acta Math. Vietnam.* 4(1979), 24-38.

3. (with T. V. Thieu) An outer approximation method for globally minimizing a concave function over a compact convex set. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1983), 21-40.
4. (with T. V. Thieu) On two problems over a polytope. *Tạp chí toán học* **3**(1983), 5-8 (in Vietnamese).
5. (with D. V. Si) On the calculation of general indexes of the national economy. *Tạp chí Kế hoạch hoá* **11**(1984) (in Vietnamese).
6. (with D. V. Si) On a method for estimating technical coefficients in the input-output model. *Tạp chí Khoa học Tính toán và Điều khiển* **1**(1985), 8-12 (in Vietnamese).
7. (with V. T. Ban) Minimization of a concave function under linear constraints. *Economics and Math. Methods* **11**(1985), 709-714 (in Russian).
8. (with D. V. Si) Construction of input-output tableaux for economic regions and its applications to economic planning. *Tạp chí Kinh tế vùng* **2**(1986), 25-30 (in Vietnamese).
9. (with T. Tuc) Decomposition for concave programming. *Tạp chí Khoa học Tính toán và Điều khiển* **4**(1988), 1-7 (in Vietnamese).
10. (with L. D. Muu) Minimizing the sum of a convex function and the product of two affine functions over a convex set. *Optimization* **24**(1992), 57-62.
11. (with H. Tuy) An efficient solution method for rank two quasiconcave minimization problems. *Optimization* **24**(1992), 43-56.
12. (with H. Tuy and N. D. Dan) Minimizing the sum of a convex function and a specially structured nonconvex function. *Optimization* **28**(1994), 237-248.
13. (with L. D. Muu) Efficient methods for solving certain bilinear programming problems. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), N°1, 97-110.
14. (with L. D. Muu and S. Schaible) Efficient algorithms for solving certain nonconvex programs dealing with the product of two affine fractional functions. *J. Global Optim.* **6**(1995), 179-191.
15. (with H. Tuy) Polyhedral annexation VS outer approximation for the decomposition of monotonic quasiconcave minimization problems. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), N°1, 99-114.
16. (với T. V. Thiệu) *Các phương pháp tối ưu hoá (in Vietnamese)*. NXB Giao thông vận tải 1998, 408 trang.

#### Do Hong Tan\*

1. On equivalent operator nodi. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. Prilozhen.* 1968, N°7, 6-12 (in Russian).



2. *Some Problems of the Theory of Operator Nodi in Hilbert Spaces*. Ph.D. Thesis, Kharkov University, 1968 (in Russian).
3. On the theorem of multiplication of characteristic functions of unbounded operator nodi. *Teor. Funktsii Funktsional. Anal. Prilozhen.* 1969, N°9, 65-74 (in Russian).
4. Groups of operator nodi. *Tap chí toán học* 2(1974), N°1-2, 29-35 (in Vietnamese).
5. Operator Nodi and open systems. *Tap chí toán học* 2(1974), N°3-4, 42-49 (in Vietnamese).
6. Unbounded operator Nodi. *Tap chí toán học* 3(1975), N°1, 16-21 (in Vietnamese).
7. Some remarks on the contraction principle. *Tap chí toán học* 3(1975), N°4, 1-5 (in Vietnamese).
8. On convex multivalued mappings. *Tap chí toán học* 4(1976), N°4, 18-23 (in Vietnamese).
9. Some remarks on fixed points and their continuity. *Tap chí toán học* 6(1978), N°1, 15-23 (in Vietnamese).
10. On linear multivalued mappings. *Tap chí toán học* 6(1978), N°3, 1-6 (in Vietnamese).
11. (with N. A. Minh) Some fixed point theorems for mapping of contractive type. *Acta Math. Vietnam.* 3(1978), N°1, 24-42.
12. Common fixed points of a sequence of multivalued mappings. *Tap chí toán học* 7(1979), N°1, 1-5 (in Vietnamese).
13. On the contraction principle. *Acta Math. Vietnam.* 4(1979), N°2, 88-102.
14. On the Banach contraction principle. *Tap chí toán học* 8(1980), N°1, 1-10 (in Vietnamese).
15. (with D. T. Nhan) Common fixed points of two mappings of contractive type. *Acta Math. Vietnam.* 5(1980), N°1, 150-160.
16. On the contraction principle in uniformizable spaces. *Acta Math. Vietnam.* 5(1980), N°2, 88-99.
17. On probabilistic condensing mappings. *Rev. Roumaine Math. Pures Appl.* 26(1981), N°10, 1305-1317.
18. A fixed point theorem for multivalued quasi-contractions in probabilistic metric spaces. *Univ. u Novom Sadu Zb. Rad. Prirod. Mat. Fak. Ser. Mat.* 12(1982), 43-54.
19. On the probabilistic inner measure of noncompactness. *Univ. u Novom Sadu Zb. Rad. Prirod. Mat. Fak. Ser. Mat.* 13(1982), 33-80.
20. A note on probabilistic measures of noncompactness. *Rev. Roumaine Math. Pures Appl.* 28(1983), N°4, 283-288.
21. On the continuity of fixed points. *Rev. Roumaine Math. Pures Appl.* 28(1983), N°9, 893-904.

22. On continuity of fixed points. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **31**(1983), N°5-8, 299-301.
23. On continuity of fixed points of multivalued collectively condensing mappings. *Indian J. Pure Appl. Math.* **15**(1984), N°6, 631-632.
24. Some remarks on probabilistic measures of noncompactness. *Rev. Roumaine Math. Pures Appl.* **30**(1985), N°1, 43-47.
25. Two common fixed point theorems for contractive mappings in probabilistic metric spaces. *Mathematica (Cluj)* **28**(1986), N°2, 133-142.
26. A generalization of a coincidence theorem of Hadzic. *Studia Univ. Babeş-Bolyai Math.* **31**(1986), N°2, 24-26.
27. *Contributions to the Fixed Point Theory for Contractive and Condensing Mappings in Metric and Probabilistic Metric Spaces*. Dr. Sc. Thesis, Warszawa, 1986.
28. Two fixed point theorems of Krasnoselskii type. *Rev. Roumaine Math. Pures Appl.* **32**(1987), N°4, 397-400.
29. On a fixed point theorem of Krasnoselskii type. In: *Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems* Hanoi, 1987, 17-28.
30. A note on multivalued affine mappings. *Studia Univ. Babeş-Bolyai Math.* **33**(1988), N°4, 55-59.
31. On the probabilistic Hausdorff distance and fixed point theorems for multivalued contractions. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°1, 61-68.
32. Some common fixed point theorems for mappings of contractive type. *Univ. u Novom Sadu, Zb. Rad. Prirod. Mat. Fak. Ser. Mat.* **25**(1995), N°2, 9-22.
33. A classification of contractive mappings in probabilistic metric spaces. *Acta Math. Vietnam.* **23**(1998), N°2, 295-302.
34. (with Sehie Park) Remarks on the Schauder-Tychonoff fixed point theorem. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N°2, 127-132.
35. (with S. Park) Remarks on Himmelberg-Idzik's fixed point theorem. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N°3, 285-289.
36. (with H. D. Vuong) Some remarks on fixed points. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N°2, 231-239.
37. (with H. D. Vuong) On eventually and asymptotically Lipschitzian mappings. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N°1, 31-42.
38. (with L. A. Dung) Fixed points of semigroups of Lipschitzian mappings. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N°1, 89-100.
39. Fixed points of uniformly Lipschitzian mappings. *Thông báo khoa học của các trường đại học* 2002, 56-61 (in Vietnamese).

## Ngo Dac Tan

1. On minimal transitive permutation groups. *Vestsi Akad. Navuk BSSR, Ser. Fiz.-Mat. Navuk* **6**(1976), 5-14 (in Russian).
2. Uber abelscher Gruppen, deren voller Endomorphismenring ein  $EE_k$  MI-Ring ( $k=1, 2$ ) ist. *Annales Univ. Sci. Budapest. Eotvos, Sect. Math.* **22/23**(1979/1980), 75-85.
3. On minimal transitive permutation groups on a countable set. *Vestsi Akad. Navuk BSSR, Ser. Fiz.-Mat. Navuk* **1**(1979), 12-18 (in Russian).
4. Nilpotent pronormal minimal transitive permutation groups. *Vestsi Akad. Navuk BSSR, Ser. Fiz.-Mat. Navuk* **5**(1985), 21-26 (in Russian).
5. *Minimal transitive permutation groups and related problems of graph theory*. Ph. D. Thesis, Belarussian State Univ., Minsk, 1985, 134 p. (in Russian).
6. Trivalent graphic primitive minimal transitive permutation groups. *Vestsi Akad. Navuk BSSR, Ser. Fiz.-Mat. Navuk* **6**(1986), 32-37 (in Russian).
7. On imprimitive nilpotent irregular minimal transitive groups which are cubic graphical, In: *Proc. Symp. Math. Found. Comp. Sci. and Data Security*, Hanoi, July 4-6, 1986, 113-117 (in Vietnamese).
8. (With R. I. Tyshkevich), A generalization of Babai's lemma on Cayley graphs. *Vestsi Akad. Navuk BSSR, Ser. Fiz.-Mat. Navuk* **4**(1987), 29-32 (in Russian).
9. On cubic metacirculant graphs. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N<sup>o</sup>2, 57 - 71.
10. Hamilton cycles in cubic  $(4, n)$ -metacirculant graphs. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>o</sup>2, 83 - 93.
11. On Hamilton cycles in cubic  $(m, n)$ -metacirculant graphs. *Australas. J. Combin.* **8**(1993), 211 - 232.
12. Connectedness of cubic metacirculant graphs. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 3-17.
13. Hamilton cycles in cubic  $(m, n)$ -metacirculant graphs with  $m$  divisible by 4. *Graphs and Combin.* **10**(1994), 67 - 73.
14. A characterization of some cubic  $(m, n)$ -metacirculant graphs *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), 61 - 66.
15. Hamilton cycles in some vertex-transitive graphs. *Southeast Asian Bull. Math.* **19**(1995), N<sup>o</sup>1, 61 - 67.
16. On Hamilton cycles in cubic  $(10, n)$ -metacirculant graphs. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), 247 - 255.
17. On the isomorphism problem for a family of cubic metacirculant graphs. *Discrete Math.* **151**(1996), 231 - 242.
18. Cubic  $(m, n)$ -metacirculant graphs which are not Cayley graphs. *Discrete Math.* **154**(1996), 237 - 244.

19. Non-Cayley tetravalent metacirculant graphs and their hamiltonicity. *J. Graph Theory* **23**(1996), 273 - 287.
20. On Hamilton cycles in cubic (m,n)-metacirculant graphs, II. *Australas. J. Combin.* **14**(1996), 235 - 257.
21. Sufficient conditions for the existence of a Hamilton cycle in cubic (6, n)-metacirculant graphs. *Vietnam J. Math.* **25:1**(1997), 41 - 52.
22. Sufficient conditions for the existence of a Hamilton cycle in cubic (6, n)-metacirculant graphs, II. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), N<sup>o</sup>3, 217 - 228.
23. Classification and hamiltonian problems for cubic and tetravalent metacirculant graphs, In: *Proc. Fifth Vietnamese Math. Conf.*, Hanoi, September 17-20, 1997, 187-195.
24. On non-Cayley tetravalent metacirculant graphs. Graph theory and discrete geometry (Manila, 2001). *Graphs Combin.* **18** (2002), N<sup>o</sup>4, 795-802.
25. The automorphism groups of certain tetravalent metacirculant graphs. *Ars Combin.* **66**(2003), 205-232.
26. (with T. M. Tuoc) On Hamilton cycles in connected tetravalent metacirculant graphs with non-empty first symbol. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>3, 267-278.
27. (with L. X. Hung) Hamilton cycles in split graphs with large minimum degree. *Discussiones Math. Graph Theory*, **24**(2004), N<sup>o</sup>1, 23-40.
28. *Combinatorics and graph theory (in Vietnamese) – Lý thuyết tổ hợp và đồ thị*. NXB ĐHQG Hanoi, 2004, 344 trang.
29. (with L. X. Hung) On colorings of split graphs, In: Proceedings of the First National symposium Fundamental and applied Information Technology research. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hanoi, 2004, 249-259 (in Vietnamese).
30. (with Chawalit Iamjaroen) Constructions for nonhamiltonian Burkard-Hammer graphs, In: *Proceedings of the Indonesia-Japan Joint Conference on Combinatorial Geometry and Graph Theory* (September 13-16, 2003, Bandung, Indonesia) 185-199, Lecture Notes in Computer Science 3330, Springer-Verlag, Berlin Heidelberg 2005.

### Nguyen Duy Tan

1. (with N. Q. Thang) On the surjectivity of localization maps for Galois cohomology of unipotent algebraic groups over fields. *Comm.Algebra* **32**(2004), N<sup>o</sup>8, 3169-3177.

**Nguyen Xuan Tan**

1. (with D. T. Luc) The Banach-Steinhaus theorem for M-convex multivalued mappings. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N°1, 161-168.
2. Some fixed point theorems for multivalued mappings. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), N°2, 100-105.
3. Banach-Steinhaus theorems for multivalued mappings. *Math. Nachr.*, **102**(1981), 157-169.
4. On the continuity of multivalued mappings and the stability of fixed points. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), 201-205.
5. *Some Results on Multivalued Analysis and Its Applications*. Ph.D. Thesis, Berlin, 1983.
6. Quasivariational inequality in topological linear locally convex Hausdorff spaces. *Math. Nachr.* **122**(1985), 231-245.
7. Banach-Steinhaus principle for convex multivalued mappings. *Math. Nachr.* **126**(1986), 45-54.
8. Randon quasivariational inequality. *Math. Nachr.* **125**(1986), 319-328.
9. Measurable solution of mathematical programming problems. *Math. Nachr.* **126**(1986), 275-279.
10. Generalized probabilistic metric space and fixed point theorems. *Math. Nachr.* **126**(1986), 205-218.
11. Some applications of degree theory to bifurcation problems. *Z. Anal. Anwendungen* **4**(1986), 347-366.
12. On the existence of positive eigenvalues for a triplet of nonlinear and noncompact mappings. *Math. Nachr.* **128**(1986), 181-196.
13. An analytical approach to bifurcation problems with applications to partial differential equations. *Math. Nachr.* **131**(1987), 251-285.
14. *Einige Beiträge zur Bifurkationstheorie*. Dr. Sc. Thesis, Berlin, 1987.
15. An analytical study of bifurcation problems for equations involving Fredholm mappings. *Proc. of the Royal Soc. of Edinburgh* **110**(1988), 199-225.
16. Bifurcation from characteristic values for equations concerning Fredholm mappings with applications to partial differential equations I. Theory. *Math. Nachr.* **137**(1988), 175-196.
17. Bifurcation from characteristic values for equations concerning Fredholm mappings with applications to partial differential equations II. Application. *Math. Nachr.* **139**(1988), 7-25.
18. Bifurcation from degenerate solutions for equations involving Lipschitz continuous mappings. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **10**(1989), 787-805.
19. Bifurcation points of equations involving scalar nonlinear mappings in Banach spaces. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **10**(1989), 1039-1052.

20. An iteration method for bifurcation problems involving Fredholm mapping. *Math. Nachr.* **148**(1990), 209-228.
21. Bifurcation problems for equations involving Lipschitz continuous mappings. *J. Math. Anal. Appl.* **153**(1990), 22-42.
22. Bifurcation points of equations involving multi-linear functions with applications to elliptic differential equations. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **11**(1990), 181-199.
23. Bifurcation from characteristic values with finite multiplicity and applications to partial differential equation. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N<sup>o</sup>2, 99-122.
24. Local bifurcation from characteristic values with multiplicity for equations involving nondifferentiable mappings. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), 99-122.
25. A combination method for local bifurcation from characteristic values with finite multiplicity. *Math. Nachr.* **152**(1991), 189-202.
26. (with N. W. Bazley) On the primary and secondary bifurcations of equations involving scalar nonlinearities. *Inter. Series of Numer. Math.* **97**(1991), 53-57.
27. (with N. W. Bazley) On the primary and secondary bifurcation of equation involving scalar nonlinearities. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **123**(1992), 355-367.
28. (with M. Z. Nashed) Nontrivial solution from simple eigenvalues and their stability. *Diff. Integ. Equations* **5**(1992), 495-508.
29. Hopf bifurcation at a double eigenvalues. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 107-125.
30. Bifurcation from the essential spectrum of equations in Banach spaces. *Tạp chí Toán học* **21**(1993), 63-68.
31. Some bifurcation results and their applications to axisymmetric buckled states of a thin spherical shell. *Math. Methods in Appl. Sci.* **16**(1993), 13-33.
32. (with P. N. V. Tu) Some new Hopf bifurcation theorems at simple eigenvalues. *Appl. Anal.* **53**(1994), 197-220.
33. Bifurcation and Hopf bifurcation at multiple eigenvalues for equations with Lipschitz mappings. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), 279-311.
34. (with K. Schneider) Some results on reduction principle for bifurcation and Hopf bifurcation of equations concerning Lipschitz continuous mappings, *Acta Math. Vietnam.* **22**(1997), 427-465.
35. (with P. N. Tinh) On the existence of equilibrium points of vector functions. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **19**(1998), 141-156.
36. (with D. T. Luc and P. N. Tinh) Subdiff. characterization of quasiconvex and convex functions. *Vietnam J. Math.* **26**(1998), 53-69.

37. (with D. T. Luc and P. N. Tinh) Convex vector functions and their subdiff. *Acta Math. Vietnam.* **28**(1998), 107-127.
38. (with P. N. Tinh) On conjugate maps and directional derivatives of convex vector functions. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>3, 315-345.
39. (with N. B. Minh) Some sufficient conditions for the existence of equilibrium points concerning multivalued mappings. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>4, 295-310.
40. (with A. Gueraggio) On general vector quasi-optimization problems. *Math. Methods Oper. Res.* **55**(2002), N<sup>o</sup>3, 347-358.
41. (with N. B. Minh) On the continuity of vector convex multivalued functions. *Acta Math. Vietnam.* **27**(2002), N<sup>o</sup>1, 13-25.
42. On the existence of solutions of equilibrium and quasi-equilibrium problems. *Optimization in economics, finance and industry (Verona, 2001)*, 61-82, *Datanova, Milan, 2002*.
43. (with N. B. Minh) On the C-Lipschitz continuities and C-approximations of multivalued mappings. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>4, 343-363.
44. On the existence of solutions of quasivariational inclusion problems. *J. Optim. Theory Appl.* **123**(2004), N<sup>o</sup>3, 619-638.
45. (with G. P. Crespi) On vector quasi-optimization problems. *Rendiconti del Seminario Matematico di Mesina* **8**(2001-2002), 283-296.
46. (with N. B. Minh) On the existence of solutions of quasivariational inclusion problems of Stampacchia. *Adv. Nonlinear Var. Inequal.* **8**(2005), N<sup>o</sup>1, 1-16.
47. On the existence of solution to systems of vector quasi-optimization problems. *Math. Meth. Oper. Res.* **60**(2004), 53-71.
48. (with D. T. Luc) Existence conditions in variation inclusions with constraints. *Optimization* **53**(2004), 505-515.

### Phan Thien Thach

1. Convex Programs with Several Additional Reverse Convex Constraints. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), 35-57.
2. (with H. Tuy) Global Optimization under Lipschitzian Constraints *Japan J. Appl. Math.* **4**(1987), 205-217.
3. (with H. Tuy) Parametric Approach to a Class of Nonconvex Global Optimization Problems. *Optimization* **19**(1988), 3-11.
4. A Decomposition Method for the Min Concave Cost Flow Problem with a Staircase Structure *Japan J. Appl. Math.* **7**(1990), 103-120.
5. (with H. Tuy) The Relief Indicator Method for Constrained Global Optimization. *Naval Research Logistics* **37**(1990), 473-497.

6. Convex Minimization under Lipschitz Constraints. *J. Optim. Theory Appl.* **64**(1990), 595-614.
7. Quasiconjugates of Functions, Duality Relationship between Quasiconvex Minimization under a Reverse Convex Constraint and Quasiconvex Maximization under a Convex Constraint, and Applications. *J. Math. Anal. Appl.* **159**(1991), 299-322.
8. (with T. Tanaka and S. Suzuki) Two Nonconvex Minimization Approaches for the Problem of Determining an Economic Ordering Policy for Jointly Replenished Items. *J. Operations Research Society of Japan* **34**(1991), 109-124.
9. (with R. E. Burkard and W. Oettli) Mathematical Programs with a Two-Dimensional Reverse Convex Constraint. *J. Global Optim.* **1**(1991), 145-154.
10. New Partitioning Method for a Class of Nonconvex Optimization Problems. *Math. Oper. Research* **17**(1992), 43-60.
11. A Decomposition Method Using a Pricing Mechanism for Min Concave Cost Flow Problems with a Hierarchical Structure. *Math. Programming* **53**(1992), 339-359.
12. D.C. Sets, D.C. Functions and Nonlinear Equations. *Math. Programming* **58**(1993), 415-428.
13. A Generalized Duality and Applications. *J. Global Optim.* **3**(1993), 311-324.
14. (with H. Konno) A Generalized Dantzig-Wolfe Decomposition Principle for a Class of Nonconvex Programming Problems. *Math. Programming* **62**(1993), 239-260.
15. Global Optimality Criterion and a Duality with a Zero Gap in Nonconvex Optimization. *SIAM J. Math. Anal.* **24**(1993), 1537-1556.
16. Diewert-Crouzeix Conjugation for General Quasiconvex Duality and Applications. *J. Optim. Theory Appl.* **86**(1995), 719-743.
17. (with M. Kojima) A Generalized Convexity and Variational Inequality for Quasi-Convex Minimization. *SIAM J. Optim.* **6**(1996), 212-226.
18. (with H. Konno and D. Yokota) Dual Approach to Minimization on the Set of Pareto-Optimal Solutions. *J. Optim. Theory Appl.* **88**(1996), 689-707.
19. (with H. Konno) D.C. Representability of Closed Sets in Reflexive Banach Spaces and Applications to Optimization Problems. *J. Optim. Theory Appl.* **91**(1996), 1-22.
20. (with H. Konno) On the Degree and Separability of Nonconvexity and Applications to Optimization Problems. *Math. Programming* **77**(1997), 23-47.
21. (with R. E. Burkard and H. Dollani) Linear approximations in a dynamic programming approach for the uncapacitated single-source minimum



- concave cost network flow problem in acyclic networks. *J. Global Optim.* **19**(2001), N<sup>o</sup>2, 121-139.
22. Dual preference in Leontief production problem and its extension. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>2, 209-218.
23. (with H. Tuy and H. Konno) Optimization of polynomial fractional functions. *J. Global Optim.* **29**(2004), N<sup>o</sup>1, 19-44.
24. Equilibrium prices and quasiconvex duality. *Generalized convexity, generalized monotonicity and applications*, 341-350, Nonconvex Optim. Appl., 77, Springer, New York, 2005.

### Nguyen Quoc Thang

1. On the determination of multipliers of similitudes over local and global fields. *J. Fac. Sci. Univ. Tokyo, Sec. IA* **36**(1989), N<sup>o</sup>3, 789 - 802.
2. A note on the Hasse principle. *Acta Arithmetica* **54**(1990), 171 - 184.
3. On the weak Hasse principle. *Bull. Polish Acad. Sci.* **39**(1991), 141 - 145.
4. A note on the Hasse principle. Addenda. *Acta Arithmetica* **59**(1991), 145 - 147.
5. On the weak approximation in algebraic groups. *Contemp. Mathematics (AMS)*, **131**(1992) (Part 1), 423 - 426.
6. On multipliers of hermitian forms of type  $D_n$ . *J. Fac. Sci. Univ. Tokyo, Sec. IA*, **39**(1992), N<sup>o</sup>1, 33 - 42.
7. Hermitian forms over division algebras over real function fields. *Manuscripta Math.* **78**(1993), 9 - 35.
8. (with D. Đoković) Conjugacy classes of maximal tori in simple real algebraic groups and applications. *Canadian J. Math.* **46**(1994), 699 - 717.
9. On some new local-global principles over a real function field. *Commun. Algebra* **22**(1994), 2205 - 2219.
10. Hermitian forms over division algebras over real function fields. Corrigendum. *Manuscripta Math.* **82**(1994), 445 - 447.
11. (with D. Đoković) Conjugacy classes of maximal tori in simple real algebraic groups and applications. Corrections. *Canadian J. Math.* **46**(1994), 1208 - 1210.
12. Stable conjugacy of connected subgroups of real algebraic groups. *Comm. Algebra* **23**(1995), 2079 - 2090.
13. (with D. Đoković) On the exponential map of almost simple real algebraic groups. *J. Lie Theory* **5**(1995), 275-291.
14. Some local-global principles in the arithmetic of algebraic groups over real function fields. *Math. Z.* **221**(1996), 1 - 19.

15. (with D. Đoković) Surjective maps between root systems with zero. *Canadian Math. Bull.* **39**(1996), 25 - 34.
16. On weak approximation in algebraic groups and varieties defined by a system of forms. *J. Pure and App. Algebra* **113**(1996), 67 - 90.
17. Complementary note on similitudes of forms. *J. Math. Sciences Univ. Tokyo* **3**(1996), 445 - 447.
18. (with D. Đoković) Lie groups with dense exponential images. *Math. Z.* **225**(1997), 35 - 47.
19. Weak approximation, R-equivalence and Whitehead group, in Algebraic K-Theory. *Fields Inst. Comm.* **16**(1997), 35 - 44.
20. Corestriction Principle in Non-Abelian Galois Cohomology. *Proc. Japan Academy* **74**(1998), 63 - 67.
21. Rationality of Almost Simple Algebraic Groups. *J. Math. Kyoto Univ.* **39**(1999), 185-202.
22. A remark on pattern problems for matrix groups. *Linear Algebra Appl.* **292**(1999), 179 - 185.
23. On the rationality of almost simple algebraic groups. *Int. J. Math.* **10**(1999), 642-665.
24. Number of connected components of real adjoint groups. *Comm. Algebra* **28**(2000), 1097-1110.
25. Weak approximation, Brauer and R-equivalence in algebraic groups over arithmetical fields. *J. Math. Kyoto Univ.* **40**(2000), 247-291.
26. A note on finitely generated nilpotent groups. *Expo. Math.* **19**(2001), 3-23.
27. On isomorphism classes of Zariski dense subgroups of semisimple algebraic groups with isomorphic p-adic closures. *Proc. Japan Acad. Ser. A Math. Sci.* **78**(2002), N<sup>o</sup>5, 60-62.
28. On corestriction principle in non abelian Galois cohomology over local and global fields. *J. Math. Kyoto Univ.* **42**(2002), N<sup>o</sup>2, 287-304.
29. Weak approximation, Brauer and R-equivalence in algebraic groups over arithmetical fields. II. *J. Math. Kyoto Univ.* **42**(2002), N<sup>o</sup>2, 305-316.
30. Zariski dense subgroups of semisimple algebraic groups with isomorphic p-adic closures. *J. Lie Theory* **13**(2003), N<sup>o</sup>1, 13-20.
31. Weak corestriction principle for non-abelian Galois cohomology. *Homology Homotopy Appl.* **5**(2003), N<sup>o</sup>1, 219-249 (electronic).
32. (with N. D. Tan) On the surjectivity of localization maps for Galois cohomology of unipotent algebraic groups over fields. *Comm. Algebra* **32**(2004), N<sup>o</sup>8, 3169-3177.

## Le Cong Thanh

1. Estimations of some parameters of finite graphs and applications. *Elektron. Informationsverarb. Kybernet.* **13**(1977), 505-521 (in Russian).
2. (with P. D. Dieu) Asymptotical estimations of some parameters of finite graphs and their applications. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), 51-79 (in Russian).
3. On the problem of finding a shortest path in a finite graph. *Elektron. Informationsverarb. Kybernet.* **15**(1979), 445-453 (in Russian).
4. (with P. D. Dieu and L. T. Hoa) Average polynomial time complexity of some NP-complete problems. *Theoret. Comput. Sci.* **46**(1986), 219-237.

## Le Van Thanh

1. Filtration problem through two layers with vertical boundaries. *Tạp san cơ học*, **2**(1966), 120-123.
2. (with L. V. Thiem and N. V. Luoc) Filtration problem in salinity earth regions. *Tạp san Toán lý* **5**(1966), N<sup>o</sup>2, 22-32 (in Vietnamese).
3. Dominant region method in the theory of symmetric plane filtration. *Tạp san Toán lý* **7**(1968), N<sup>o</sup>1-2, 54-60 (in Vietnamese).
4. Applications of dominant region method in salinity earth regions. *Tạp san Toán lý* **7**(1968), N<sup>o</sup>3-4, 64-69 (in Vietnamese).
5. *Singularity of Plane Curves and Integral of the Local Nilsson Class*. Ph.D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1980, 90 p. (in Vietnamese).
6. Le lemme fondamental de Nilsson dans le cas analytique local. *Ann. de l'Inst. Fourier* **32** (1982), F1, 29-37.
7. Le nombre de Milnor et l'exposant de bifurcation. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série*, **295**(1982), 265-268.
8. Quelques remarques sur le spectre de singularité d'un germe de courbe plane. *Banach Center Publications*, Warsaw, **20**(1988), 419-427.
9. A conjecture on the singular spectrum of plane curves. *Tạp chí Toán học* **14**(1986), 1-8 (in Vietnamese).
10. (with N. V. Khue) On the invariance of p-convexity and hyperconvexity under the finite holomorphic surjection. *Trans. Amer. Math. Soc.* **32**(1987), 47-54.
11. (with J. H. M. Steenbrink) Spectre d'une singularité d'un germe de courbe plane. *Acta Math. Vietnam.* **14**(1989), N<sup>o</sup>1, 87-94.
12. Affine polar quotients of algebraic plane curves. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N<sup>o</sup>2, 95-102.

13. (with W. Neumann) On irregular links at infinity of algebraic plane curves. *Math. Ann.* **295**(1993), 239-244.
14. (with M. Oka) Note on estimation of the number of the critical values at infinity. *Kodai Math. J.* **17**(1994), N°3, 409-419.
15. (with M. Oka) Estimation of the number of the critical values at infinity of a polynomial function. *Publ. RIMS. Kyoto Univ.* **31**(1995), 577-598.
16. La courbe polaire affine et geometrie des polynomes de deux variables. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), 171-181.
17. Affine polar quotients and singularity at infinity of an algebraic plane curve. In: *Singularity Theory* (Ed. Le D. T. et al.) World Sc. 1995, 336-344.
18. Affine Plucker formula of algebraic plane curves. *Publ. of Center Functional and Complex Analysis, CFCA*, **1**(1997), 151-155.
19. An affine algebraic type of the Plucker-Milnor formula on  $\mathbb{C}^2$ . *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), N°1, 39-46.

### Tran Hung Thao

1. On the weak topologies for stochastic processes. *Tập san toán lý* **3**(1964), N°1, 63-64.
2. State estimation for a Markov process driven by a point process. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1981), N°2, 75-83.
3. Note on a Wagner-Platens representation of solution of a general filtering stochastic differential equation. *Acta Math. Vietnam.* **8**(1982), N°1, 133-138.
4. Optimal state estimation for a stochastic dynamical system from point process observations. *Methods Oper. Research*, N°62, Ulm, 1989, 421-430.
5. Optimal state estimation from point process observation. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°1, 75-83.
6. Note on filtering from point process observation. *Acta Math. Vietnam.* **16**(1991), N°1, 39-47.
7. Filtering of a Markov process from point process observations. *Anales Sci. Univ. Clermont Ferrand II, Probabilities et Appl., Fasc.* **96**(1991), 1-10.
8. A problem of optimal state estimation from discrete observations. *Revue des Technologies avancées* **2**(1992), 22-28.
9. On the existence and uniqueness for a stochastic differential equation. In: *"Recent Advances in Statistics and Probability Theory"*, Spain, 1994, 311-315.
10. A Random Fourier Transform and Generalized Analytic Process. *Proceedings of the Second Asian Mathematical Conference 1995*, Ed. by

- S. Tangmanee and E. Schulz, World Scientific, New Jersey, 544-550, 1995.
11. A Differential Equation For Filtering of A Stochastic Dynamical System. *Differential Equations: Theory, Numerics and Applications*, Ed. by E. Van Groesen and E. Soewono, Kluwer Academic Press, Holland, 335-360, 1996.
  12. Équations de type de Smoluchowski. *Proceedings of the Conference on Optimization and Control Theory*, Quy Nhon, 150-154, 1996 (in French).
  13. (with Kuan See Sin). On Generalized Independent Increments Processes. *J. Phys. Sci. Malaysia* **8**(1997), 35-44.
  14. State Estimation of A Stochastic Dynamical System With Levy Annealing Noises. *Proceedings of the International Conference on Nonlinear Stochastic Dynamics*, Hanoi, 1996, 203-210.
  15. (with P. X. Binh) On the Effect of Mathematical Education on Studies of Students. *Proceedings of the Conference on Optimization and Control Theory*, Quy Nhon, 1996, 1-5 (in Vietnamese).
  16. Sur une classe de diffusions étudiée dans la Thermodynamique. *Proceedings of the International Conference EMT'97 on Engineering Mechanics Today*, Hanoi, 1998, 178-182.
  17. (with D. P. Huy) A Note on State Estimation from Doubly Stochastic Point Process Observation. *Studia Barbes-Bolyai* **54**(1999), 105-111.
  18. *Stochastic Integration and Stochastic Differential Equations (in Vietnamese)* - . *Phương trình vi phân và tích phân ngẫu nhiên*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hanoi, 2000.
  19. (with T. T. Nguyen) Fractal Langevin equation. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>1, 89-96.
  20. A note on fractional Brownian motion. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>3, 255-260.
  21. (with Ch. Thomas-Agnan) Évolution des cours gouvernée par un processus de type ARIMA fractionnaire. *Studia Barbes-Bolyai Math.* **48**(2003), no. 2, 107—115 (in French).
  22. *Introduction to Mathematical Finance (in Vietnamese) – Nhập môn tài chính toán học*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hanoi, 2004.
  23. An approximate approach to fractional analysis for finance. *Nonlinear Analysis: Real World Applications, Elsevier* **6**(2005), N<sup>o</sup>4, 1-9.

### Le Van Thiem

1. Beitrag zum Typenproblem der Riemannschen Flaechen. *Comment. Math. Helv.* **20**, 1947.

2. Ueber das Umkehrproblem der Werterteilungslehre. *Comment. Math. Helv.* **23**, 1949.
3. Le degré de ramification d'une surface de Riemann et la croissance de la caractéristique de la fonction uniformisante. *C. R. Acad. Sc. Paris* **228**, 1949.
4. Un problème de type généralisé. *Ibid.* **228**, 1949.
5. Sur un problème d'inversion dans la théorie des fonctions méromorphes. *Ann. Sci. Ecole Normale Sup.* **67**, 1950, 51-98.
6. Sur un problème d'infiltration à travers un sol a deux couches. *Acta Sci. Vietnam.* **1**(1964), 3-9.
7. Sur un type de surfaces déterminées par un groupe de substitutions linéaires. *Siber. Mat. J.* **5**(1964), n.4, 853--857 (in Russian).
8. Sur l'existence d'un potentiel automorphe borné. *Acta Sci. Vietnam.* **2**(1965), 1-4.
9. Sur l'existence d'une fonction harmonique automorphe bornée. *Acta Sci. Vietnam.* **7**(1972), 5-15.
10. (with N. V. Luoc and L. V. Thanh) Un problème d'infiltration posé par le désalement. *Tap san Toan li* **2**, 1966, n.2, 23-26 (in Vietnamese).
11. (with H. D. Dung and N. V. Luoc) Les fonctions p-analytiques et le mouvement des liquides visqueux à symétrie axiale. *Acta Sci. Vietnam.* **9/10**(1974), 24-33.
12. (with H. V. Hoa) Sur certaines relations entre les coefficients binômiaux. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), no. 2, 29-34 (in French).
13. (with H. V. Hoa) Sur certaines sommes binomiales. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1980), no. 1, 178-179 (in French).
14. On an expression for the velocity component in the Oseen regime. *Tap chi Toan hoc* **9** (1981), no. 2, 10-16 (Vietnamese).
15. Sur la vitesse d'écoulement plan en régime d'Oseen. (French) [Velocity of Oseen plane flow]. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), no. 1, 95-100 (in French).
16. In profound memory of Professor Ta Quang Buu. *Tap chi Toan hoc* **15**(1987), no. 1, 1-2 (in Vietnamese).

### Tran Vu Thieu

1. Sur une class de graphes plans. *Tập san Toán lý* **2**(1963), N°4, 64-65.
2. Un exemple de cyclage dans l'algorithme du simplexe. *Tập san Toán lý* **3**(1964), N°4, 56-58.
3. (with H. Tuy) *Introduction to Operations Research (in Vietnamese) – Lí thuyết qui hoạch*. NXB Khoa học, Hanoi, 1968, 108 trang

4. *Methods for solving linear programs with block structure*. Ph. D. Thesis. Economico-Mathematical Institute, Moscow, 1970, 120 p. (in Russian).
5. A transportation problem in minimum time with an additional constraint. *Ekonom. i Mat. Metody* 6(1970), N°1, 132-136 (in Russian).
6. On linear programming problems with block structure. *Mat. Metody. rechenija ekonom. Zadatch. Nauka*, Moscow, Sbornik 3(1972), 24-36 (in Russian).
7. On a transportation problem with intermediate points. *Tạp chí Toán học* 3(1975), N°3, 12-21 (in Vietnamese).
8. On a location problem. *Tạp chí Toán học* 4(1976), N°3, 7-13 (in Vietnamese).
9. On an optimal investment allocation problem. *Tạp chí Toán học* 7(1979), N°2, 12-16 (in Vietnamese).
10. Relationship between bilinear programming and concave minimization under linear constraints. *Acta Math. Vietnam.* 5(1980), N°2, 106-113.
11. (with H. Tuy) Khachian's polynomial algorithm in linear programming. *Tạp chí Toán học* 10(1982), N°1, 1-8 (in Vietnamese).
12. (with H. Tuy and N. Q. Thai) Minimization of a concave function over a closed convex set. *Tạp chí Toán học* 10(1982), N°3, 16-23 (in Vietnamese).
13. (with B. T. Tam and V. T. Ban) On two problems over a polytope. *Tạp chí Toán học* 11(1983), N°3, 5-8 (in Vietnamese).
14. (with B. T. Tam and V. T. Ban) An outer approximation method for globally minimizing a concave function over a compact convex set. *Acta Math. Vietnam.* 8(1983), N°1, 21-40.
15. On an optimization problem in hydro-energetics. *Tạp chí Toán học* 12(1984), N°3, 4-10 (in Vietnamese).
16. A finite method for globally minimizing concave functions over unbounded polyhedral convex sets and its applications. *Acta Math. Vietnam.* 9(1984), N°2, 173-191.
17. (with H. Tuy and N. Q. Thai) A conical algorithm for globally minimizing a concave function over a closed convex set. *Math. Oper. Res.* 10(1985), N°3, 498-514.
18. On two problems over polyhedral convex sets. *Tạp chí Khoa học tính toán và Điều khiển* 1(1985), N°1, 9-15 (in Vietnamese).
19. (with N. D. Nghia and N. D. Hieu) Solving the bilinear programming problem through concave programming. *Tạp chí Toán học* 13(1985), N°3, 12-17 (in Vietnamese).
20. (with B. T. Tam) La programmation concave et quelques problèmes d'optimisation globale. In: *Actes de la troisième conférence de Mathématiques du Vietnam*. Hanoi, 1985, 65-70.

21. Concave minimization under linear constraints. *Kibernetika* 2(1986), 49-53 (in Russian).
22. Improved algorithm for solving a class of concave minimization problems. In: *Proceedings of 13th International Conference on Math. Optimization-Theory and Application. Eisenach* N°6-20, 1987, 185-188.
23. Solving the lay-out planning problem with concave cost. Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems. *Inst. of Math. Hanoi* 1987, 101-110.
24. (with B. T. Tam) *Algorithms and standard programs for programming and mathematical statistic used in economic management* (in Vietnamese). NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hanoi, 1987, 190 trang.
25. A note on the solution of bilinear programming problems by reduction to concave minimization. *Math. Programming* 41(1988), 249-260.
26. Sur la résolution de problèmes d'optimisation globale. *Sém. Anal. Convexe. Montpellier* 5(1988), 19-28.
27. A finite method for minimizing a concave function over an unbounded polyhedral convex set. *Acta Math. Hungar.* 52(1988), N°1-2, 21-36.
28. Improvement and implementation on some algorithms for nonconvex optimization problems. In: *Lecture Notes Math.* 1405(1989), 159-170.
29. A variant of Tuy's decomposition algorithm for solving a class of concave minimization problems. *Optimization* 22(1991), N°4, 607-619.
30. A note on the solution of a special class of nonconvex optimization problems. *J. Math.* 22(1994), N°1-2, 38-46.
31. A linear programming approach to solving a jointly constrained bilinear programming problem with special structure. *Acta Math. Vietnam.* 19(1994), 31-39.
32. (with T. X. Sinh) A new bounding technique in branch-and-bound algorithms for mixed integer programming. *Acta Math. Vietnam.* 22(1997), N°1, 357 - 366.
33. (with B. T. Tam) *Basic Optimization Methods (in Vietnamese) – Các phương pháp tối ưu hóa.* NXB Giao thông vận tải, Hanoi 1998, 408 trang.
34. (with T. V. V. Dung) A finite algorithm for a class of nonlinear optimization problems. *VNU. J. Sci. Nat. Sci.* XV(1999), N°1, 6 - 15.
35. (with T. V. V. Dung) Solving a class of integer problems with special structure. *Tạp chí Khoa học Tính toán và Điều khiển* 15(1999), N°2, 61-68 (in Vietnamese).
36. (with T. T. Hue) A class of minimax problems solvable in polynomial time. *Acta Math. Vietnam.* 26(2001), N°1, 17-26.
37. Mô hình bài toán sản xuất đồng bộ và ứng dụng. *Tạp chí ứng dụng toán học* 2(2004), số 1-3, 61-67 (in Vietnamese).
38. *Giáo trình tối ưu tuyến tính* (in Vietnamese). NXB ĐHQG Hà Nội, 2004, 222 trang.



**Nguyen Van Thoai\***

1. (with H. Tuy and L. D. Muu) Un nouvel algorithme de point fixe. *C. R. Acad. Sc. Paris, Ser. A* **286**(1978), 783-785.
2. (with H. Tuy and L. D. Muu) A modification of Scarf's algorithm allowing restarting. *Math. Oper. Statist. Ser. Optim.* **9**(1978), 357-372.
3. (with H. Tuy) Solving the linear complementarity problem via concave programming. In: *Methods Oper. Research* (R. R. Burkard and T. Elinger, eds.), 1980, 175-178.
4. (with H. Tuy) Convergent algorithms for minimizing a concave function. *Math. Oper. Research* **5**(1980), 556-566.
5. Anwendung des Erweiterungsprinzips zur Loesung konkaver Optimierungs aufgaben. *Math. Oper. Statist. Ser. Optim.* **11**(1981), 45-51.
6. (with H. Tuy) Solving the linear complementarity problem through concave programming. *J. Vysysl. Mat. i Mat. Phys.* **23**(1983), 602-608.
7. (with K. Lommatzsch) On methods for solving optimization problems without using derivatives. In: *Lecture Notes in Econ. and Math. Systems* **225**, Springer-Verlag, 1985, 230-236.
8. (with R. Horst and H. Tuy) Outer approximation by polyhedral convex sets. *O.R. Spektrum* **9**(1987), 153-159.
9. On canonical d.c. programs and applications. In: "*Essays on Nonlinear Analysis and Optimization Problems*", Hanoi, 1987, 88-100.
10. (with R. Horst and J. de Vries) On finding new vertices and redundant constraints in cutting plane algorithms for global optimization. *Oper. Res. Letters* **7**(1988), 85-90.
11. A modified version of Tuy's method for solving d.c. programming problems. *Optimization* **19**(1988), 665-674.
12. (with J. de Vries) Numerical experiments on concave minimization problems. *Methods Oper. Research* **60**(1988), 363-365.
13. (with R. Horst) Branch-and-bound methods for solving systems of Lischitzian equations and inequalities. *J. Optim. Theory Appl.* **58**(1988), 139-146.
14. On a class of global optimization problems. *Methods of Oper. Res.* **58**(1989), 115-130.
15. (with R. Horst, H. Tuy) On an outer approximation concept in global optimization. *Optimization* **20**(1989), 255-264.
16. (with R. Horst) Implementation, modification and comparision of some algorithms for concave minimization problems. *Computing* **42**(1989), 271-289.

17. (with R. Horst and T. Q. Phong) On solving general reverse convex programming problems by a sequence of linear programs and line searches. *Annal. Oper. Research* **25**(1990), 1-18.
18. (with R. Horst and H. B. Benson) Concave minimization via conical partitions and polyhedral outer approximation. *Math. Programming* **50** (1991), 259-274.
19. (with R. Horst et al.) On solving a d.c. programming problem by a sequence of linear programs. *J. Global Optim.* **1**(1991), 183-203.
20. A global optimization approach for solving the convex multiplicative programming problem. *J. Global Optim.* **1**(1991), 341-357.
21. (with R. Horst and J. de Vries) A new simplicial cover technique in constrained global optimization. *J. Global Optim.* **2**(1992), 1-19.
22. (with R. Horst and J. de Vries) On geometry and convergence of a class of simplicial covers. *Optimization* **25**(1992), 53-64.
23. (with R. Horst) Conical algorithms for the global minimization of linearly constrained decomposable concave minimization problems. *J. Optim. Theory Appl.* **74**(1992), 469-486.
24. Canonical d.c. programming techniques for solving a convex program with an additional constraint of multiplicative type. *Computing* **50**(1993), 241-253.
25. (with R. Horst) Global optimization and the geometric complementarity problem. In: *Mathematical Modelling in Economics*, (W.E. Diewert, K. Spremann and F. Stehling, eds.), Springer Verlag, 1993, 414-422.
26. Employment of conical algorithm and outer approximation method in d.c. programming. *Tạp chí Toán học* **22**(1994), 71-85.
27. On the construction of test problems for concave minimization algorithms. *J. Global Optim.* **5**(1994), 399-402.
28. (with R. Horst) Constraint decomposition algorithms in global optimization. *J. Global Optim.* **5**(1994), 1-19.

### Nguyen Van Thu

1. On additively correlated random variables. *Bull. Pol. Acad. Sci.* **XXIII**(1975), N<sup>o</sup>7, 781-785.
2. Prediction of stationary in norm sequences. In: *Proc. of Confer. on Prob. Theory*, Trebieszowisze, Poland, **VI-13.VI**(1975), pp. 33-36.
3. Banach space valued Brownian motions. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>3, 35-43.
4. Stochastic integrals. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>3, 44-46.
5. (with A. Weson) Examples of non-stationary Banach space valued processes of second order. In: *Lecture Note in Math.* **656**(1978), pp. 171-181.

6. Consistent random fields. In: *Proc. of the National Center for Scientific Research of Vietnam 1978*, 1-55 (in Vietnamese).
7. A characterization of mixed stable laws. *Bull. Pol. Acad. Sci.* **27**(1979), 629-630.
8. Stable random measures. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1979), N°1, 71-75.
9. Multiply self-decomposable prob. measures on Banach spaces. *Studia Math.* **66**(1979), 161-175.
10. Multiply self-decomposable prob. measures on generalized convolution algebras. *Studia Math.* **66**(1979), 855-861.
11. Prediction problem. *Dissert. Math.*, Polish Academy of Sciences, **CLXIII**(1980), 52-65.
12. A characterization of some probability distributions. In: *Lecture Note in Math.* **828**(1980), 302-308.
13. Limit theorems for random fields. *Dissert. Math.* Polish Academy of Sciences, **CLXXX**(1981), 422-462.
14. A new version of Doeblin's theorem. *Ann. Inst. Henri Poincaré*, **XVII**(1981), N°2, 213-217.
15. The support of some prob. measures on linear spaces. *Bull. Pol. Acad. Sci.* **XXIX**(1981), N°11-12, 633-635.
16. Stable type and completely self-decomposable prob. measures on Banach spaces. *Bull. Pol. Acad. Sci.* **XXIX**(1981), N°11-12, 637-642.
17. (with H. D. Phuc). Universal random measures. *Tạp chí Toán học* **9**(1981), N°2, 1-4 (in Vietnamese).
18. (with H. D. Phuc) On Doeblin theorem for random measures. *Acta Math. Vietnam.* **5**(1981), 74-77.
19. Universal multiply self-decomposable prob. measures on Banach spaces. *Prob. Math. Stat.* **III**(1982), N°1, 71-84.
20. Gaussian-Markov processes on partially ordered sets. *Comentat. Math.* **23**(1983), N°2, 269-277.
21. Stochastic filtering theory. *Tạp chí Toán học* **11**(1983), 1-8 (in Vietnamese).
22. Joint distribution in quantum mechanics. In: *Proc. of the 3rd Congress of Vietnamese Mathematicians 1983*, 13-24.
23. Prediction of strictly stationary Banach space valued sequences. *Prob. Theory Appl.* **29**(1984), 327-337.
24. Fractional calculus in probability. *Prob. Math. Stat.* **III**(1984), N°2, 173-189.
25. Multiply c-decomposable prob. measures on Banach spaces. *Prob. Math. Stat.* **5**(1985), N°2, 251-263.
26. (with N. N. Hong). Stable and multiply self-decomposable point processes. *Prob. Math. Stat.* **6**(1985), N°1, 92-98.

27. (with N. N. Hong) Stable and multiply self-decomposable point processes. *Prob. Math. Stat.* **6**(1985), 218-226.
28. An alternative approach to multiply self-decomposable prob. measures on Banach spaces. *Probab. Rel. Fields* **72**(1986), 35-54.
29. Prediction of strictly stationary processes in  $L_1$ . In: *Proc. of the 1st World Congress of the Bernoulli Society Tashkent*, **2**(1986), 738-740.
30. Prediction of stationary processes in  $L^p$ : A martingale approach. In: *Lecture Notes in Optimization and Information Sciences*, **126**(1989), 123-133.
31. Semigroups in Urbanik convolution algebras. *Acta Math. Vietnam.* **14**(1989), N°2, 93-99.
32. Markov processes and generalized convolutions. In: *Proc. of Nagoya Conference on Probability Distributions and Related Topics*, Nagoya, **11**(1989), 44-48.
33. A subclassification of unimodal distributions. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), N°2, 239-251.
34. Generalized independent increments processes. *Nagoya Math. J.* **133**(1994), 155-175.
35. Generalized translation operators and Markov processes. *Demonstratio Math.* **34**(2001), N°2, 295-304.
36. Hyper-groups of orthogonal polynomials. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N°1, 11-15.
37. Double-indexes Bessel diffusions. In: *Abstract and applied analysis*, 563-567, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2004.

### Nguyen Minh Tri

1. On the Asymptotics of Double Eigenvalues and Eigenfunctions for Boundary Value Problems in a Domain with a Small Hole. *Vestnik M. S. U.* **4**(1987), 17-21, (in Russian).
2. On the Global Hypoellipticity of High Order's Differential Operators. *Differ. Uravn.* **26**(1990), N°4, 687-692 (in Russian).
3. Fourth Order's Hypoelliptic Pseudodifferential Operators with Noninvolutive Characteristics Sets. *Vestnik M. S. U., N.* **2**(1990), 71-73 (in Russian).
4. (with Yu. V. Egorov) Maximally Hypoelliptic Operators with Noninvolutive Characteristics Sets. *Dok. Akad. Nauk. USSR.* **314**(1990), N°5, 1059-1061 (in Russian).
5. *On Some Classes of Pseudo-Differential Hypoelliptic Operators* Ph. D. Thesis, Moscow State Lomonosov University, 1990 (in Russian).

6. On the property of global hypoellipticity of a differential operator. *Mat. Zametki* **49**(1991), N° 2, 147-149 (in Russian).
7. (with Yu. V. Egorov) On a Class of Maximally Hypoelliptic Operators with Noninvolutive Characteristics Sets. *Trudy Sem. Petrovsk.* No. 17 (1994), 3-26, . Translated in *J. Math. Sci.* **75**(1995), N°3, 1615-1630 (in Russian).
8. On Positive Solutions of Emden-Fayler Equations in a Cone-like Domain. *Differ. Uravn. N.* **4**(1994), 659-664 (in Russian).
9. A Bifurcation of Multiple Eigenvalues and Eigenfunctions for Boundary Value Problems in a Domain with a Small Hole. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **1**(1994), N°3, 567-587.
10. (with N. M. Chuong and L. Q. Trung) *Theory of Partial Differential Equations (in Vietnamese) – Lý thuyết phương trình đạo hàm riêng.* NXB Khoa học Kỹ thuật, Hanoi, 1994, 288 trang.
11. (with M. Calanchi and L. Rodino) Solutions of Logarithmic Type for Elliptic and Hypoelliptic Equations. *Ann. Univ. Ferrara* Vol. **XLI**(1997), 111-127.
12. On Grushin's Equation. *Mat. Zametki* **63**(1998), N°1, 95-105.
13. Critical Sobolev Exponent for Hypoelliptic Operators. *Acta Math. Vietnam.* **23**(1998), N°1, 83-94.
14. Semilinear Perturbations of Powers of the Mizohata Operator. *Comm. Part. Diff. Eq.* **24**(1999), N°1-2, 325-354.
15. Remark on Non-Uniform Fundamental Solutions and Non-Smooth Solutions of Some Classes of Differential Operators with Double Characteristics. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **6**(1999), N°3, 437-452.
16. On the Gevrey analyticity of solutions of semilinear perturbations of powers of the Mizohata operator. *Rend. Sem. Mat. Univ. Politec. Torino* **57**(1999), N°1, 37-57.
17. Non-Smooth Solutions for a Class of Infinitely Degenerate Elliptic Differential Operators. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N°2, 159-172.
18. (with N. M. Chương, H. T. Ngoạn and L. Q. Trung, *Partial Differential Equations (in Vietnamese) - Phương trình đạo hàm riêng.* NXB Giáo dục Hà Nội 2000, 331 trang.
19. A note on Necessary conditions of Hypoellipticity for some classes of differential operators with double characteristics. *Kodai Math. J.* **23**(2000), N°2, 281-297.
20. On the analyticity and Gevrey regularity of solutions of semilinear partial differential equations with multiple characteristics. *Microlocal analysis and PDE in the complex domain (Japanese)* (Kyoto, 1998). *Surikaiseikikenkyusho Kokyuroku* No. **1159** (2000), 62--73.
21. (with Rodino, Luigi and Mascarello, Maria) Partial differential operators with multiple symplectic characteristics. *Partial differential equations*

- and spectral theory (Clausthal, 2000), 293-297, Oper. Theory Adv. Appl., 126, Birkhäuser, Basel, 2001.
22. On local properties of some classes of infinitely degenerate elliptic differential operators. *Rend. Sem. Mat. Univ. Politec. Torino* **59**(2001), N<sup>o</sup>4, 277-288 (2003).
  23. On the Gevrey regularity of solutions of a class of semilinear elliptic degenerate equations on the plane. *J. Math. Sci. Univ. Tokyo* **9**(2002), N<sup>o</sup>2, 217-255.
  24. Some examples of nonhypoelliptic infinitely degenerate elliptic differential operators. *Mat. Zametki* **71**(2002), N<sup>o</sup>4, 567-580; translation in *Math. Notes* **71**(2002), N<sup>o</sup>3-4, 517-529 (in Russian).
  25. Gevrey regularity of solutions of semilinear hypoelliptic equations on the plane. Microlocal analysis and related topics (Japanese) (Kyoto, 2001). *Surikaiseikikenkyusho Kokyuroku* N<sup>o</sup>**1261**(2002), 140-149.
  26. (with N. T. C. Thuy) Some existence and nonexistence results for boundary value problems for semilinear elliptic degenerate operators. *Russ. J. Math. Phys.* **9**(2002), N<sup>o</sup>3, 365-370.
  27. New argument for Gevrey regularity of solutions of nonlinear elliptic PDEs. *Russ. J. Math. Phys.* **10**(2003), N<sup>o</sup>3, 353-358.
  28. On the Gevrey regularity of solutions of semilinear Kohn-Laplacian on the Heisenberg group. In: *Abstract and applied analysis*, 335-353, World Sci. Publishing, River Edge, NJ, 2004.

### Nguyen Huu Tro\*

1. The asymptotic law of the number of patients in a space-time region. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), N<sup>o</sup>2, 92-96.
2. On the convergence of point processes in model of no space-time clustering. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N<sup>o</sup>2, 85-96.
3. On the best unbiased estimate in the Hilbert space. *Tạp chí Toán học* **11**(1983), N<sup>o</sup>3, 13-16 (in Vietnamese).
4. *Some poisson Limit Theorems in the Method of Clustering*. Ph. D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1985 (in Vietnamese).
5. Poisson approximations for statistics based on two samples of exchangeable trials. In: *Actes de la troisième conférence de Mathématiques du Vietnam*, Hanoi, 1985, 181-184 (in Vietnamese).

### Ngo Viet Trung

1. (with N. T. Cuong and P. Schenzel) Über verallgemeinerte Cohen-Macaulay-Moduln. *Math. Nachr.* **85**(1978), 57-73.

2. Über die Übertragung der Ringeigenschaften zwischen  $R$  und  $R[u]/(F)$ . *Math. Nachr.* **92**(1979), 215-229.
3. On the symbolic powers of determinantal ideals, *J. Algebra* **58**(1979), 361-369.
4. Allgemeine Hyperflächenschnitte einer algebraischen Varietät. *Monatsh. Math.* **89**(1980), 323-340.
5. Spezialisierungen allgemeiner Hyperflächenschnitte und Anwendungen, In: Seminar D. Eisenbud - B. Singh - W. Vogel, Vol. I, Teubner-Verlag, Leipzig, 1980, 4-43.
6. Some criteria for Buchsbaum modules. *Monatsh. Math.* **90**(1980), 331-337.
7. (with N. T. Cuong) Über schwache Sequenzen. *Period. Math. Hungar.* **11**(1981), 77-80.
8. Der gradierte Ring bezüglich des Primideals von Macaulay. *Beitr. Algebra Geometrie* **11**(1981), 35-40.
9. A class of imperfect prime ideals having the equality of ordinary and symbolic powers. *J. Math. Kyoto Univ.* **21**(1981), 239-250.
10. A characterization of two dimensional unmixed local domains. *Math. Proc. Camb. Phil. Soc.* **89**(1981), 237-239.
11. Principal systems of ideals. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), 57-63.
12. On the associated graded ring of a Buchsbaum ring *Math. Nachr.* **107**(1982), 489-495.
13. On certain transitivity of the graded ring associated with an ideal. *Proc. Amer. Math. Soc.* **85**(1982), 489-495.
14. Standard systems of parameters of generalized Cohen-Macaulay modules, In: *Proceedings, 4th Symposium on Commutative Algebra in Japan*, Karuizawa, 1982, 164-180.
15. Classification of the double projections of Veronese varieties. *J. Math. Kyoto Univ.* **22**(1983), 567-581.
16. Absolutely superficial sequence. *Math. Proc. Cambridge Phil. Soc.* **93**(1983), 35-47.
17. On tensor products of extensions of a field. *Quart. J. Math.* **35**(1984), 337-339.
18. Bounds for the minimum number of generators of generalized Cohen-Macaulay ideals, *J. Algebra* **90**(1984), 1-9.
19. From associated graded modules to blowing-ups of generalized Cohen-Macaulay modules. *J. Math. Kyoto Univ.* **24**(1984), 611-622.
20. Degree bounds for the defining equations of projective monomial curves. *Acta Math. Vietnam.* **9** (2)(1984), 157-163.
21. Projections of one-dimensional Veronese varieties. *Math. Nachr.* **118**(1984), 47-67.

22. Maximum number of independent elements and dimension of prime divisors in completions of local rings. *J. Algebra* **93**(1985), 418-438.
23. Towards a theory of generalized Cohen-Macaulay modules. *Nagoya Math. J.* **102**(1986), 1-49.
24. (with L. T. Hoa) Affine semigroups and Cohen-Macaulay rings generated by monomials. *Trans. Amer. Math. Soc.* **298**(1987), 145-167.
25. Reduction exponent and degree bounds for the defining equations of graded rings. *Proc. Amer. Math. Soc.* **101**(1987), 229-236.
26. (with G. Valla) On degree bounds for the defining equations of arithmetically Cohen-Macaulay and Buchsbaum varieties. *Acta Math. Vietnam.* **12** (2)(1987), 113-122.
27. (with A. Simis) The divisor class group of ordinary and symbolic blow-ups. *Math. Zeits.* **198**(1988), 479-491.
28. (with G. Valla) Degree bounds for the defining equations of arithmetically Cohen-Macaulay varieties. *Math. Ann.* **281**(1988), 479-491.
29. (with S. Ikeda) When is the Rees algebra Cohen-Macaulay? *Comm. Algebra* **17** (12)(1989), 2893-2922.
30. (with G. Valla) The Cohen-Macaulay type of points in generic position. *J. Algebra* **125**(1989), 110-119.
31. (with M. Morales and O. Villamayor) Sur la fonction de Hilbert-Samuel des clôtures intégrales des puissances d'idéaux engendrés par un système de paramètres. *J. Algebra* **129**(1990), 96-102.
32. On the presentation of Hodge algebras and the existence of Hodge algebra structures. *Comm. Algebra* **19**(1991), 1183-1195.
33. (with M. Herrmann, J. Ribbe and S. Zarzuela) Bounds for the multiplicity of almost complete intersections. *Manus. Math.* **72**(1991), 275-296.
34. (with W. Bruns and A. Simis) Blow-ups of straightening closed ideals in ordinal Hodge algebras. *Trans. Amer. Math. Soc.* **326**(1991), 509-518.
35. (with M. Herrmann and J. Ribbe) Rees algebras of non-singular equimultiple prime ideals. *Nagoya Math. J.* **124**(1991), 1-12.
36. (with J. Herzog) Gröbner bases and multiplicity of determinantal and Pfaffian ideals. *Advances in Math.* **96**(1992), 1-37.
37. (with J. Herzog and B. Ulrich) On the multiplicity of Rees algebras and associated graded rings of d-sequences. *J. Pure Appl. Algebra* **80**(1992), 273-297.
38. (with D. Q. Viet) On the Cohen-Macaulay and Gorenstein property of Rees algebras of non-singular equimultiple prime ideals. *Manus. Math.* **76**(1992), 147-167.
39. (with M. Herrmann) Examples of Buchsbaum quasi-Gorenstein rings. *Proc. Amer. Math. Soc.* **117**(1993), 619-625.



40. Filter-regular sequences and multiplicity of blow-up rings of ideals of the principal class. *J. Math. Kyoto Univ.* **33**(1993), 665-683.
41. (with M. V. Catalisano and G. Valla) A sharp bound for the regularity index of fat points in general position. *Proc. Amer. Math. Soc.* (1993), 717-724.
42. (with J. Herzog and G. Valla) Hyperplane sections of reduced irreducible varieties of low codimension. *J. Math. Kyoto Univ.* **34**(1994), 47-72.
43. An algebraic approach to the regularity index of fat points in  $\mathbb{P}^n$ . *Kodai Math. J.* **17**(1994), 382-389.
44. Reduction number,  $a$ -invariant, and Rees algebras of ideals having small analytic deviation, In: *Commutative Algebra (ICTP, Trieste 1992)*, World Scientific, 1994, 245-262.
45. *Commutative Algebra (ICTP, Trieste 1992)*. Eds.: A. Simis, N. V. Trung and G. Valla, World Scientific, 1994.
46. (with D. Q. Viet and S. Zarzuela) When is the Rees algebra Gorenstein?. *J. Algebra* **175**(1995), 137-156.
47. (with E. Hyry, M. Herrmann and J. Ribbe) On multi-Rees algebras. *Math. Ann.* **301**(1995), 249-279.
48. (with G. Valla) On zero-dimensional subschemes of complete intersections. *Math. Z.* **219**(1995), 187-201.
49. (with B. Sturmfels and W. Vogel) Bounds on degrees of projective schemes. *Math. Ann.* **302**(1995), 417-432.
50. (with G. Valla) Upper bounds for the regularity index of fat points with uniform position property. *J. Algebra* **176**(1995), 182-209.
51. (with J. Aberbach and C. Huneke) Reduction numbers, Briancon-Skoda theorem and the depth of Rees rings. *Compositio Math.* **97**(1995), 403-434.
52. On the lifting of determinantal ideals. *Manuscripta Math.* **91**(1996), 467-481.
53. (with W. Bruns and J. Gubeladze) Normal polytopes, triangulations and Koszul algebras. *J. Reine Angew. Math.* **485** (1997), 123-160.
54. (with A. Conca, J. Herzog and G. Valla) Diagonal subalgebras and embeddings of blow-ups of projective spaces. *Amer. J. Math.* **119**(1997), 859-901.
55. (with A. Simis and G. Valla) The diagonal subalgebras of a blow-up ring. *J. Pure Appl. Algebra* **125**(1998), 305-328.
56. The Castelnuovo regularity of the Rees algebra and the associated graded ring. *Trans. Amer. Math. Soc.* **350** (7)(1998), 2813-2832.
57. (with L. T. Hoa) On the Castelnuovo-Mumford regularity and the arithmetic degree of monomial ideals. *Math. Z.* **229**(1998), 519-537.
58. (with D. V. Nhi) Specialization of modules. *Comm. Algebra* **27**(6)(1999), 2959-2978.

59. (with J. Herzog and D. Cutkosky) Asymptotic behaviour of Castelnuovo-Mumford regularity. *Compositio Math.* **118**(1999), N<sup>o</sup>3, 243-261.
60. The largest non-vanishing degree of graded local cohomology modules. *J. Algebra* **215**(1999), 481-499.
61. Diagonal subalgebras and blow-ups of projective spaces. *Vietnam J. Math.* **28:1**(2000), 1-15.
62. Wolfgang Vogel and commutative algebra in Vietnam. *Comm. Algebra algebraic geometry, and computational methods (Hanoi, 1996)*, 35-38, Springer, Singapore, 1999.
63. Castelnuovo-Mumford regularity and analytic deviation of ideals. *J. London Math. Soc. (2)* **62**(2000), N<sup>o</sup>1, 41-55.
64. (with D. V. Nhi) Specialization of modules over a local ring. Commutative algebra, homological algebra and representation theory (Catania/Genoa/Rome, 1998). *J. Pure Appl. Algebra* **152**(2000), N<sup>o</sup>1-3, 275-288.
65. Groebner bases, local cohomology and reduction number. *Proc. Amer. Math. Soc.* **129**(2001), N<sup>o</sup>1, 9-18.
66. Positivity of mixed multiplicities. *Math. Ann.* **319**(2001), N<sup>o</sup>1, 33-63.
67. (with A. Conca and G. Valla) Koszul property for points in projective spaces. *Math. Scand.* **89**(2001), N<sup>o</sup>2, 201-216.
68. *Lectures on Linear Algebra (in Vietnamese) - Giáo trình Đại số tuyến tính.* NXB ĐHQG Hà Nội, 2001, 272 trang.
69. (with W. Bruns and J. Gubeladze) Problems and algorithms for affine semigroups. *Semigroup Forum* **64**(2002), N<sup>o</sup>2, 180-212.
70. Evaluations of initial ideals and Castelnuovo-Mumford regularity. *Proc. Amer. Math. Soc.* **130**(2002), N<sup>o</sup>5, 1265-1274 (electronic).
71. (with J. Herzog and L. T. Hoa) Asymptotic linear bounds for the Castelnuovo-Mumford regularity. *Trans. Amer. Math. Soc.* **354**(2002), N<sup>o</sup>5, 1793-1809 (electronic).
72. (with J. Herzog and D. Popescu) Regularity of Rees algebras. *J. London Math. Soc. (2)* **65**(2002), N<sup>o</sup>2, 320-338.
73. (with M. E. Rosi and G. Valla) Castelnuovo-Mumford regularity and extended degree. *Trans. Amer. Math. Soc.* **355**(2003), N<sup>o</sup>5, 1773-1786 (electronic).
74. Constructive characterization of the reduction numbers. *Compositio Math.* **137**(2003), N<sup>o</sup>1, 99-113.
75. (with N. D. Hoang) Hilbert polynomials of non-standard bigraded algebras. *Math. Z.* **245**(2003), N<sup>o</sup>2, 309-334.
76. (with L. T. Hoa) Borel-fixed ideals and reduction number. *J. Algebra* **270**(2003), N<sup>o</sup>1, 335-346.

77. (with C. Huneke) On the core of ideals. *Compos. Math.* **141**(2005), N<sup>o</sup>1, 1-18.

### Hoang Duong Tuan\*

1. On the continuous dependence upon parameter of solutions to differential inclusions in Banach space with closed right-hand-side. *Ukrain. Math. J.* **43**(1991), 562-565 (in Russian).
2. On the continuous dependence on parameter of the solution set of differential inclusions. *Z. Anal. Anwend.* **11**(1992), 215-220.
3. Theorem of averaging for differential inclusions in Banach space with fast and slow variables. *Differ. Uravn.* **28**(1992), 360-363 (in Russian).
4. On reachable set of singularly perturbed differential inclusions and optimal control problems. *Optimization* **26**(1992), 325-338.
5. On the controllability of a class of nonlinear and singularly perturbed systems. *Kybernetika* **108**(1992), N<sup>o</sup>4, 61-66 (in Russian).
6. Local controllability problems for implicit discrete inclusions with state constraints, In: *Proceedings of 32-nd IEEE Conference on Control and Decision*, San Antonio, Texas, 1993, 3517-3518.
7. Stability in local controllability problems for discrete inclusions. *Optimization* **29**(1994), 157-172.
8. Some controllability results for discrete systems with nonconvex state constraints, In: *Proceedings of 1-st Asian Control Conference*, Tokyo, 3(1994), 145-148.
9. Contingent and intermediate tangent cones in hyperbolic differential inclusions and necessary optimality conditions. *J. Math. Anal. Appl.* **185**(1994), 86-106.
10. On local controllability of hyperbolic inclusions. *J. Math. Systems Estimation and Control*, **4**(1994), 319-339.
11. On controllability of convex differential inclusions in Banach space. *Optimization* **30**(1994), 151-162.
12. On controllability and extremality in nonconvex differential inclusions. *J. Optim. Theory Appl.* **85**(1995), 435-472.
13. (with Y. Ishizuka) On controllability and maximum principle for discrete inclusions. *Optimization* **34**(1995), 293-316.
14. (1995) On linearization techniques for controllability problems of nonconvex differential inclusions, In: *Nonlinear Control Systems Design* (D. Q. Mayne and A. Krener, eds.), Elsevier, 1995, 572-577.
15. (with E. Ono, S. Hosoe and Y. Hayashi) Nonlinear H<sup>∞</sup> control of active suspension. *Vehicle Systems Dynamics Supplement* **25**(1996), 489-501.

16. (with S. Hosoe) On linearization technique in robust nonlinear  $H_\infty$  control. *Systems Control Lett.* **26**(1996), 21-27.
17. (with Y. Ishizuka) Directionally differentiable multi-objective optimization involving discrete inclusions. *J. Optim. Theory Appl.* **88**(1996), 585-616.
18. On solution sets of nonconvex Darboux problems and applications to optimal control with endpoint constraints. *J. Austral. Math. Soc. Ser. B* **37**(1996), 354-391.
19. (with B. M. Glover, Y. Ishizuka and V. Jeyakumar) Complete characterizations of global optimality for problems involving the pointwise minimum of sublinear functions. *SIAM J. Optim.* **6**(1996), 362-372.
20. (with S. Hosoe) Some comments on consistency of quadratic forms. *IEEE Trans. Automat. Control* **41**(1996), 1215-1216.
21. (with S. Hosoe) A new design method for regulator problem for singularly perturbed systems with constrained control, *IEEE Trans. Automat. Control* **42**(1997), 260-264.
22. (with S. Hosoe) On state space approach in robust control for singularly perturbed systems. *Internat. J. Control* **66**(1997), 435-462.
23. (with S. Hosoe) On robust and  $H_\infty$  controls for a class of linear and bilinear systems with uncertainty. *Nonlinear Control Systems Design 1995*, (D. Q. Mayne and A. Krener, eds.), Elsevier, 1995, 268-273; Also *Automatica*, **33**(1997), 1373-1377.
24. (with S. Hosoe and H. Tuy) New global optimization algorithms for solving the robust performance problem of robust controls. In: *Proceedings of 2-nd Asian Control Conference* **1**(1997), 350-353.
25. Can linear programming be used to test global optimization algorithms?. *Computing* **59**(1997), 91-93.
26. (with S. Hosoe) Robustness of linear and nonlinear  $H_\infty$  controls in unified framework. In: *Proceedings of 36-th IEEE Conference on Control and Decision*, IEEE press, (1997), 2325-2330.
27. (with E. Ono, S. Hosoe and S. Doi) Bifurcation in vehicle dynamics and robust front wheel steering control. In: *Proceedings of 35-th IEEE Conference on Control and Decision*, IEEE press, 1777-1782. Also *IEEE Transactions on Control Systems Technology*, **6**(1998), 412-420.
28. (with S. Hosoe) On robust  $H_\infty$  control for nonlinear discrete and sampled-data systems. *IEEE Trans. Automat. Control* **43**(1998), 715-718.
29. (with P. Apkarian) Relaxation of parameterized LMIs with control applications, In: *Proc. of 37th IEEE Conference on Control and*

- Decision*, 1998, 1747-1752; Also in *International J. of Nonlinear Robust Controls*, 9(1999), 59-84.
30. (with S. Hosoe) On linear robust  $H^\infty$  controls for a class of nonlinear singularly perturbed systems. *Automatica* 35(1999), 735-739.
  31. (with P. Apkarian) Concave programming in control theory. *J. Global Optim.* 15(1999), 343-370.
  32. (with P. Apkarian, S. Hosoe and H. Tuy) D.C. optimization approach to robust controls: the feasibility problems, *Internat. J. Control* 73(2000), 89-104.
  33. (with P. Apkarian) Robust control via concave optimization: local and global algorithms, In: *Proc. of 37th IEEE Conference on Decision and Control*, 1998, 3855-3860; Also to appear in *IEEE Trans. Automat Control* 45 (May, 2000).
  34. (with S. Hosoe and H. Tuy) D.C. optimization approach to robust controls: the optimal scaling value problem. In: *Proceedings of 1997 American Control Conference*, 1996, 350-355; Also to appear in *IEEE Trans. Automat. Control* 45(June, 2000).
  35. (with P. Apkarian) (1997) Parameterized LMIs in control theory, In: *Proc. of 37th IEEE Conference on Decision and Control*, 1998, 152-157; Also to appear in *SIAM J. Control and Optimization*.
  36. (with P. Apkarian and Y. Nakashima) A new Lagrangian dual global optimization algorithm for solving bilinear matrix inequalities. In: *Proc. of 1999 American Control Conference*, 1999, 1851-1855; Also to appear in *International J. of Nonlinear Robust Controls*.
  37. (with E. Ono, P. Apkarian and S. Hosoe) Nonlinear  $H^\infty$  control for an integrated suspension system via parameterized linear matrix inequality characterizations. In: *Proc. of 1999 American Control Conference*, 1998, 3173-3177; Also to appear in *IEEE Trans. Control System Technology*.
  38. (with P. Apkarian and H. Tuy) Advanced global optimization algorithms for solving PLMIs. In: *Proc. of 38th IEEE Conference on Decision and Control*, 1999, 310-315.
  39. (with P. Apkarian) A sequential SDP Gauss/Newton algorithms for rank-constrained LMI problems, In: *Proc. of 38th IEEE Conference on Decision and Control*, 1999, 2328-2334.
  40. (with P. Apkarian and M. James) Parameterized LMIs for nonlinear discrete  $H^\infty$  control, In: *Proc. of 38th IEEE Conference on Decision and Control*, 1999, 3017-3021.
  41. (with P. Apkarian) Low nonconvex rank bilinear matrix inequalities: algorithms and applications, In: *Proc. of 38th IEEE Conference on Decision and Control*, 1999, 1001-1006; Also to appear in *IEEE Trans. Automat. Control*.

### Nguyen Duc Tuan

1. S-selfdecomposable probability measures on locally convex topological vector spaces. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **38**(1990), 105-111.
2. Operator S-selfdecomposable probability measures on Banach spaces. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **38**(1990), 113-119.
3. Multiply S-selfdecomposable measures in generalized convolution algebras. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **38**(1990), 121-125.
4. On the representation of completely S-selfdecomposable measures in generalized convolution algebras. *Bull. Polish Acad. Sci. Math.* **38**(1990), 127-133.

### Tran Manh Tuan\*

1. Balking in the queuing system GI/M/m. *Tập san toán lý* **4**(1965), N°2, 60-63 (in Vietnamese).
2. (with P. T. An and N. D. Tu) Theory of queue. *Tập san Toán lý* **4**(1965), N°2, 16-22 (in Vietnamese).
3. On a problem of statistical quality control. *Tập san Toán lý* **7**(1968), N°1-2, 77-81 (in Vietnamese).
4. Theory of sample choice. *Tập san Xác suất và Thống kê ứng dụng* 1971, N°1, 177-206 (in Vietnamese).
5. Theory of regression and applications. *Tập san Xác suất và Thống kê ứng dụng* 1972, N°2, 145-198 (in Vietnamese).
6. Chemistry product: Taking and preparing samples. *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1694-75*, 1975 (in Vietnamese).
7. The use of computers in application of statistical methods in Vietnam. In: *Proc. of the Inter. Conference on the application of mathematical methods and computational techniques*, Hanoi, 1979, 296-302 (in Vietnamese).
8. On some programs of mathematical statistics. *Thông báo Khoa học*, Viện khoa học Việt Nam, 1981, N°1, 8-11 (in Vietnamese).
9. *Some Problems on the Use of Computers in the Research on Applying Mathematical Statistics in Vietnam*. Ph.D. Thesis, Institute of Mathematics, Hanoi, 1981 (in Vietnamese).
10. Some remarks on IMSL. *Thông báo Khoa học*, Viện khoa học Việt Nam, 1985, N°1, 3-6 (in Vietnamese).
11. (with V. N. Cu and N. V. Thieu) *Collection of Computer Programs with Application in Transport* (in Vietnamese). NXB Giao thông vận tải Hanoi, 1987, 192 trang
12. The rule of estimating the uncertainty of observation results. *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4548-88*, 1988 (in Vietnamese).

13. The teaching of statistics in Vietnam. In: *The Training of Statisticians Round the World* (R.M. Lyones, ed.), 1988, Chap. 11.
14. Dispersion analysis. *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4551-88*, 1988 (in Vietnamese).
15. *The Document Processing System Lotus Manuscript* (in Vietnamese). NXB Thống kê Hanoi, 1989, 152 trang.
16. (with P. T. Lam and N. H. Tro) *IMSL Manual, Vol. I: Utilities and Regression Analysis* (in Vietnamese). *Institute of Mathematics*, Hanoi, 1990, 102 trang.
17. (with P. T. Lam and L. N. Chuyen) *IMSL Manual, Vol. II: Linear Algebra* (in Vietnamese). *Institute of Mathematics*, Hanoi, 1990, 196 trang.
18. (with N. Lam and V. D. Man) *Dictionary of English-French-Vietnamese Informatics Terms*. NXB Quân đội Nhân dân Hanoi, 1991, 149 trang.
19. *The Document Processing System TEX* (in Vietnamese). Viện Khoa học Việt Nam và LICOSA Hanoi, 1992, 256 trang.
20. La relance de la recherche au Vietnam. In: *Assises francophones de la recherche*, Editions AUPEL-UREF, Montréal, 1994, pp. 129-131.
21. (with T.T. Minh) Web-based Statistical Software. *Proceedings of the international conference on Probability and Statistics and their Applications*, Institute of Mathematics, Hanoi, 2000, 223-229.
22. Statistical Software: Present Situation and Future Development. *Proceedings of the second national conference on probability and statistics*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002, 205-218 (in Vietnamese).
23. *Probability and Statistics: theory and computational practice (in Vietnamese) – Xác suất và Thống kê*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, 250 trang.

#### Vu Kim Tuan\*

1. (with O. I. Marichev) Some properties of the q-gamma function  $\Gamma_q(z)$ . *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **26**(1982), 488-491 (in Russian).
2. (with A. A. Kilbas) A multidimensional analogue of Abel's integral equation. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **26**(1982), 879-881 (in Russian).
3. (with Kh. A. Chikhanov) The third differential equation for certain Kummer series. *Izv. Vyssh. Uchebn. Zaved. Mat.* **12**(1982), 79-80; English transl. in *Sov. Math.* **26**(1982), p. 94.
4. Volterra integral equations containing the functions  $F_2$  and  $G_2$  in the kernel. *Dokl. Akad. Nauk Armyan SSR* **77**(1983), 201-204 (in Russian).

5. Dimension of the manifolds of solutions of a system of partial differential equations. *Izv. Vyssh. Uchebn. Zaved. Mat.* **10**(1983), 18-21; English transl. In *Sov. Math.* **27**(1983), 22-27.
6. (with O. I. Marichev) The definition of a general G-function of two variables, its special cases and differential equations. *Differ. Uravn.* **19**(1983), 1797-1799 (in Russian).
7. (with O. I. Marichev) The problems of definitions and symbols of G- and H-functions of several variables. *Rev. Tecn. Fac. Ingr. Univ. Zulia, Edicion Especial* **6**(1983), 144-151.
8. The best parallel factorization in a problem of exchange of information. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **27**(1983), 399-401 (in Russian).
9. On the number of solutions of a system of partial differential equations. *Differ. Uravn.* **20**(1984), 1989-1992.
10. A two-dimensional Volterra integral equation with a difference kernel containing a Horn function. In: *Complex Analysis and Applications '83*, Varna, 1983, 314-321 (in Russian).
11. Integral transformations of Fourier type in a new class of functions. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **29**(1985), 584-587 (in Russian).
12. On n-ary integral equations. *Ukrain. Mat. Zh.* **37**(1985), 430-437; English transl. *Ukrain. Math. J.* **37**(1985), 340-346.
13. (with S. B. Yakubovich) The Kontorovich-Lebedev integral transformation in a new class of functions. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **29**(1985), 11-14; English transl. *Amer. Math. Soc. Transl.* **137**(1987), 61-65.
14. (with O. I. Marichev) Some Volterra equations with the Appell function  $F_1$  in the kernel. In: *Scientific Works of the Jubilee Seminar on Boundary Value Questions*, Minsk, 1985, 167-172 (in Russian).
15. (with O. I. Marichev) Composition structure of some integral transformations of convolution type. *Reports of the Extended Sessions of a Seminar of the I.N. Vekua Inst. of Appl. Math.* **1**(1985), 139-142 (in Russian).
16. *Some Problems of the Theory and Applications of Functions of Hypergeometric Type*. Ph. D. Thesis, Belorussian State University, Minsk, 1985, 118 p. (in Russian).
17. On the factorization of integral transformations of convolution type in the space  $L^{\Phi}_2$ . *Dokl. Akad. Nauk Armyan SSR* **83**(1986), 7-10 (in Russian).
18. On the theory of generalized integral transforms in a certain function space. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **286**(1986), 521-524; English transl. in *Soviet Math. Dokl.* **33**(1986), 103-106.
19. On the theory of Volterra integral equations with special functions in the kernels. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **30**(1986), 689-691 (in Russian).



20. A multiplication theorem for generalized hypergeometric functions. *Vestnik Beloruss. Gos. Univ. Ser. I* **2**(1986), 42-44 (in Russian).
21. (with O. I. Marichev and S. B. Yakubovich) Composition structure of integral transformations. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **286**(1986), 786-790; English transl. *Soviet Math. Dokl.* **33**(1986), 166-170.
22. (with D. H. Anh) The generalized hypergeometric functions  ${}_3F_2$  with special values of the argument and parameters. *Vestnik Beloruss. Gos. Univ. Ser. I* **1**(1986), 53-56 (in Russian).
23. (with O. I. Marichev and V. S. Adamchik) Solutions of a generalized hypergeometric differential equation. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **30**(1986), 876-878 (in Russian).
24. (with S. B. Yakubovich) On the Kontorovich-Lebedev transform. In: *Equations of Nonclassical Type*, Collect. Sci. Works, Novosibirsk, 1986, 194-197 (in Russian).
25. Generalized integral transformations of convolution type in some space of functions. In: *Complex Analysis and Applications '85*, Varna, 1985, 720-735.
26. (with O. I. Marichev) The factorization of G-transform in two spaces of functions. In: *Complex Analysis and Applications '85*, Varna, 1985, 418-433.
27. Application of representation of groups to the calculation of some multiple integrals that contain the Tricomi function. *Vestsi Akad. Navuk BSSR Ser. Fiz. Mat. Navuk* **3**(1987), 36-40 (in Russian).
28. (with G. V. Grinkevich) Solvability of a certain class of two-dimensional integral equations of Abel type. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **31**(1987), 589-592 (in Russian).
29. (with S. L. Kalla) Some transformations and integral representations of Horn's functions. *Rev. Tecn. Fac. Ingr. Univ. Zulia, Edicion Especial* **10**(1987), 81-94.
30. (with S. B. Yakubovich, O. I. Marichev and S. L. Kalla) A class of index integral transforms. *Rev. Tecn. Fac. Ingr. Univ. Zulia, Edicion Especial* **10**(1987), 105-118.
31. (with O. I. Marichev) Fractional integrals and derivatives as integral transforms. In: *Fractional Integrals and Derivatives. Theory and Applications*, Nauka i Teknika, Minsk, 1987, 511-529; Translated by Gordon and Breach, 1993, 703-730.
32. *Integral Transforms and Their Composition Structure*. Dr. Sc. Thesis, Belorussian State University, Minsk, 1987, 275 p. (in Russian).
33. New classes of integral transforms with respect to an index. *Dokl. Akad. Nauk SSSR*, **299**(1988), 30-35; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **37**(1988), 317-321.

34. Some integral transforms of Fourier convolution type. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **300**(1988), 521-525; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **37**(1988), 669-673.
35. (with S. B. Yakubovich) Kontorovich-Lebedev transformation of functions that admit exponential growth. *Mat. Fiz. Nelinein. Mekh.* **9**(1988), 6-9 (in Russian).
36. Some integral transformations with a Macdonald function in the kernel. In: *Current Analysis and Its Applications*, Naukova Dumka, Kiev, 1989, 16-22 (in Russian).
37. Some integral transformations with the Macdonald function  $K_\nu(z)$  in the kernels. *Ukrain. Mat. Zh.* **42**(1990), 990-993; English transl.: *Ukrain. Math. J.* **42**(1990), 880-883.
38. Modified Laplace transforms and a multidimensional H-transform. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **313**(1990), 1299-1302; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **42**(1991), 150-153.
39. (with H.-J. Glaeske) Mapping properties and composition structure of convolution transforms. *Ser. Bulgar. Mat. Publ.* **16**(1990), 143-150.
40. (with N. T. Hai) On a class of Watson multidimensional integral transforms. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **317**(1991), 797-800; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **43**(1991), 508-510.
41. (with H.-J. Glaeske) Mapping properties and composition structure of a class of intergral transforms. In: *Boundary Value and Initial Value Problems in Complex Analysis: Studies in Complex Analysis and Its Applications to Partial Differential Equations I*, Halle, 1988, 209-220.
42. (with H.-J. Glaeske) Mapping properties and composition structure of multidimensional integral transforms. *Math. Nachr.* **152**(1991), 179-190.
43. (with M. Saigo) Some integral representations of multivariable hypergeometric functions. *Rend. Circ. Mat. Palermo (2)* **41**(1992), 69-80.
44. (with R. G. Buschman) Integral representations of generalized Lauricella hypergeometric functions. *Int. J. Math. Math. Sci.* **15**(1992), 653-658.
45. (with S.B. Yakubovich) A criterion for the unitarity of a two-sided integral transformation. *Ukrain. Math. Zh.* **44**(1992), 697-699.
46. (with Yu. A. Brychkov, M. J. Glaeske and A. P. Prudnhikov) *Multidimensional Integral Transformations*. Gordon and Breach, New York, 1992, 386 p.
47. (with M. Saigo) Multidimensional modified fractional calculus operators. *Math. Nachr.* **161**(1993), 253-270.
48. (with E. R. Love)  $L^p$ -continuity of Riesz potentials. *Integral Transform. Spec. Funct.* **1**(1993), 27-31.
49. (with D. T. Duc) On a class of multidimensional Watson integral transforms. *Integral Transform. Spec. Funct.* **1**(1993), 301-312. (with R.

6. Graphs and transportation problems. *Sibirskii Mat. Z* **4:2**(1963), 426-446 (in Russian).
7. Sur quelques propriétés des réseaux et leurs applications. *Bull. Acad. Polon. Sci. Ser. Sci. Math. Astronom. Phys*, **12**(1964), 415-418.
8. Sur une classe de programmes nonlinéaires. *Bull. Acad. Polon. Sci., Ser. Sci. Math. Astronom. Phys* **12**(1964), 213-215.
9. Concave programming under linear constraints. *Soviet Math.* **5**(1964), 1437-1440.
10. (with N. Q. Thai) A new method for solving the assignment problem. *Ekonomika i Mat. Metody* **3:6**(1967), 903-908 (in Russian).
11. Some theorems on network flows. In: *Proceedings, Tihany Symposium on Theory of Graphs* (1966), 173-184.
12. Sur le problème des contraintes supplémentaires en programmation linéaire et son application au problème de décomposition. *Elektron. Informationsverarbeitung. Kybernetik* **3**(1967), 141-156.
13. (with N. Q. Thai) On two assignment problems. *Ekonomika i Mat. Metody. Sbornik* 1968, 1-20 (in Russian).
14. On linear inequalities. *Dok. Akad. Nauk SSSR* **179:2**(1968), 293-296 (in Russian).
15. *Lý thuyết qui hoạch*. NXB Khoa học, 1968 (in Vietnamese).
16. *Giải tích hiện đại*. NXB Giáo dục, in lần thứ nhất 1968, lần hai 1974, lần ba 1978 (in Vietnamese).
17. Sur les fonctions presque affines. *Colloquium Math.* **22:2**(1971), 301-309.
18. On a class of minimax problems. *Kibernetika* **2**(1971), 115-118 (in Russian).
19. A note on quasilinear functions. *Math. Z.* **9:4**(1971), 435-440 (in Russian).
20. Convex inequalities and the Hahn-Banach Theorem. *Diss. Math.* **XCVII**, 1972.
21. The Farkas-Minkowski Theorem and extremum problems, In: *Math. Models Economics*, (J. Los and M. W. Los, eds.) (1974), 379-400.
22. On an axiomatics for extremum problems and first order necessary conditions. *Dok. Akad. Nauk SSSR* **216:6**(1974), 1233-1236 (in Russian).
23. On a general minimax theorem. *Dok. Akad. Nauk SSSR* **219:4**(1974), 818-822 (in Russian).
24. On necessary conditions for optimality. In: *Progress in Operations Research, Colloquia Mathematica Societatis Bolyai*, **12**(1974), 1233-1236.
25. On the convex approximation of nonlinear inequalities, *Math. Oper. Stati.* **5**(1974), 451-466.

26. On the general minimax theorem, *Colloquium Math.* **33**(1975), 145-158.
27. On the foundation of the maximum principle, *Acta Math. Vietnam.* **1:1**(1976), 104-126.
28. On the equivalence between Walras' excess demand theorem and Brouwer's fixed point theorem, In: *Computing Equilibria: How and Why ?*, (J. Los and M. W. Los, North-Holland eds.), (1976), 61-64.
29. Fixed points, fair sharing and mathematical programming, In: *Survey of Mathematical Programming*, Proceedings, IX International Symposium on Math. Programming, Budapest, **2**(1976), 83-97.
30. Stability property of a system of inequalities, *Math. Oper. Stati. Ser. Optim.* **8**(1977), 27-39.
31. Critical mappings and extremum problems. *Mat. Metody Peshenya Ekonom. Zadachi, Sbornik* **7**(1977), 69-84 (in Russian).
32. (with N. V. Thoai and L. D. Muu) Un nouvel algorithme de point fixe. *C. R. Acad. Sci. Paris* **286**(1978), Ser. A, 783-785.
33. (with Pham Canh Duong), Stability, surjectivity and local invertibility of non differentiable mappings. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), 89-105.
34. (with N. V. Thoai and L. D. Muu) A modification of Scarf's algorithm allowing restarting, *Math. Oper. Stati. Ser. Optim.* **9**(1978), 357-372.
35. Pivotal methods for computing equilibrium points: unified approach and new restart algorithm. *Math. Programming* **16**(1979), 210-227.
36. Combinatorial method for solving nonlinear equations in finite-dimensional and infinite-dimensional spaces. *Acta Math. Vietnam.* **4**(1979), 110-135.
37. Three improved versions of Scarf's method using conventional subsimplices and allowing restart and continuation procedures. *Math. Oper. Stati. Ser. Optim.* **11**(1980), 347-365.
38. Solving equations  $0 < f(x)$  under general boundary conditions. In: *Numerical Solution of Highly Nonlinear Problems*, (W. Forster ed.), North-Holland, (1980), 271-296.
39. (with N. V. Thoai) Convergent algorithms for minimizing a concave function. *Math. Oper. Research* **5**(1980), 556-566.
40. (with N.V. Thoai) Solving the linear complementarity problem via concave programming. In: *Methods of Operations Research*, (R.E. Burkard and T. Ellinger eds.), 1980, 175-178.
41. On variable dimension algorithms and algorithms using primitive sets. *Math. Oper. Stati. Ser. Optim.* **12**(1981), 361-381.
42. A fixed point theorem involving a hybrid inwardness-contraction condition. *Math. Nachr.* **102**(1981), 271-275.
43. Conical algorithm for solving a class of complementarity problems, *Acta Math. Vietnam.* **6:1**(1981), 3-17.

44. (with N. Q. Thai) Minimizing a concave function over a compact convex set. In: *Proceedings, Conference on Optimization, Vittel/Hiddensee*, May 1981, 15-20.
45. (with N. V. Thoai) Solving the linear complementarity through concave programming, *USSR Comput. Math. Math. Phys.* **23**(1983), 602-608.
46. On outer approximation methods for solving concave minimization problems, *Acta Math. Vietnam.* **8:2**(1983), 3-34.
47. Global minimization of a difference of two convex functions. In: *Lecture Notes in Economics and Mathematical Systems*, Springer-Verlag, **226**(1984), 98-118.
48. Concave minimization under linear constraints with a special structure. *Optimization* **16**(1985), 335-352.
49. (with T. V. Thieu and N. Q. Thai), A conical algorithm for globally minimizing a concave function over a closed convex set. *Math. Oper. Research* **10**(1985), 498-514.
50. (with N. V. Thuong) Minimizing a convex function over the complement of a convex set. In: *Proceedings, IX Symposium on Operations Research, Osnabruck, Methods of Operations Research*, **49**(1985), 85-99.
51. (with N. V. Thuong) A finite algorithm for solving linear programs with an additional reverse convex constraint. In: *Nondifferentiable Optimization: Motivations and Applications*, (V.F. Demyanov and D. Pallaschke eds.), *Lecture Notes in Economics and Math. Systems*, **225**(1985), Springer-Verlag, 291-302.
52. A general deterministic approach to global optimization via d.c. programming. In: *Fermat Days 1985: Mathematics for Optimization*, (J.B. Hiriart-Urruty ed.), North-Holland, Amsterdam, (1986), 137-162.
53. Global Minimization of a Difference of Two Convex Functions. *Math. Programming Study* **30**(1987), 150-182.
54. A note on the out-of-kilter algorithm for solving the minimum-cost flow problem. *Industrial Engineering J.* **16:4**(1987), 20-37.
55. Convex Programs with an Additional Reverse Convex Constraint. *J. Optim. Theory Appl.* **52**(1987), 463-486.
56. (with V. Khachaturov and S. Utkin) A Class of Exhaustive Cone Splitting Procedures in Conical Algorithms for Concave Minimization. *Optimization* **18**(1987), 791-807.
57. (with P. T. Thach) Global optimization under Lipschitzian constraints. *Japan J. Appl. Math.* **4**(1987), 205-217.
58. (with R. Horst) On the convergence of global methods in multiextremal optimization. *J. Optim. Theory Appl.* **54**(1987), 253-271.
59. (with R. Horst and N. V. Thoai) Outer approximation by polyhedral convex sets. *Oper. Research Spectrum*, **9**(1987), 153-159.

60. An implicit space covering method with applications to fixed point and global optimization problems. *Acta Math. Vietnam.* **12:2**(1987), 162-170.
61. (with P. T. Thach) A parametric approach to a class of nonconvex global optimization problems. *Optimization* **19**(1987), 3-11.
62. (with N. V. Thuong) On the Global Minimization of a Convex Function Under General Nonconvex Constraints. *Appl. Math. Optim.* **18**(1988), 119-142.
63. (with R. Horst) Convergence and restart in branch and bound algorithms for global optimization. Application to concave minimization and d.c. optimization problems. *Math. Programming* **42**(1988), 161-184.
64. (with S. Utkin and V. Khachaturov) A new exhaustive procedure for concave minimization, *USSR Comput. Math. Math. Phys.* **7**(1988), 992-999 (in Russian).
65. (with R. Horst and N. V. Thoai) On an outer approximation concept in global optimization. *Optimization* **20**(1989), 255-264.
66. (with P. T. Thach) The relief indicator method for constrained global optimization. *Naval Research Logistics* **37**(1990), 473-497.
67. (with P.T. Thach) The Relief Indicator Method as a New Approach to Constrained Global Optimization. In: *System Modelling and Optimization, Proceedings 14th IFIP Conference, Leipzig, Lecture Notes in Control Information Sciences* **143**(1990), 219-233.
68. On polyhedral annexation method for concave minimization. In: *Functional Analysis, Optimization and Mathematical Economics*, (Lev J. Leifman and J.B. Rosen eds.), Oxford University Press, (1990) 248-260.
69. (with R. Horst) *Global Optimization (Deterministic Approaches)*. 1st edition 1990, 2nd edition 1993, Springer-Verlag, Berlin New York.
70. Normal conical algorithm for concave minimization over polytopes. *Math. Programming* **51**(1991), 229-245.
71. (with R. Horst) The Geometric Complementarity Problem and Transcending Stationarity Problem in Global Optimization. *DIMACS Series in Discrete Mathematics and Computer Science, Applied Geometry and Discrete Mathematics, The Victor Klee Festschrift* **4**(1991), 341-353.
72. Computing fixed points by global optimization methods. In: *Fixed Point Theory and Applications*, (MA Thera and Baillon eds.), Longman Scientific and Technical, (1991) 231-244.
73. Effect of the Subdivision Strategy on Convergence and Efficiency of Some Global Optimization Algorithms. *J. Global Optim.* **1**(1991), 23-36.
74. Polyhedral Annexation, Dualization and Dimension Reduction Technique in Global Optimization. *J. Global Optim.* **1**(1991), 229-244.
75. The Complementary Convex Structure in Global Optimization. *J. Global Optim.* **2**(1992), 21-40.

76. On Nonconvex Optimization Problems with Separated Nonconvex Variables. *J. Global Optim.* **2**(1992), 133-144.
77. (with B. T. Tam) An efficient solution method for rank two quasiconcave minimization problems. *Optimization* **24**(1992), 43-56.
78. (with F. A. Al-Khayyal) A class of global optimization problems solvable by sequential unconstrained convex minimization. In: *Recent Advances in Global Optimization*, (C. A. Floudas and P. M. Pardalos eds.), Princeton University Press, (1992), 141-151.
79. (with F. A. Al-Khayyal) Global Optimization of a Nonconvex Single Facility Location Problem by Sequential Unconstrained Convex Minimization. *J. Global Optim.* **2**(1992), 61-71.
80. (with S. Ghannadan, A. Migdalas and P. Värbrand) Strongly Polynomial Algorithm for a Production-Transportation Problem with Concave Production Cost. *Optimization* **27**(1992), 205-227.
81. (with P.-C. Chen, P. Hansen and B. Jaumard) Weber's Problem with Attraction and Repulsion. *J. Regional Sci.* **32**(1992), 467-486.
82. (with B. Klinz) Minimum Concave-Cost Network Flow Problems with a Single Nonlinear Arc Cost. In: *Network Optimization Problems*, (P. Pardalos and Dingzhu Du eds.), World Scientific, (1993), 125-143.
83. (with A. Migdalas and P. Värbrand) A Global Optimization Approach for the Linear Two-Level Program. *J. Global Optim.* **3**(1993), 1-23.
84. (with N. D. Dan and S. Ghannadan) Strongly Polynomial Time Algorithm for Certain Concave Minimization Problems on Networks. *Oper. Res. Lett.* **14**(1993), 99-109.
85. (with W. Oettli) On Necessary and Sufficient Conditions for Global Optimization. *Mat. Apl.* **15**(1994), 39-41.
86. (with A. Migdalas and P. Värbrand) A Quasiconcave Minimization Method for Solving Linear Two Level Programs. *J. Global Optim.* **4**(1994), 243-264.
87. (with U. Pferschy) Linear Programs With an Additional Rank Two Reverse Convex Constraint. *J. Global Optim.* **4**(1994), 347-366.
88. (with B. T. Tam and N. D. Dan) Minimizing the sum of a convex function and a specially structured nonconvex function. *Optimization* **28**(1994), 237-248.
89. (with S. Ghannadan, A. Migdalas and P. Värbrand) Heuristics Based on Tabu Search and Lagrangian Relaxation for the Concave Production-Transportation Problem. *Studies in Regional and Urban Planning*, issue **3**(1994), 127-141.
90. *Introduction to Global Optimization*. GERAD, Ecole Polytechnique de Montréal, 1994, (Ph. D. Course).

91. D. C. Optimization: Theory, Methods and Algorithms. In: *Handbook of Global Optimization*, (R. Horst and P. Pardalos eds.), Kluwer Academic Publishers, (1995), 149-216.
92. (with S. Ghannadan, A. Migdalas and P. Värbrand) Strongly Polynomial Algorithm for Two Special Minimum Concave Cost Network Flow Problems. *Optimization* **32**(1995), 23-44.
93. (with S. Ghannadan, A. Migdalas and P. Värbrand) The Minimum Concave Cost Flow Problem with Fixed Numbers of Nonlinear Arc Costs and Sources. *J. Global Optim.* **6**(1995),135-151.
94. (with B. T. Tam) Polyhedral Annexation vs Outer Approximation Methods for Decomposition of Monotonic Quasiconcave Minimization. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), 99-114.
95. Canonical D. C. Programming: Outer Approximation Methods Revisited. *Oper. Res. Lett.* **18**(1995), 99-106.
96. (with Faiz Al-Khayyal and Fangjun Zhou) A D. C. Optimization Method for Single Facility Location Problems. *J. Global Optim.* **7**(1995), 209-227.
97. (with P. Hansen and B. Jaumard) Global Optimization in Location. In: *Facility Location*, (Zvi Dresner, ed.), Springer-Verlag, 1995, 43-68.
98. (with S. Ghannadan, A. Migdalas and P. Värbrand) Strongly Polynomial Algorithm for a Concave Production-Transportation Problem With a Fixed Number of Nonlinear Variables. *Math. Programming*, **72**(1996), 229-258.
99. A General D.C. Approach to Location Problems. *State of the Art in Global Optimization: Computational Methods and Applications*, (C. Floudas and P. Pardalos, ed.), Kluwer 1996, 413-432.
100. (with S. Ghannadan) A new branch and bound method for bilevel linear programs. In: *Multilevel Optimization: Algorithms and Applications*, (P. M. Pardalos, A. Migdalas and P. Värbrand, eds.), Kluwer Academic Publishers, 1997, 231-241.
101. Bilevel linear programming, multiobjective linear programming and monotonic reverse convex programming. In: *Multilevel Optimization: Algorithms and Applications*, (P. M. Pardalos, A. Migdalas and P. Värbrand, eds.), Kluwer Academic Publishers, 1997, 295-304.
102. (with H. Konno and P. T. Thach) *Optimization on low rank nonconvex structures*. Nonconvex Optimization and its Applications, 15. Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, 1997. xii+457 pp.
103. (with P. Hansen, B. Jaumard and C. Meyer) Generalized convex multiplicative programming via quasiconcave minimization. *J. Global Optim.* **10**(1998).



104. (with P.-C. Chen, P. Hansen, B. Jaumard) Solution of the multifacility Weber and conditional Weber problems by D. C. Programming. *Oper. Res.* **46**(1998), 548-562.
105. (with K. Holmberg) A production-transportation problem with stochastic demands and concave production cost. *Math. Programming* **85**(1999), 157-179.
106. Strongly polynomial time solvability of a minimum concave cost network flow problem. *Acta Math. Vietnam.* **24**(1999), 63-71.
107. Normal sets, polyblocks and monotonic optimization. *Vietnam J. Math.* **27:4**(1999), 277--300.
108. Strong polynomial-time solvability of a minimum concave cost network flow problem. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>2, 209-217.
109. On parametric methods in global optimization. In *Parametric optimization and related topics V*, J. Guddat, R. Hirabayasshi, H. Th. Jongen, F. Twilt eds., Peter Lang 2000, 195-212.
110. (with N. D. Nghia) Decomposition algorithm for reverse convex programs. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N<sup>o</sup>1, 43-55.
111. The MCCNF problem with a fixed number of nonlinear arc costs: complexity and approximation. in *Approximation and complexity in numerical optimization: Continuous and Discrete Problems* (P. M. Pardalos, ed.), Kluwer, 2000, 525-544.
112. Strong polynomial-time solvability of a minimum concave cost network flow problem. *Acta Math. Vietnam.* **25**(2000), N<sup>o</sup>2, 209-217.
113. (with L. T. Luc) A new approach to optimization under monotonic constraint. *J. Global Optim.* **18**(2000), N<sup>o</sup>1, 1-15.
114. On some recent advances and applications of D.C. optimization. In *Optimization*, Lecture Notes in Econom. and Math. Systems, **481**(2000), 473-497 (V. H. Nguyen, J. J. Strodiot and P. Tossings, eds.), Springer.
115. Global optimization methods for location and distance geometry problems, in *Progress in optimization II (contributions from Australasia)*(X. Q. Yang, A. I. Mees, M. Fisher and L. Jennings eds.), Kluwer, 2000, 3-20.
116. (with Tuan, H. D.; Apkarian, P. and Hosoe, S.) d.c. optimization approach to robust control: feasibility problems. *Internat. J. Control* **73**(2000), N<sup>o</sup>2, 89-104.
117. (with Tuan, H. D. and Hosoe, S.) D. C optimization approach to robust controls: the optimal scaling value problem. *IEEE Trans. Automat. Control* **45**(2000), N<sup>o</sup>10, 1903-1909.
118. (with Pardalos, Panos M. and Romeijn, H. Edwin) Recent developments and trends in global optimization. *J. Comput. Appl. Math.* **124**(2000), N<sup>o</sup>1-2, 209-228.

119. Monotonic optimization: problems and solution approaches. *SIAM J. Optim.* **11**(2000), N<sup>o</sup>2, 464-494.
120. (with Rubinov, Alexander and Mays, Heather) An algorithm for monotonic global optimization problems. *Optimization* **49**(2001), N<sup>o</sup>3, 205-221.
121. (with Bagirov, A. M. and Rubinov, A. M.) Clustering via d.c. optimization, in *Advances in convex analysis and global optimization*, N. Hadjisavvas and p. m. pardalos eds., Kluwer, 2001, 221-234.
122. Convexity and monotonicity in global optimization. in *Advances in convex analysis and global optimization*, N. Hadjisavvas and p. m. pardalos eds., Kluwer, 2001, 569-594.
123. Cutting Planes in Global Optimization. in *Encyclopedia of Optimization*, eds. C. Floudas and P. Pardalos, Kluwer, I(2001), 366-371.
124. Hierarchical Optimization. in *Encyclopedia of Combinatorial Optimization*, eds. P. Pardalos and M. Resende, Oxford University Press, 2002.
125. (with Bui, Alain and Bui, Marc) A nonconvex optimization problem arising from distributed computing. *Mathematica* **43(66)**(2001), N<sup>o</sup>2, 151-165.
126. Normal branch and bound algorithms for general nonconvex quadratic programming, in *Combinatorial and global optimization*, (P. M. Pardalos, A. Migdalas and R. E. Burkard, eds.), World Scientific Publishing Co., 2002, 333-355.
127. (with Al-Khayyal, Faiz and Zhou, Fangjun) Large-scale single facility continuous location by d.c. optimization. *Optimization* **51**(2002), N<sup>o</sup>2, 271-292.
128. (with N. T. H. Phuong) A unified monotonic approach to generalized linear fractional programming. *J. Global Optim.* **23**(2002), 1-31.
129. (with N. T. H. Phuong) A monotonicity based approach to nonconvex quadratic minimization. *Vietnam J. Math.* **30** (2002), no. 4, 373--393.
130. On global optimality conditions and cutting plane algorithms. *J. Optim. Theory Appl.* **118**(2003), N<sup>o</sup>1, 201-216.
131. (with N. D. Nghia and L. S. Vinh) A discrete location problem. *Acta Math. Vietnam.* **28**(2003), N<sup>o</sup>2, 185-199.
132. (with H. Konno and N. Kawadaï) convex minimization under semidefinite constraints with applications, *Journal of Global Optimization*, **25**(2003), 141-155.
133. (with N. D. Nghia) Reverse polyblock approximation for generalized multiplicative/fractional programming. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>4, 391-402.
134. (with H. D. Tuan, L. H. Nam and T. Q. Nguyen) Multicriterion optimized QMF Bank design. *IEEE Trans. Sign. Proc.* **51**(2003), 2582-2591.

135. *Hàm thực và giải tích hàm*. NXB Đại học Quốc gia, 2003 (in Vietnamese).
136. (with P. T. Thach and Konno, Hiroshi) Optimization of polynomial fractional functions. *J. Global Optim.* **29**(2004), N<sup>o</sup>1, 19-44.
137. Minimax theorems revisited. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), 217-229.
138. Monotonicity in the framework of generalized convexity. *Proceedings 7<sup>th</sup> International Symposium on Generalized Convexity/Monotonicity*, eds., A. Eberhard, N. Hadjisavvas and D. T. Luc, Springer 2005, 61-85.
139. Partly convex and convex-monotonic optimization problems. *Modelling, Simulation and Optimization of Complex Processes*, Proceedings of the International Conference on High Performance Scientific Computing, March 10-14, 2003, Hanoi, Vietnam, Eds. Hans Georg Bock, Ekaterina Kostina, Hoang Xuan Phu, Rolf Rannacher, Springer 2005, 485-508.

### Dao Quang Tuyen

1. (with Szasz D. ) A Collision Model on the Two Dimensional Square-Lattice, *Z. Wahrs. Gebiete* **31**(1974), 75-77.
2. On the Assymptotic Behaviours of Sequences of Random Variables. *Annales de l'Institut Henri Poincare*, Section B, **XVII**(1981), N<sup>o</sup>1, 63-73.
3. *On the Convergence of Sequences of Dependent Random Variables*. Ph. D. Thesis (A). *Institute of Mathematics of Berlin*, GDR (1986).
4. (with Erdos, L.) Ergodic Properties of the Multi-dimensional Rayleigh Gas with a Semipermeable Barriers. *J. Statist. Phys.* **59**(1990), N<sup>o</sup>5-6, 1589-1602.
5. (with Erdos, L.) Central Limit Theorems for the One-dimensional Rayleigh Gas with a Semipermeable Barriers. *Comm. Math. Phys.* **143**(1992), N<sup>o</sup>3, 451-466.
6. A Minimal Condition for Stochastic Approximation, *Studia Sci. Math. Hungar.* **32**(1996), N<sup>o</sup>1-2, 119-126.
7. A Strong Law for Mixing Random Variables, *Period. Math. Hungar.* **38**(1999), N<sup>o</sup>1-2, 131-136.
8. Autoregressive time series are  $L_p$ -mixingales. *Vietnam J. Math.* **31**(2003), N<sup>o</sup>2, 185-192.
9. Central limit theorems for mixing arrays. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>3, 277-292.

## Do Long Van

1. (with P. D. Dieu) On the languages recognizable by one-dimensional iterative arrays of finite automata. *Elektron. Inf. Kybern.* **10**(1974), 271-285.
2. (with P. D. Dieu) Pushdown automata with many pushdown store-tapes. *Acta Math. Vietnam.* **1**(1976), 47-68.
3. (with V. D. Man) Bemerkungen zu einer Klasse von durch eindimensionale iterative Automaten akzeptierten Sprachen. *Elektron. Inf. Kybern.* **149**(1978), 507-517.
4. (with N.Q. Toan) Quasimodules. *Tap chi Toan hoc* **5**(1977), 28-33 (in Vietnamese).
5. (with N.Q. Toan) Several kinds of subquasimodules. *Tap chi Toan hoc* **5**(1977), 16-26 (in Vietnamese).
6. (with N. Q. Toan) Nilpotent quasimodules. *Tap chi Toan hoc* **6**(1978), 7-14 (in Vietnamese).
7. (with N. Q. Toan) Quasimodules with unique root. *Tap chi Toan hoc* **6**(1978), 16-21 (in Vietnamese).
8. (with N. Q. Toan) Quasimodules I. *Közl.* **21**(1978), 73-84 (in Russian).
9. (with N. Q. Toan) Quasimodules II. *Közl.* **21**(1978), 86-100 (in Russian).
10. On the word and conjugacy problems for some classes of finitely presented groups. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **241**(1978), 1005-1008. *Engl. Trans. in Soviet Math. Dokl.* **19**(1978), 938-941.
11. Problème des mots et de conjugaison pour une classe de groupes de présentation finie. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **292**(1981), 773-776.
12. Codes avec des mots infinis *RAIRO Inform. Théor.* **16**(1982), 371-386.
13. Sous-monoïdes et codes avec des mots infinis. *Semigroup Forum* **26**(1983), 75-87.
14. The word and conjugacy problems for a class of groups with non-homogeneous conditions of small cancellation. *Arch. Math.* **41**(1983), 481-490.
15. Sur les ensembles générateurs minimaux des sous-monoïdes de  $A^\infty$ . *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **300**(1985), 443-446.
16. Ensembles code-compatibles et une généralisation du théorème de Sardinas-patter son. *Theoret. Comput. Sci.* **38**(1985), 123-132.
17. Languages écrits par un code infinitaire - Théorème du défaut. *Acta Cybernet.* **7**(1986), 247-257.
18. Codes infinitaires et automates non-ambigus. *C. R. Acad. Sci. Paris, Série I* **302**(1986), 693-696.
19. (with K. G. Subramanian and R. Siromoney) On ambiguity of DTOL-systems. In: *Lecture Notes in Comput. Sci.* **287**(1987), 3-14.

20. (With R. Siromoney, A. Jeyanthi, K. G. Subramanian) Public-key cryptosystems based on word problem, *Proceedings of the ICOMID Symposium on Mathematics of Computation*, Ho Chi Minh City, 1988, 267-275.
21. (with D. G. Thomas, K. G. Subramanian and R. Siromoney) Bi-infinitary codes. *RAIRO Theor. Inform. Appl.* **24**(1989), 67-87.
22. (with N. H. Lam) On a class of infinitary codes. *RAIRO Theor. Inform. Appl.* **24**(1990), 441-458.
23. (with N. H. Lam) On strict codes. In: *Lecture Notes in Comput. Sci.* **550**(1991), 308-317. *Acta Cybernet.* **10**(1991), 25-34.
24. (with P. T. Huy) Varieties of finite monoids and Büchi-McNaughton theorem. *Theoret. Comput. Sci.* **98**(1992), 321-337.
25. (with B. Le Saëc and I. Litovsky) On coding morphism for zigzag codes. *RAIRO Theor. Inform. Appl.* **26**(1992), 565-580.
26. (with P. T. Huy and I. Litovsky) Which finite monoids are syntactic monoids of rational  $\omega$ -languages. *Inform. Process. Lett.* **42**(1992), 127-132.
27. (With B. Le Saëc, I. Litovsky) A syntactic approach to deterministic  $\omega$ -automata. *Théorie des Automates et Applications*, Rouen, 1992, 133-146.
28. (with B. Le Saëc and I. Litovsky) Stability for the zigzag submonoids. *Theoret. Comput. Sci.* **108**(1993), 237-249.
29. (with N. H. Lam and P. T. Huy) On codes concerning bi-infinite words. *Acta Cybernet.* **11**(1993), 97-109.
30. (With P. T. Huy) Syntactic monoids of  $\omega$ -languages and Eilenberg Theorem for  $\omega$ -languages. *Proceedings of the 17th Symposium on Semigroups, Languages and their Related Fields*, Tokyo, 1993, 1-7.
31. (with N. H. Lam) Measure of infinitary codes. *Acta Cybernet.* **11**(1994), 127-137.
32. (with B. Le Saëc and I. Litovsky) Characterizations of rational  $\omega$ -languages by means of right congruences. *Theoret. Comput. Sci.* **143**(1995), 1-21.
33. (With P. J. Abisha, K. G. Subramanian, D. G. Thomas) Array codes and crypto-systems, *Proceedings of the sixth International Workshop on Parallel Image Processing and Analysis*, Madras, 1999, 291-302.
34. (with P. T. Huy) On non-ambiguous Büchi V-automata. *Proceedings of the Third Asian Mathematical Conference, 2000 (Diliman)*, 224-233, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2002.
35. On a class of hypercodes. *Words, languages & combinatorics, III (Kyoto, 2000)*, 171--182, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2003.

36. (with K. V. Hung and P. T. Huy) Codes concerning roots of words. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>3, 345-359.
37. (with K. V. Hung and P. T. Huy) On some classes of codes defined by binary relations. *Acta Math. Vietnam.* **29**(2004), N<sup>o</sup>2, 163-176.
38. (with I. Litovsky) On a family of codes with bounded deciphering delay. *Lecture Notes Comput. Sci.* **2450**(2003), 369-380.

### Tran Duc Van

1. Apriori estimates for solutions of transmission problems for differential equations of different orders. *Dokl. Acad. Nauk BSSR* **19**(1975), N<sup>o</sup>6, 488-491 (in Russian).
2. (with V. I. Korzuk ) Transmission problems for elliptic systems of differential equations. In: *Proc. of the 1975 Congress of Belorussian Mathematicians*, Minsk, 1975, 54-55 (in Russian).
3. On transmission problems for systems of ordinary differential equations. *Differ. Uravn.* **12**(1976), N<sup>o</sup>8, 1462-1469; English transl.: *Differential Equations* **12**(1976).
4. (with V. I. Korzuk ) Apriori estimates for solutions of transmission problems for differential equations, I. *Izv. Acad. Nauk BSSR, Ser. Math.* **3**(1976), 39-47 (in Russian).
5. (with V. I. Korzuk) Apriori estimates for solutions of transmission problems for differential equations, II. *Izv. Acad. Nauk BSSR, Ser. Math.* **4**(1976), 53-60 (in Russian).
6. *The transmission problems for elliptic systems of partial differential equations*. Ph.D. Thesis, Belorussian State University, 1977, 110 p. (in Russian).
7. Sobolev spaces of infinite order with weights in a layer and solvability of boundary value problem for degenerate nonlinear elliptic equations. *Dokl. Acad. Nauk SSSR* **240**(1978), N<sup>o</sup>4, 794-797. English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **19**(1978), 699-702.
8. Boundary value problems for nonlinear degenerate ordinary differential equations of infinite order. *Differ. Uravn.* **14**(1978), N<sup>o</sup>11, 2002-2011; English transl.: *Differential Equations* **14**(1978).
9. (with V. I. Korzuk ) Normal solvability of transmission problems for elliptic equations. *Izv. Akad. Nauk BSSR, Ser. Math.* **6**(1978), 30-36 (in Russian).
10. (with V. I. Korzuk and Mozolevskii) Transmission problems for some elliptic systems. In: *Proc. of USSR conference on "Theory of Partial Differential equations"*, MGU, Moscow, 1978, 215-217 (in Russian).

11. Solvability of some nonlinear differential equations of infinite order. In: *Proc. of USSR Summer School on Theory of Operator*, Minsk, 1978, 159-160 (in Russian).
12. On nontriviality of Sobolev spaces with weights of infinite order and solvability of boundary value problem for nonlinear equations. *Differ. Uravn.* **15**(1979), N°3, 507-513; English transl.: *Differential Equations*, **15**(1979), 354-358.
13. Some extensions of the theory of quasianalytic classes. *Proc. of Moscow Power Engineering Institute*, **412**(1979), 120-124 (in Russian).
14. Elliptic equations of infinite order with arbitrary nonlinearities and corresponding function spaces. *Math. Sb.*, **113**(155) (1980), N°3, 245-262; English transl.: *Math. USSR Sb.*, **41**(1982), 203-216.
15. A boundary value problem for infinite-order nonlinear ordinary differential equations with rapidly [slowly] increasing coefficients. *Differ. Uravn.* **16** (1980), no. 6, 1037—1046 (in Russian). English transl.: *Differential Equations* **16**(1980).
16. Resolubilité des problemés aux limites pour des équations non linéaires elliptiques d'ordre infini. *C. R. Acad. Sc. Paris* **290**(1980), 501-504.
17. Solvability of boundary value problems for degenerate nonlinear differential equations of infinite order. *Differ. Uravn.* **16**(1980), N°10, 1805-1863; English transl.: *Differential Equations* **16**(1980), 1202-1211.
18. Nontriviality of Sobolev-Orlicz spaces of infinite order in a bounded domain of Euclidean space. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **250**(1980), N°6, 1331-1334; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **21**(1980), 335-338.
19. Traces of functions from Sobolev-Orlicz of infinite order and inhomogenous boundary value problem. *Dokl. Akad. Nauk SSSR* **254**(1980), N°6, 1357-1361; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **22**(1980), 626-630.
20. *The Theory of Nonlinear Differential Equations of Infinite Order and Corresponding Function Spaces*. Dr. Sc. Thesis, Institute of Math., USSR Academy of Sciences, Novosibirsk, 1980, 230 p. (in Russian).
21. On solvability of mixed problem for parabolic equations of infinite order. *Trudy of Sobolev seminars*, Novosibirsk, **2**(1981), 124-130.
22. "Traces" of functions from Sobolev-Orlicz classes of infinite order. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N°2, 97-108.
23. On periodic solution of nonlinear differential equations of infinite order I. *Tạp chí Toán học* **11**(1983), N°1, 18-23 (in Vietnamese).
24. On periodic solution of nonlinear differential equations of infinite order II. *Tạp chí Toán học* **11**(1983), N°2, 1-7 (in Vietnamese).
25. On general transmission problems for overdetermined systems. *Thông báo VKHVN*, 1983, N°2, 66-76.

26. *Nonlinear Differential Equations and Infinite-Order Function Spaces*. Izd. BGU, Minsk, USSR, 1983 (in Russian).
27. Behavior of solutions of boundary value problems with unbounded increase of the order of equations. *Dokl. Acad. Nauk SSSR* **276**(1984), N°2, 305-310; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **29**(1984), 507-510.
28. (with T. N. Minh) Cauchy problems for systems of PDEs with a distinguished variable. *Dokl. Acad. Nauk SSSR* **284**(1985), N°6, 1080-1083; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **32**(1985), 562-565.
29. Differential operators of infinite order. In: *Proc. of the 3rd Congress of Vietnamese Mathematicians*, Hanoi, 1986, Vol. **I**, 53-59 (in Vietnamese).
30. The differential operators of infinite order : Theory and applications I. *Tạp chí Toán học* **14**(1986), N°3, 1-17 (in Vietnamese).
31. The differential operators of infinite order : Theory and applications. *Tạp chí Toán học* **14**(1987), N°4, 1-18 (in Vietnamese).
32. (with N. D. T. Son and D. Zung) Approximately solving Cauchy problems for the wave equation by the method of differential operators of infinite order. *Acta Math. Vietnam.* **13**(1988), 127-136.
33. On Pseudodifferential operators with analytic symbols and applications. In: *Proc. Intern. Symposium "Microlocal Analysis of Differential Equations"*, RIMS, Kyoto, September 27-30 (1988), *Surikaiseikikenkyusho Kokyuroku*, N. 757(1991), 194-213.
34. (with H. H. Bang) On the solvability of differential operators of infinite order in bounded domain. *Dokl. Acad. Nauk SSSR* **305**(1989), N°1, 48-51; English transl.: *Soviet Math. Dokl.* **39**(1989), 268-271.
35. On the pseudodifferential operators with real analytic symbols and their applications. *J. Fac. Sci. Univ. Tokyo*, Sect. IA, **36**(1989), N°3, 803-825.
36. (with L. V. Hap) The uniqueness of solution of infinite order boundary value problems. *Acta Math. Vietnam.* **15**(1990), N°1, 41-54.
37. (with R. Gorenflo and L. V. Hap) Sobolev-Orlicz spaces of infinite order and nonlinear differential equations. *Analysis* **10**(1990), 231-245.
38. (with D. N. Hao and R. Gorenflo) Approximating the solution to the Cauchy problem and the boundary value problem for the Laplace equation. In: *Theory and Practice of Geophysical Data Inversion* (A. Vogel, ed.), 1990, pp. 35-48.
39. (with H. H. Bang and R. Gorenflo) On Sobolev-Orlicz spaces of infinite order for a full Euclidean space. *Analysis* **11**(1991), 67-81.
40. (with T. N. Minh, D. N. Hao and R. Gorenflo) On the Cauchy problems for systems of partial differential equations with a distinguished variable. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **12**(1991), 213-236.
41. (with N. D. T. Son) Uniqueness of global quasi-classical solutions of the Cauchy problem for the equation  $\partial u / \partial t + (\partial u / \partial x)^2 = 0$ . *Tạp chí Toán học* **19**(1991), N°2, 65-71.



42. (with N. D. T. Son) On the uniqueness of global classical solutions of Cauchy problems for Hamilton-Jacobi equations. *Acta Math. Vietnam.* **17**(1992), N°1, 161-167.
43. (with D. N. Hao and R. Gorenflo) Towards the Cauchy problem for the Laplace equation. *Banach Center Publ.* **27**(1992), 111-128.
44. (with D. N. Hao) Pseudodifferential operators with real analytic symbols and approximate methods for PDEs. *Math. Methods Appl. Sci.* **15**(1992), 239-264.
45. (with N. D. T. Son) On the uniqueness of global classical solutions of the Cauchy problem for first-order nonlinear partial differential equations. *Acta Math. Vietnam.* **18**(1993), 127-136.
46. (with N. D. T. Son) Uniqueness of global quasi-classical solutions of the Cauchy problem for first-order nonlinear partial differential equations. In: *Proc. of the Inter. Conference on "Qualitative Aspects and Applications on Nonlinear Evolution Equations"*, 3-14 May 1993, ICTP, Trieste, Italy, World Scientific, pp. 207-212.
47. (with N. D. Liem) Minimax solutions of the Cauchy problems for systems of first-order nonlinear differential equations. *Tap chí Toán học* **22**(1994), 104-108.
48. (with N. D. Liem) Existence of global minimax solutions of the Cauchy problem for systems of first-order nonlinear differential equations. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), N°2, 121-135.
49. (with N. D. T. Son) Uniqueness of global quasi-classical solutions of the Cauchy problem for first-order nonlinear partial differential equations. *Differ. Uravn.* **30**(1994), 712-719; English transl.: *Differential Equations* **30**(1994), 659-666.
50. (with N. Hoang and N. D. T. Son) On the explicit representation of global solution of the Cauchy problem for Hamilton-Jacobi equations. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), N°2, 111-120.
51. (with N. D. T. Son) On a class of Lipschitz continuous functions of several variables. *Proc. Amer. Math. Soc.* **121**(1994), 865-870.
52. (with D. N. Hao) *Differential Operators of Infinite Order with Real Arguments and Their Applications*. World Scientific Publ., 1994, 240 p.
53. Global quasi-classical solutions of the Cauchy problems for nonlinear partial differential equations of first order. In: *Proc. of the Inter. Workshop on Inverse Problems*, Ho Chi Minh City, 17-19 January, 1995, pp. 186-195.
54. (with N. Hoang) On the representation of Lipschitz functions of the Cauchy problems for Hamilton-Jacobi equations. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), 118-122.
55. (with N. D. T. Son and N. D. Liem) Minimax solutions of first order nonlinear partial differential equations with time-measurable

- Hamiltonians. In: *World Sci. Series in Applicable Anal.* **4**(1995), 415-435.
56. (with N. Hoang and R. Gorenflo) Existence of global quasi-classical solutions of Cauchy problems for Hamilton-Jacobi equations. *Differ. Uravn.* **31**(1995), 672-676 (in Russian).
57. (with L. V. Hap) Uniqueness of global quasi-classical solutions of the Cauchy problem for some systems of first-order nonlinear partial differential equations. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), 346-351.
58. (with M. D. Thanh and N. Hoang) On the representation of Lipschitz global solutions of the Cauchy problem for Hamilton-Jacobi equations. In: *Proc. of Intern. Conference on Appl. Anal. & Mech. of Cont. Media*, Ho Chi Minh City (12/1995), 428-436.
59. (with N. S. Minh and N. S. A. Tuan) The space of exponential functions associated with a class of differential operators and applications. In: *Proc. of Intern. Conference on Appl. Anal. & Mech. of Cont. Media*, Ho Chi Minh City (12/1995), 268-281.
60. (with N. Hoang) On the existence of global solutions of the Cauchy problem for Hamilton-Jacobi equations. *SEA Bull. Math.* **20**(1996), 81-88.
61. (with N. D. T. Son and N. D. Liem) Minimax solutions for some systems of first-order nonlinear partial differential equations with time-measurable hamiltonian. In: *Proceeding of "Structure of Solutions of Differential Equations"*, Katata/Kyoto, 1995 (edited by M. Morimoto and T. Kawai), 499-511, *World Sci. Publishing*, 1996.
62. (with N. Hoang and Mikio Tsuji) On Hopf's formulas for Lipschitz solutions of Cauchy problems for Hamilton-Jacobi equations. *Nonlinear Anal.* **29**(1997), N<sup>o</sup>10, 1145-1159.
63. (with N. D. T. Son and N. D. Liem) Minimax solutions for monotone systems of first order nonlinear partial differential equations with time-measurable Hamiltonian. *Funkcial. Ekvac.* **40**(1997), 185-214.
64. (with N. D. T. Son and L. V. Hap) Partial differential inequalities of Haar type and their applications, to the uniqueness problem. *Vietnam J. Math.* **26:1**(1998), 1-28.
65. (with M. D. Thanh and R. Gorenflo) A Hopf-type formula for  $\partial u/\partial t + H(t, u, Du) = 0$ . *Vietnam J. Math.* **26**(1998), 385-389.
66. (with L. V. Hap and N. D. T. Son) On some differential inequalities and the uniqueness of global semiclassical solutions to the Cauchy problem for weakly-couple systems. *J. Inequal. Appl.* **2**(1998), 357-372.
67. (with N. Hoang and N. D. T. Son) Explicit global Lipschitz solutions to first order nonlinear partial differential equations. *Vietnam J. Math.* **27**(1999), 93-114.

68. (with M. Tsuji and N. D. T. Son) *The characteristic method and its generalizations for first-order nonlinear partial differential equations*. Chapman & Hall / CRC, Monographs and Surveys in Pure and Applied Mathematics, 101. Boca Raton-London-New York-Washington, D. C., 1999, 256p.
69. *Partial Differential Equation I (in Vietnamese) – Phương trình vi phân đạo hàm riêng, Tập I*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, 255 trang.
70. (with M. D. Thanh) The Oleinik-Lax-type formulas for multi-time Hamilton-Jacobi equations. *Adv. Math. Sci. Appl.* **10**(2000), N<sup>o</sup>1, 239-264.
71. (with M. D. Thanh) On explicit viscosity solutions to nonconvex-nonconcave Hamilton-Jacobi equations. Dedicated to Pham Huu Sach on the occasion of his sixtieth birthday. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N<sup>o</sup>3, 395-405.
72. *Partial Differential Equation II (in Vietnamese) – Phương trình vi phân đạo hàm riêng, Tập II*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, 250 trang.
73. (with M. D. Thanh and N. H. Tho) On Lax-Oleinik-type formulas for weak solutions to scalar conservation laws. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>2, 195-200.
74. (with T. V. Bang) Good solutions of fully nonlinear parabolic equations, *Sel. J. Appl. Math.* **3**(2002), N<sup>o</sup>1, 100-111.
75. (with N. H. Tho) Hopf-type estimates for solutions to Hamilton-Jacobi equations with concave-convex initial data. *Electron. J. Differential Equations* 2003, N<sup>o</sup>59, 11 p. (electronic).
76. Hopf-Lax-Oleinik-type formulas for viscosity solutions to some Hamilton-Jacobi equations. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>3, 241-275.
77. *Theory of partial differential equations (in Vietnamese) – Lý thuyết phương trình vi phân đạo hàm riêng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, 436 trang.
78. *Hopf-Lax-Oleinik type formulas for Hamilton-Jacobi equations*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, 280p. (in Vietnamese).

### Nguyen Huy Viet\*

1. Some fixed point theorems for nowhere normal-outward mappings. *Acta Math. Vietnam.* **7**(1982), N<sup>o</sup>2, 59-66.
2. Fixed point theorems for random multivalued mappings. *Mat. Zametki* **38**(1985), 257-264 (in Russian).
3. Fixed point theorems for multivalued mappings in subsymmetrizable topological spaces. *Vestnik. Moskov. Univ., Ser I. Mat. Mekh.* **4**(1986), 69-71 (in Russian).

4. Fixed point theorems for random operators of contraction type without hypotheses of continuity. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), N<sup>o</sup>1, 79-86.

### Nguyen Khac Viet

1. The minimal model of the Fermat curve. In: *Proc. of the All-Union XIX Conference on Algebra*, Lvov, September 1987, Part II, 97-102 (in Russian).
2. The special fibre of the Fermat curve. In: *Collected Questions of Algebra, Geometry and Discrete Mathematics*, Moscow, 1988, 94-95 (in Russian).
3. On the action of automorphism groups on regular models of algebraic curves. In: *Proc. of the All-Union Conference on Algebraic Geometry*, Yaroslavl, February 1988, 247-255 (in Russian).
4. On minimal models of algebraic curves. *Matem. Sb.* **180**(1989), N<sup>o</sup>5, 625-634 (in Russian).
5. On the automorphisms of the Fermat curve. *Vestnik Mosk. Univ.* 1989, N<sup>o</sup>4, 23-26 (in Russian).
6. *Minimal Models of Algebraic Curves over Global Fields*. Ph. D. Thesis, Moscow State University, 1989.
7. A complete proof of Beauville's Conjecture. *Tap chí Toán học* **22**(1994), N<sup>o</sup>3-4, 114-116.
8. On Beauville's conjecture and related topics. *J. Math. Kyoto Univ.* **35**(1995), N<sup>o</sup>2, 37-60.
9. Une amélioration de l'inégalité de la classe canonique. In: *Actes du Séminaire Franco-Vietnamien sur l'Analyse Pluricomplexe et la Topologie des Singularités*, Dalat, 1994, Vietnam J. of Math., Special Issue(1995), 193-198.
10. Some New Results on Higher Genus Fibrations of Curves. *Proceedings of the Conference on "Singularity of Hypersurface, Fundamental Group and Finite Covering"*, October 2-6, 1995, Tokyo, 77-86.
11. Class Numbers,  $d$ -Gonality of Modular Curves and Bounding Torsions, *Proceedings of the Algebraic Geometry Symposium*, Sendai, January 16-19, 1996, 111-118 (1996).
12. (with M.-H. Saito)  $d$ -Gonality of Modular Curves and Bounding Torsions of Elliptic Curves, *Kyoto-Math* 96-07, *Kyoto University*, 96-07, 16 p. (1996).
13. Modular Curves: a Contact Point of Arithmetic, Group Theory and Geometry. *Abstracts of Colloquium in Mathematics*, Kyoto Univ. (1996), 4-6.
14. On Upper Bounds of Virtual Mordell-Weil Ranks. *Osaka J. Math.* **34**, 1(1997), 101-114.

15. On Classification of Elliptic Fibrations with Small Number of Singular Fibres over a Base of Genus 0 and 1. *Proc. Japan Acad.* **73A**(1997), 103-104.
16. On the Classification of Elliptic Fibrations with Small Number of Singular Fibres over a Base of Genus 1. *UMN* **52**(1997), N<sup>o</sup>6, 175-176.
17. A Remark on Semi-Stable Fibrations over  $\mathbf{P}^1$  in Positive Characteristic. *Comp. Math.* **112**(1998), 41-44.
18. Semi-Stable Elliptic Fibrations with Small Number of Singular Fibres over a Base of Genus 0 and 1. *Vestnik of Mosk. Univ.* (1998), N<sup>o</sup>1, 66-68.
19. On Families of Curves over  $\mathbf{P}^1$  with Small Number of Singular Fibres. *C. R. Acad. Sci. Paris* **326**(1998), Série I, 459-463.
20. Geometry of Families of Algebraic Curves, Dr. Sc. Dissertation. *Moscow State Univ.* 287 p., 1998.
21. Non-Semi-Stable Arakelov Bound and Hyperelliptic Szpiro Ratio for Function Fields. *Proc. Amer. Math. Soc.* **127**(1999), N<sup>o</sup>11, 3125-3130.
22. Extremal Elliptic Fibrations and Singular  $K3$  Surfaces. *Tokyo J. Math.* **22**(1999), N<sup>o</sup>2, 415-424.
23. (with M.-H. Saito) On Mordell-Weil Lattices of Non-Hyperelliptic Type on Surfaces with  $p_g=q=0$ . *Doklady RAN* **364**(1999), N<sup>o</sup>5, 596-598.
24. On certain Mordell-Weil lattices of hyperelliptic type on rational surfaces. Algebraic geometry, 10. *J. Math. Sci. (New York)* **102**(2000), N<sup>o</sup>2, 3938-3977.
25. (with S-i. Yamada) On  $d$ -gonality of Drinfeld prime  $d$  modular curves and strong uniform boundedness conjecture. *Proc. Japan Acad. Ser. A Math. Sci.* **77**(2001), N<sup>o</sup>7, 126-129.
26. (with M.-Kh. Saito) On Mordell-Weil lattices for nonhyperelliptic fibrations of surfaces with zero geometric genus and irregularity. (Russian) *Izv. Ross. Akad. Nauk Ser. Mat.* **66**(2002), N<sup>o</sup>4, 137-154; *English transl.: Izv. Math.* **66**(2002), N<sup>o</sup>4, 789-805.
27. Modular curves and some related issues. In: *Algebraic geometry in East Asia (Kyoto, 2001)*, 187--204, *World Sci. Publishing, River Edge, NJ*, 2002.
28. Imaginang Euclidean Quadratic Fields and Gyptographic Applications I. In: *Proceedings Inter. Symposium "Algebraic Curves and Gyptography"*, Tokyo 26/8-2/9/2002, 2003.

### Ha Huy Vui

1. (with P. N. Khiajev ) A weak convergence of operators. *Isvestia Acad. Nauk SSR* (1975), 23-27.

2. (with N. T. Cuong, N. H. Duc and N. S. Minh) Sur les germes de fonctions infiniment determines. *C. R. Acad. Sci. Paris*, serie A, **285**(1977),1045-1048.
3. (with N. T. Cuong, N. H. Duc and N. S. Minh), A rostkax beskonechnoi opredelenosti. *Acta Math. Vietnam.* **3**(1978), N<sup>o</sup>1, 43-50.
4. Sur les points d'optimum de Pareto local à determination finie ou infinie. *C. R. Acad. Sci. Paris Serie A*, **290**(1980), 685-688.
5. Sur les points d'optimum de Pareto local de determination finie ou infinie. *Acta Math. Vietnam.* **6**(1981), N<sup>o</sup>1, 71-77.
6. Minimum de Pareto locaux. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1, **294**(1982),329-331.
7. (with D. T. Le) Sur la topologie des polynomes complexes. *Acta Math. Vietnam.* **9**(1984), N<sup>o</sup>1, 21-32.
8. (with L. A. Nguyen) Le comportement geometrique a l'infini des polynomes de deux variables complexes. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1, **309**(1989), 183-186.
9. Sur la fibration globale des polynomes de deux variables complexes. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1, **309**(1989), 231-234.
10. Nombres de Lojasiewicz et singularites a l'infini des polynomes de deux variables complexes. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1 **311**(1990), 429-432.
11. Sur l'irregularite du diagramme splice pour l'entrelacement a l'infini des courbes planes. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1, **313**(1991),277-280.
12. A formula for Lojasiewicz numbers and a new characterization of the irregularity at infinity of algebraic plane curves. *Vietnam J. Math.* **19**(1991), N<sup>o</sup> 2, 72-82.
13. A version at infinity of the Kuiper- Kuo theorem. *Acta Math. Vietnam.* **19**(1994), N<sup>o</sup>2, 3-12.
14. (with N. V. Dung) The fundamental group of complex hyperplanes arrangements. *Acta Math. Vietnam.* **20**(1995), N<sup>o</sup>1, 31-41.
15. La formule de Picard-Lefschetz affine. *C. R. Acad. Sci. Paris*, Serie 1, **321**(1995), 747-750.
16. (with P. Cassou-Nogues) Sur le nombre de Lojasiewicz a l'infini d'un polynome. *Annales Polonici Mathematici*, LXII.1(1995), 23-44.
17. (with A. Zaharia) Families of polynomials with total Milnor number constant. *Math. Ann.* **304**(1996), 481-488.
18. (with P. Cassou-Nogues) Theoreme de Kuiper-Kuo-Bochnak-Lojasiewicz a l'infini. *Ann. Sci. Toulouse*, Serie 6, Vol **5**, Fascicule **3**(1996), 387-406.
19. (with T. S. Pham) Invariance of the global monodromies in families of polynomials of two complex variables. *Acta Math. Vietnam.* **22**(1997), N<sup>o</sup>2, 515-526.
20. (with T. S. Pham) Remark on the equisingularity of families of affine plane curves. *Ann. Polonici Math.* **LXVIII.3**(1998), 273-280.

21. (with T. S. Pham) On the topology of families of affine plane curves. *Ann. Polonici Math.* **LXXI.2**(1999), 129-139.
22. Infimum of polynomials and singularity at infinity. *From local to global optimization (Rimfors, 1997)*, 187-204, Nonconvex Optim. Appl., 53, Kluwer Acad. Publ., Dordrecht, 2001.
23. Milnor number of positive polynomials. *Vietnam J. Math.* **30**(2002), N<sup>o</sup>4, 413-416.
24. (with P. T. Son) Newton-Puiseux approximation and  $L$  ojasiewicz exponents. *Kodai Math. J.* **26**(2003), N<sup>o</sup>1, 1-15.
25. Degree of  $C^0$ -sufficiency of an analytic germ with respect to a principal ideal. *Vietnam J. Math.* **32**(2004), N<sup>o</sup>1, 13-19.

### Nguyen Dong Yen

1. (with P. H. Dien) A remark on the Clarke tangent cone. *Acta Math. Vietnam.* **10**(1985), N<sup>o</sup>1, 144-147.
2. Local controllability for Lipschitzian discrete-time systems. *Acta Math. Vietnam.* **11**(1986), N<sup>o</sup>2, 172-179.
3. Implicit function theorems for set-valued maps. *Acta Math. Vietnam.* **12**(1987), N<sup>o</sup>2, 17-28.
4. (with T. C. Dieu) On local controllability of nondifferentiable discrete-time systems with nonconvex constraints on controls. *Optimization* **20**(1989), 189-199.
5. (with P. H. Dien) On differential estimations for marginal functions in mathematical programming problems with inclusion constraints. In: *Lecture Notes in Control and Information Sciences*, Springer Verlag, Berlin, **143**(1990), 244-251.
6. (with P. H. Dien) On implicit function theorems for set-valued maps and their application to mathematical programming under inclusion constraints. *Appl. Math. Optim.* **24**(1991), 35-54.
7. (with P. H. Quang) New proof for a theorem of F. Giannessi. *J. Optim. Theory Appl.* **68**(1991), 385-387.
8. (with B. D. Craven, P. H. Sach and T. D. Phuong) A new class of invex multifunctions. In: *Nonsmooth Optimization: Methods and Applications*, (F. Giannessi, Ed.), Gordon and Breach, London, 1992, 52-69.
9. (with P. H. Sach) On locally Lipschitz vector-valued invex functions. *Bull. Austral. Math. Soc.* **47**(1993), 259-271.
10. (with P. H. Sach and B. D. Craven) Generalized invexity for multifunctions and duality theories. *Numer. Funct. Anal. Optim.* **15**(1994), 131-153.

11. (with G. Mastroeni and M. Pappalardo) Image of a parametric optimization problem and continuity of the perturbation function. *J. Optim. Theory Appl.* **81**(1994), 193-202.
12. On a class of discontinuous vector-valued functions and the associated quasi-variational inequalities. *Optimization* **30**(1994), 197-203.
13. On an existence theorem for generalized quasi-variational inequalities. *Set-Valued Anal.* **3**(1995), 1-10.
14. Hölder continuity of solutions to a parametric variational inequality. *Appl. Math. Optim.* **31**(1995), 245-255.
15. On G-semidifferentiable functions in Euclidean spaces. *J. Optim. Theory Appl.* **85**(1995), 377-392.
16. A mean value theorem for semidifferentiable functions. *Vietnam J. Math.* **23**(1995), 221-228.
17. (with T. D. Phuong and P. H. Sach) Strict lower semicontinuity of the level sets and invexity of a locally Lipschitz function. *J. Optim. Theory Appl.* **87**(1995), 579-594.
18. (with W. Oettli) Continuity of the solution set of homogeneous equilibrium problems and linear complementarity problems, In: *Variational Inequalities and Network Equilibrium Problems* (F. Giannessi and A. Maugeri, Eds.), Plenum Press, New York, 1995, 225-234.
19. Lipschitz continuity of solutions of variational inequalities with a parametric polyhedral constraint. *Math. Oper. Research* **20**(1995), 695-708.
20. (with W. Oettli) Quasicomplementarity problems of  $R_0$  type. *J. Optim. Theory Appl.* **89**(1996), 467-474.
21. (with W. Oettli) An example of a bad quasicomplementarity problem. *J. Optim. Theory Appl.* **90** (1996), 213-215.
22. Stability of the solution set of perturbed nonsmooth inequality systems and application. *J. Optim. Theory Appl.* **93**(1997), 199-225.
23. (with P. H. Sach) Convexity criteria for set-valued maps. *Set-Valued Anal.* **5** (1997), 37-45.
24. (with G. M. Lee) Solution sensitivity of a class of variational inequalities. *J. Math. Anal. Appl.* **215**(1997), 48-55.
25. (with P. Cubiotti) A result related to Ricceri's conjecture on generalized quasi-variational inequalities, *Arch. Math.* **69**(1997), 507-514.
26. (with G. M. Lee, D. S. Kim and B. S. Lee) Vector variational inequality as a tool for studying vector optimization problems. *Nonlinear Anal.* **34**(1998), 745-765.
27. (with N. N. Tam) Continuity properties of the Karush-Kuhn-Tucker point set in quadratic programming problems. *Math. Programming* **85**(1999), 193-206.



28. (with N. N. Tam) Stability of the Karush-Kuhn-Tucker point set in a general quadratic programming problem. *Vietnam J. Math.* **28**(2000), N°1, 67-79.
29. (with G. M. Lee) On monotone and strongly monotone vector variational inequalities. In: "*Vector Variational Inequalities and Vector Equilibria. Mathematical Theories*", F. Giannessi, Ed., Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, 2000, 467-478.
30. (with T. D. Phuong) Connectedness and stability of the solution set in linear fractional vector optimization problems. In: "*Vector Variational Inequalities and Vector Equilibria. Mathematical Theories*", F. Giannessi, Ed., Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, 2000, 479-489.
31. (with G. M. Lee) Some remarks on the elliptic regularization method, In: "*Fixed Point Theory and Applications*", Y. J. Cho, Ed., Nova Science Publishers, New York, 2000, 127-134.
32. (with Hoang Xuan Phu) On the stability of solutions to quadratic programming problems. *Math. Program.* **89**(2001), N°3, 385-394.
33. (with G. M. Lee) A result on vector variational inequalities with polyhedral constraint sets. *J. Optim. Theory Appl.* **109**(2001), N°1, 193-197.
34. (with B. T. Kim) Linear operators satisfying the assumptions of some generalized Lax-Milgram theorems. *Acta Math. Vietnam.* **26**(2001), N°3, 407-417.
35. (with N. X. Hung) A criterion for the compactness of the solution set of a linear complementarity problem. In: "*Fixed point theory and applications*". Vol. 2 (Y. J. Cho, J. K. Kim and S. M. Kang, Eds.), *Nova Sci. Publ., NY*, 2001, 135-141.
36. (with N. Q. Huy and T. D. Phuong) On the contractibility of the efficient and weakly efficient sets in  $\mathbb{R}^2$ , in "*Equilibrium problems and variational models*" (P. Daniele, F. Giannessi and A. Maugeri, Eds.), *Kluwer Acad. Publ.*, 2003, 265-279.
37. On a problem of B. Ricceri on variational inequalities, in "*Fixed point theory and applications*". Vol. 5 (Y. J. Cho, J. K. Kim and S. M. Kang, Eds.), *Nova Sci. Publ., NY*, 2004, 163-173.
38. (with G. M. Lee and N. N. Tam) Some recent results on quadratic programs and affine variational inequality problems under linear perturbations, in "*Fixed point theory and applications*". Vol. 5, (Y. J. Cho, J. K. Kim and S. M. Kang, Eds.), *Nova Sci. Publ., NY*, 2004, 59-77.
39. (with V. Jeyakumar) Solution stability of nonsmooth continuous systems with applications to cone-constrained optimization. *SIAM J. Optim.* **14**(2004), 1106-1127.
40. (with N. Q. Huy) Remarks on a conjecture of J.-Benoist. *Nonlinear Anal. Forum* **9**(2004), 109-117.

41. (with N. Q. Huy) Contractibility of the solution sets in strictly quasiconcave vector maximization on noncompact domains. *J. Optim. Theory Appl.* **124**(2005), 615-635.
42. (with G. M. Lee and N. N. Tam) *Quadratic Programming and Affine Variational Inequalities: A Qualitative Study*, Series: "Nonconvex Optimization and its Applications", Vol. **78**, XIV + 345 p., Springer Verlag, 2005.